Truyện Tranh

LỊCH SỬ
PHẬT THÍCH CA

Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo Việt Nam ***thực hiện***
Thế Giới Phật Giáo .org ***(quốc tế) ấn tống với Bản Quyền***

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Truyện Tranh

LỊCH SỬ

PHẬT THÍCH CA

Lời: LÝ THÁI THUẬN
Tranh: TRƯƠNG QUÂN

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC



Phần thứ nhất 11

Từ Thái tử Tất-Đạt-Đa đến Phật Thích-Ca

(Từ năm 624 đến năm 589 trước Tây lịch)

1. Thái tử Tất-Đạt-Đa ra đời 13
2. Trong nhung lụa 21
3. Đêm xuất gia 35
4. Sa môn Gotama gặp vua Tần-bà-sa 47
5. Sáu năm khổ hạnh 63

6. Sa môn Gotama thành Phật 73
7. Cuộc chiến đấu trước giờ thành đạo 78
8. *Bản đồ 1. THEO DẤU CHÂN PHẬT : Từ sơ sinh đến thành đạo* 86



Phần thứ nhì 89

Phật Thích-Ca thành lập giáo hội

(Năm 589 tr. Tây lịch)

1. Phật do dự trước khi truyền đạo 91
2. Phật giảng bài pháp đầu tiên ở Vườn Nai 97
3. Bài pháp *Tứ Diệu đế* 105
4. Con đường Bát chánh đạo và các ngành nghề 109
5. Phật độ cho Yasa và các bạn của chàng 111

6. Phật an cư mùa mưa đầu tiên tại vườn Lộc Uyển 119
7. Đoàn tăng sĩ thuyết pháp đầu tiên 123
8. Ba mươi thanh niên giác ngộ 129
9. Ba ông Ca-diếp quy y Phật 133

Phần thứ ba 149

Bốn mươi lăm năm hoằng pháp

(589-544 tr. Tây lịch)



Hai mươi năm hoằng pháp đầu tiên 151

(589-569 tr. Tây lịch)

1. Vua Tần-bà-sa quy y tam bảo 151
2. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên 159
3. Phật trở về cố hương lần thứ nhất 161
4. Phật và gia đình 169
5. Upali, người thợ cắt tóc và 6 thanh niên dòng họ Thích-Ca 187

6. Gia phả của Thái tử Siddhatta 194
7. *Bản đồ 2. THEO DẤU CHÂN PHẬT : Từ thành đạo tới lúc trở về cố hương lần thứ nhất* 196
8. Phật và ông Đại Ca-diếp 198
9. Phật và quan ngự y Jivaka 199
10. Phật và triệu phú Cấp-Cô-Độc 208

11. Vua Ba-tư-nặc quy y tam bảo 209
12. Sunita, người gánh phân 222
13. Tôn giả A-nan trấn áp bệnh dịch hạch 233
14. Phật trở về cố hương lần thứ nhì 237
15. Giáo hội tỷ kheo ni 242

16. *Bản đồ 3. THEO DẤU CHÂN PHẬT. Từ lúc Phật cứu hạn tại Licchavi tới lúc trở về cố hương lần thứ nhì* 244
17. Phật bị xua đuổi tại Kosambi 245
18. Cái ghè nước ở Kosambi 258
19. Phật và người điền chủ Bà-la-môn Bharadvaja 264
20. Nạn đói trong năm 578 trước Tây lịch 268

21. Phật và La-hầu-la 271
22. Phật và nữ cư sĩ Visakha 272
23. Phật trở về cố hương lần thứ ba (hoà giải 2 họ Nội, Ngoại) 273
24. Phật thu phục quỷ Dạ Xoa Alavaka 274
25. Phước điền y 277

26. Phật và tôn giả A-nan 278
27. Phật và tướng cướp Angulimala 279
28. Phật và nhà trí thức Upali 290
29. Phật và cô Sundary 297
30. Phật và cô Cinca 304



Mười năm cuối cùng đầy sóng gió 310
(554-544 tr. Tây lịch)

1. Phật và Đề-bà-đạt-đa 311
2. Phật và vua A-xà-thế 332
3. Cuộc thảm sát dòng họ Thích-Ca 344



Phần thứ tư 363

Phật nhập Niết-bàn
(544 tr. Tây lịch)

1. Cuộc hành trình cuối cùng 365
2. Dĩa nấm độc 385
3. Phật nhập Niết-bàn 392
4. Lễ trà tỳ 406
5. *Bản đồ 4. THEO DẤU CHÂN PHẬT: Chuyến đi cuối cùng* 414

6. *Bản đồ 5. THEO DẤU CHÂN PHẬT: 45 mùa an cư kiết hạ* 416
7. Bảng tóm lược cuộc đời Đức Phật Thích Ca 418
8. Các hội nghị kết tập kinh điển trong lịch sử Phật giáo 420
9. Bảng tóm lược Các hội nghị kết tập kinh điển 424

Ghi chú 425
Tài liệu tham khảo 426

8

Chép sách giùm bạn

Truyện Tranh LỊCH SỬ PHẬT THÍCH CA là chuyện kể về đời một danh nhân, một ông hoàng vương giả, đã tự mình tìm ra pháp Bất Sanh Bất Diệt và trở thành bậc Thánh ngay giữa lòng nhân sinh cách đây trên 26 thế kỷ.

Từ đó đến nay tuy cuộc sống đã có nhiều đổi thay nhưng đời sống, nhân cách và tư tưởng của Ngài vẫn là ánh sáng, niềm tin trong tâm hồn của những người yêu Chân, Thiện.

Chuyển biến lớn nhất trong đời Thái tử Tất Đạt Đa là nhận ra các nỗi khổ đau của con người, mà từ đó Ngài cương quyết từ bỏ vương quyền thế tục cũng như đời sống tại gia, để dấn thân vào cuộc hành trình tu tập, tìm cách giải thoát : một cuộc thoát ly đầy gian nan, đầy thử thách và đơn độc.

Rồi khi đã đắc đạo, Ngài trở lại với xã hội để truyền bá đạo pháp thì lại gặp những trở ngại khác : bên trong Giáo hội, bên ngoài ngoại đạo. Những nghịch cảnh và thuận cảnh đan xen nhau tạo thành một chuỗi sự kiện khiến cho lịch sử của bậc Đạo sư thêm phong phú và kỳ bí.

*
* *

Trong quyển **Truyện tranh Lịch sử Phật Thích Ca** này :

— Chúng tôi cố gắng ghi chép cuộc đời của Đức Phật *theo dòng thời gian.*

— Nhưng *làm sao có thể chép đủ mọi chi tiết đã xảy ra trong đời Ngài* : Từ năm 624 trước Tây lịch tới nay, hơn 2600 năm đã trôi qua ! Những lần kết tập kinh điển không sao xoá hết các chỗ dị biệt. Rồi khi chép kinh trên lá bối thì lại bị tam sao thất bổn. Thêm vào đó, người Đông phương xưa khi viết lại cuộc đời Đức Phật, thường chỉ chú trọng đến ý nghĩa của sự kiện hơn là bản thân sự kiện đó, nên ngày nay chung quanh các câu chuyện về cuộc đời Ngài có nhiều nét thần bí. Tuy nhiên, có điều rất đáng mừng là : *những nét chánh của cuộc đời Ngài thảy đều được ghi lại giống nhau trong mọi quyển kinh, sách Phật.*

— *Với 5 bản đồ,* sách sẽ giúp bạn theo dõi các bước chân của Phật trên vùng Đông Bắc Ấn Độ.

Tóm lại, tuy quyển truyện tranh này không làm bạn hài lòng hoàn toàn, **nhưng với nó, bạn chỉ cần bỏ ra vài giờ đồng hồ là có thể hiểu được cuộc đời Đức Phật.**

Trong việc **chép sách giùm bạn**, chắc chắn chúng tôi còn vướng nhiều sai sót. Chúng tôi mong nhận được những lời chỉ dạy quý báu của quý vị độc giả.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 - 4 - 1999
Cư sĩ Lý Thái Thuận

Phần thứ nhất

Từ Thái tử Tất Đạt Đa *đến* Đức Phật Thích Ca

(Năm 624 – 589 trước Tây lịch)

1. Thái tử Tất-Đạt-Đa ra đời



Vào giữa thế kỷ thứ VII trước Tây lịch, ông *Suddhodana** lên làm vua nước Sakya[1] nằm về phía Nam của dãy núi Hy-mã-lạp-sơn. Kinh đô là Ca-tỳ-la-vệ.

* Suddhodana có nghĩa là *người trồng lúa sạch*. Trung Hoa dịch nghĩa chữ Suddhodana là *Tịnh-Phạn*.

1. Xem ghi chú ở trang 20.

Một đêm cuối tháng 7 năm 625 trước Tây lịch, hoàng hậu *Maha Maya** nằm chiêm bao, thấy con bạch tượng 6 ngà từ trên không gian hạ xuống hoàng cung rồi xuyên qua hông phải, đi vào trong người bà.



Bà giật mình thức dậy, lo lắng, kể lại giấc mơ cho vua nghe. Đến sáng, vua mời các Bà-la-môn** tới, nhờ đoán mộng.



* *Maha :* đại, lớn ; *Maya :* huyễn, ảo (thấy đó mất đó).

** Thuở ấy, giai cấp Bà-la-môn là giai cấp đứng đầu trong xã hội Ấn Độ. Các "tăng lữ" của Bà-la-môn nắm giữ *việc tế lễ*.



Chín tháng sau, hoàng hậu lên đường về quê mẹ* chờ ngày sanh nở. Khi đi ngang qua vườn **Lâm-tỳ-ni**[1], bà ra lệnh cho đoàn xe ngừng lại, để bà vào đó nghỉ mệt.



Hoàng hậu bước chầm chậm về phía cây đại thọ có tàn lá sum suê ; lúc đi ngang qua một cây Vô Ưu**, bà thấy trong người "nặng nề", liền đưa tay vịn vào một cành thấp.

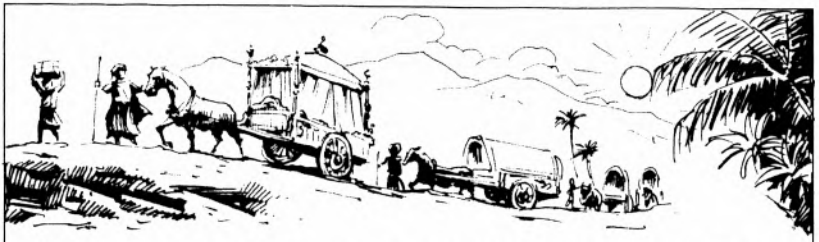
* Nước Koliya. Thời đó, phụ nữ có mang thường về quê mẹ để sanh nở.
** Cây "Không lo rầu", một loại cây mọc nhiều ở Ấn Độ.
1. Các địa danh có số Á-rập đi kèm theo đều có ghi trong *bản đồ I :* **Theo dấu chân Phật, từ sơ sinh đến thành Đạo**, trang 86 và 87.



Liền đó bà hạ sanh* một hoàng tử. Các thị nữ mừng rỡ, lăng xăng săn sóc hai mẹ con bà, đồng thời cho người về kinh đô báo tin. *Hôm đó là ngày rằm tháng tư âm lịch, năm 624 trước Tây lịch.***

* Hoàng hậu Maha Maya *sanh con trong lúc đứng* (phong tục thời đó).

**Theo *Phật sử Tích Lan* và *theo quyết định của Hội Phật giáo Thế giới* qua tham cứu nhiều nguồn sử liệu khác nhau.



Nhà vua sai người đi rước hoàng hậu và hoàng tử. Thế là những chiếc xe ngựa lại vang lên tiếng lọc cọc trên quãng đường gập ghềnh, đầy bụi mù và nắng gió... khiến cho người phụ nữ mới sanh càng yếu sức hơn.



Khi biết tin THÁI TỬ RA ĐỜI, dân chúng rất hân hoan, kéo nhau về **Ca-tỳ-la-vệ**[2], chúc mừng hoàng gia.



Tận trên vùng núi Tuyết* xa xôi, *đạo sĩ Asita*** cũng thấy lòng nôn nao, bèn nhanh chóng "hạ sơn".

* Núi Hy-mã-lạp-sơn.

** Asita có nghĩa là *trường thọ*. Ông này có nước da ngăm đen nên còn có biệt hiệu là *Bất Bạch*. Asita dịch âm là *A-tư-đà*.


Đạo sĩ cẩn thận xem tướng của *hài nhi 3 ngày tuổi*. Môi ông luôn nở một nụ cười, nhưng đôi mắt lại thoáng buồn.
Vì sao tôn giả vừa vui lại vừa buồn ?
Tôi vui vì biết ngày sau Thái tử sẽ đi tu và đắc đạo. Còn buồn vì thấy mình không sống tới ngày đó.



Hai ngày sau, tám vị Bà-la-môn (người trẻ nhất, là Kiều-trần-như) cử hành lễ đặt tên* cho Thái tử : Siddhatta**.



Lúc bấy giờ, hoàng hậu đã kiệt sức rồi. Vào ngày thứ 7, bà mệnh chung.

* Theo phong tục thời bấy giờ.

** Siddhatta có nghĩa là *người được toại nguyện*. Siddhatta dịch âm là Tất Đạt Đa.



Vua Tịnh Phạn thương tiếc khôn nguôi, nhưng vì phải có người chăm sóc Thái tử, nên Ngài đưa em gái của hoàng hậu* lên ngôi chánh hậu.

* Bà Maha Pajapati Gotami thường được gọi tắt, là bà Gotami (xem phần dịch nghĩa tên bà ở trang 243.

1. *Cồ Đàm* (Gotama) là *họ* và *Thích Ca* (Sakya) là *tên tộc* của Đức Phật. Tục truyền rằng những người con của vị vua Okkaka dòng Mahasammata bị đày vì âm mưu bất chính của mẹ ghẻ. Trong cuộc đi bất định ấy, các hoàng tử đến chân núi Hy-mã-lạp-sơn và tại đây gặp nhà hiền triết *Kapila*. Theo lời khuyên của ông này, các hoàng tử sáng lập thành *Kapilavatthu* (Ca-tỳ-la-vệ) có nghĩa là *vùng đất của Kapila*.

Khi vua Okkaka nghe được công trình của các con, ngài thốt lên rằng : *"Skya vata bho raja kumara"* (Các hoàng tử cao quý này quả thật có khả năng). Từ đó dòng dõi và vương quốc mà các hoàng tử sáng lập, được lấy tên là Sakya (Thích Ca).

(Sách Đức Phật và Phật pháp, trang 26)

2. Trong nhung lụa



Bà Gotami săn sóc Thái tử y như nuôi con ruột của bà.



Khi Thái tử được 7 tuổi, vua Tịnh Phạn mời các vị thầy tài giỏi đến dạy con mình.



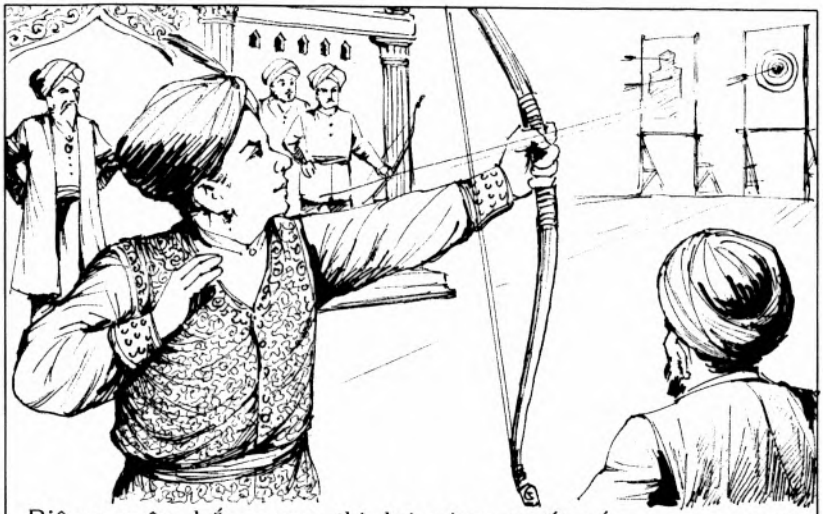


Trong 5 năm, Thái tử học *các môn của đời* (ngôn ngữ học, văn chương, công kỹ nghệ, y học, luận lý học) và cũng học *về đạo* (kinh Vệ Đà của đạo Bà-la-môn).





Từ năm 13 tuổi, Thái tử học võ thuật : chẳng bao lâu đã sử dụng thành thạo mọi binh khí, trở thành một võ tướng tài ba.



Riêng môn bắn cung thì lại càng xuất sắc : trong một cuộc thi xạ tiễn, Thái tử sử dụng một cây cung to nhất, khoẻ nhất và bắn trúng một mục tiêu xa nhất.

Vua Tịnh Phạn rất hài lòng về con trai mình. Ông nhất quyết sẽ làm cho "lời tiên đoán năm xưa" của đạo sĩ A-tư-đà không thành sự thật.



Patima là em gái vua Tịnh Phạn, chồng của bà là vua Suppabuddha trị vì nước Koliya.

Hoàng hậu Patima có hai người con : công chúa Da-du-đà-la[1] và hoàng tử Đề-bà-đạt-đa[2]. Như vậy Da-du-đà-la và Tất Đạt Đa là anh em cô cậu (Xem gia phả Thái tử trang 194).



Da-du-đà-la là một thiếu nữ kiều diễm, đoan trang, thông minh và nhân hậu.

Năm 608 trước Tây lịch, Tất Đạt Đa được 16 tuổi.

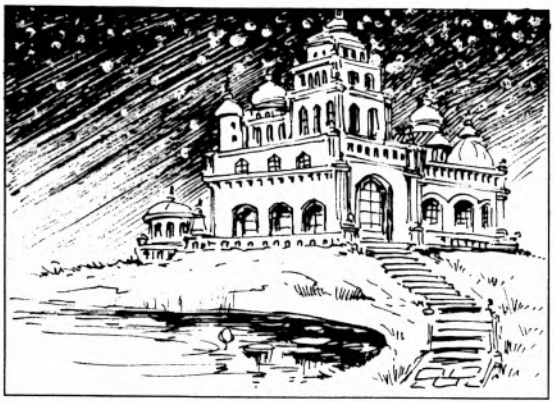
Bấy giờ vua Tịnh Phạn quyết định dùng "sức mạnh của nữ nhân" để trói chặt con mình : một đám cưới được tổ chức tưng bừng. Cô dâu là Da-du-đà-la.



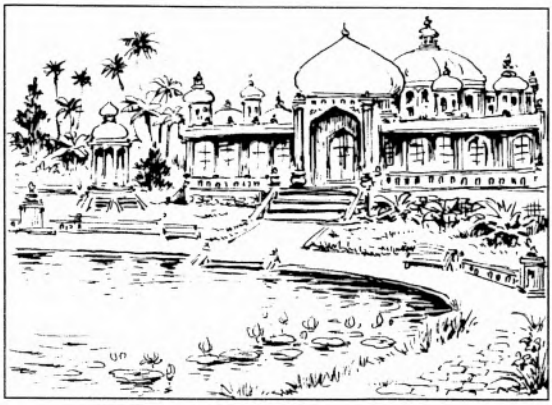
Tất Đạt Đa là một chàng trai anh tuấn, hào kiệt.

1. Da-du-đà-la là dịch âm của chữ Yasodhara, có nghĩa là *danh tiếng lẫy lừng*.
2. Đề-bà-đạt-đa là dịch âm của chữ Devadatta (xem phần dịch nghĩa ở tr 313).

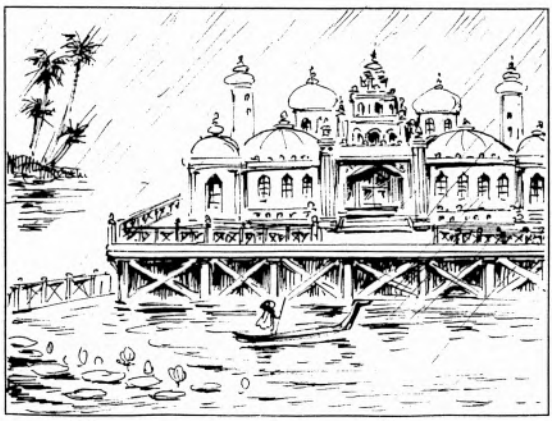
Nhà vua xây cho Thái tử 3 lâu đài.



LÂU ĐÀI CHO MÙA ĐÔNG

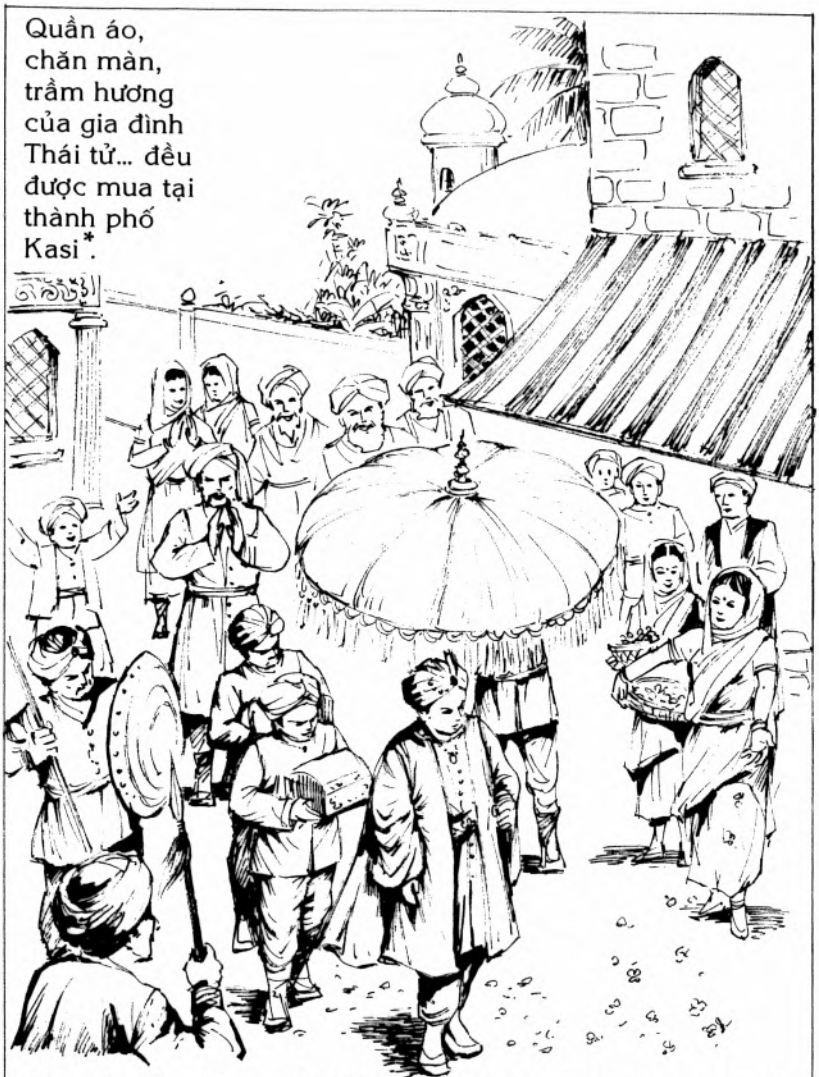


LÂU ĐÀI CHO MÙA HÈ



LÂU ĐÀI CHO MÙA MƯA

Lâu đài nào cũng có hồ nước, trong đó mọc các loại sen xanh, sen đỏ, sen trắng...



Cả ngày lẫn đêm, mỗi khi Thái tử bước ra khỏi lâu đài thì luôn luôn có một chiếc lọng được giương lên để Thái tử tránh nắng, tránh mưa và ngừa sương gió.

* Kasi là một tỉnh của Ấn Độ, rất nổi tiếng về tơ lụa. Tỉnh lỵ của Kasi là Bénarès (Ba-la-nại) hiện giờ.



Một đoàn nhạc công tài giỏi, một đoàn vũ nữ xinh đẹp lúc nào cũng sẵn sàng đàn, hát để Thái tử giải khuây.

Tình yêu, sắc đẹp, sự giàu sang... *đang bao vây Thái tử. Vậy mà vị vua già vẫn chưa yên tâm. Ngài mời Thái tử tham dự các buổi thiết triều, xử án, với hy vọng những lần thực tập làm vua sẽ khiến cho chàng trai đam mê danh vọng và uy quyền.*

Nhìn cách sống của con mình sau ngày cưới vợ, vua Tịnh Phạn có cảm giác rằng ngài đã thành công : Trong suốt 13 năm qua, người thanh niên ấy đang đi đúng con đường mà ngài mong muốn.

(Trước đó, những lời tiên đoán của đạo sĩ A-tư-đà, các hành động thương xót loài vật "đến lạ kỳ" và những buổi say mê học đạo của Thái tử đã làm cho nhà vua lo ngại).

CÓ MỘT LẦN, năm lên 9 tuổi, một sáng kia, Thái tử đang dạo chơi ở vườn ngự uyển thì bỗng có một con ngỗng trời rơi xuống đất.



Thái tử phóng tới, nâng con vật lên, lẹ tay rút mũi tên ra...



... rồi chạy nhanh đến một lùm cây, ngắt một nắm lá, nhai nhuyễn, đắp vào vết thương.

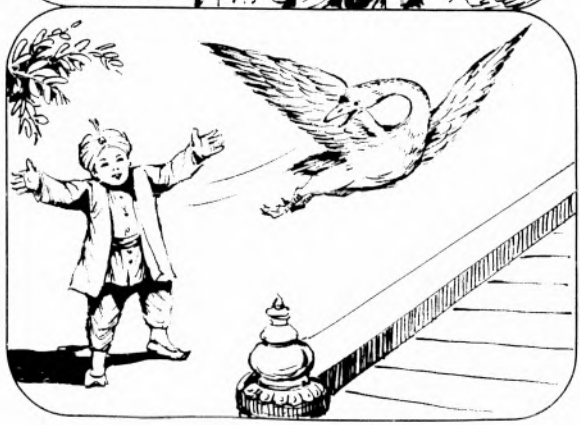


Ngay lúc đó, Đề-bà-đạt-đa xuất hiện, đòi con vật. Mặc dầu biết em mình nói có lý, nhưng Thái tử vẫn không chịu trả. Hai bên cãi nhau và cuối cùng phải nhờ người lớn phân xử.





Vài hôm sau, khi thấy vết thương của con ngỗng đã lành, Thái tử trả nó về với khoảng trời cao rộng.

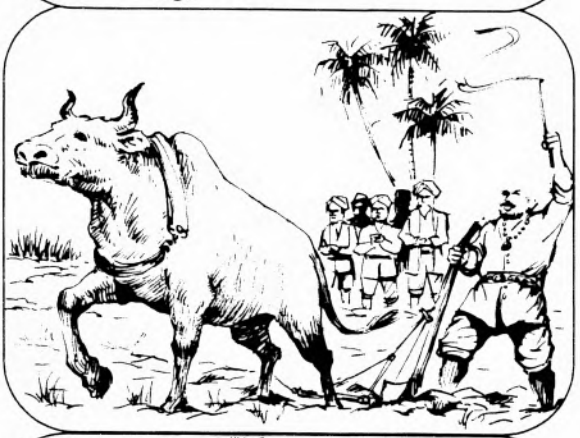


* Ánh Đạo Vàng (Võ Đình Cường)

MỘT LẦN KHÁC, cũng trong năm đó, vào đầu mùa mưa, vua Tịnh Phạn đi dự lễ hạ điền* có dẫn Thái tử theo.



Sau khi các vị Bà-la-môn đọc kinh xong, nhà vua bước xuống ruộng, cày một luống đầu tiên.

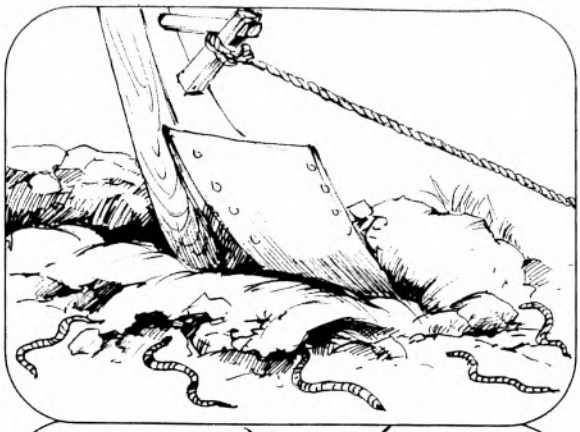


Liền đó các nông dân bắt tay vào việc. Bấy giờ bỗng xuất hiện một quang cảnh quen thuộc với nhà nông nhưng lại rất lạ lùng đối với một cậu bé vương giả.



* Lễ mở mùa làm ruộng.

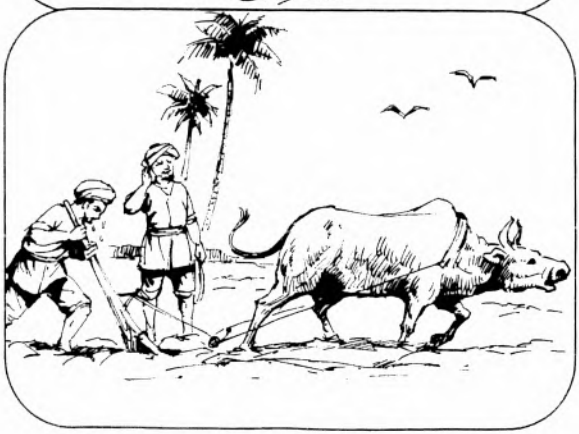
Các lưỡi cày đã làm cho *loài côn trùng sống trong đất* bị lộ ra, chúng hốt hoảng, tìm đường chạy trốn.



Chim chóc từ trên cao nhào xuống : mổ, nuốt... Thật là một cảnh tượng hãi hùng : Kẻ mạnh sống bằng cái chết của kẻ yếu.



Đằng kia, các nông dân đang vất vả với cái cày và con bò, ánh nắng bám dính trên người họ. Từng giọt mồ hôi rơi xuống ruộng...



Để tránh nắng, Thái tử bước về phía một cây Diêm phù* có tàn lá rậm rạp, ngồi xếp bằng như những nhà tu. Gió nhè nhẹ thổi. Thái tử thấy tâm hồn thư thái...



Trong khi đó thức ăn đã được dọn ra trên các bãi cỏ. Mọi người ăn uống vui vẻ giữa lúc bà hoàng hậu chạy đi tìm con.



Bà vui mừng khi thấy con mình ngồi như một pho tượng ; nhưng vua Tịnh Phạn lại không giấu được vẻ lo ngại : hình ảnh A-tư-đà hiện ra trong trí ngài. Bất giác ngài thở dài, bước đến đỡ Thái tử đứng dậy.



* Cây Jambu : loài cây tượng trưng cho nước Ấn Độ.

NGÀY THÁNG DẦN TRÔI.
Thái tử "ưa suy tư" càng lớn càng say mê môn Đạo học, thường đến các hoa viên để gặp các du sĩ hành khất.





Đó là những người "bện tóc, mặc áo da dê" đã từ bỏ mọi thứ trong xã hội để sống một cuộc đời phiêu bạt giang hồ.



Những hình ảnh thoát tục này rất lôi cuốn người con trai của vua Tịnh Phạn...

Như thế là trong bao năm qua, Thái tử Tất Đạt Đa đã bị ***hai sức mạnh bằng nhau*** *lôi cuốn về hai phía : ra đi và ở lại. Chính sự thăng bằng này đã làm cho vua Tịnh Phạn hài lòng.*

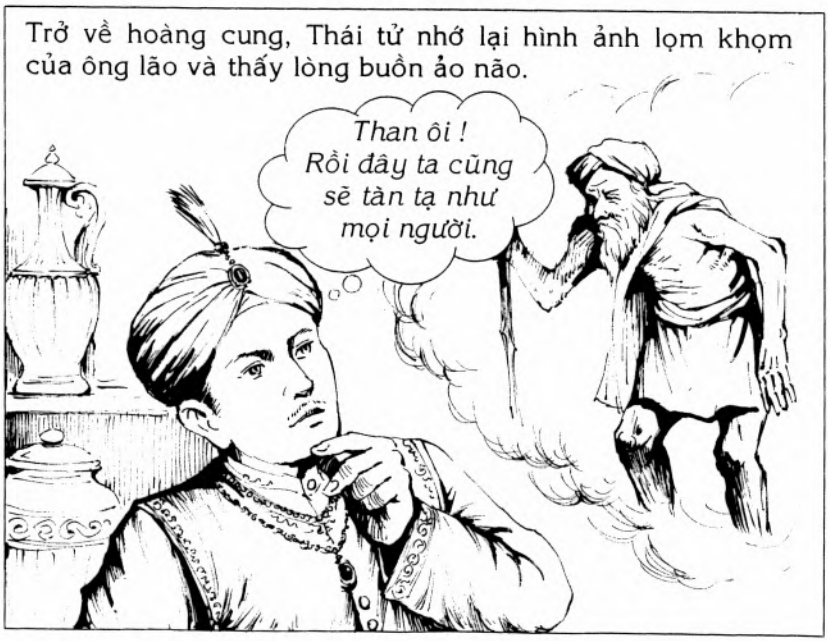
Nhưng ***bốn cuộc dạo chơi*** *ở các công viên ngoại thành là một lực rất mạnh, đến tiếp sức về "phía ra đi", lôi con sư tử ra khỏi chiếc lồng vàng, mặc dầu trước đó một ngày, vị vua già vừa có thêm một vũ khí để "trói chặt".*

3. Đêm xuất gia



* Channa, dịch âm là *Xa-nặc*. Xem phần dịch nghĩa tên ông này ở trang 401.


1. Ai sẽ bị già tới mức đó ?
2. Tất cả. Hoàng thượng, Hoàng hậu, Thái tử, con... Tất cả mọi người đều phải già, đều phải chống gậy.
3. Thôi, ta về thôi !

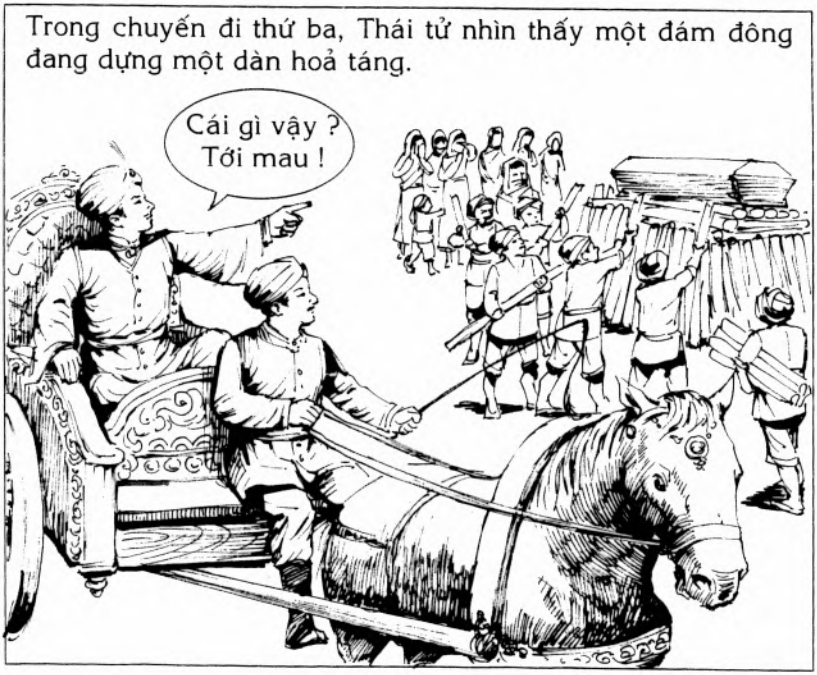

Trở về hoàng cung, Thái tử nhớ lại hình ảnh lọm khọm của ông lão và thấy lòng buồn ảo não.
Than ôi ! Rồi đây ta cũng sẽ tàn tạ như mọi người.


Vài hôm sau, khi nỗi buồn đã vơi, Thái tử lại đi dạo. Lần này Ngài trông thấy một người đang bò lết trong nước tiểu của mình.
Xa-nặc, ông ấy làm sao vậy ?
Thưa, ổng bị BỆNH NẶNG...!


①... Ai cũng bị bệnh cả. Mỗi người một bệnh.
② Ta chưa hề bị bệnh
③ Nhưng lúc về già, nhất định Thái tử phải bị bệnh


Xa-nặc, quay xe về !


Ai cũng bị già, ai cũng bị bệnh và ai cũng sẽ yếu ớt như đứa bé lên hai !
Tối hôm đó Thái tử thức rất khuya, đi đi lại lại trong phòng, sầu muộn.


Trong chuyến đi thứ ba, Thái tử nhìn thấy một đám đông đang dựng một dàn hoả táng.
Cái gì vậy ? Tới mau !





Đó là đêm không ngủ của Thái tử, các hình ảnh về sự *Lão, Bệnh, Tử* không lúc nào rời khỏi tâm trí ngài.



Trong chuyến đi thứ tư, Thái tử nhìn thấy một người đầu cạo hết tóc, mặc áo cà sa, dáng vẻ đạo mạo, thanh cao.



* Rahula có nghĩa là *một trở ngại, một sự trói buộc*. Dịch âm là *La-hầu-la*.





Đêm đó sau khi ra lệnh cho Xa-nặc chuẩn bị ngựa, Thái tử đi dọc theo hành lang nội cung, tới trước phòng của công chúa, nhẹ tay hé cửa nhìn vào. Lòng Thái tử rộn lên một tình cảm gia đình, nhưng rồi Ngài thấy an tâm vì biết vợ con mình sẽ không thiếu thốn một món vật chất nào.



Cố đè nén cơn cảm xúc, Thái tử đi nhanh về phía Xa-nặc.

Trước đây có lần vua Tịnh Phạn dặn Xa-nặc : *"Khi nào Thái tử lấy ngựa một cách bất thường thì phải báo cho ta biết"*. Thế nhưng hôm ấy, Xa-nặc chẳng những không làm theo lời dặn của vua mà còn leo lên ngựa...





Thái tử phi ngựa trong đêm tối, bỏ lại sau lưng mình : cha mẹ, vợ con, kẻ hầu người hạ, cung vàng điện ngọc★...

★ **"Đây là một sự từ bỏ, hy sinh vĩ đại có một không hai trong lịch sử loài người."** (*Lịch sử Đức Phật Thích Ca,* tr. 19, Hoà thượng Thích Minh Châu).



Khi con ngựa Kanthara* qua sông **Anoma**[3], Thái tử bước xuống, vuốt ve và khen ngợi nó, rồi tự mình cạo râu, cắt tóc, trao bộ y phục và vật trang sức cho Xa-nặc.



* Kanthara dịch âm là *Kiền-trắc*.


Ta xuất gia là để tìm ra MỘT CON ĐƯỜNG ĐƯA NHÂN LOẠI THOÁT KHỎI VÒNG SANH-LÃO-BỆNH-TỬ
Nếu vậy, Thái tử cho con theo hầu
Thôi, hãy quay xe về đi !
Vậy khi nào tìm ra CON ĐƯỜNG ĐÓ, Thái tử nhớ trở về !



Đêm ấy Thái tử ngồi trầm ngâm bên bờ sông vắng, có hai vầng trăng làm bạn suốt đêm trường.

4. Sa môn Gotama gặp vua Tần-bà-sa

Thế là từ một bậc vương giả đang sống trong nhung lụa, bỗng chốc Thái tử Tất Đạt Đa trở thành một người nghèo khó, "không một đồng xu dính túi". Với đầu trần, chân đất, người con trai của vua Tịnh Phạn (nay là sa môn Gotama khoác chiếc áo cà sa** cao quý) đi bộ trong nắng, trong mưa... Không mệt mỏi, không nản lòng, Ngài quyết tâm đi tìm con đường cứu khổ.*

Sau một tuần lễ sống trong vườn xoài tại làng **Anupiya**[4] *gần con sông Anoma, sáng sớm hôm ấy, lòng rộn lên một niềm vui mãnh liệt, Sa Môn hăng hái cất bước về phương Nam.*

---

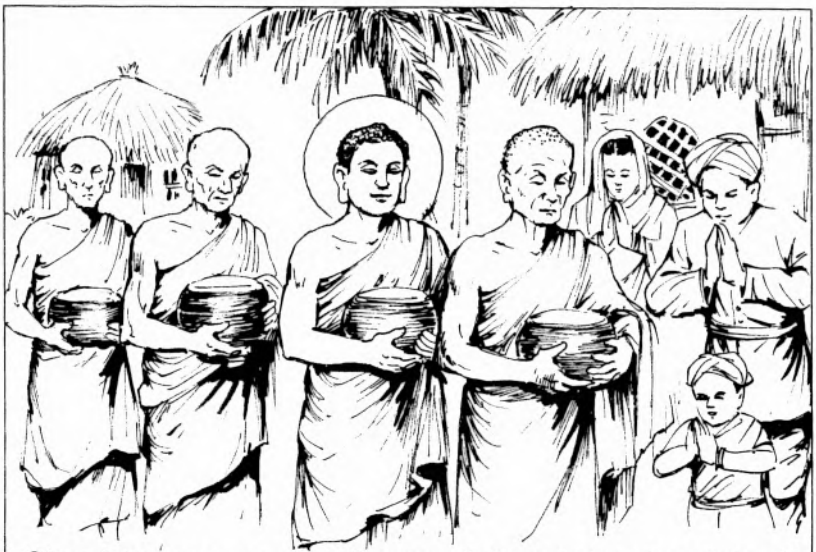
* Các *du sĩ khất thực* được gọi là *sa môn*, cũng còn được gọi là *ẩn sĩ, đạo sĩ*. Khoảng cuối đời, Phật thu hẹp ý nghĩa của chữ sa môn lại : *sa môn là tiếng chỉ dành riêng cho các tỷ kheo trong Giáo hội của Ngài.*

** Sau đêm xuất gia, Thái tử gặp một người thợ săn mặc chiếc áo cà sa, liền đề nghị đổi áo cho nhau.

Sau nhiều ngày đi bộ, Ngài đến am thất của đạo sĩ Alara Kalama* ở về phía Bắc của thành **Tỳ-xá-ly**[5].



* Alara Kalama dịch âm là *A-la-la Ca-lam* ; dịch nghĩa là *không siêng năng.*



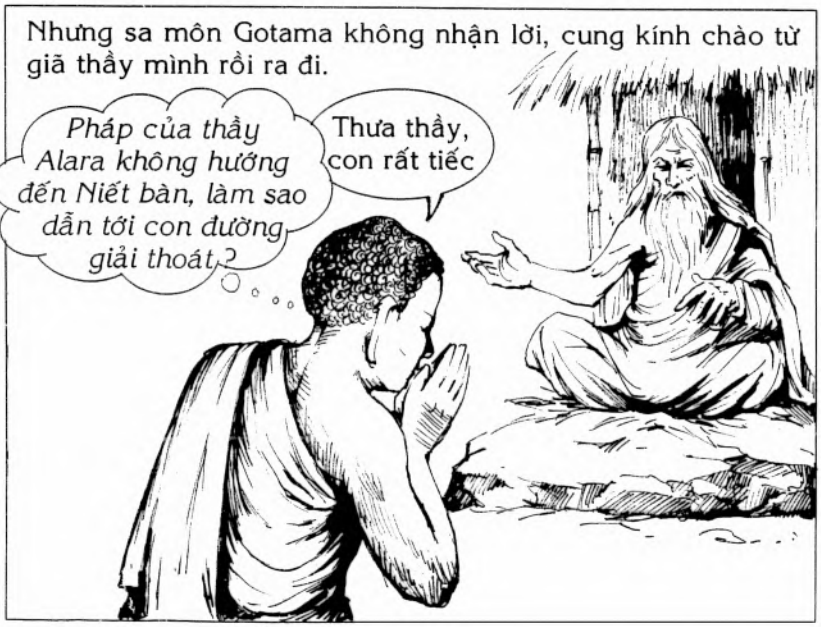
Sáng hôm sau, sa môn Gotama được sư phụ cho phép đi theo các bạn đồng tu vào làng khất thực.



Lúc trở về, Sa Môn ngồi thiền tại một căn lều do tự mình dựng lên.

Mới có một tháng mà sa môn Gotama đã đạt đến trình độ của sư phụ mình. Rồi vì thấy phương pháp tu hành này không thể đưa đến con đường giải thoát, Sa Môn ngỏ ý ra đi. Bấy giờ đạo sĩ Alara thay đổi cách xưng hô.





Thế là sa môn Gotama lại tiếp tục đi xuống phương Nam, vượt sông Hằng và vào thành **Vương Xá**[6] của nước Ma-kiệt-đà. Một hôm, từ trên lầu thượng, vua Bimbisara* trông thấy một nhà sư có tướng mạo rất oai nghi đang đi trên đường thì đem lòng cảm mến.





Trong lúc đó, Sa Môn đi khất thực từng nhà một, được dân chúng tặng nhiều vật thực và nhờ vậy, "bình bát thật mau đầy."

* Bimbisara có nghĩa là *đoan chính*, hoặc *hình ảnh kiên cố*. Dịch âm là *Tần-bà-sa-la*, chúng tôi xin gọi ngắn lại, là *Tần-bà-sa*.

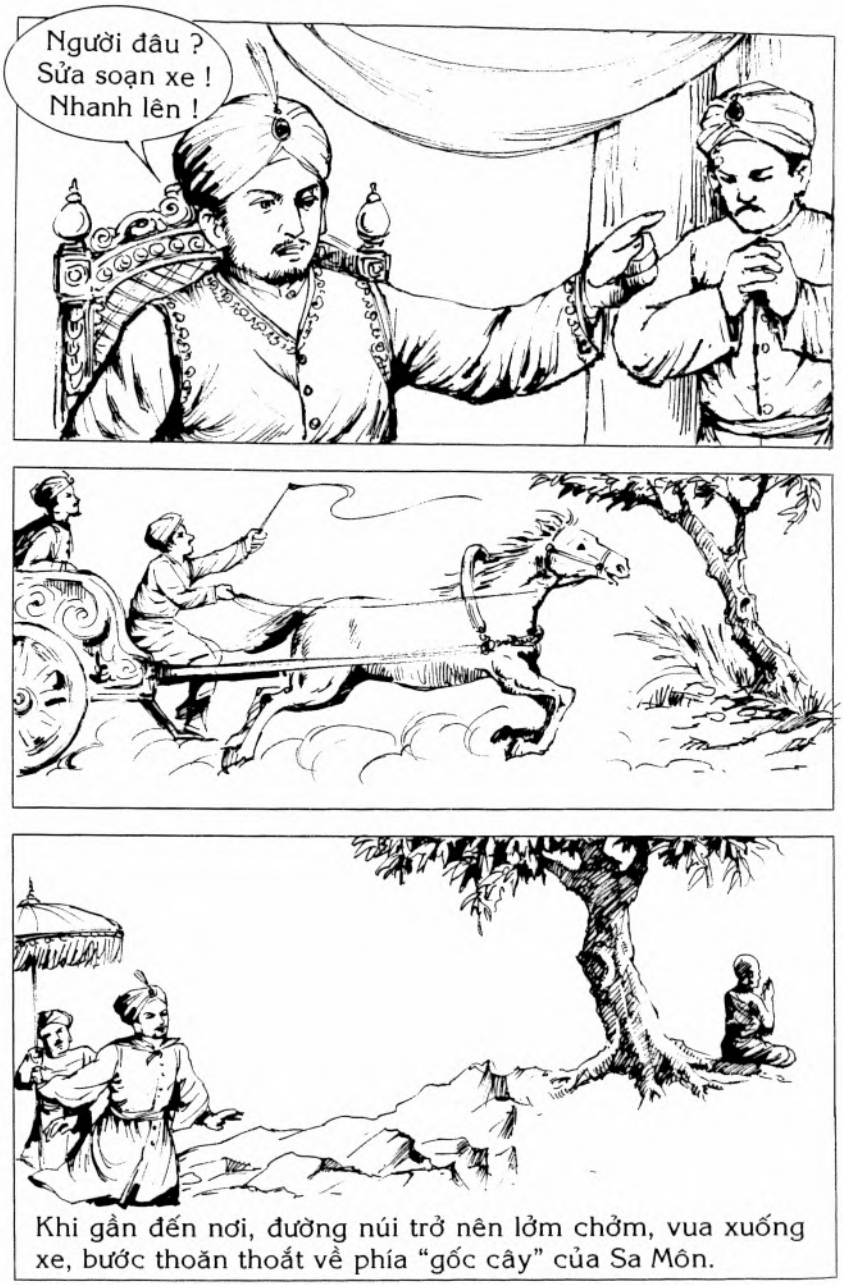
Khất thực xong, Sa Môn ra khỏi thành, đến ngụ tại ngọn đồi Pandava nằm về phía Đông Bắc của thành Vương Xá.





Những người đi theo dõi rất vui mừng, ngồi gần đó đợi vua tới.





Khi gần đến nơi, đường núi trở nên lởm chởm, vua xuống xe, bước thoăn thoắt về phía "gốc cây" của Sa Môn.


Xin chào hiền giả. Ngài có tướng mạo đẹp đẽ, oai nghi, hẳn là xuất thân từ giai cấp Sát-đế-ly. Thế sao Ngài lại xuất gia ?


Trẫm có nhiều binh mã, tiền bạc... Nay trẫm chia cho hiền giả một phần.
Tâu đại vương, tôi là Thái tử Tất Đạt Đa của nước Sakya. Tôi xuất gia vì không còn thiết tha gì đến các dục lạc của trần thế

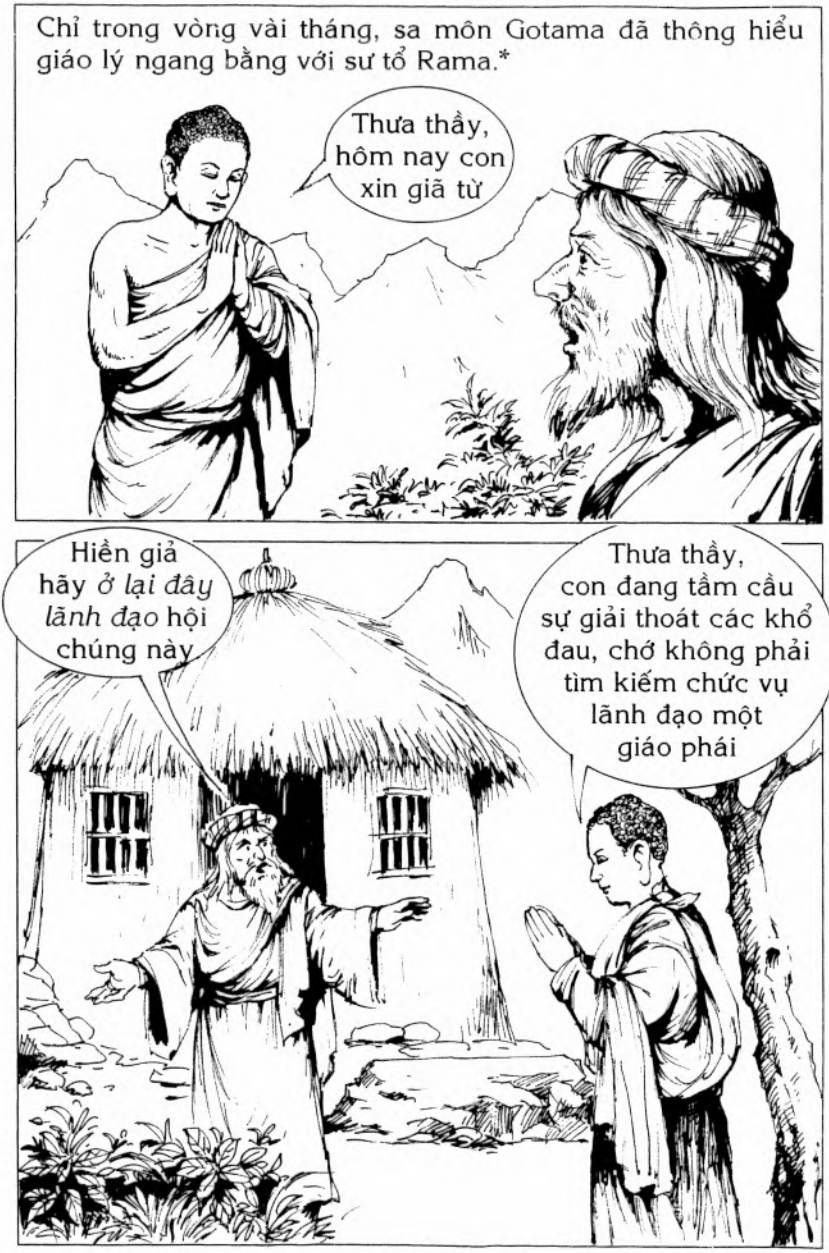


Từ giã vua Tần-bà-sa*, Sa Môn tới am thất của đạo sĩ Uddaka Ramaputta** ở trong thành Vương Xá.



* Lúc này, vua Tần-bà-sa 24 tuổi và đã trị vì được 9 năm, sa môn Gotama 29 tuổi.

** Uddaka Ramaputta dịch âm là *Uất-đầu-lam* hoặc *Uất-đầu-lam-tử* ; dịch nghĩa là *Lại hý tử toạ (Vui với phép ngồi thiền im lìm như chết).*



* Rama dịch âm là *La-ma*, dịch nghĩa là *Mừng vui*.

Trong thời gian thực hành "phương pháp Yoga" tại am thất của đạo sĩ Uddaka, Sa Môn rất thân với Kiều-trần-như.



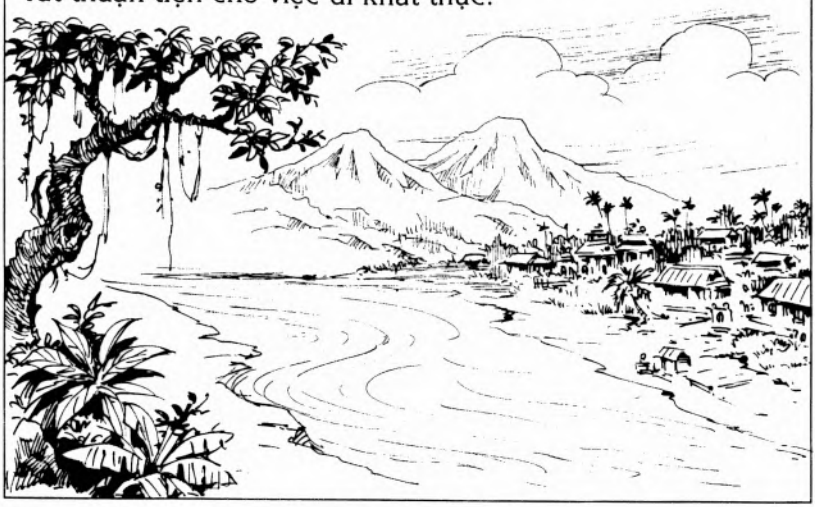
Ba mươi năm về trước, Kiều-trần-như là một trong 8 người Bà-la-môn đến xem tướng của Thái tử Tất-Đạt-Đa và đã được nghe các lời tiên tri của đạo sĩ A-tư-đà.





Hôm đó, Kiều-trần-như và các bạn đồng tu tiễn đưa bạn mình rời am thất.

Sa Môn đi về phía Tây-Nam, đến vùng đất **Uruvela**[7] tìm được một địa điểm bằng phẳng trong một "khóm rừng khả ái" gần con sông Ni-liên-thiền, xung quanh có làng mạc, rất thuận tiện cho việc đi khất thực.



Thuở đó, ở Ấn Độ, người ta tin rằng ai tu khổ hạnh thì sẽ có thần thông lực. Điều kiện tiên quyết trong việc "hành xác" là không được để cho nữ nhân quyến rũ**. Vì vậy các nhà khổ hạnh phải sống độc cư (hoặc sống thành từng nhóm nhỏ), xa làng mạc để được "thoát khỏi các nữ nhân".*

Nhìn họ hành xác, người ta có cảm giác như họ đang "trả thù" cái thân xác của họ vậy.

---

* Tapas (có nghĩa là *sự hành xác, sự khổ hạnh*). Theo ngôn ngữ Ấn Độ, tapas là *sự cố gắng lạo dựng tương lai.*

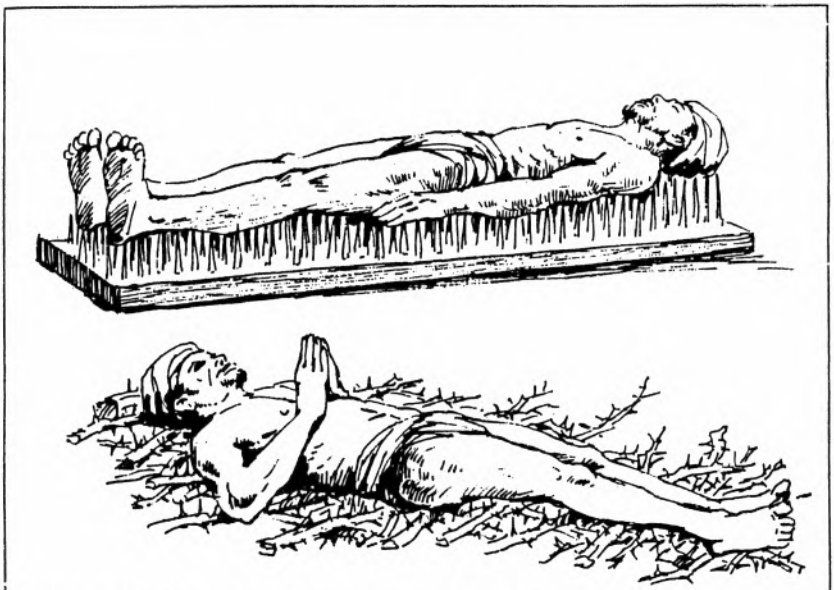
** Xem Tiền thân Đức Phật số 63, 64.



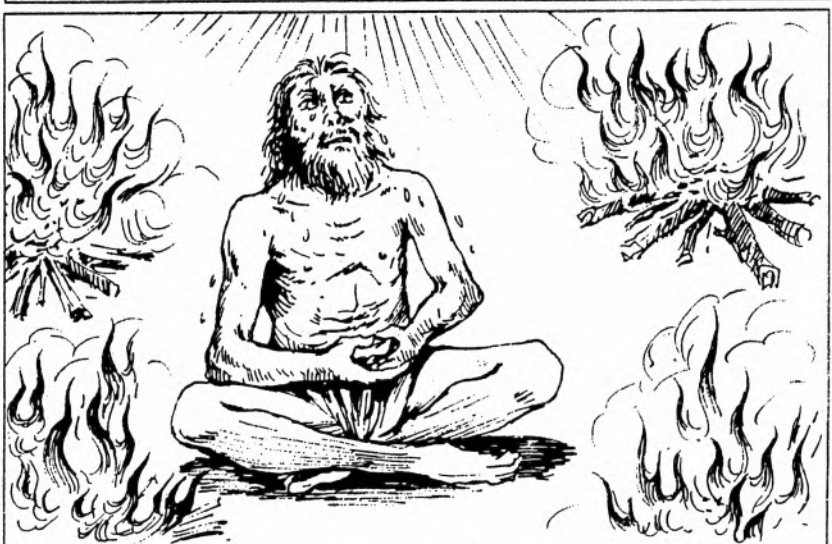
Có người đứng dưới nước suốt ngày.



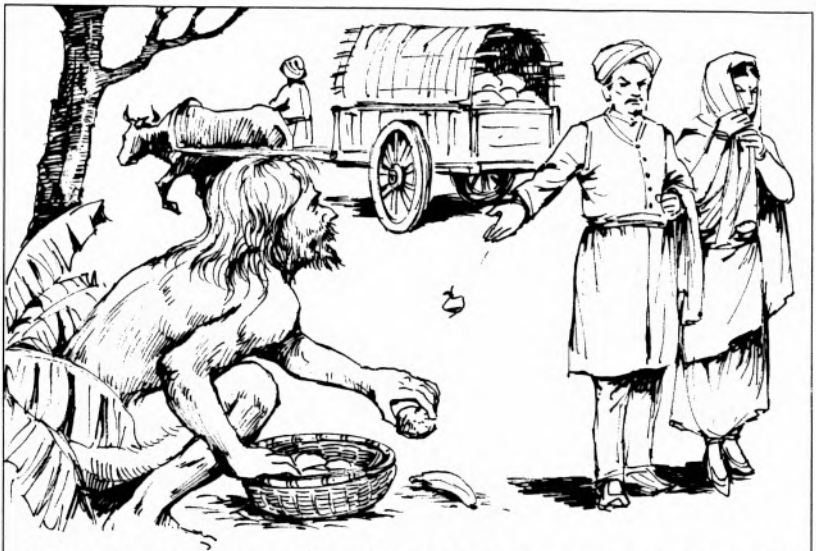
Có người làm "con dơi đậu trên cây" vài giờ trong một ngày.



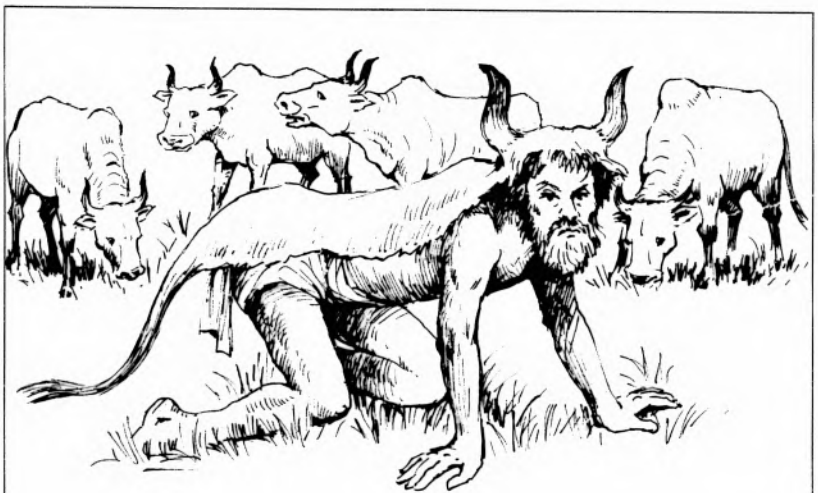
Có người nằm trên những hàng đinh, hoặc trên các đống gai.



Có người ngồi xếp bằng giữa bốn ngọn lửa đặt ở 4 phía, đôi mắt mù loà ngước nhìn Mặt Trời (là ngọn lửa thứ 5).



Có người sống loã thể, ngồi chò hõ như một con chó*, chỉ ăn các thức ăn đã được ném xuống đất.



Có người sống như một con bò** với cái đuôi ở sau lưng và hai cái sừng ở trên đầu.



Có người chỉ ăn toàn trái cây hoặc những gì mọc từ dưới đất lên.

Tại vùng đất khả ái ấy, sa môn Gotama từ bỏ lối thực hành theo phương pháp Yoga của hai đạo sĩ trước đây mà bắt đầu tu khổ hạnh.

---

* Trong các phái ngoại đạo ở Ấn Độ, có phái quan niệm rằng *sau khi chết, con chó được lên trời*, nên họ giữ "cẩu giới" : học theo cách nằm, cách ngồi, cách ăn của con chó.

** Ngoài "cẩu giới", ở Ấn Độ cũng có phái ngoại đạo giữ "giới bò, giới nai" để mong được giải thoát.

5. Sáu năm khổ hạnh



Những ngày tháng đầu tiên sống cô độc ở trong rừng quả thật là "khiếp đảm". Ban đêm lại càng kinh khủng hơn : một con vật nào đó chạy ngang, một con công làm gãy cành cây, một cơn gió thổi qua màn lá... cũng làm cho nhà khổ hạnh Gotama giật mình, hoảng hốt.



Để tự trấn an, Ngài *cắn chặt hai hàm răng lại, chận lưỡi trên nóc họng*... Mồ hôi tuôn ra, nhưng sự lo sợ vẫn không dứt.



Ngài bèn đổi sang cách khác : NÍN THỞ. Lúc đó nỗi kinh hoàng vẫn còn nguyên mà hai lỗ tai thì lùng bùng và đầu bị nhức dữ dội.



Nhưng cuối cùng, Ngài cũng quen dần với khung cảnh xung quanh và bắt đầu *sống những ngày khổ hạnh đệ nhất.*



Ngài ăn cỏ.



Ăn các loại trái cây đã rụng xuống đất.



Và liếm tay cho sạch chớ không dùng nước để rửa.



Vào mùa lạnh, Ngài mặc quần áo bằng da thú...



...hoặc bằng vỏ cây, rơm, cỏ.



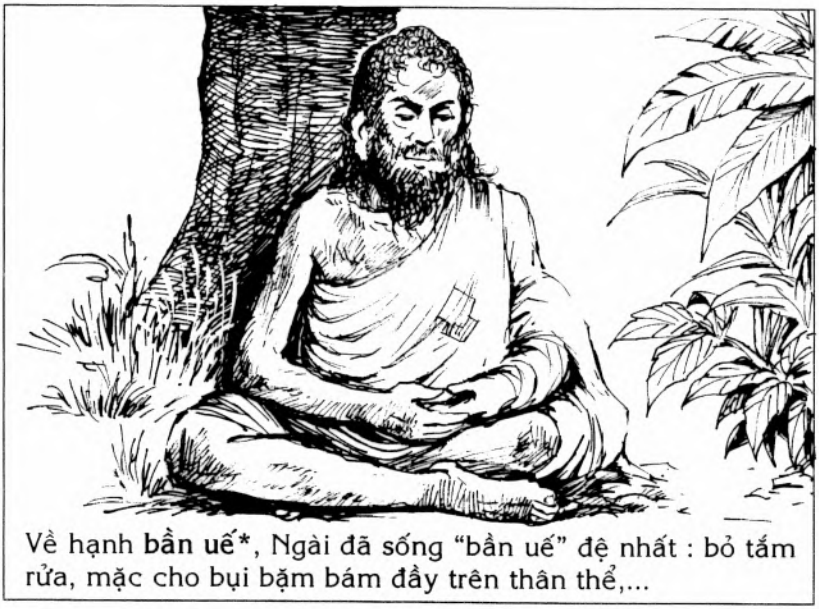
Râu tóc không cắt, không cạo...



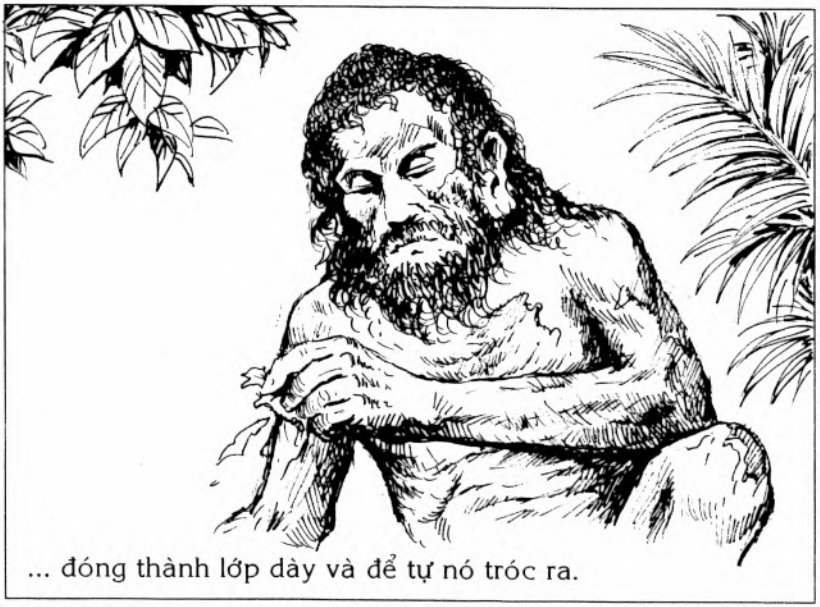
...mà chỉ nhổ chúng thôi.



Ngài thường đứng, lưng dựa vào gốc cây ; không ngồi trên mông mà ngồi chồm hổm. Nếu phải nằm thì sẽ nằm nghiêng trên đất trần.

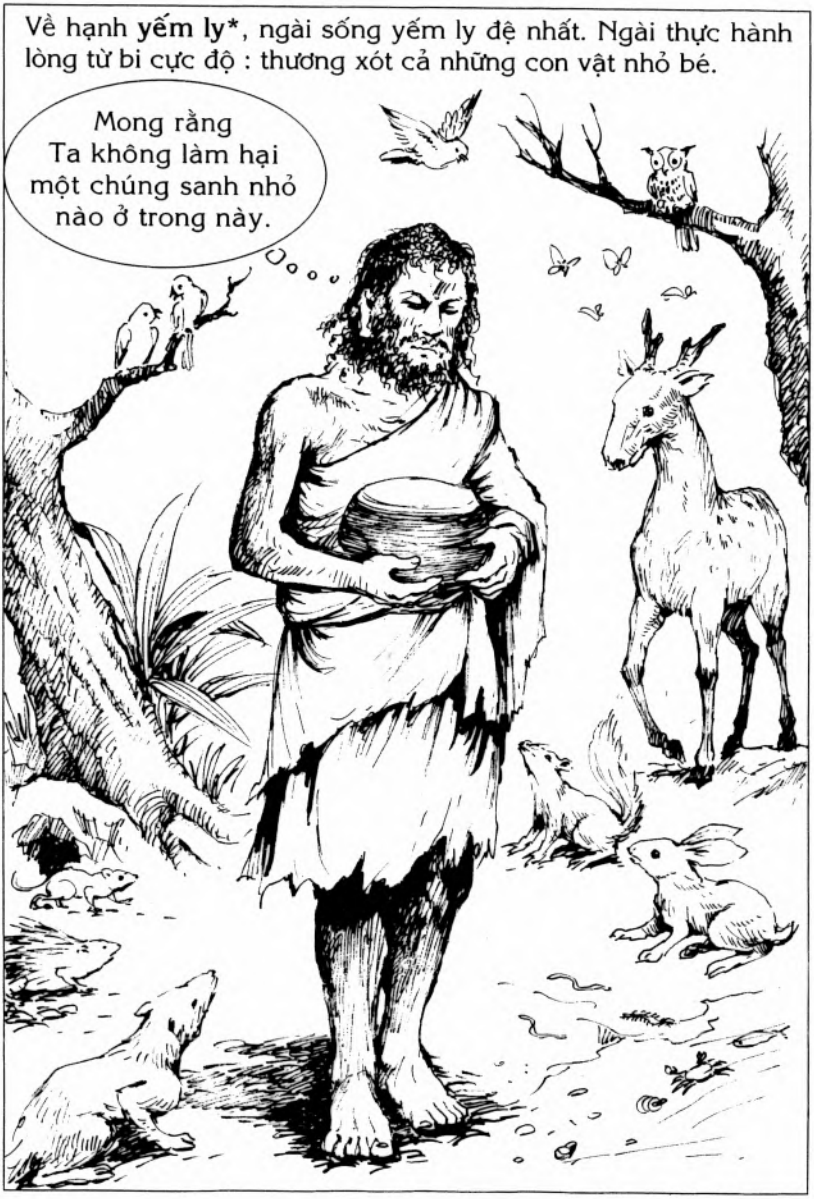


Về hạnh **bần uế***, Ngài đã sống "bần uế" đệ nhất : bỏ tắm rửa, mặc cho bụi bặm bám đầy trên thân thể,...

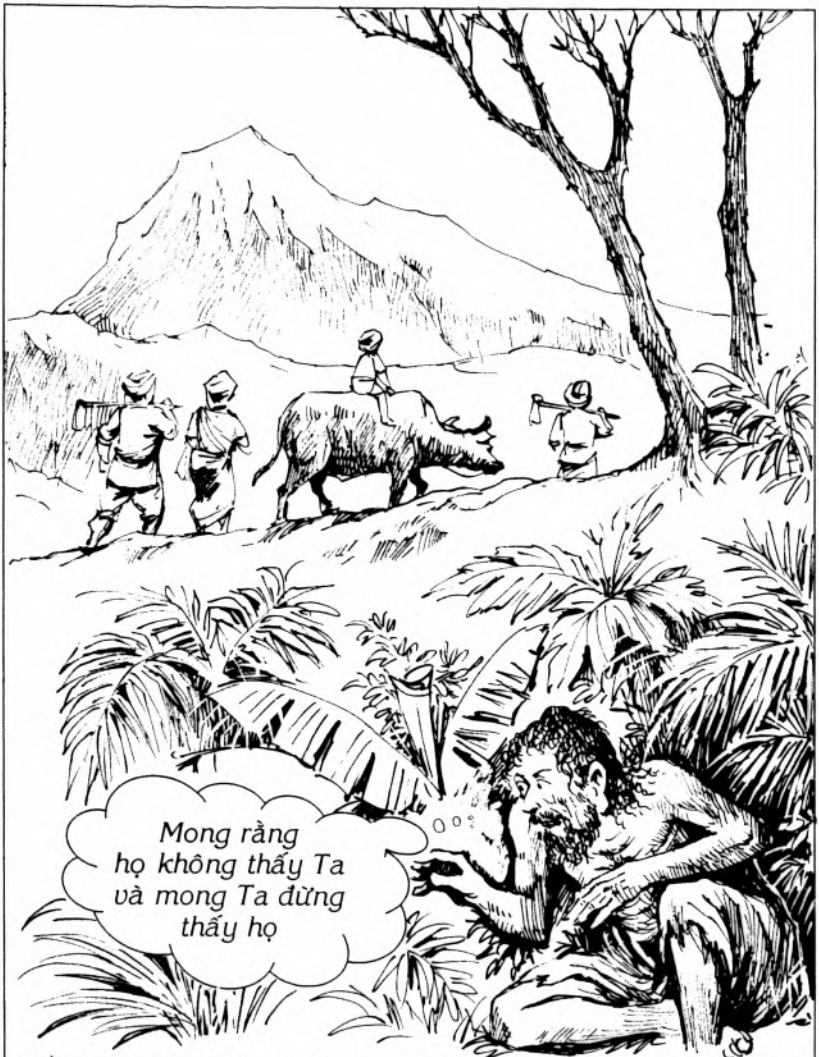


... đóng thành lớp dày và để tự nó tróc ra.

* Bần là *nghèo*, uế là *dơ bẩn*.

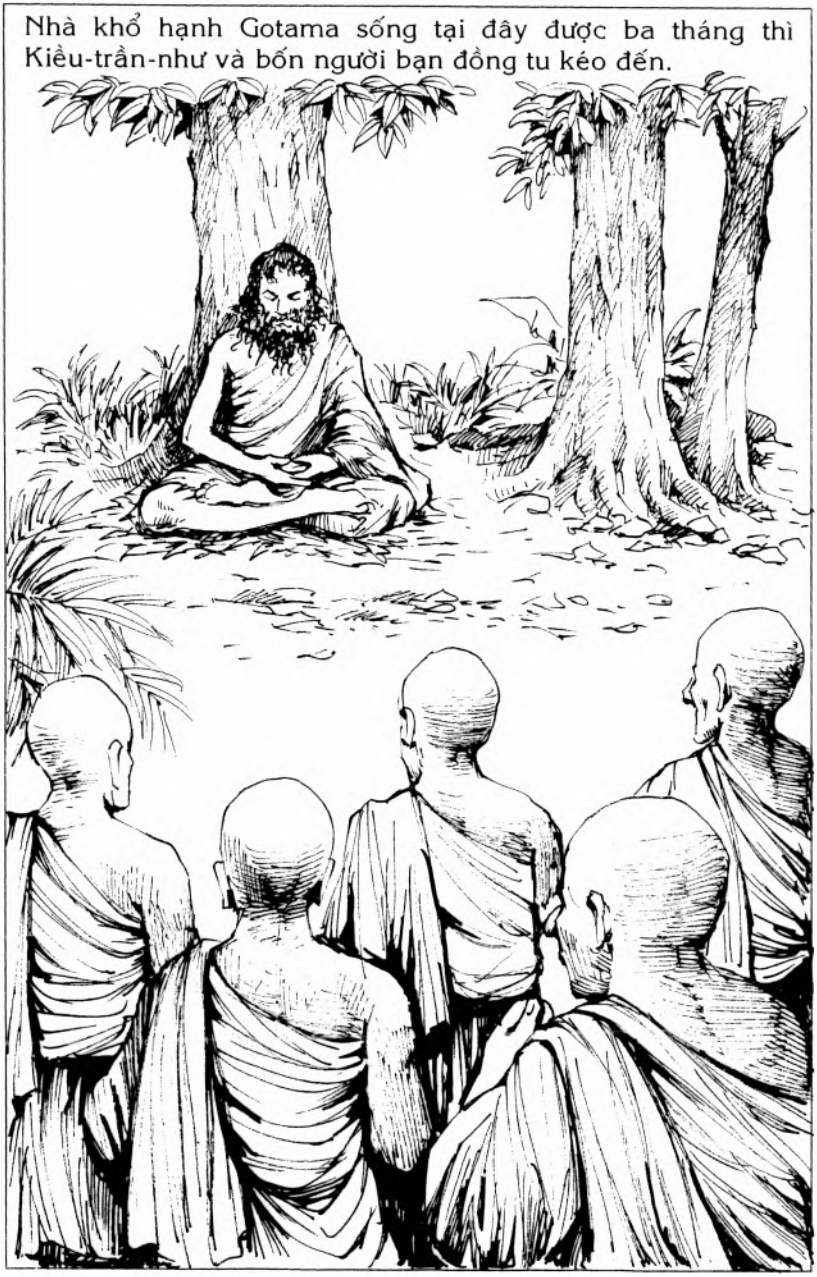


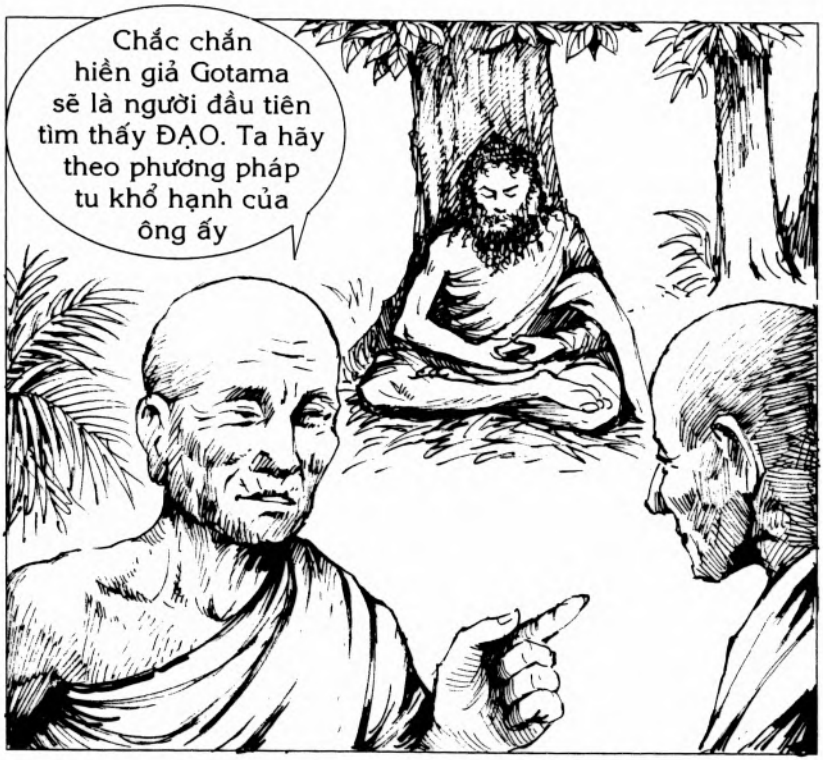
* Yếm là *chán* ; ly là *từ bỏ*. Đối với tất cả mọi dục vọng tầm thường, người tu khổ hạnh đều *chán ngán mà từ bỏ*.



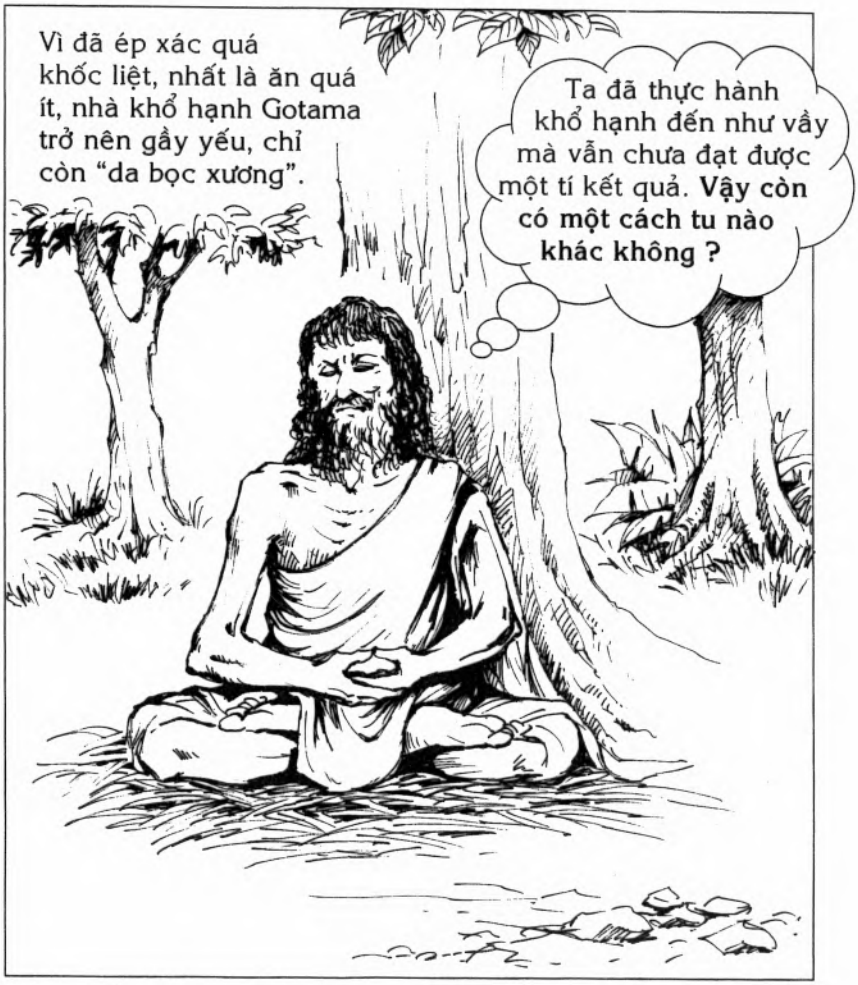
Về hạnh **độc cư***, Ngài sống độc cư đệ nhất : Ngài đi sâu vào trong rừng và sống tại đó. Mỗi lần trông thấy người chăn bò, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, Ngài đều chạy trốn.

* *Độc cư : ở một mình.* Nhiều tăng sĩ thích sống độc cư trong rừng hay trên núi cao để chuyên tâm trong việc thiền định.


Nhà khổ hạnh Gotama sống tại đây được ba tháng thì
Kiều-trần-như và bốn người bạn đồng tu kéo đến.

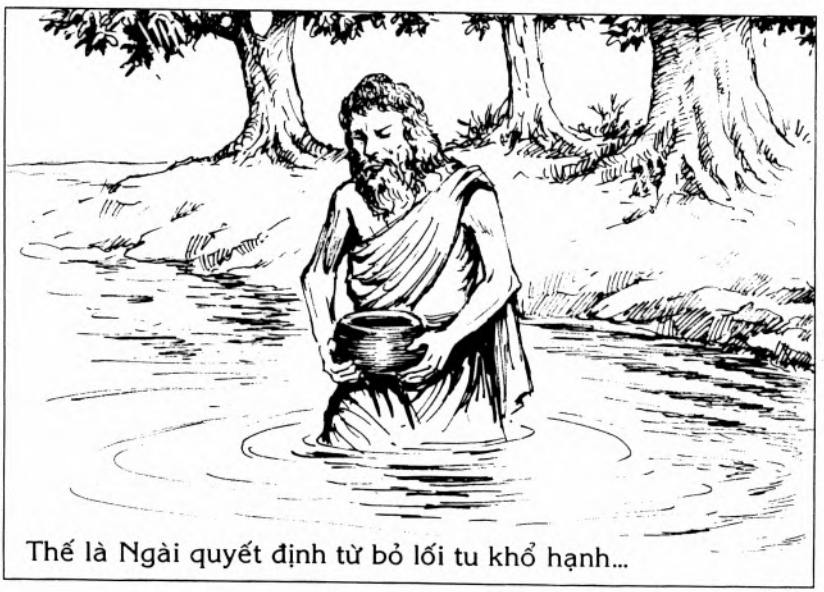

Chắc chắn hiền giả Gotama sẽ là người đầu tiên tìm thấy ĐẠO. Ta hãy theo phương pháp tu khổ hạnh của ông ấy

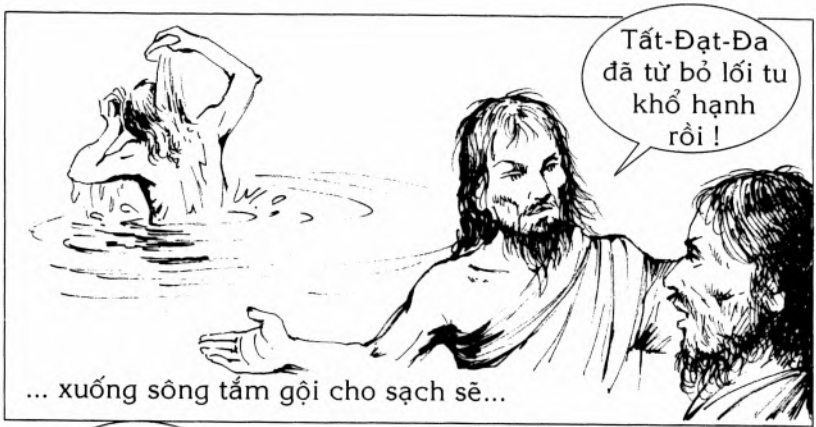
6. Sa môn Gotama thành Phật

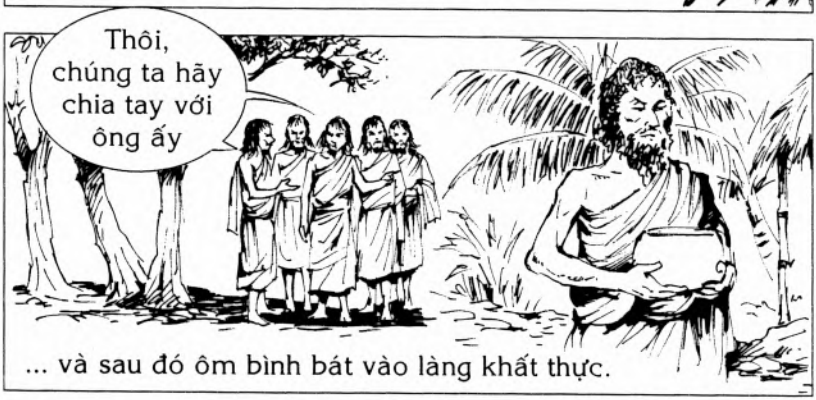


Một hôm đang ngồi suy nghĩ về chặng đường đã qua, thình lình Ngài nhớ lại lúc 9 tuổi, đã có lần Ngài ngồi xếp bằng dưới một gốc cây to : ***lúc đó tâm trí thật là nhẹ nhàng.*** Một lần khác, "trong đêm xuất gia", lúc ngồi trầm ngâm bên bờ sông Anoma, tâm trí Ngài cũng rất sáng suốt... chớ đâu có mệt mỏi như bây giờ.



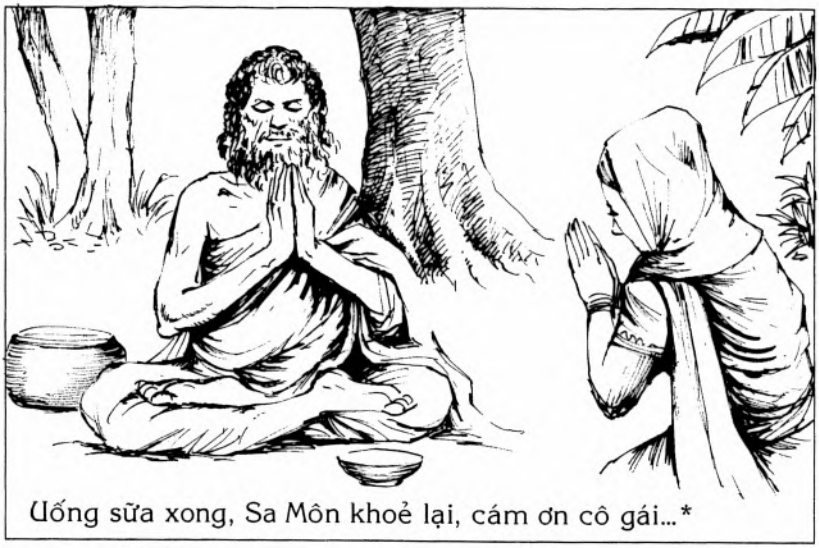








* Sujata có nghĩa là *sanh ra nơi cao quý.*



* Nhờ có Sujata thường xuyên đem thức ăn đến dâng, sức khoẻ của Sa Môn phục hồi nhanh chóng. Ngoài ra còn có một mục đồng tên Svastika cũng thường đem cỏ đến để Sa Môn lót chỗ ngồi (Svastika có nghĩa là *kiết tường* : điềm tốt, điềm lành).

** Nhóm Kiều-trần-như đến vườn Lộc Uyển (Vườn Nai) ở gần thành Ba-la-nại tiếp tục tu khổ hạnh.

"**Bốn mươi chín ngày đêm** đã trôi qua, sa môn Gotama ngồi thiền định dưới một gốc cây Bồ-đề với tâm định tĩnh, trong sáng như gương. Ngài suy tư về các lẽ SỐNG, CHẾT, về những nguyên nhân tích tập[1] dẫn tới LUÂN HỒI, SANH TỬ và con đường giải thoát dẫn tới NIẾT BÀN. Ngài nhớ lại, thấy rõ các kiếp sống trước đây của mình. Một kiếp, hai kiếp, cho tới hằng trăm ngàn kiếp. *Ngài nhớ lại, thấy rõ các chu kỳ thành hoại của một thế giới, nhiều thế giới. Ngài thấy rõ các chúng sanh* (tuỳ theo nghiệp nặng, nhẹ, thiện, ác do mình gây ra) *luân hồi như thế nào trong các cõi sống từ thời vô thuỷ cho tới ngày nay.* Ngài thấy rõ, biết rõ tự bản thân Ngài đã đoạn trừ hết mọi tham ái, lậu hoặc, vô minh[2]. Ngài đã được giải thoát, đã giác ngộ và đã thành tựu đạo vô thượng : NGÀI ĐÃ THÀNH PHẬT." [3]

Hôm đó là *ngày rằm tháng chạp* năm 589 trước Tây lịch, Phật[4] 34 tuổi 8 tháng.

1. *Tích tập :* Chứa nhóm (các nhân quả vô minh khiến)...
2. *Tham ái :* Tham và yêu : yêu thích, sinh lòng ham muốn vơ vào mình. *Lậu hoặc : Lậu* là phiền não, *hoặc* là mê lầm. *Vô minh :* không sáng suốt.
3. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA – Hoà thượng Thích Minh Châu.
4. Theo tiếng Pali, danh từ Buddha có chữ gốc *Buddh* có nghĩa là *toàn giác, thấy hết, biết hết,* không những giác ngộ đầy đủ cho bản thân mình, mà còn giác ngộ đầy đủ cho tất cả mọi chúng sanh. Buddha dịch âm là *Phật.*

7. Cuộc chiến đấu trước giờ thành đạo

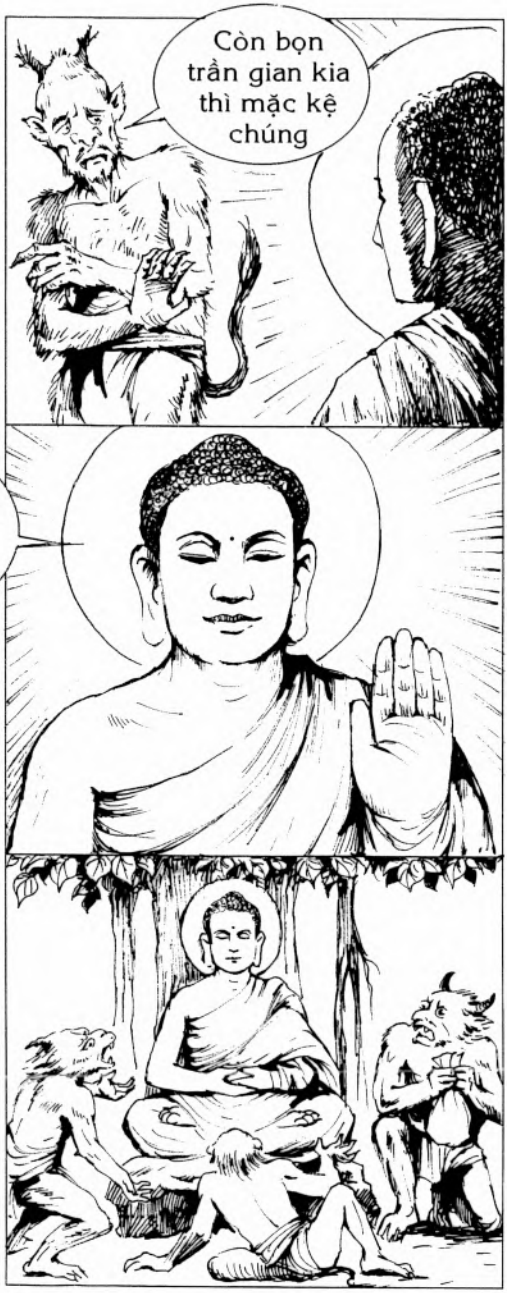
Đêm đó Quỷ Vương rất lo âu khi biết rằng sáng mai, sa môn Gotama sẽ đắc đạo và Ngài sẽ đề ra con đường giải thoát, giúp chúng sanh thoát khỏi mọi khổ đau của kiếp người. Quỷ Vương vội vã gọi đồng bọn tới, tìm cách đối phó.

❶ Quỷ HOÀI NGHI mở đầu cuộc tấn công :
— Thưa Thái tử, đạo của Ngài làm sao có thể giải thoát cho toàn cõi Diêm-phù-đề ? Một ngọn đuốc làm sao đuổi được bóng đêm ?...

Sa môn Gotama không trả lời, nhưng những tia nhìn đầy nhiệt huyết và đầy tin tưởng của Ngài đã làm cho quỷ Hoài Nghi bị cụt hứng. Chúng lặng lẽ rút lui.



❷ **QUỶ ÍCH KỶ** liền bước ra, nói :
— Thưa Thái tử, tôi không hoài nghi như bạn kia, nhưng tôi có điều muốn nói với Ngài : *"Sau khi thành đạo, Ngài hãy bước vào chốn Phật đài một mình Ngài thôi !"*



❸ Một bầy **QUỶ THAM** tách ra khỏi đám đông, đến vây quanh cây Bồ đề. Đủ mọi gương mặt xấu xí : quỷ THAM TIỀN, quỷ THAM DANH, quỷ THAM SỐNG... Chúng lần lượt trổ tài hùng biện, cố thuyết phục Sa Môn ngưng việc tìm Đạo và hãy trở về với cảnh giàu sang phú quý.



❶ Thình lình một bầy **QUỶ SÂN** ào ào xông tới. Những gương mặt đỏ gay. Những cặp mắt long lanh. Những tia nhìn hung dữ. Chúng nghênh ngang đi qua đi lại, miệng không ngớt ca ngợi "thành tích" của chúng.





Sa môn Gotama im lặng, nhìn chúng với ánh mắt hiền lành mà cương quyết. Kỳ diệu thay ! Vẻ hung ác, vẻ nóng giận của chúng dịu xuống rồi tan biến như mây gặp gió.



❺ QUỶ SI mỉm cười :
— Thưa Thái tử, tôi không quen "gầm thét" như bạn Sân, không "thu gom" như bạn Tham, nhưng tôi mạnh hơn họ. Đồ đệ của tôi đông vô số. Ngài có thể đếm xem, mỗi ngày có bao nhiêu gã si mê làm theo lời bọn tôi ?

Hạt si mê do bọn tôi gieo trồng tuy chưa mọc khắp thế gian nhưng nhất định bọn tôi sẽ thành công. Tôi khuyên Ngài chớ có giúp người đời giác ngộ mà vô tình chống lại chúng tôi...

Mặc cho lũ QUỶ SI dụ dỗ, đe doạ, sa môn Gotama vẫn ngồi yên.



⑥ QUỶ DỤC TÌNH * bước ra. Theo sau hắn là một bầy con gái xinh đẹp, ăn mặc rất khêu gợi, với thân hình uốn éo theo điệu nhạc du dương.

Thế nhưng Sa Môn không hề bị lôi cuốn.



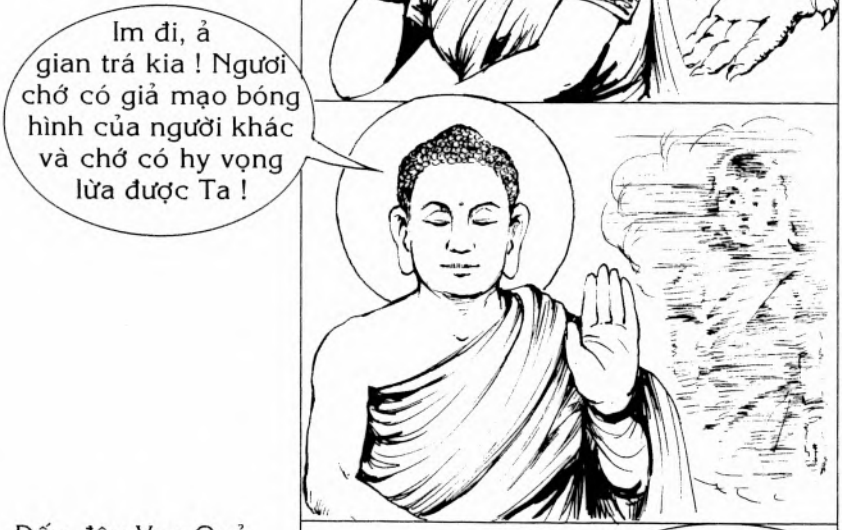
Kamma thất vọng, bảo bọn vũ nữ rút lui rồi đánh một đòn ác liệt : cho công chúa Da-du-đà-la tiến đến trước mặt sa môn Gotama...



* Quỷ Kamma.

Bằng những lời lẽ thống thiết, công chúa kể lể những nỗi cô đơn của mình trong 6 năm qua, nghẹn ngào nhắc lại những kỷ niệm êm đềm của ngày xa xưa...





Đến đây Vua Quỷ giận sôi lên, nói lớn với đồng bọn :
— Thôi đủ rồi ! Chúng ta không còn cách nào khác. Phải giao chiến thôi !

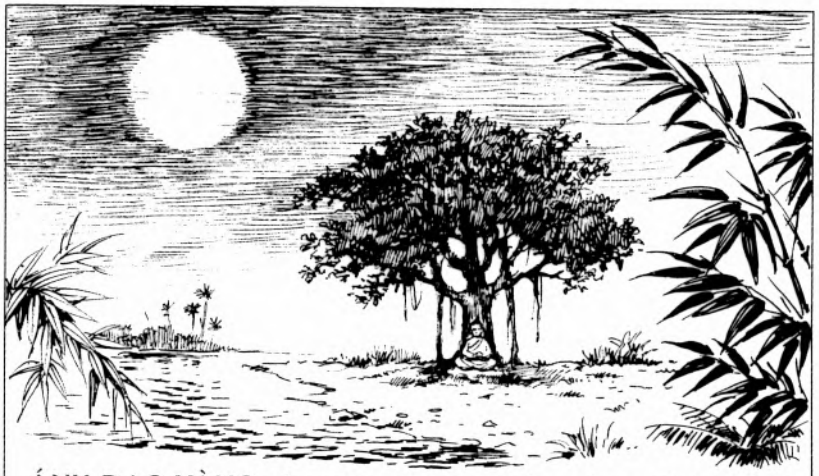




Vừa dứt lời, Vua Quỷ phất tay ra hiệu. Lập tức bầu trời tối sầm lại. Mặt đất như rung chuyển. Gió thét. Mưa gào. Hàng vạn mũi tên si mê, hàng ngàn mũi giáo giận dữ, hàng trăm móc câu tham lam, hàng chục lưỡi gươm ích kỷ... cùng bay về phía gốc cây Bồ-đề.



Nhưng kìa ! Từ trên trán sa môn Gotama phóng ra một ÁNH ĐẠO VÀNG thổi các binh khí rơi lả tả...



ÁNH ĐẠO VÀNG sáng rực, xua tan bóng đen, trả lại cảnh đêm trăng im vắng, thơ mộng cho khu rừng.

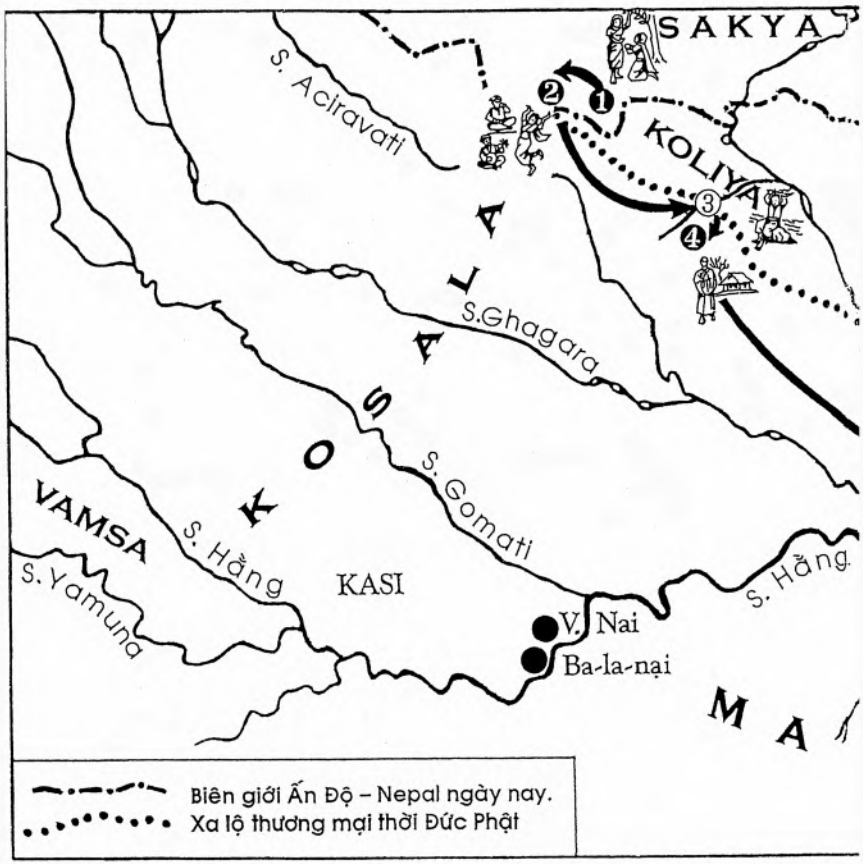
Câu chuyện ma quỷ tấn công sa môn Gotama đã được chép trong nhiều quyển kinh, nhưng ngày nay chúng ta hiểu chuyện đó như thế nào ?

Có ma quỷ thật chăng ? Và chúng đã làm như vậy ? Hay là ma quỷ trong câu chuyện, chỉ là hình tượng của cái ác tiềm ẩn trong cái tâm của mỗi người. Trong Tâm của một người, ***cái ác*** *không ngừng "đánh nhau" với* ***cái thiện*** *và tuỳ trường hợp, do cái nào thắng mà hành động của một người sẽ là hành động* ***tốt*** *hoặc* ***xấu****.*

Trong đêm đó, sa môn Gotama đã hoàn toàn chiến thắng mọi cái ác. Mọi loài ma quỷ đã vĩnh viễn rút lui khỏi ***cái tâm*** *của Ngài và Ngài đã thành Đạo.*

Bản đồ 1:

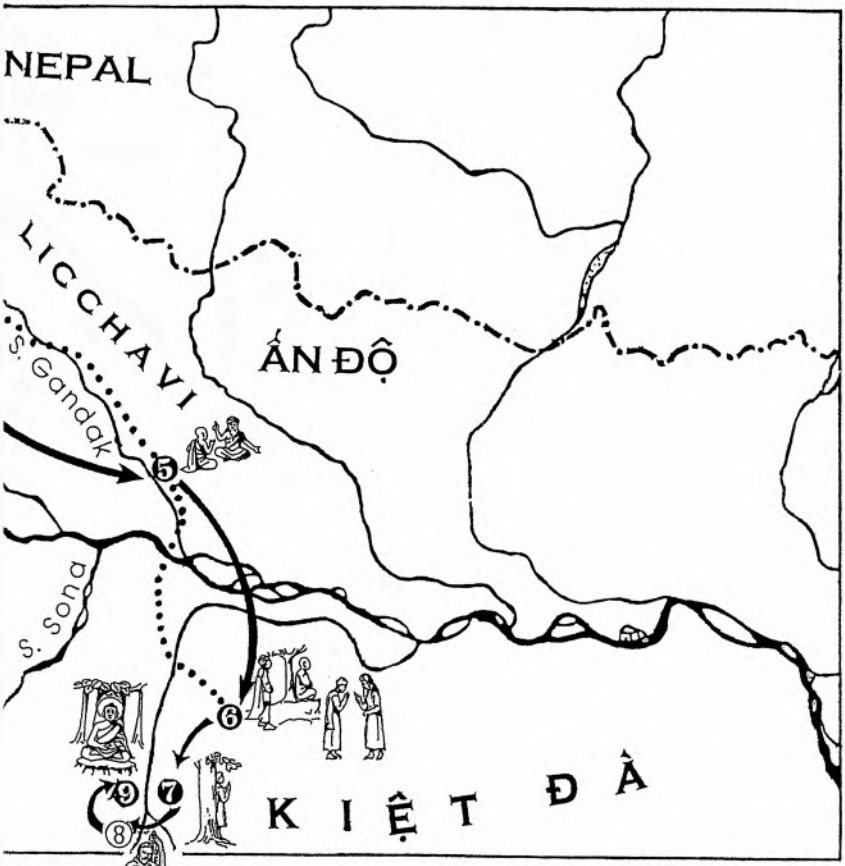
TỪ SƠ SINH



① Vườn Lâm-tỳ-ni (chào đời)
② Kinh đô Ca-tỳ-la-vệ (29 năm trong nhung lụa)
❸ Sông Anoma (cắt tóc)
④ Làng Anupiya (sống một tuần
⑤ Kinh đô Tỳ-xá-ly (gặp đạo sĩ
⑥ Kinh đô Vương Xá
(gặp vua Tần-bà-sa rồi học đạo

Theo dấu chân Phật

ĐẾN THÀNH ĐẠO



đầu tiên)
Alara Kalama)

với đạo sĩ Uddaka Ramaputta)

⑦ Vùng đất Uruvela (6 năm khổ hạnh)
⑧ Sông Ni-liên-thiền (xuống tắm, bỏ tu khổ hạnh)
⑨ Cây Bồ đề tại Uruvela (đắc đạo).

Phần thứ nhì

Phật Thích Ca thành lập Giáo hội

(Năm 589 trước Tây lịch)

1. Phật do dự trước khi truyền đạo

Sau khi thành đạo, Phật còn lưu luyến với cây Bồ-đề, nên đã tiếp tục sống tại đó suốt *một tuần lễ*.



Trong tuần lễ thứ nhì, Ngài sống dưới gốc cây đa-mục-tử* để giải thích cho một người Bà-la-môn về ý nghĩa của bộ kinh Vệ-đà của đạo Bà-la-môn.

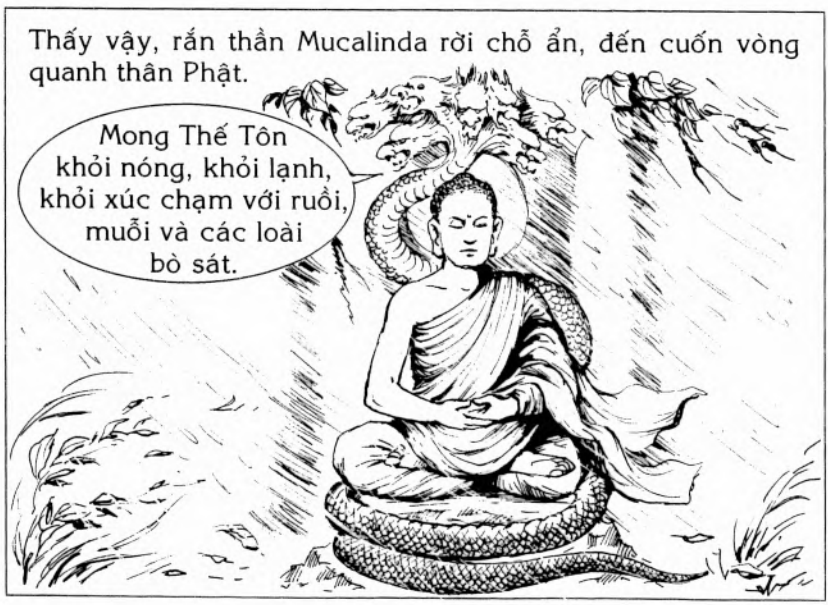


* Ficus Indica.



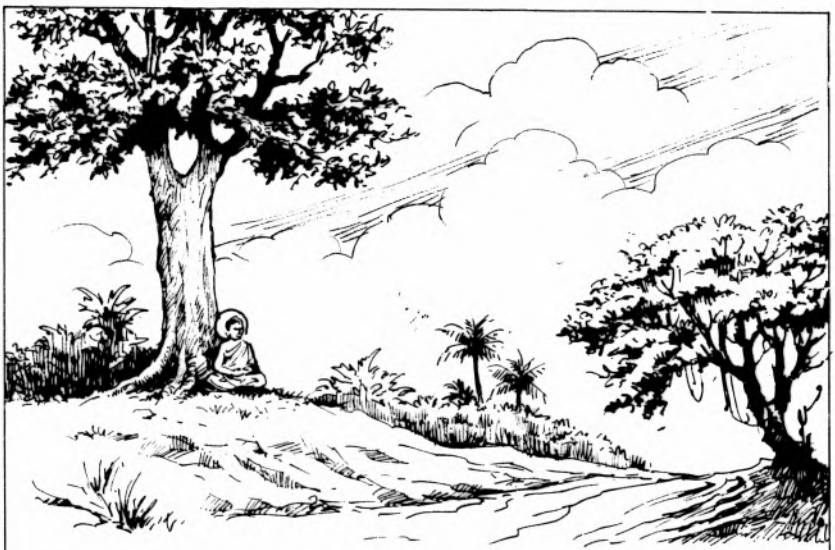
Sang *tuần lễ thứ ba,* trong lúc Phật ngồi kiết già thọ hưởng "lạc giải thoát" dưới gốc cây mucalinda thì một cơn dông đầu mùa nổi lên. Suốt 7 ngày đêm liền, không gian u ám, trời mưa tầm tã, gió lạnh thét gào...

Thấy vậy, rắn thần Mucalinda rời chỗ ẩn, đến cuốn vòng quanh thân Phật.





Bảy ngày sau, Thế Tôn ra khỏi giấc tham thiền. Lúc đó trời quang mây tạnh. Rắn thần rời khỏi thân Phật*, biến thành một chàng trai, chắp tay đảnh lễ Ngài.



Sau đó Phật rời gốc cây mucalinda, đến bên gốc cây buchanania latifolia và tạm trú tại đó thêm một tuần.

Trong *tuần lễ thứ tư* này có 2 thương gia tên là Tapussa và Bhallika đang trên đường từ Ukkala về Vương Xá. Khi đến gần nơi Phật ngự, hai người được một vị Trời (vốn là bà con trong một kiếp quá khứ) mách bảo :

— Đức Thế Tôn vừa đắc quả chánh giác, đang ngự dưới cội cây ở đằng kia ! Hai ngươi hãy mau đến đó, dâng bột và mật ong. Phước báu này sẽ đem lại cho hai ngươi nguồn an vui và hạnh phúc lâu dài.

Hai thương gia mừng rỡ, làm y theo lời, đến đảnh lễ Phật và thỉnh cầu Ngài nhận hai lễ vật khiêm tốn. Phật suy nghĩ :

— "Các đấng Như Lai không khi nào đưa tay thọ nhận vật thực. Không có bình bát, Như Lai làm sao nhận hai lễ vật này ?"



Lúc ấy Tứ đại Thiên vương, mỗi người mang một bình bát **bằng đá** tới, bạch rằng :

— Bạch Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ chấp nhận bốn bình bát này.

Phật làm cho bốn bình bát "nhập lại" thành một.

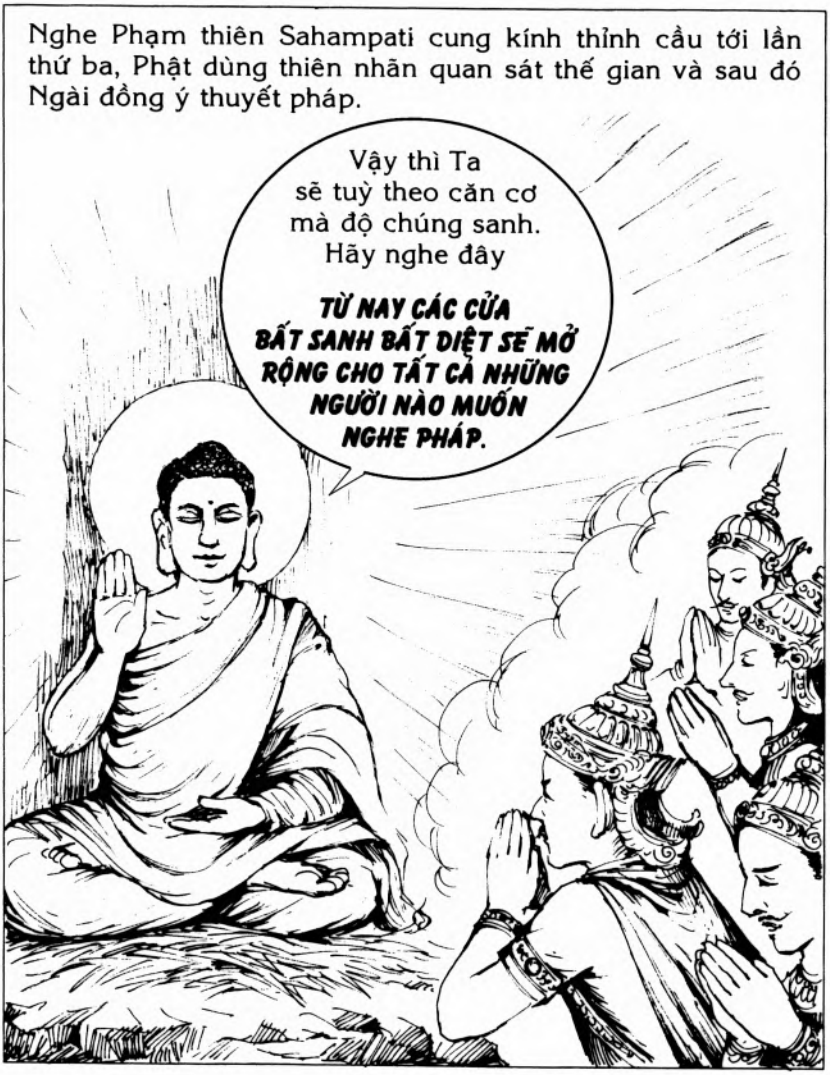
Sau khi Phật thọ thực xong, hai thương gia quỳ xuống và xin quy y Phật, quy y Pháp. **Đó là hai đệ tử tại gia đầu tiên của Phật.**

Trong *tuần lễ thứ năm,* Phật suy nghĩ kỹ về việc Ngài có nên truyền bá cái đạo mà Ngài vừa tìm thấy hay không ?

Pháp này thật sâu kín, khó thấy, khó chứng, siêu lý luận... mà chúng sanh thường ham thích ái dục. E rằng họ không hiểu nổi pháp này.

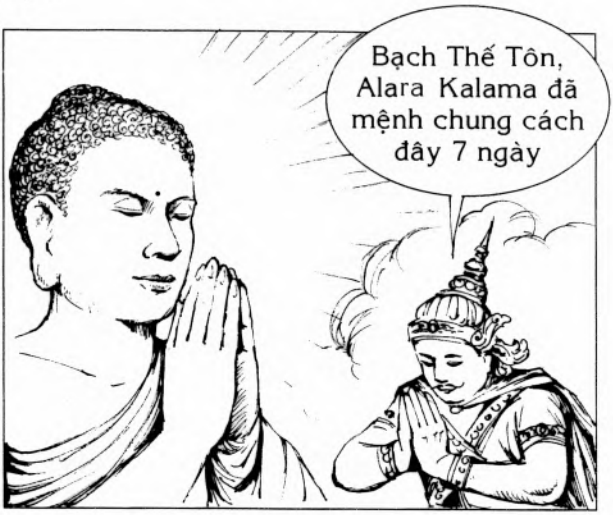
Lúc đó Phạm thiên Sahampati hiểu được ý Phật, nên xuống trần, xuất hiện trước mặt Phật.

Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp. Những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu họ không được nghe chánh pháp. Nếu những người đó được nghe chánh pháp, nhất định họ sẽ hiểu.


Nghe Phạm thiên Sahampati cung kính thỉnh cầu tới lần thứ ba, Phật dùng thiên nhãn quan sát thế gian và sau đó Ngài đồng ý thuyết pháp.
Vậy thì Ta sẽ tuỳ theo căn cơ mà độ chúng sanh. Hãy nghe đây
TỪ NAY CÁC CỬA BẤT SANH BẤT DIỆT SẼ MỞ RỘNG CHO TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI NÀO MUỐN NGHE PHÁP.

2. Phật giảng bài pháp đầu tiên ở Ba-la-nại

Sau khi quyết định thuyết pháp, Phật tìm người nghe "bài pháp đầu tiên" của mình. Ngài nhớ tới đạo sĩ Alara Kalama. Chư thiên đến báo tin.



Phật lại nhớ tới đạo sĩ Uddaka Ramaputta và cũng được chư thiên báo tin.



Phật liền dùng tuệ nhãn xác nhận hai "tin tức" đó.

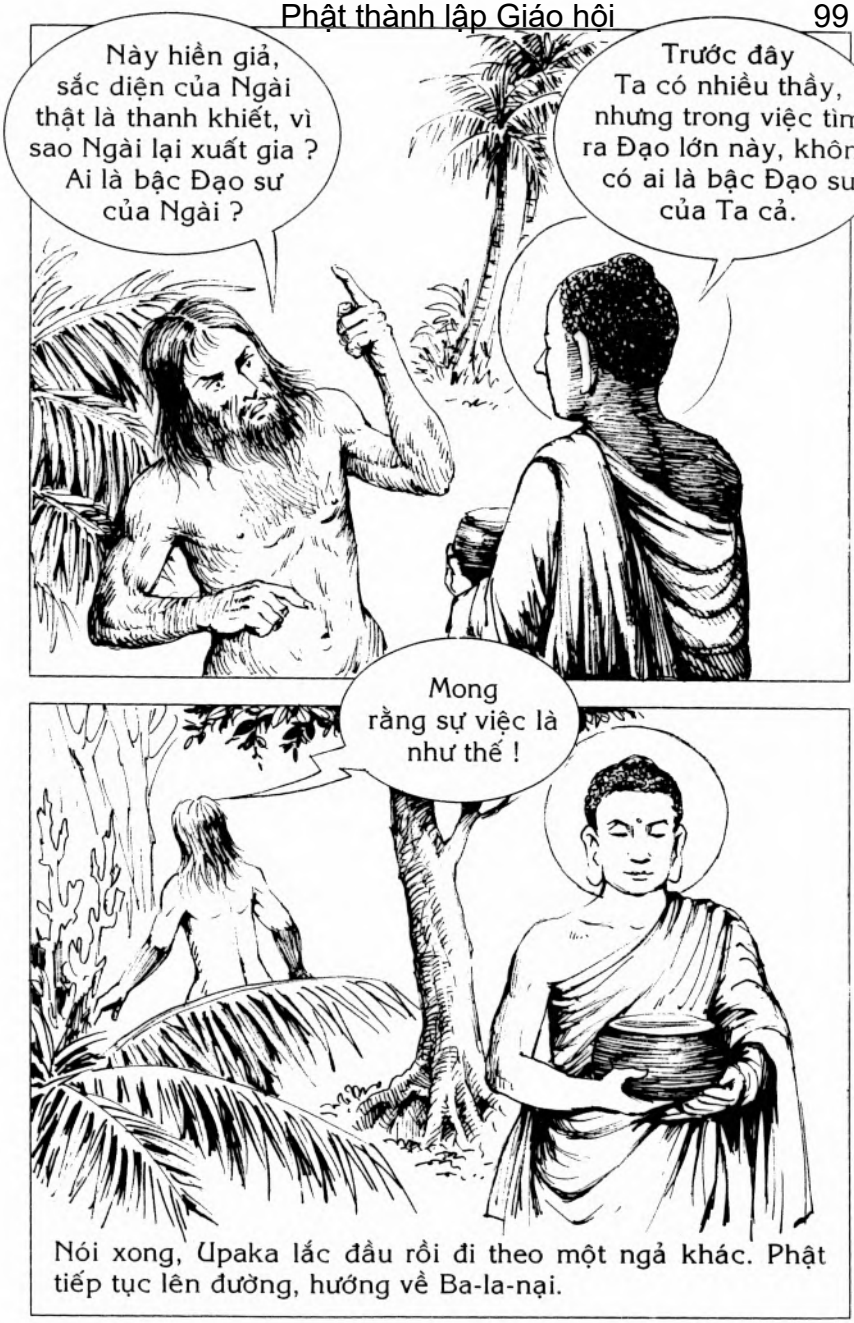


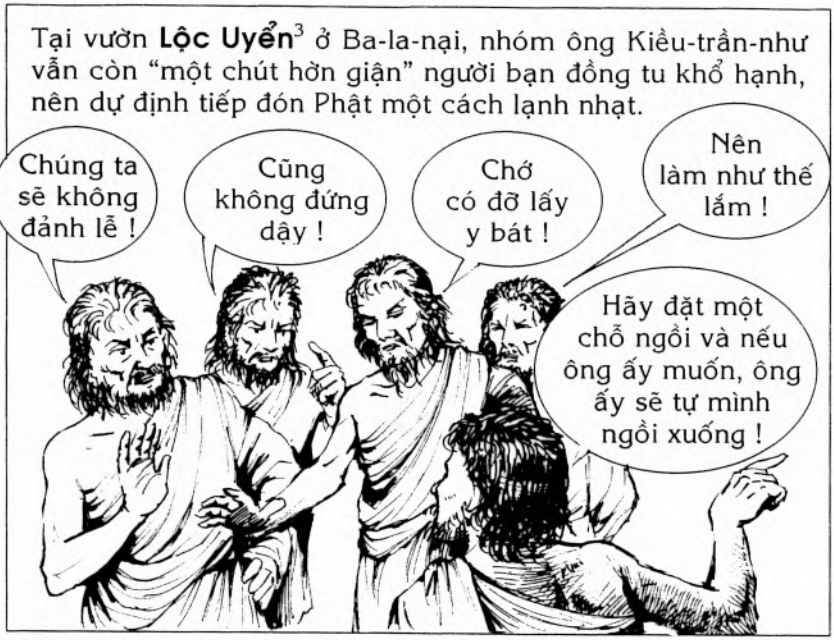
Với Phật nhãn, Phật nhìn thấy "Nhóm ông Kiều-trần-như" đang sống tại vườn Lộc Uyển, gần Ba-la-nại. Phật liền cất bước...

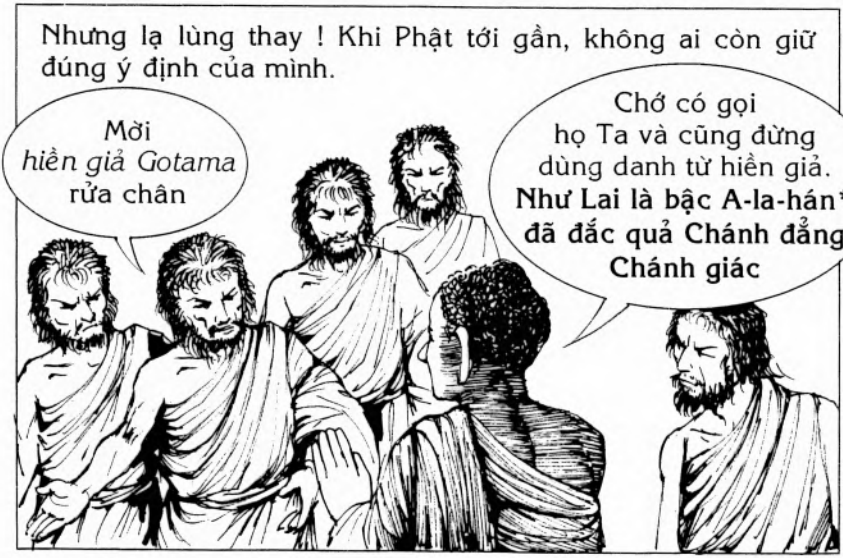


Khi đi trên quãng đường từ **Uruvela**[1] đến **Gaya**[2], Phật gặp một du sĩ loã thể *, tên là Upaka.

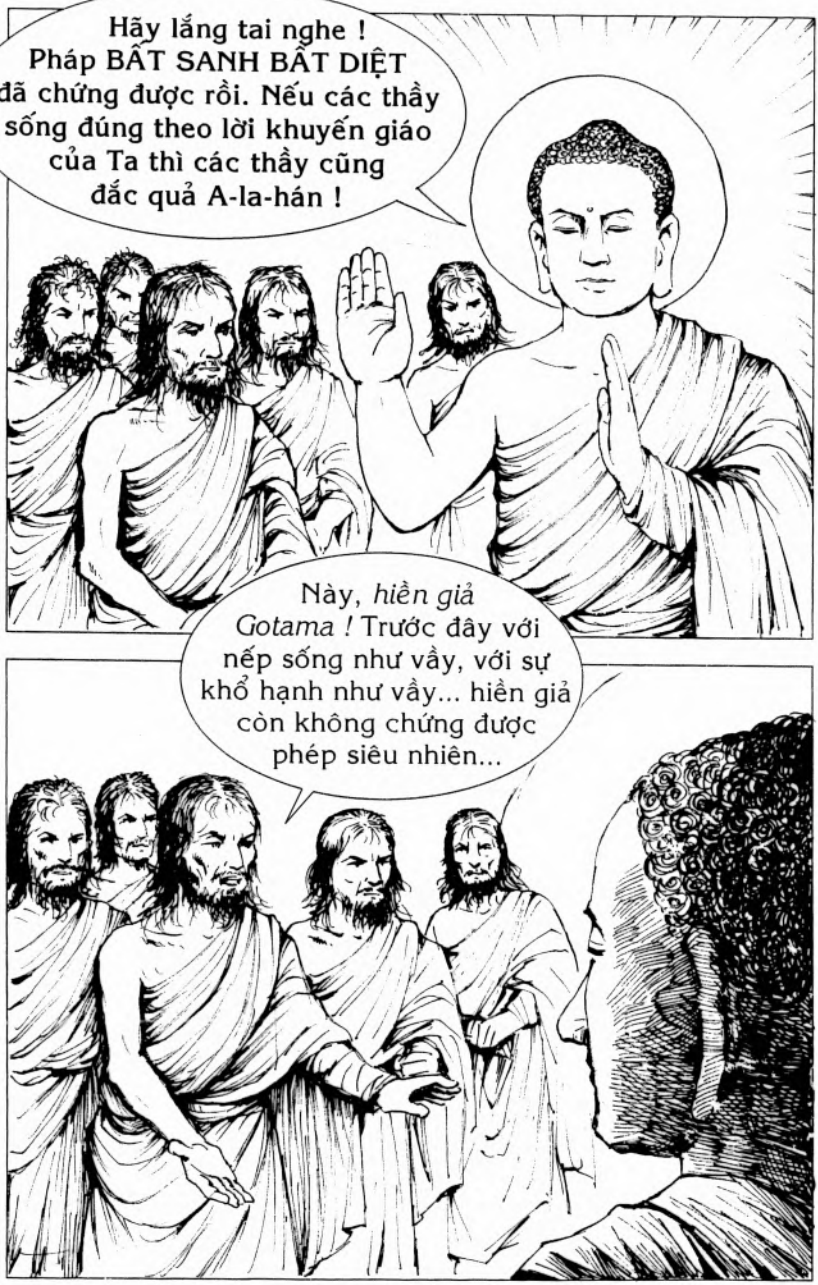
* Phái loã thể quan niệm rằng "bộ quần áo bằng không khí" mà họ đang mặc, là *"bộ y phục đức hạnh."*

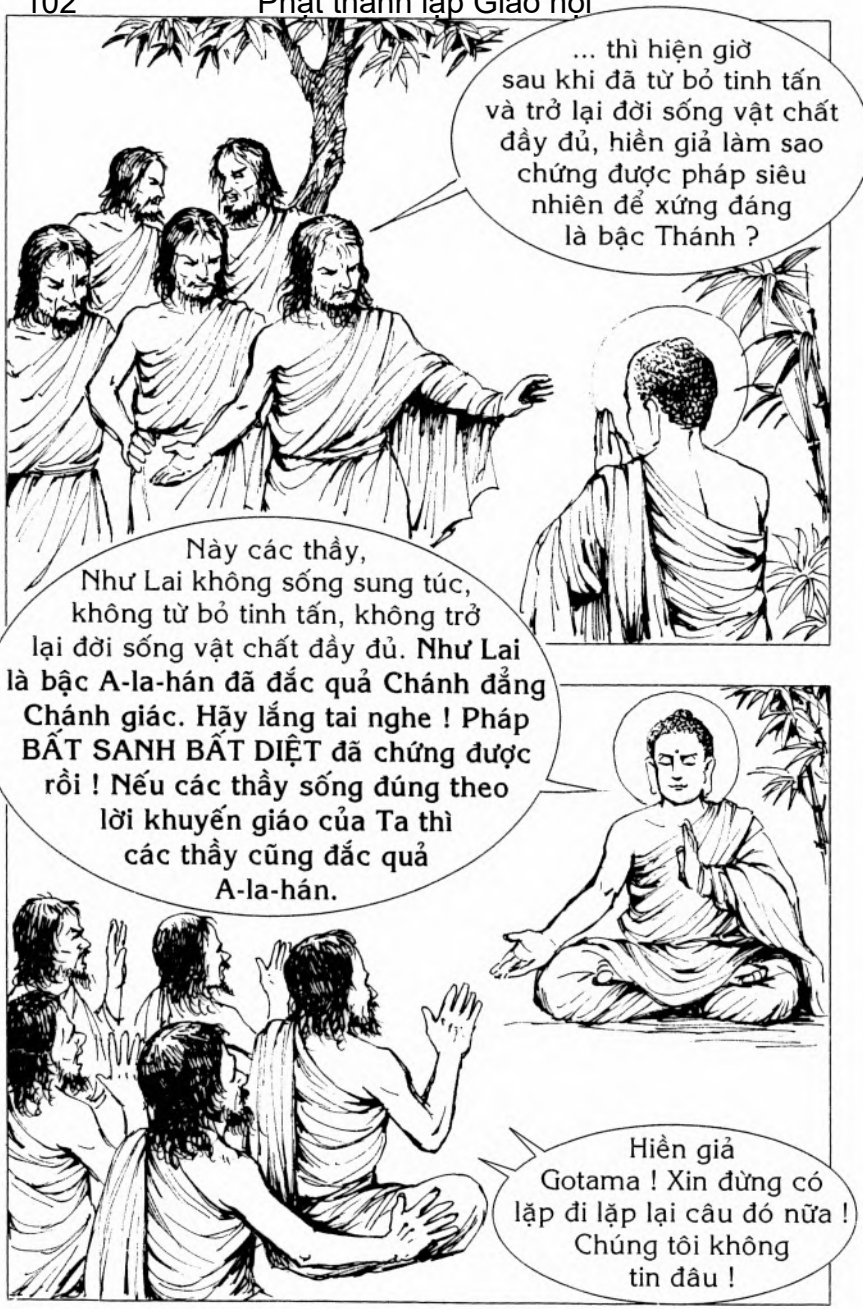

Này hiền giả, sắc diện của Ngài thật là thanh khiết, vì sao Ngài lại xuất gia ? Ai là bậc Đạo sư của Ngài ?
Trước đây Ta có nhiều thầy, nhưng trong việc tìm ra Đạo lớn này, không có ai là bậc Đạo sư của Ta cả.
Mong rằng sự việc là như thế !
Nói xong, Upaka lắc đầu rồi đi theo một ngả khác. Phật tiếp tục lên đường, hướng về Ba-la-nại.





* Như Lai : một trong nhiều danh hiệu của Phật Thích Ca. Đức Phật thường dùng danh từ này để tự xưng, khi nói chuyện. Như Lai có nghĩa là : *"Không từ đâu đến mà cũng không đi về đâu.*


Hãy lắng tai nghe ! Pháp BẤT SANH BẤT DIỆT đã chứng được rồi. Nếu các thầy sống đúng theo lời khuyến giáo của Ta thì các thầy cũng đắc quả A-la-hán !
Này, *hiền giả Gotama !* Trước đây với nếp sống như vầy, với sự khổ hạnh như vầy... hiền giả còn không chứng được phép siêu nhiên...


... thì hiện giờ sau khi đã từ bỏ tinh tấn và trở lại đời sống vật chất đầy đủ, hiền giả làm sao chứng được pháp siêu nhiên để xứng đáng là bậc Thánh ?
Này các thầy, Như Lai không sống sung túc, không từ bỏ tinh tấn, không trở lại đời sống vật chất đầy đủ. Như Lai là bậc A-la-hán đã đắc quả Chánh đẳng Chánh giác. Hãy lắng tai nghe ! Pháp BẤT SANH BẤT DIỆT đã chứng được rồi ! Nếu các thầy sống đúng theo lời khuyến giáo của Ta thì các thầy cũng đắc quả A-la-hán.
Hiền giả Gotama ! Xin đừng có lặp đi lặp lại câu đó nữa ! Chúng tôi không tin đâu !





Thế là nhóm Kiều-trần-như chấp nhận lời Phật nói. Sau đó Phật ở lại vườn Lộc Uyển để giảng dạy **5 tăng sĩ đầu tiên của mình.***



Phật giảng về **Tứ Diệu-đế** cho 2 người nghe trong lúc 3 người kia đi vào làng khất thực. Thức ăn đem về đủ cho 6 người.



Rồi Phật giảng cho 3 người nghe trong lúc 2 người kia vào làng khất thực...

* Sự việc quan trọng này diễn ra đúng 2 tháng sau ngày Phật thành đạo, tức là vào *ngày rằm tháng 2 âm lịch* năm 588 trước Tây lịch.



Kiều-trần-như là người đầu tiên thông hiểu giáo lý của Phật, được Phật nhận làm đệ tử, gọi là *tỷ kheo**. Như vậy **Kiều-trần-như là tỷ kheo đầu tiên trong lịch sử Phật giáo.**

Bốn vị còn lại lần lượt được Phật thu làm đệ tử và làm tỷ kheo. Đó là Vappa, Bhaddiya, Mahanama và Assaji**. Sau khi nghe Phật giảng bài **VÔ NGÃ*** thì 5 tỷ kheo đều đắc quả A-la-hán.

---

* Bikkhu : có nghĩa là *người khất thực ; khất sĩ.* Dịch âm là *tỷ kheo.*

** Bốn vị này là con của bốn trong số 7 người cùng với ông Kiều-trần-như (Kondanna) đến xem tướng Thái tử Tất Đạt Đa.

*** Cái ta (tức cái bản ngã) không thật có, cũng như không có cái linh hồn bất tử.

3. Bài pháp Tứ Diệu-đế của Phật

Trong bài pháp đầu tiên giảng ở Vườn Nai, Phật khuyên các đệ tử không nên mắc vào *hai sai lầm đối nghịch nhau.*

Một là, sự say mê vật chất, đắm mình trong các thú vui nhục dục, vì rằng có thú vui nhục dục nào không để lại sau nó những nỗi chán chường, mệt nhọc.

Hai là, không nên ép xác đến nỗi hình hài chỉ còn là "một bộ xương biết đi", còn tâm trí thì mệt mỏi mê mờ.

Ta tránh hai "con đường thái quá" đó bằng cách đi trên "con đường chính giữa," (con đường trung đạo) còn gọi là *con đường Bát Chánh đạo.* Được như vậy, ta sẽ thoát khỏi những nỗi khổ đau đang vây quanh ta suốt cả ngày đêm, suốt cả một kiếp người.

Thật vậy, trong khi sống, con người phải chịu biết bao đau khổ. SỰ ĐAU KHỔ LÀ CÓ THẬT. Và có tới BỐN SỰ THẬT dính dáng tới hai chữ "khổ đau". Bốn sự thật đó, chính là Tứ Diệu đế.

1. Sự thật thứ nhất

Sự có mặt của các nỗi khổ

(Khổ đế)

Sanh là khổ, *già* là khổ, *bệnh* là khổ, *chết* là khổ. *Phải sống chung với những người mình ghét*, là khổ. *Bị xa cách với người mình yêu*, là khổ. Gặp chuyện không vừa ý, là khổ. Nghèo thì khổ cực, buồn rầu ; giàu thì khổ tâm, lo lắng về gia sản... Không có con là khổ do quạnh hiu lúc tuổi già, nhưng có một bầy

con hư thì còn đau khổ hơn là bị cô độc ; có một đàn con ngoan cũng khổ : khổ theo những cơn bệnh hoạn, đau yếu, hay những điều bất hạnh xảy đến cho chúng...

2. Sự thật thứ nhì

Nguồn gốc của các nỗi khổ

(Tập đế)

THAM là nguyên nhân gây ra các nỗi khổ. Tham tiền, tham sắc, tham địa vị... Tham mà không được thì khổ đã đành, nhưng tham mà được thì lại càng tham hơn. Và, *càng tham thì càng khổ.*

3. Sự thật thứ ba

Việc chấm dứt các nỗi khổ

(Diệt đế)

Muốn không đau khổ thì phải "đốn bỏ" cây tham. Trước tiên phải mé nhánh nó rồi sau đó sẽ giảm nữa, giảm nữa, để sau cùng bứng luôn gốc.

Nếu càng tham càng khổ, thì *hết tham sẽ hết khổ.*

4. Sự thật thứ tư

Con đường phải theo để hết khổ

(Đạo đế)

Việc triệt hạ cái lòng tham không phải là chuyện dễ thực hiện. Nhưng khó, không có nghĩa là không làm được. Bạn hãy hăng hái đi trên con đường **Bát Chánh đạo** ! Bạn hãy dũng cảm đi trên con đường **Bát Chánh đạo** ! Nếu bạn không hề xa lìa con đường **Bát Chánh đạo** thì bạn sẽ thấy lòng mình bỗng bớt tham, bỗng được nhẹ nhàng như vừa xô một gánh nặng ra khỏi lòng mình. Như thế là bạn đã bỏ bớt được nhiều nỗi khổ rồi vậy.

CON ĐƯỜNG BÁT CHÁNH ĐẠO CÓ 8 NHÁNH

1. Chánh kiến

Chánh kiến là *thấy* đúng đắn, biết đúng đắn, không có ý sái quấy.

2. Chánh tư duy

Chánh tư duy là *suy nghĩ* chơn chánh, chỉ có toàn những tư tưởng đúng đắn, trong sạch. Những tư tưởng trong sạch đưa tâm hồn con người lên chốn thanh cao, còn tư tưởng thấp hèn đẩy con người xuống hàng bần tiện. Sự suy nghĩ chơn chánh gồm có :

— Suy nghĩ về việc *xuất gia*, tức là từ bỏ những dục lạc của trần thế.

— Suy nghĩ về các *điều thiện*, về cái tâm từ ái.

— Suy nghĩ về *tính hiền lương*.

3. Chánh ngữ

Chánh ngữ là *nói* những lời rất chân thật, êm ái và hiền hoà. Không nói dối, chửi rủa, nói đâm thọc.

4. Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là có các *hành động chơn chánh* : không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm.

5. Chánh mạng

Chánh mạng là *sống đời sống* chơn chánh, trong sạch, xa lìa các hoạt động tà, tạo nghiệp xấu : buôn bán khí giới, buôn bán nô lệ, buôn bán độc dược, buôn bán các chất gây say, gây mê.

6. Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn là *cố gắng* một cách chân chánh.

— Cố gắng làm tiêu trừ các việc ác đã phát sinh ; đè nén các việc ác đang hoặc sẽ phát sinh.

— Cố gắng làm lớn mạnh thêm các việc thiện đã có ; làm xuất hiện thêm các việc thiện khác.

Chánh tinh tấn rất quan trọng. Muốn được giải thoát, ta phải tự mình tinh tấn chớ không thể *nhờ, mua* hay *van xin, cầu nguyện* mà được.

7. Chánh niệm

Chánh niệm là *suy xét* về các chánh đạo. Có 4 phép chánh niệm: về thân ; về thọ, cảm ; về ý ; và về pháp.

— Chánh niệm *về thân* là trong khi hô hấp ta thấy thân ta chỉ là "một thứ vật chất" có thể tan rã chớ không hề vĩnh viễn là *thân của ta, của riêng ta.*

— Chánh niệm *về thọ, cảm* : hễ mỗi khi thấy vui, thấy buồn thì phải cho rằng đó chỉ là một mối cảm mà thôi, chớ không phải *ta vui,* hay *ta buồn.*

— Chánh niệm *về ý* : khi các tư tưởng tham sân si vừa xuất hiện thì phải cho rằng đó chỉ là ý tưởng mà thôi, chớ không phải *ta tham, ta sân* hay *ta si.*

— Chánh niệm *về pháp* : khi các mối sân hận, lo lắng, ... nổi lên thì phải suy xét mà "hạ" nó xuống.

8. Chánh định

Chánh định là *tập trung tư tưởng* một cách đúng đắn, là chú tâm vào một điểm, quyết đạt tới sự giải thoát.

Tóm lại, NỖI KHỔ là cái mà không ai muốn có, nhưng bạn hãy nhìn một dòng người đang xuôi ngược trên đường !

Đại đa số đó là những khuôn mặt trầm tư, đầy lo lắng với biết bao "mối tơ vò" ở trong lòng. Các Sanh Lão Bệnh Tử, những bài toán lợi nhuận, những chuyện yêu, ghét... đã làm cho họ quên ăn, ít ngủ. Và có thể họ cũng đau khổ luôn trong giấc mơ nữa.

Nhưng một khi bạn đã cất bước trên con đường Bát Chánh đạo thì trí óc bạn sẽ được thảnh thơi, tâm hồn bạn sẽ được nhẹ nhàng, CÁI KHỔ biến mất và HẠNH PHÚC xuất hiện.

4. Con đường Bát Chánh đạo và các ngành nghề

Bài *Tứ Diệu đế và con đường Bát Chánh đạo* được Phật giảng cho 5 vị tỷ kheo nghe tại Vườn Nai vào năm 588 trước Tây lịch. Đến nay gần 26 thế kỷ đã trôi qua, hiện bây giờ các cư sĩ (đang sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau) có thể tham dự vào con đường Bát Chánh đạo mà không cần phải xuất gia chăng ? — Được chớ !

Thật vậy, dù bạn làm nghề nào, con đường "tám nhánh" vẫn không làm cản trở bước đường công danh hoặc làm cho gia tài của bạn chậm tăng trưởng.

✯ Bạn đang là một học sinh, một sinh viên ? Nếu bạn luôn luôn bước đi trên *nhánh chánh ngữ* (không nói dối với cha mẹ-thầy cô, không lừa gạt bạn bè) ; và *nhánh chánh định* (tập trung tinh thần vào việc học) thì từ gia đình đến học đường, không ai không yêu quí bạn !

✯ Nếu bạn là một lương y, một bác sĩ, một y tá... thì chính cái *tâm từ ái* và *sự tận tuỵ với nghề* của bạn sẽ làm cho người đời tôn bạn là *từ mẫu*.

✯ Nhưng, nơi các thương gia và các nhà doanh nghiệp thì sao ? Bạn hãy cứ tính toán, hãy cứ tìm mọi cách làm sao cho công ty của bạn thu được nhiều lợi nhuận nhất, nhưng vì bạn đã đi trên con đường Bát Chánh đạo nên "cái cách cộng-trừ-nhân-chia" của bạn sẽ rất chánh đạo và nhân đạo. Như vậy lẽ đâu bạn không được hạnh phúc ?

✯ Bây giờ bạn hãy nhìn những người "xuất sắc" kia. Họ đã tính toán một cách siêu việt theo chiều hướng lợi mình hại người (buôn bán chất gây nghiện, hàng lậu) nhưng rồi cuối cùng, họ có giữ nổi mạng sống của họ không ?

Còn đối với những kẻ xấu mà thoát khỏi lưới pháp luật, liệu trong những ngày cuối đời, ông ta có sống một cách an nhiên, tự tại không ?

Đó là số phận dành cho những người đi chệch ra khỏi con đường Bát Chánh đạo.

Ở cuối con đường Bát Chánh đạo là khu vườn giải thoát, còn dọc hai bên đường thì đầy hoa thương yêu và trái hạnh phúc.

Hoa, trái nhiều vô tận ! Khu vườn rộng vô biên !

Hãy bước vào con đường Bát Chánh đạo !

5. Phật độ cho Yasa và các bạn hữu của chàng

Ở Ba-la-nại có một thanh niên tên là Yasa, được cha mẹ nuông chiều rất mực.



Là người giàu nhất thành phố, cha của Yasa không để chàng thiếu thốn một thứ gì. Thế nhưng chàng lại chán ngán cảnh sống xa hoa.



Yasa có nghĩa là *danh vọng, sự thành công.*

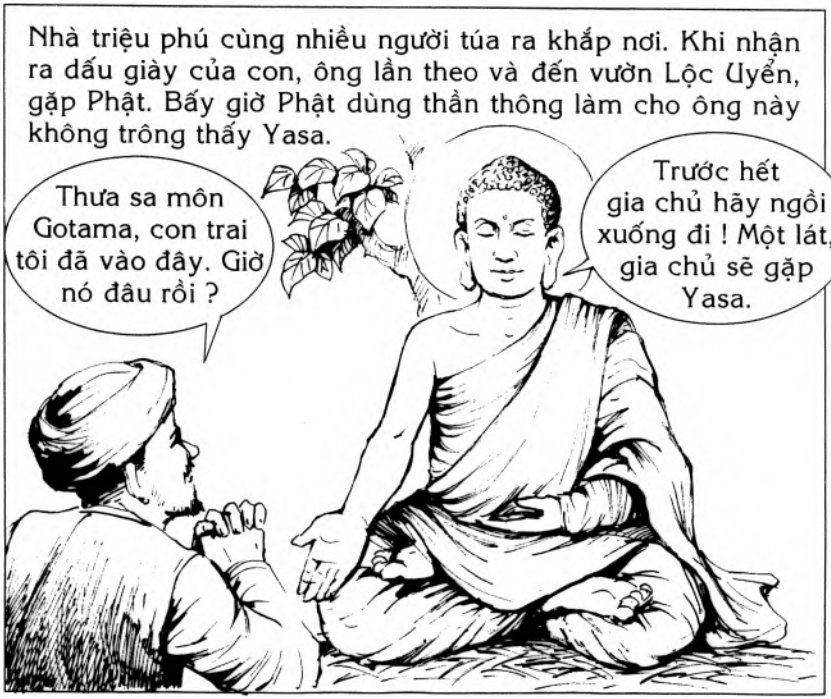
Một sáng kia Yasa đến thăm vườn Lộc Uyển vừa lúc Phật đang đi kinh hành. Thấy chàng từ xa, Phật bước ra ngoài đường kinh hành, đến ngồi tại một nơi đã chuẩn bị sẵn, Yasa đứng cách đó không xa, than thở.





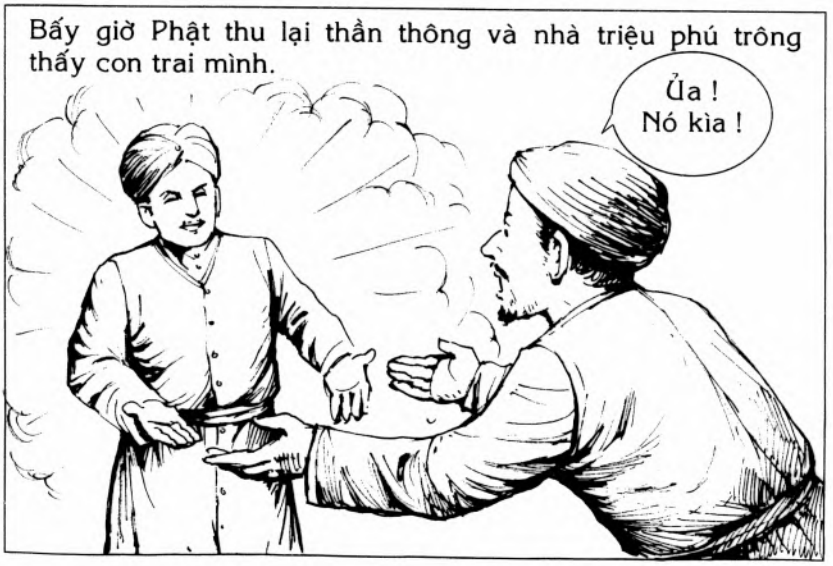
Yasa hoan hỷ cởi đôi giày thêu chỉ vàng ra và đến ngồi xuống một bên. Phật giảng cho Yasa nghe *các đề tài dễ hiểu* như bố thí, trì giới... Rồi khi thấy chàng có khả năng tiếp thu thêm, Ngài giảng tiếp đề tài Tứ Diệu-đế*.

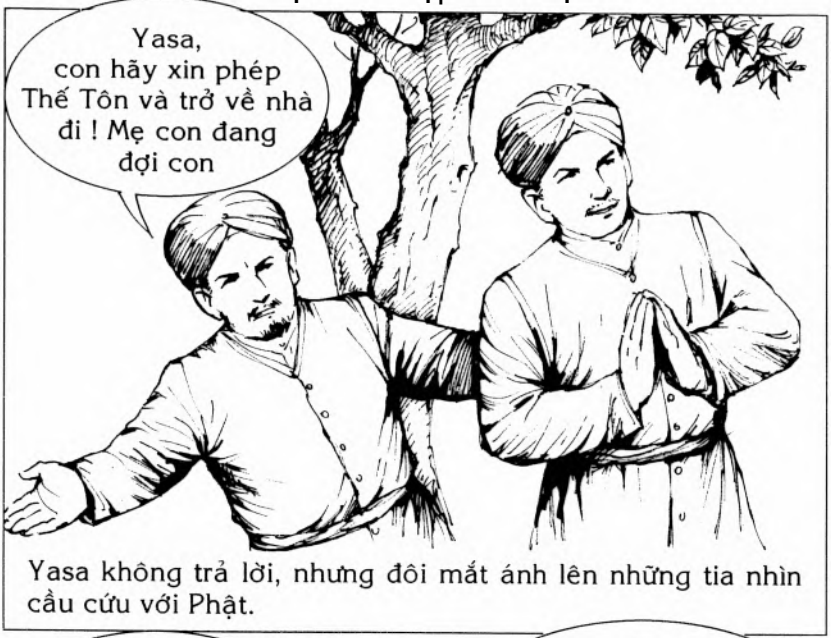

Trong thời gian đó, bà triệu phú thúc giục chồng đi tìm con.
Này ông, ông mau mau đi xem Yasa đang ở đâu ?


Nhà triệu phú cùng nhiều người túa ra khắp nơi. Khi nhận ra dấu giày của con, ông lần theo và đến vườn Lộc Uyển, gặp Phật. Bấy giờ Phật dùng thần thông làm cho ông này không trông thấy Yasa.
Thưa sa môn Gotama, con trai tôi đã vào đây. Giờ nó đâu rồi ?
Trước hết gia chủ hãy ngồi xuống đi ! Một lát, gia chủ sẽ gặp Yasa.

Triệu phú mừng rỡ ngồi xuống một bên. Phật giảng theo phương pháp thuận thứ, nhưng vì lòng đang lo lắng nên triệu phú chỉ lãnh hội được các đề tài dễ hiểu. Sau đó ông xin quy y. *Như vậy cha của Yasa là người đầu tiên quy y với đầy đủ 3 ngôi tam bảo :* **Phật, Pháp, Tăng.**







Yasa không trả lời, nhưng đôi mắt ánh lên những tia nhìn cầu cứu với Phật.



Trước lời yêu cầu của triệu phú, Phật **im lặng nhận lời.**

Thấy cha đã ra về, Yasa xin Phật cho chàng được thọ giới tỷ kheo.





Sáng hôm sau, Phật và các tỷ kheo đến nhà của triệu phú. Mẹ và vợ cũ của tỷ kheo Yasa cũng ra chào đón.



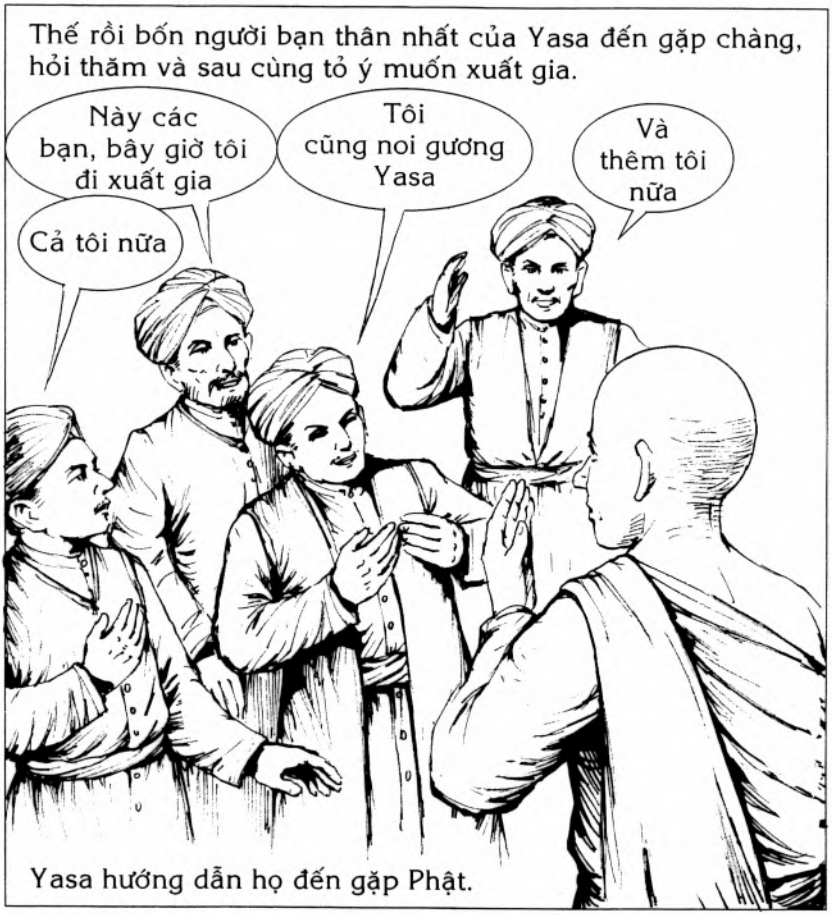
Phật giảng thuận thứ cho hai người phụ nữ này nghe. Sau đó hai bà xin quy y Tam bảo và trở thành **hai nữ cư sĩ đầu tiên của Phật.**



Suốt buổi sáng hôm đó, gia đình Yasa rất hoan hỷ, cúng dường thức ăn cho Phật và chư Tăng.

Tin tức về việc gia đình Yasa quy y Phật đã gây ra một chấn động lớn tại Ba-la-nại.





Ít lâu sau, 50 người bạn của Yasa tại các vùng lân cận của Ba-la-nại cũng noi gương chàng. Chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả 55 người đều đắc quả A-la-hán.

6. Phật an cư mùa mưa đầu tiên tại vườn Lộc Uyển

Ở Ấn Độ, vào mùa hạ (từ đầu tháng 7 đến cuối tháng 9 dương lịch) trời thường có mưa. Những đám mây đen khổng lồ từ trên không gian tuôn nước xuống, làm mát lòng đất lẫn lòng người.



Sông hồ trước đây khô cạn thì nay... mênh mông nước !

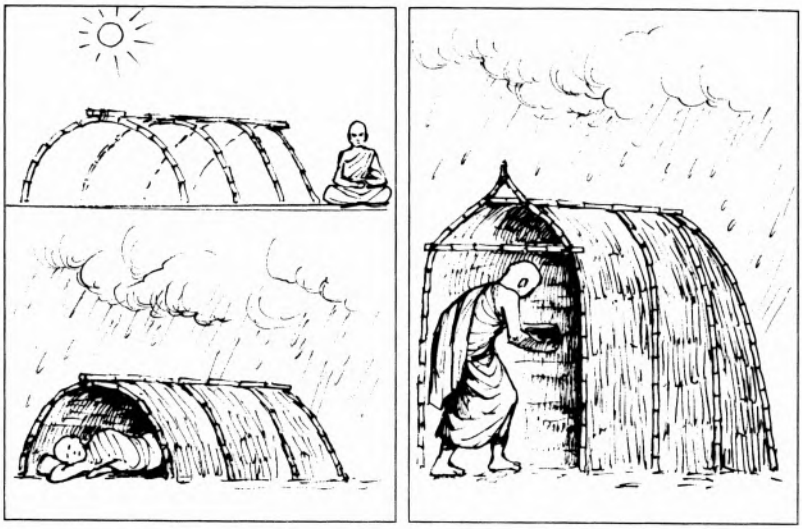




Cỏ cây như được tiêm thêm một nguồn sinh lực mới, lớn lên như thổi. Khắp nơi hiện ra một màu xanh ấm no.



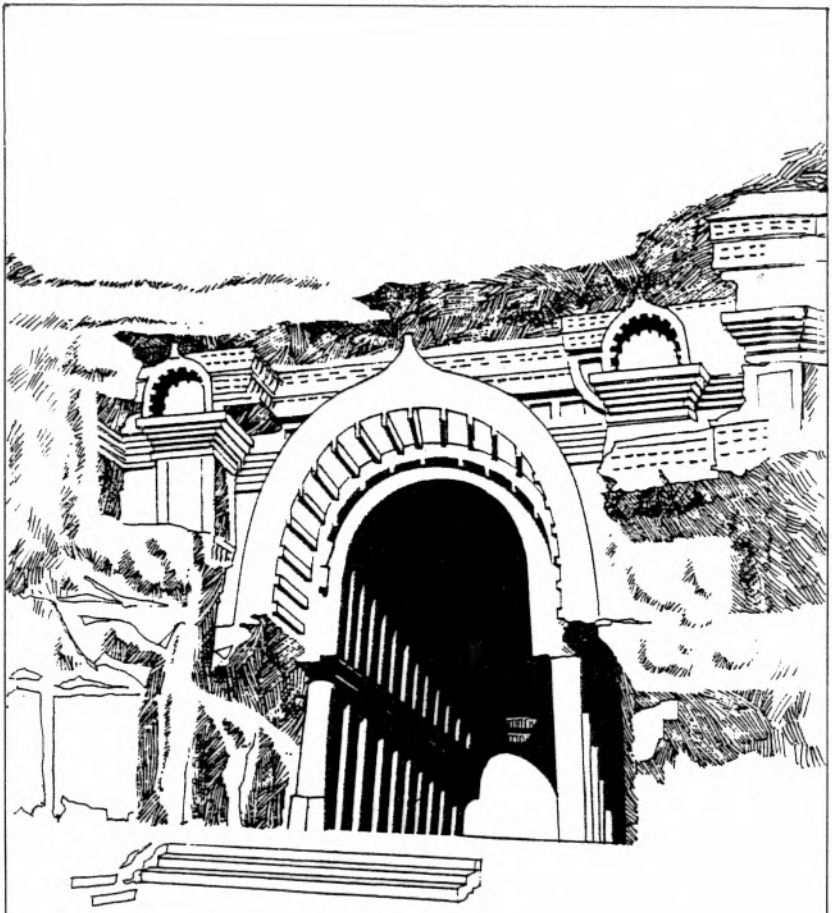
Nhưng mùa mưa cũng gây ra vài bất lợi cho các tăng sĩ : **đường sá lầy lội khó đi, các loài côn trùng và các loài động vật nhỏ sinh sản thật nhiều** khiến cho các tỷ kheo không dám đi khất thực, vì sợ đạp phải chúng.



Thế là trong 3 tháng có mưa nhiều, Phật và các tỷ kheo phải *an cư kiết hạ* : ở yên tại một chỗ để tu học.

Mùa an cư kiết hạ đầu tiên của Phật (năm 589 trước Tây lịch) diễn ra tại vườn Lộc Uyển. Phật và các tỷ kheo sống trong những căn lều bằng tre có mái lợp bằng cây sậy. Mỗi tỷ kheo tự mình dựng lấy một cái chòi thấp lè tè để tạm trú trong mùa an cư rồi sau đó dỡ bỏ đi. Về sau, giới cư sĩ cúng dường chư tăng những căn lều rộng hơn và cao khỏi đầu người, nhưng cũng bằng các vật liệu dễ hỏng, chỉ chịu được trong mấy tháng mưa mà thôi. Khi tỷ kheo Dhaniya vốn quen nghề làm đồ gốm bằng đất sét trước kia, đã tự xây cho mình một căn lều hình bán cầu bằng đất sét rồi nung lửa bên trong, tạo nên một kiểu lều gạch vững chắc. Đức Phật không đồng ý và ra lệnh huỷ bỏ nó đi. Ngài không chỉ muốn cấm tục lệ đốt lửa giết hại nhiều sinh vật nhỏ trong tương lai mà có lẽ Ngài còn muốn ngăn cản tỷ kheo Dhaniya biến nơi ấy thành một trú xứ vĩnh viễn, vì vị ấy đã ở đó gần một năm. Một số tỷ kheo khôn ngoan hơn Dhaniya đã xây lều trên sườn núi Isigili (Thánh Sơn) gần Vương Xá và hạ chúng xuống sau mùa mưa.

Việc xây dựng các kiểu nhà vững chắc như vậy cứ tăng dần, dẫn đến việc một số tỷ kheo vẫn ở lại trong tinh xá sau khi mùa mưa chấm dứt. Đức Phật không cấm điều này mặc dầu Ngài không hài lòng với những cách tự tách rời ra khỏi nếp sống của sa môn như vậy. Song chính Ngài cũng chấp nhận một tục lệ khác cứ len lỏi vào, đó là thường an cư mùa mưa ở cùng một địa điểm và ưu tiên chọn cùng một tinh xá như cũ : Trong khoảng cuối đời, Ngài an cư liên tục 25 năm tại các tinh xá ở Xá Vệ *(Đức Phật Lịch Sử, trang 401)*.



Các hang ở phía Tây của Ấn Độ theo mẫu kiến trúc có khung sườn của tịnh xá thời nguyên thuỷ. Mặt tiền vòng cung với nóc nhọn gợi lại hình ảnh các lều tre buổi sơ khai. Hang động này ở Bhaja phía Tây Poona (Pune) được chạm trổ vào thế kỷ thứ I trước Tây lịch và vẫn được sử dụng mãi đến thế kỷ thứ VI sau Tây lịch.

(Đức Phật Lịch Sử trang 405).

7. Đoàn tăng sĩ thuyết pháp đầu tiên

Khi mùa mưa chấm dứt, Phật họp 60 đệ tử lại, khuyên họ đi truyền đạo.

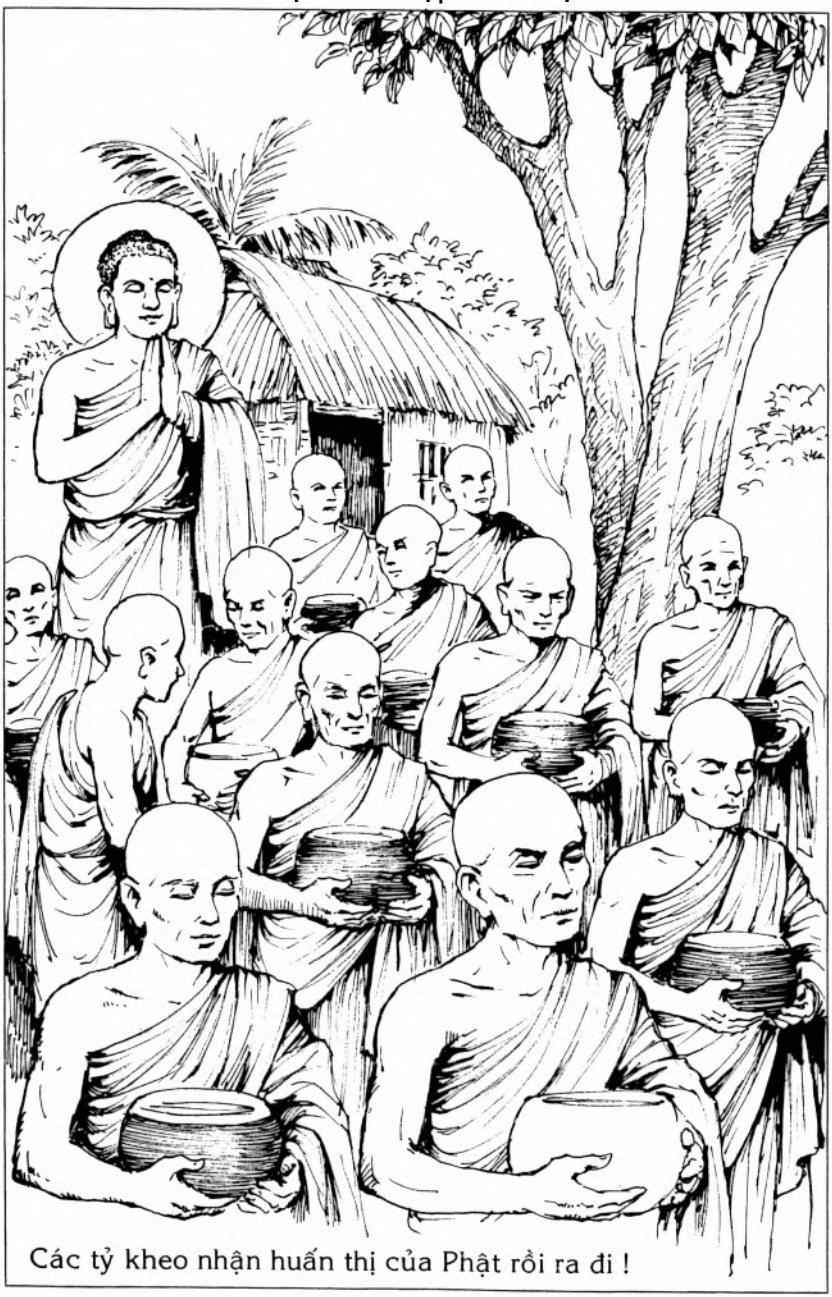
Hỡi các tỷ kheo, Ta đã được giải thoát khỏi mọi ràng buộc của thế gian và xuất thế gian ! Các thầy cũng vậy, cũng đã được giải thoát khỏi mọi ràng buộc của thế gian và xuất thế gian.*

Hãy đi ! Hỡi các tỷ kheo ! Vì lợi lạc của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của loài Trời và loài Người, các thầy hãy đi ! Nhưng đừng đi hai người cùng một hướng !

Hãy truyền bá đạo pháp ! Hỡi các tỷ kheo ! Đạo pháp toàn thiện ở phần đầu, phần giữa cũng như phần cuối, cả trong ý tứ lẫn lời văn.

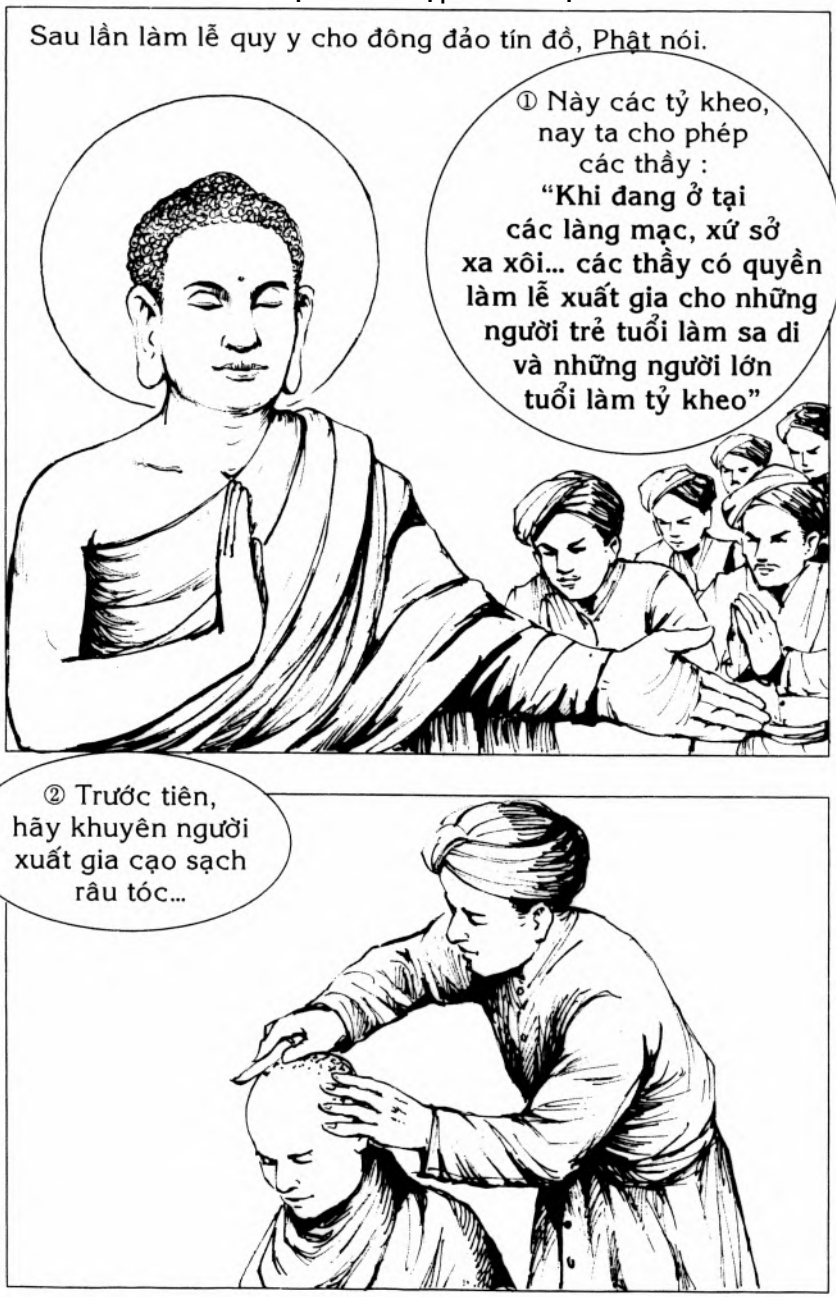
*Hãy tuyên bố về cuộc sống thánh, toàn thiện và thanh tịnh**.*

* *Xuất thế gian* : Cõi Trời.
** Lịch sử Đức Phật Thích Ca (trang 31). Hoà thượng Thích Minh Châu.



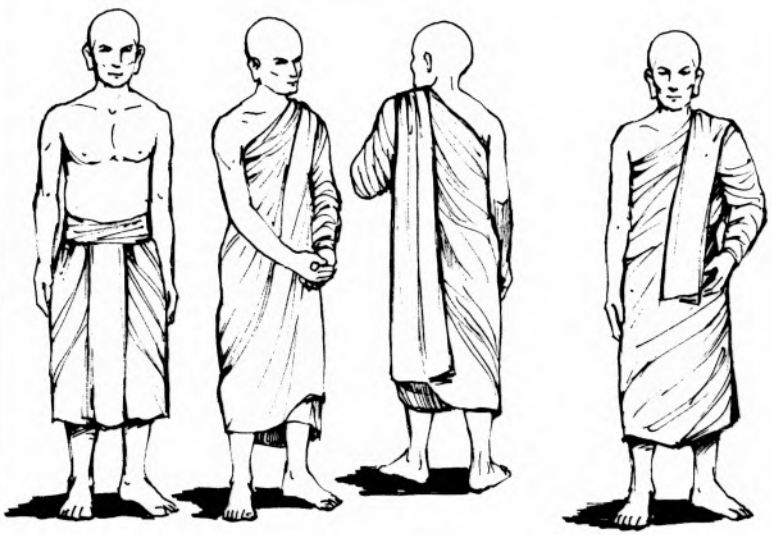
Các tỷ kheo nhận huấn thị của Phật rồi ra đi !


Ít lâu sau, các tỷ kheo đưa nhiều người về vườn Lộc Uyển
để xin thọ giới.


Sau lần làm lễ quy y cho đông đảo tín đồ, Phật nói.
① Này các tỷ kheo, nay ta cho phép các thầy : "Khi đang ở tại các làng mạc, xứ sở xa xôi... các thầy có quyền làm lễ xuất gia cho những người trẻ tuổi làm sa di và những người lớn tuổi làm tỷ kheo"
② Trước tiên, hãy khuyên người xuất gia cạo sạch râu tóc...


③ Kế đó, dạy cho họ cách mặc áo cà sa : *thượng y phủ lên vai trái, vai mặt để lộ ra*
④ Lúc người xuất gia đến đảnh lễ vị tỷ kheo truyền giới, ...
⑤ ...hãy cho phép người ấy quỳ xuống, cung kính nghiêng mình trước giới sư với hai tay chấp lại và đọc 3 lần các câu sau đây.
⑥ Đệ tử xin quy y Phật
Đệ tử xin quy y Pháp
Đệ tử xin quy y Tăng
(3 lần)

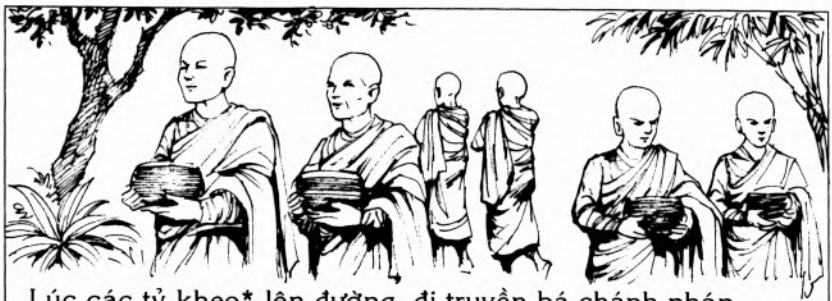
TỶ-KHEO ĐẮP Y



Ba y của tỷ-kheo :

Y dưới (hạ y)	Y trên (đắp qua vai) (thượng y)	Y ngoài (được xếp lại) (ngoại y)

8. Ba mươi thanh niên được giác ngộ



Lúc các tỷ kheo* lên đường, đi truyền bá chánh pháp...

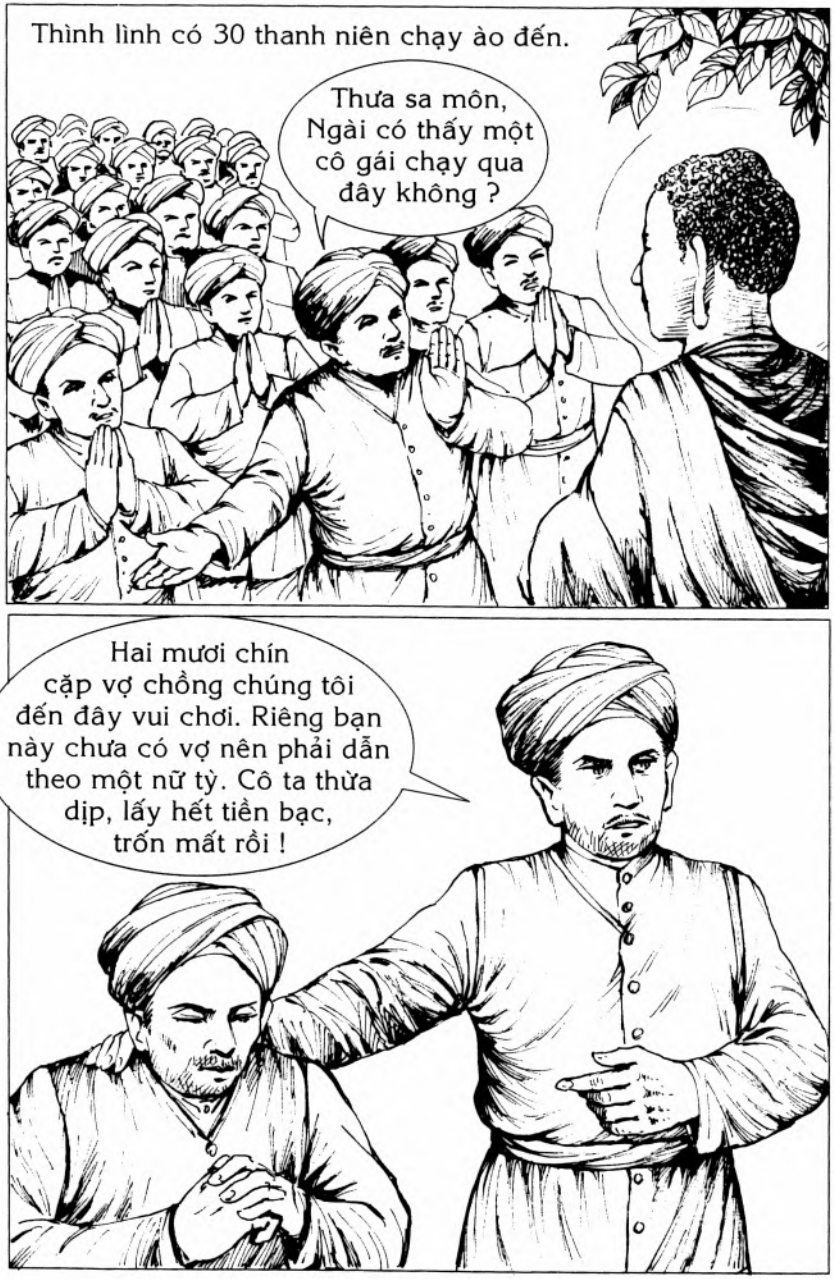
... thì Phật cũng cất bước trở lại Uruvela với ý định thuyết pháp cho những người đã cúng dường thức ăn cho Ngài khi Ngài còn là nhà tu khổ hạnh.

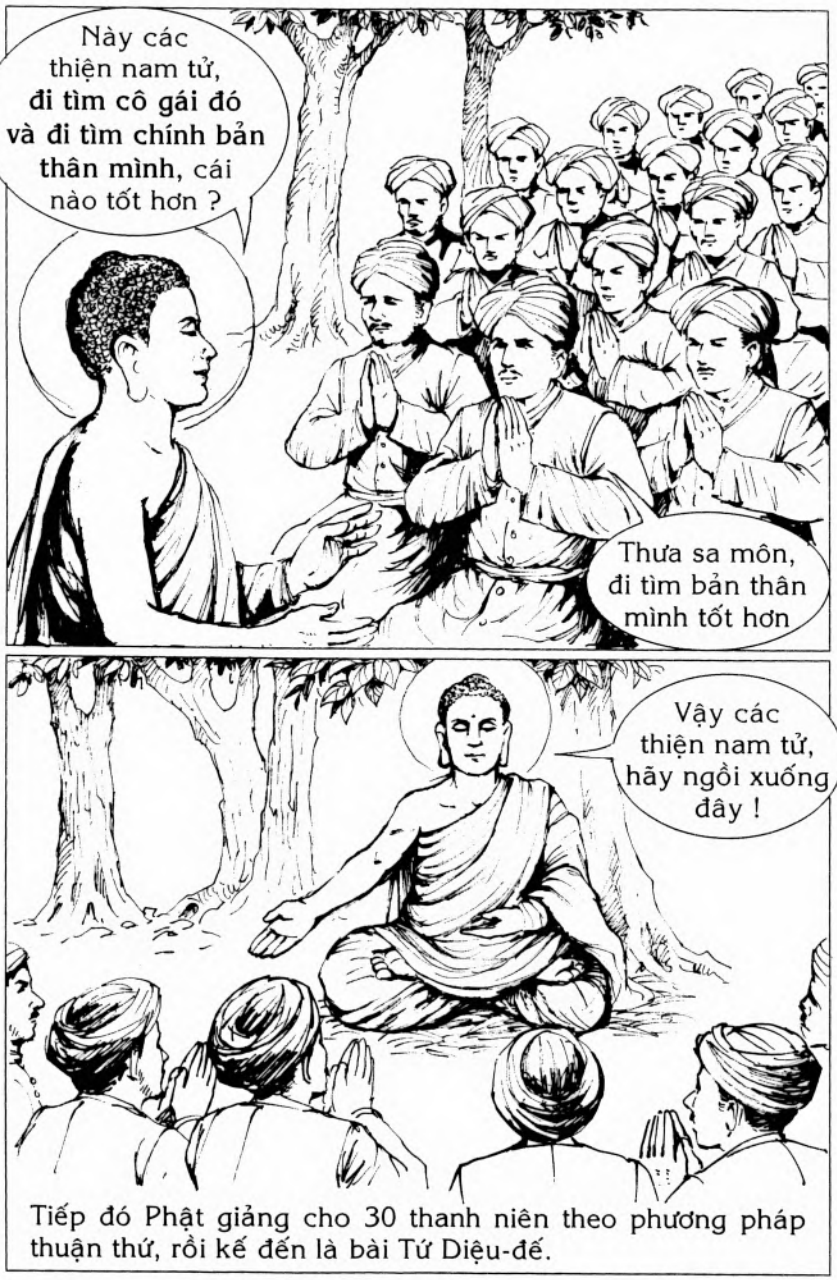
Dọc đường Ngài ngồi nghỉ tại một cánh rừng nhỏ.





* Trong số 60 tỷ kheo đầu tiên của Phật, Kiều-trần-như và vài vị ở lại giữ "ngôi chùa đầu tiên" tại Vườn Nai, còn tất cả đều lên đường.


Thình lình có 30 thanh niên chạy ào đến.
Thưa sa môn, Ngài có thấy một cô gái chạy qua đây không ?
Hai mươi chín cặp vợ chồng chúng tôi đến đây vui chơi. Riêng bạn này chưa có vợ nên phải dẫn theo một nữ tỳ. Cô ta thừa dịp, lấy hết tiền bạc, trốn mất rồi !



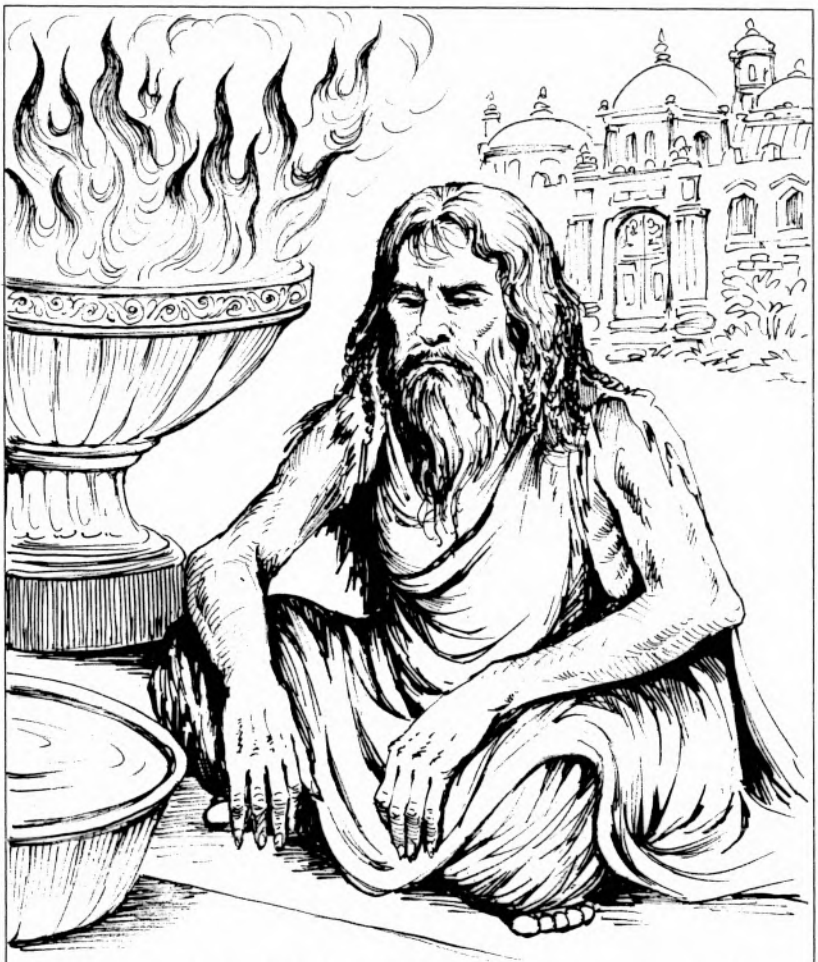
Tiếp đó Phật giảng cho 30 thanh niên theo phương pháp thuận thứ, rồi kế đến là bài Tứ Diệu-đế.



Cuối bài giảng, cả 30 thanh niên đều giác ngộ và được xuất gia* tại chỗ. Sau đó Phật dặn dò họ đến Vườn Nai gặp Kiều-trần-như.

* Trước đây, lúc quy y cho Nhóm ông Kiều-trần-như, Phật chỉ nói *"Hãy đến đây, tỷ kheo !"* (Ehi, Bhikkhu) chớ không có làm lễ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Đối với trường hợp của 30 thanh niên này, Phật cũng áp dụng lối quy y đó.

9. Ba ông Ca-diếp được giác ngộ



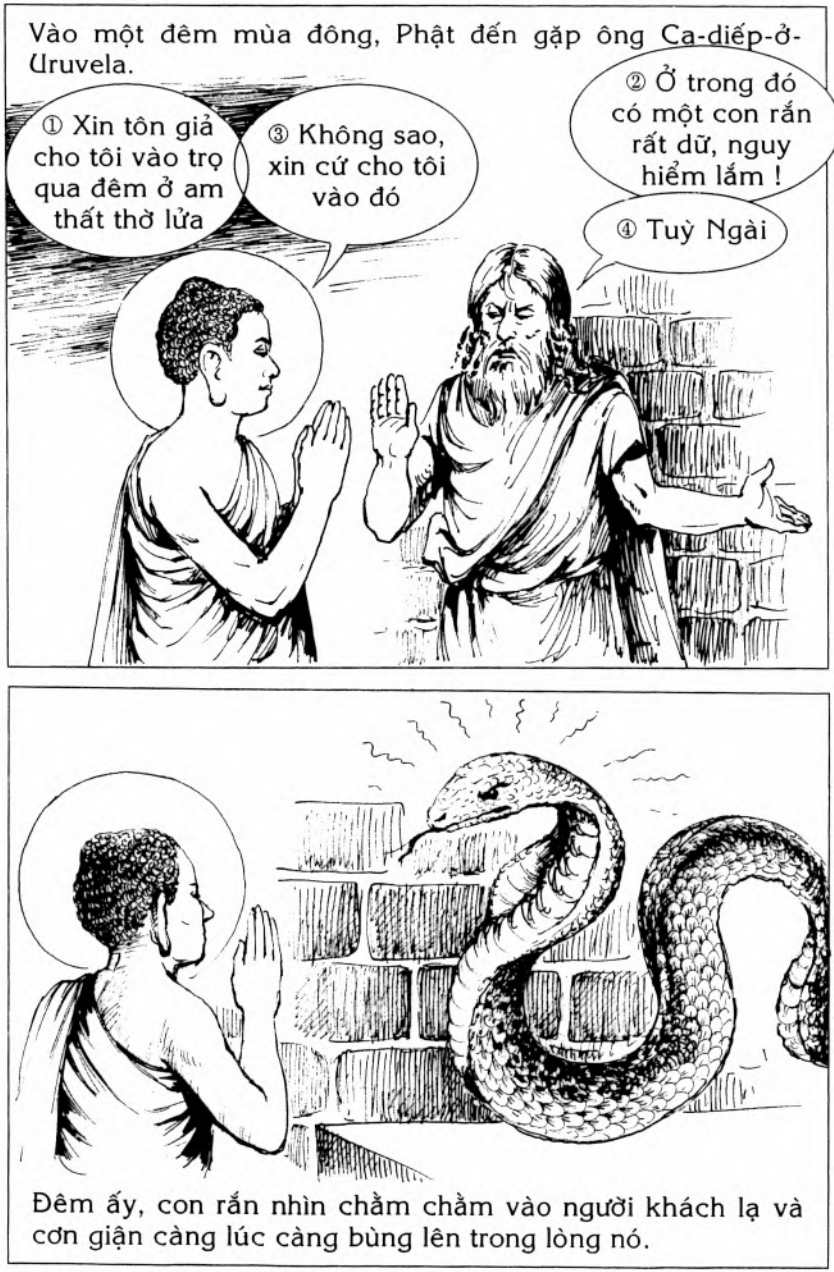
Ở gần **Uruvela**[4] có 3 đạo sĩ bện tóc, thờ lửa và thờ nước.
Đạo sĩ Uruvela Kassapa (Ca-diếp-ở-Uruvela) có 500 đệ tử.



Nali Kassapa (Ca-diếp ở bên dòng sông) có 300 đệ tử.

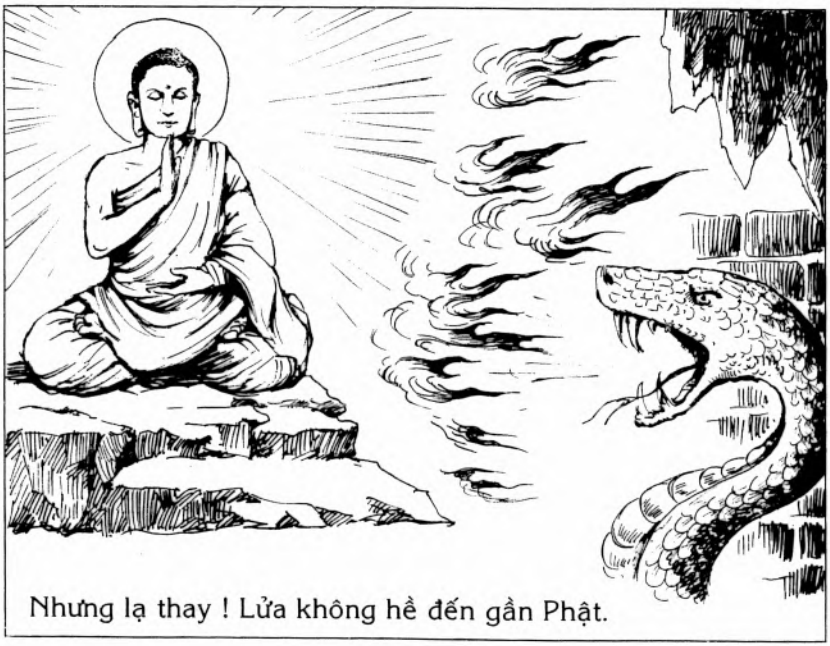


Gaya Kassapa (Ca-diếp ở Tượng-đầu-sơn) có 200 đệ tử.


Vào một đêm mùa đông, Phật đến gặp ông Ca-diếp-ở-Uruvela.
① Xin tôn giả cho tôi vào trọ qua đêm ở am thất thờ lửa
③ Không sao, xin cứ cho tôi vào đó
② Ở trong đó có một con rắn rất dữ, nguy hiểm lắm !
④ Tuỳ Ngài
Đêm ấy, con rắn nhìn chằm chằm vào người khách lạ và cơn giận càng lúc càng bùng lên trong lòng nó.



Rồi nó khởi cuộc tấn công : lửa từ trong miệng nó tuôn ra làm sáng rực cả thạch thất.



Nhưng lạ thay ! Lửa không hề đến gần Phật.



Trong khi đó Phật vẫn ngồi bình thản, không sợ hãi, không động đậy.

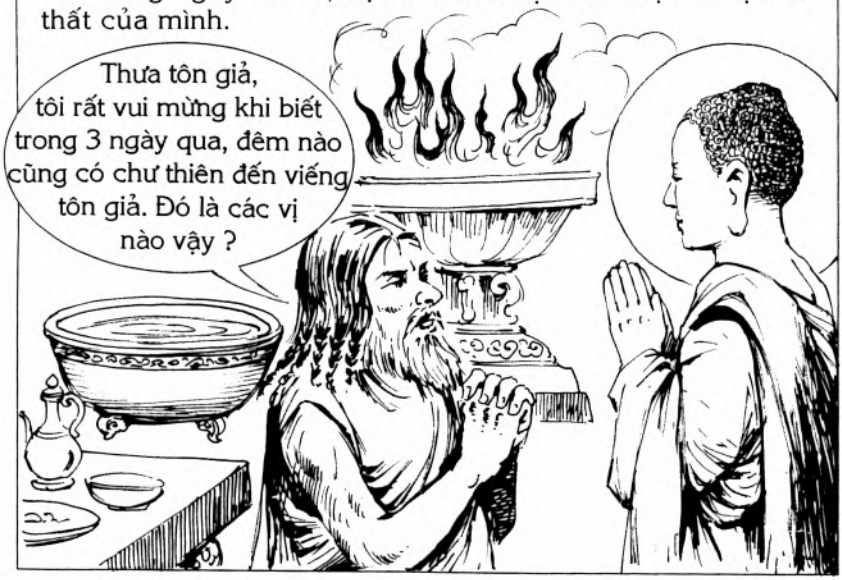


Rắn dần dần dịu lại, thôi không phun lửa nữa và ngoan ngoãn nằm một bên Phật...

Đêm qua nhanh. Trời vừa sáng, Phật nhẹ nhàng nhấc con rắn lên, đặt nó vào bình bát và đem cho đạo sĩ Uruvela Kassapa xem.



Đạo sĩ mừng rỡ, thỉnh Phật ở lại như là một thượng khách. Vào sáng ngày thứ tư, đạo sĩ mời Phật đến thọ trai tại am thất của mình.



Phật đáp :

Trong đêm thứ nhất : Tứ đại Thiên vương đến thăm.



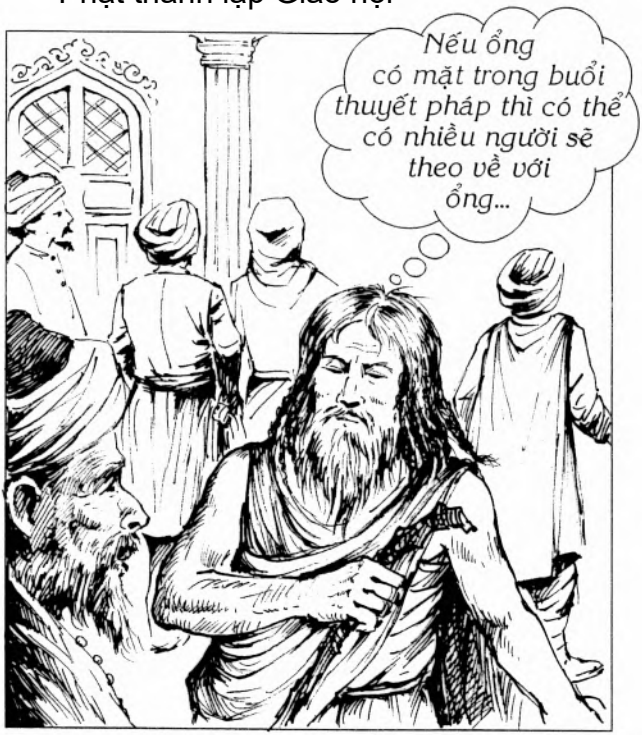
Trong đêm thứ nhì : Đế Thích Thiên chủ tới viếng.



Trong đêm thứ ba : Phạm thiên Sahampati đến ra mắt Phật.



Lúc bấy giờ chỉ còn vài hôm nữa là tới ngày *lễ tế đàn* hàng năm của đạo sĩ Ca-diếp-ở-Uruvela. Trong ngày đó, khách hành hương tại Ma-kiệt-đà và tại nước Anga đến dự rất đông.



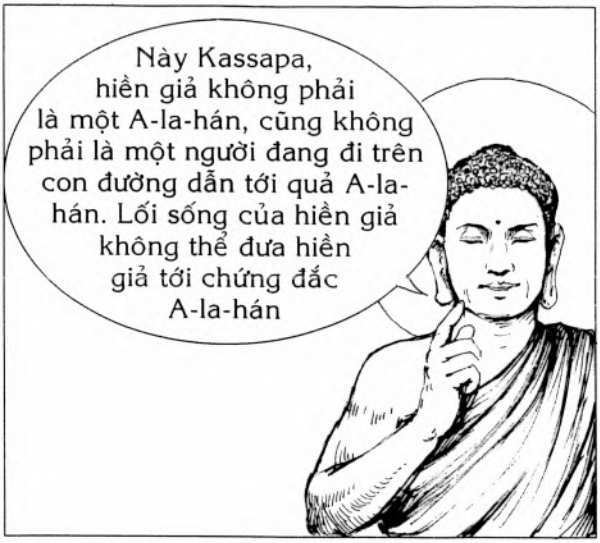




Sáng hôm sau, Phật ôm bình bát đi vào làng khất thực và thọ trai ở hồ sen.

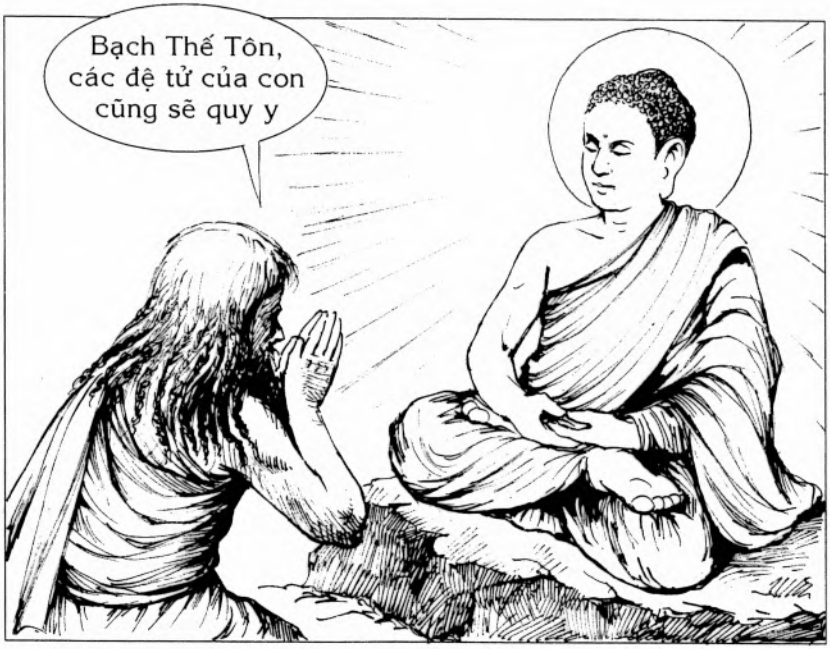

Đến chiều, đạo sĩ đi tìm và gặp được Phật.
Sa môn Gotama, hôm nay Ngài đi đâu vậy ?
Tôi muốn được vắng mặt trong lúc hiền giả thuyết pháp
Thì ra ổng đã đọc được tư tưởng của ta !
Vì sao Sa Môn muốn vắng mặt trong lúc tôi thuyết pháp ?
Phật chỉ mỉm cười rồi hai người tiếp tục bàn luận về đạo.

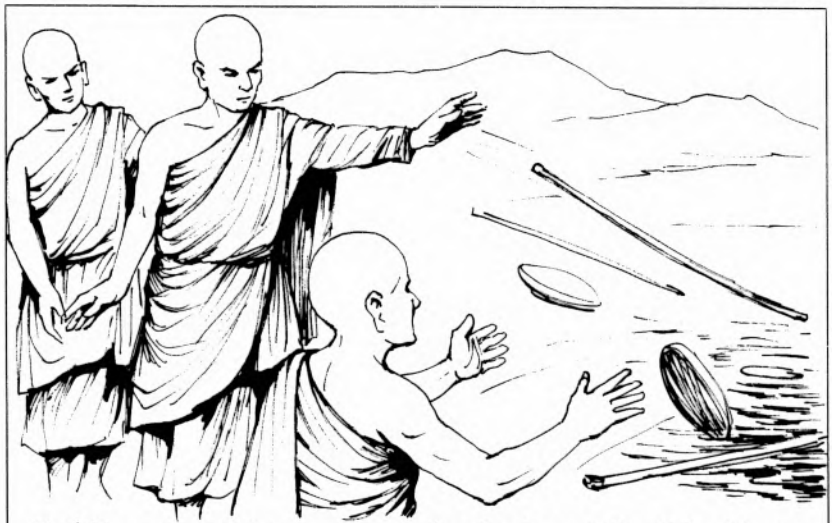
Sau một thời gian sống và đàm luận với đạo sĩ, quan sát kỹ người giáo chủ này cùng với các môn đồ của ông ta, một hôm Phật nói.



Giáo chủ Kassapa kinh ngạc. Từ trước tới giờ chưa có ai dám nói ra các nhược điểm của ông. Vị giáo sĩ già chịu khuất phục, liền quỳ xuống dưới chân Phật.

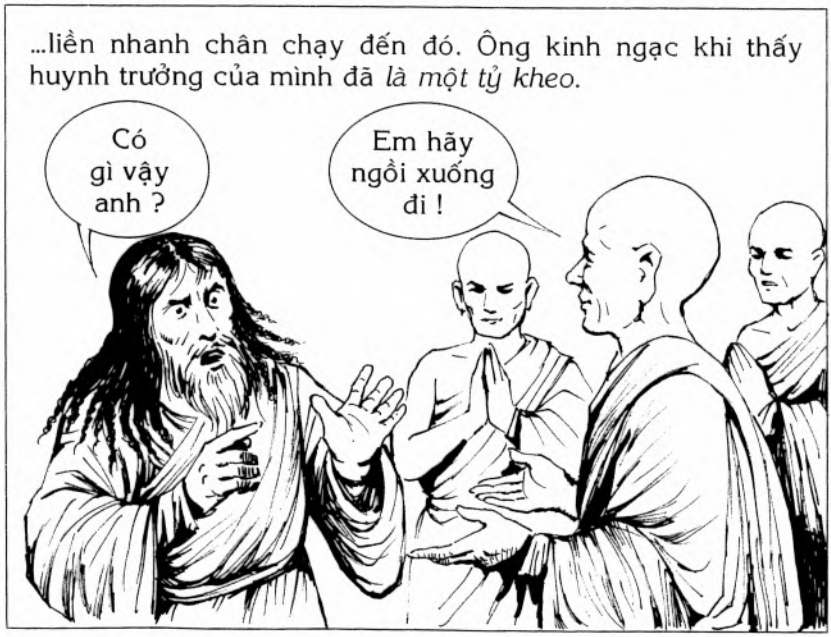


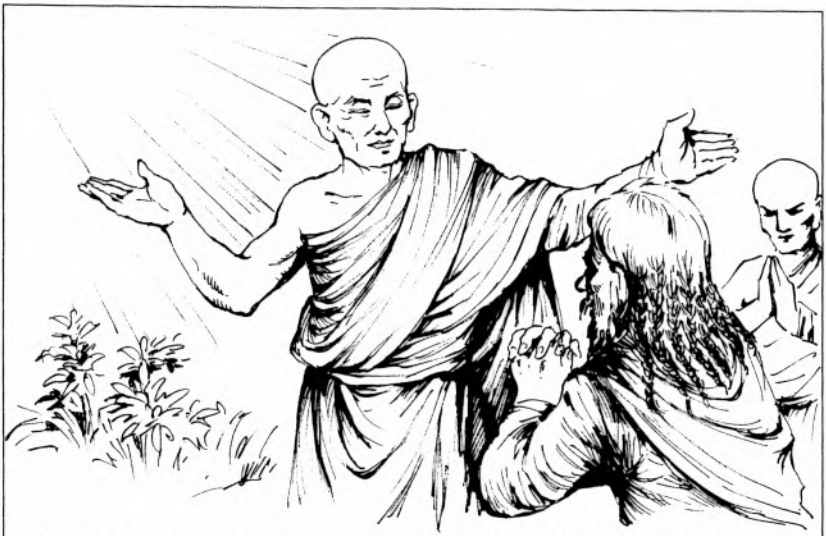




Thế là mọi người trong am thất của đạo sĩ Ca-diếp đều tự nguyện cắt tóc, vứt đòn gánh và dụng cụ thờ lửa xuống sông Ni-liên-thiền rồi gia nhập Giáo hội của Phật.


Các cuộn tóc bện, các đòn gánh... trôi ngang qua am thất của đạo sĩ Ca-diếp-bên-dòng-sông. Ông này trông thấy, lấy làm lạ...
Ở chỗ của đại huynh đang xảy ra chuyện gì ?

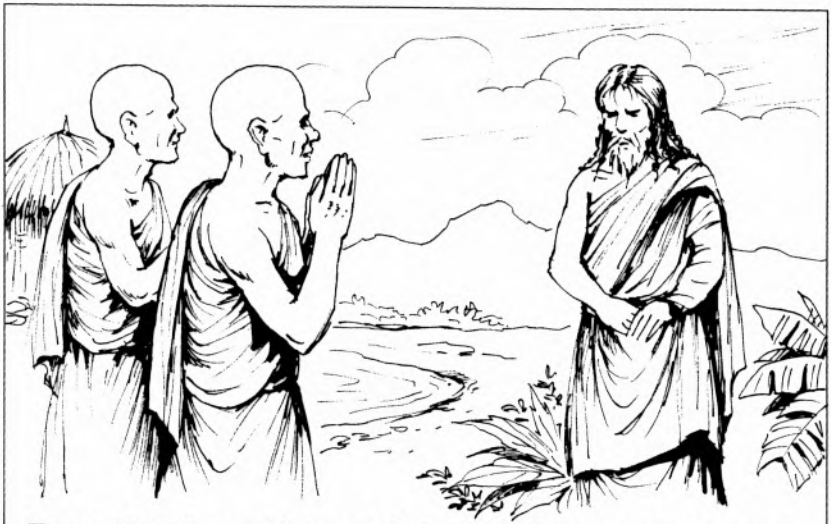

...liền nhanh chân chạy đến đó. Ông kinh ngạc khi thấy huynh trưởng của mình đã *là một tỷ kheo.*
Có gì vậy anh ?
Em hãy ngồi xuống đi !



Sau khi nghe anh mình trình bày mọi diễn biến kể từ ngày Phật đến nơi này, ...



... đạo sĩ Ca-diếp-bên-dòng-sông trở về am thất của mình, thuyết phục 300 đệ tử cùng đến với Phật.



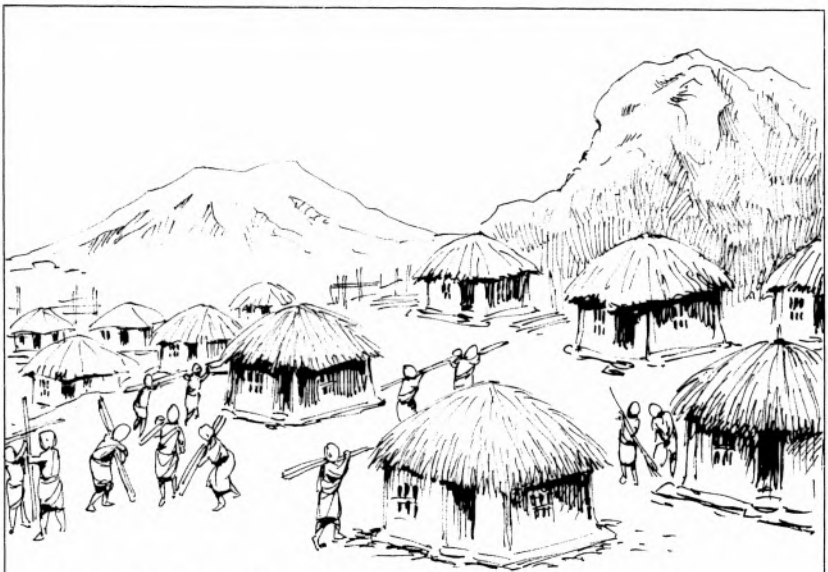
Trong khi đó, người đạo sĩ ở Tượng-đầu-sơn, cũng tận mắt nhìn thấy các cuộn tóc trôi trên sông và cũng đã chạy đến am thất của người huynh trưởng.



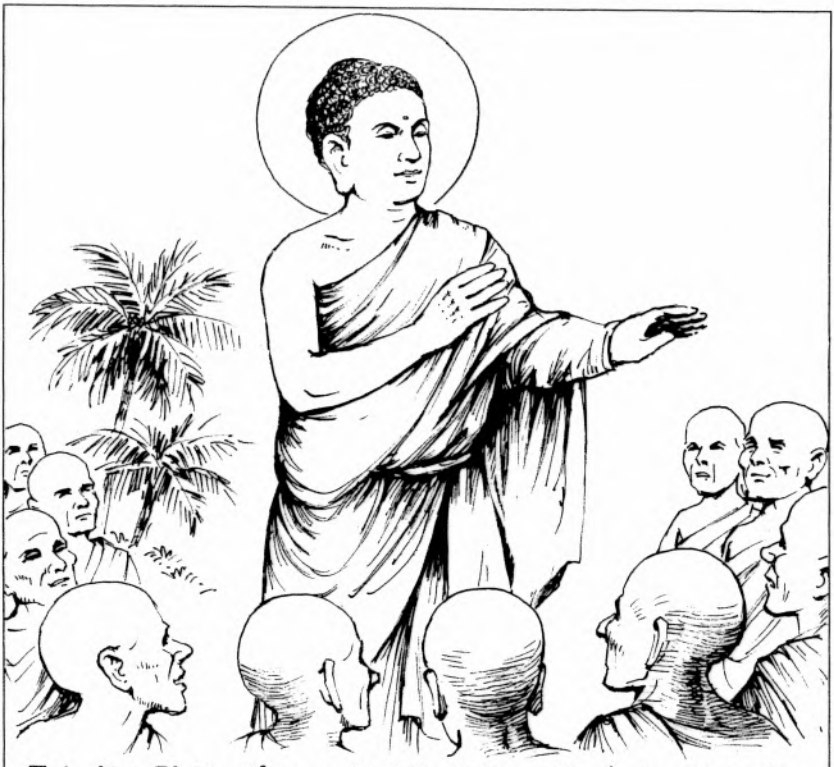
Sau khi bàn chuyện với hai anh mình, đạo sĩ Ca-diếp-ở-Tượng-đầu-sơn cùng với 200 đệ tử xin gia nhập Giáo hội của Phật.



Bấy giờ Phật và MỘT NGÀN ĐỆ TỬ tiến về vùng **Gaya**[5]...



... dựng lều trên các ngọn đồi Gayasisa (Tượng-đầu- sơn).



Tại đây Phật giảng một bài pháp nói về tục thờ lửa. Bài thuyết giảng tuyệt vời này được mở đầu bằng câu : TẤT CẢ ĐỀU ĐANG BỐC CHÁY. Sau bài giảng, tất cả mọi tỷ kheo có mặt đều đắc quả A-la-hán.

Phần thứ ba

45 năm hoằng pháp

(Năm 589 – 544 trước Tây lịch)

HAI MƯƠI NĂM HOẰNG PHÁP ĐẦU TIÊN

1. Vua Tần-bà-sa quy y Tam bảo

Ngay khi Phật và các tỷ kheo vừa tới khu rừng, nằm về phía Tây Nam của thành **Vương Xá** [6] thì vua Tần-bà-sa đã biết tin.



Nghe tin "người xưa" trở lại, vua Tần-bà-sa liền cùng với các đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, binh sĩ... đến tận rừng để chào đón Phật.



Thấy mọi người không nhận biết ai là đạo sĩ của đoàn, Phật liền hỏi ông Ca-diếp-ở-Uruvela.

Hiền giả Kassapa, trước đây hiền giả thờ lửa và thường lập các tế đàn. Nay vì sao hiền giả từ bỏ các thứ đó ?

Bạch Thế Tôn, giờ đây con đã thấy *mọi vật đều là vô thường* nên con từ bỏ tất cả và theo Phật

Nói xong, tỷ kheo Ca-diếp đảnh lễ Phật rồi quỳ xuống, lặp lại câu sau đây 2 lần.

Nay Thế Tôn đã là bậc Đạo sư của con. Con là đệ tử của Thế Tôn

Trước bao cặp mắt kinh ngạc đang nhìn mình, Phật liền thuyết giảng một bài pháp "thuận thứ." Cuối bài giảng, vua Tần-bà-sa và quần thần xin quy y tam bảo, làm cư sĩ.





Trước lời mời của vua Tần-bà-sa, Phật **im lặng nhận lời.**

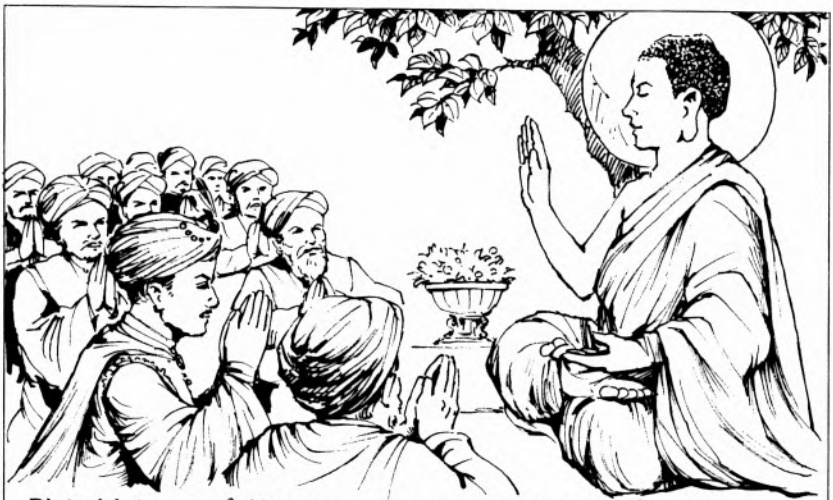


Sáng hôm sau, đích thân vua Tần-bà-sa đứng ra phục vụ bữa cơm cho đức Phật và chư Tăng. Trong dịp này, vua cúng dường ngôi vườn Thượng uyển.

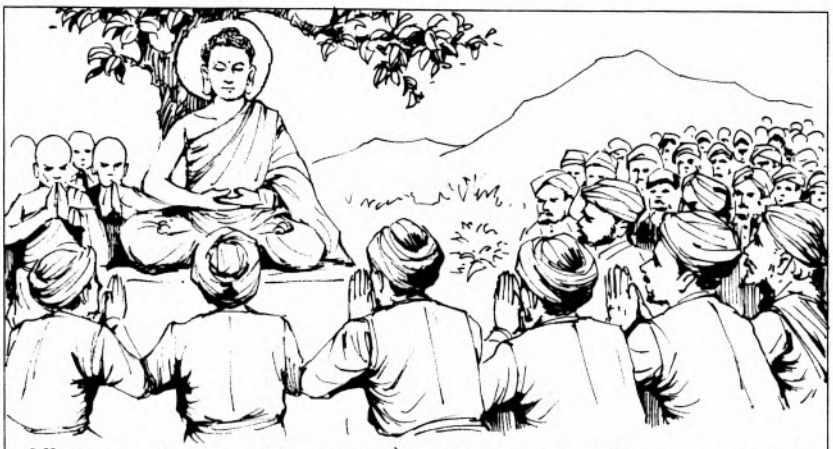


Nói xong, vua đổ nước* lên tay Phật.

* Nước chảy từ bình lên tay Phật như miếng vườn của hoàng gia giờ đây là của Phật.



Phật không ngỏ lời cám ơn* mà chỉ bày tỏ niềm hân hoan bằng cách giảng một bài pháp. **Bấy giờ là năm 588 trước Tây lịch, vua Tần-bà-sa 31 tuổi và Phật 36 tuổi.**



Những ngày sau đó, có nhiều ngàn người đến quy y và trở thành các cư sĩ. *Và cũng kể từ ngày đó, đạo Phật nhanh chóng được cả nước Ma-kiệt-đà đón nhận.*

* Lời cám ơn của Phật có giá trị bằng với vật cúng dường, nếu Phật nói lời cám ơn thì người bố thí sẽ bị mất hết công đức.



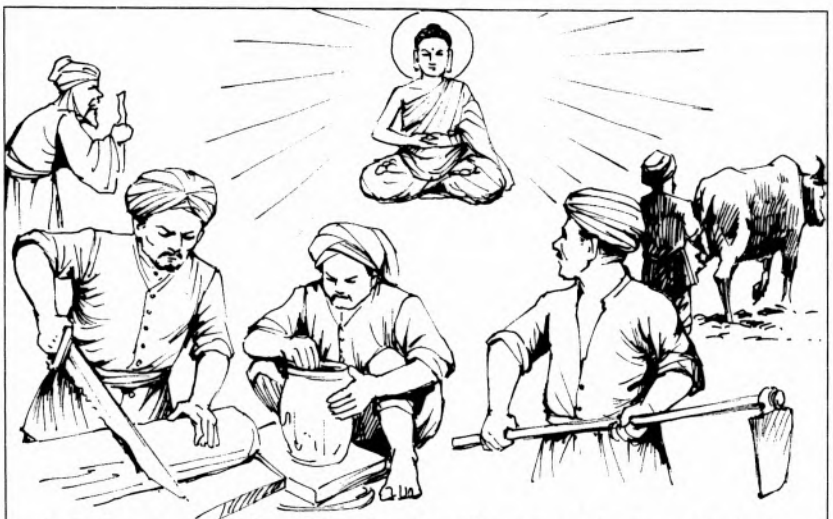
1. Đạo Phật thu hút *giới quý tộc và võ tướng vì tính cách cao thượng và thích hợp với các nhiệm-vụ phục-vụ quốc-gia của họ.*



2. Đạo Phật thu hút *giới Bà-la-môn vì tính cách hợp lý và minh bạch, chính xác về nội dung, tư tưởng triết học.*



3. Đạo Phật cũng gây ảnh hưởng đến *tầng lớp thương nhân ở Xá Vệ bằng cách bãi bỏ những tang lễ tốn kém mà trước kia vẫn được cho là "nhằm đem lại tài lộc trong thương mại" và cũng bằng sự cảm thông các suy tư của giới kinh doanh.*



4. Đối với *các tầng lớp thợ thuyền và giới cùng đinh,* đạo Phật hấp dẫn họ vì sự đánh giá thấp mọi đặc quyền ưu đãi về huyết thống của các tầng lớp cao hơn họ.



Như vậy là, nhờ cảm hoá được vua Tần-bà-sa, đạo Phật đã được cả nước Ma-kiệt-đà công nhận và trở thành đề tài bình luận trên cửa miệng mọi người. *Con đường dành cho đạo Phật đi truyền bá khắp cõi Diêm-phù-đề* đã mở rộng.*

* Tên gọi nước Ấn Độ vào thời xa xưa.

2. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên

Lúc ấy tại Vương Xá, ngoài đoàn khất sĩ của Phật đông trên 1000 người, còn có đạo sĩ Sunjaya có 250 đệ tử, trong đó Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là hai người nổi bật nhất. Hai vị này cùng một tuổi, thân nhau từ thuở nhỏ, đã hứa với nhau rằng : *"Ai thấy đạo trước thì phải báo ngay với người kia."*

Một hôm Xá-lợi-phất gặp tỷ kheo Assaji* đang đi khất thực ở trong thành Vương Xá. Nhìn dung mạo và cử chỉ của Assaji, Xá-lợi-phất rất kính nể, liền đi theo và kiên nhẫn chờ cho tới lúc Assaji khất thực xong mới tới hỏi chuyện :

— Thưa tôn giả, xin hỏi bậc Đạo sư của tôn giả ?

— Sư phụ của bần tăng là sa môn Gotama mà các đệ tử của Ngài thường gọi là Phật.

— Thưa tôn giả, giáo pháp của Phật như thế nào ? – Xá-lợi-phất hỏi tiếp.

— Bần tăng theo Phật chưa lâu nên không đủ sức nói về giáo pháp của thầy mình.

— Thưa tôn giả, mong tôn giả nói sơ qua thôi.

Tỷ kheo Assaji liền đọc bài kệ :

Muôn vật từ duyên sinh,
Lại từ duyên mà diệt,
Bậc Giác ngộ tuyệt vời,
Đã từng như vậy thuyết.

---

* Assaji có nghĩa là *chánh ngữ*. Ngài là một vị sư rất đoan chính trong cử chỉ, trong lời ăn tiếng nói. Về sau Ngài rất được Xá-lợi-phất kính trọng, coi như là thầy của mình.

Nghe xong, Xá-lợi-phất chứng ngay sơ quả, vui mừng chạy đi tìm Mục-kiền-liên.

— Hôm nay có gì mà huynh vui dữ vậy ? – Mục-kiền-liên hỏi.

— Tôi vừa gặp một tỷ kheo của Phật. Vị này đọc mấy câu kệ có ý nghĩa lắm.

— Huynh đọc nhanh lên đi ! – Mục-kiền-liên nói.

Xá-lợi-phất mỉm cười, chậm rãi đọc :

Muôn vật từ duyên sinh,
Lại từ duyên mà diệt...

Mục-kiền-liên nghe xong hai câu đầu của bài kệ thì chứng ngay được sơ quả.



Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi gặp Sunjaya, khuyên thầy mình đến với Phật, nhưng Sunjaya từ chối. Khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên từ giã 250 bạn đồng tu, thì tất cả đều muốn theo hai sư huynh của họ. Thế là mọi người vào lạy tạ thầy Sunjaya rồi đến gia nhập Giáo hội của Phật. Một thời gian sau, tất cả 252 tân tỷ kheo đều đắc quả A-la-hán.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên trở thành hai đệ tử hàng đầu của Phật.

3. Phật trở lại cố hương lần thứ nhất

Bảy năm về trước, đêm đó Xa-nặc vừa khóc vừa ôm mớ tóc cùng với quần áo, các vật trang sức của Thái tử Tất Đạt Đa phi ngựa vùn vụt về phía thành Ca-tỳ-la-vệ.



Sáng hôm sau, khi biết tin Thái tử đã đi tu, cả hoàng cung kinh hãi. Vua Tịnh Phạn giận dữ, buộc tội các quân lính giữ thành.



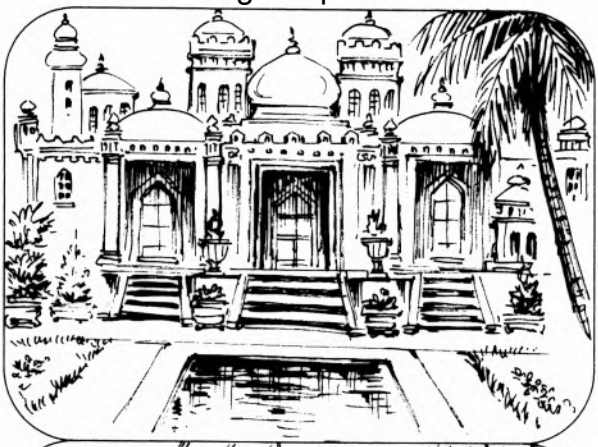
Nghe Xa-nặc phân giải, vua nguôi giận, nhất là ngài vừa nhớ lại những lời tiên đoán năm xưa của đạo sĩ A-tư-đà.



Trong lúc đó hoàng hậu Gotami và công chúa Da-du-đà-la không ai nói được một lời nào.



Hôm ấy cung điện của vua Tịnh Phạn trông rất tiêu điều, im vắng một cách lạ lùng.



Vua nằm luôn trong cung. Việc triều chính được giao phó cho một đại thần có uy tín giải quyết.



Con ngựa Kiền-trắc bỏ ăn bỏ uống. Mấy hôm sau, nó từ giã cõi đời.



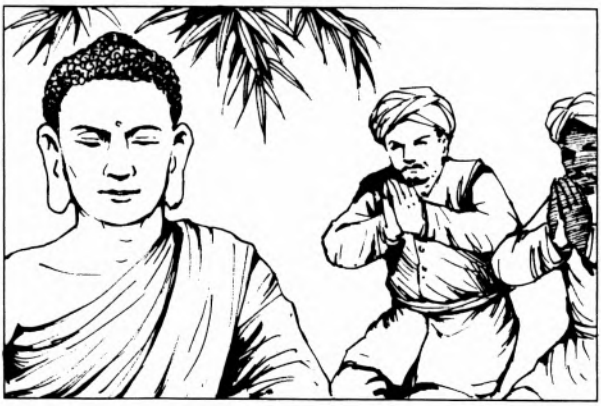
Xa-nặc thương tiếc vô cùng, xin phép lệnh bà Da-du-đà-la cho hoả táng nó.*

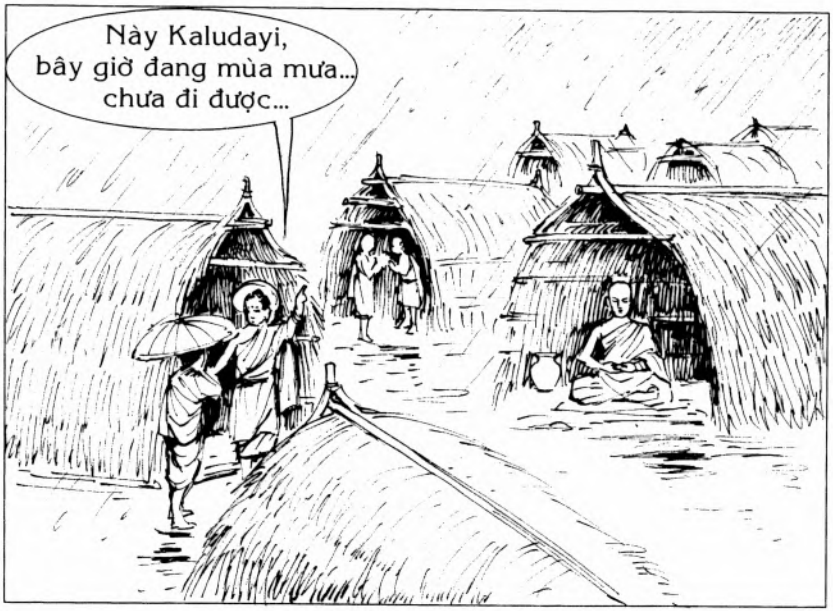
* *Xem ghi chú ở trang 168.*



THỜI GIAN THẤM THOÁT TRÔI QUA. Một hôm, vua Tịnh Phạn nghe tin con mình đang thuyết pháp ở thành Vương Xá thì nóng lòng muốn gặp, liền cử sứ giả đến đó thỉnh cầu Phật trở về thăm gia đình. *CHÍN sứ giả đã lên đường đều lần lượt trở thành tủy kheo của Phật và đều chứng quả A-la-hán. Mà một khi đã đắc quả A-la-hán thì các vị ấy còn nghĩ gì đến chuyện của trần gian.*

Vị sứ giả THỨ MƯỜI là Kaludayi, một người bạn thân của Thái tử Tất Đạt Đa. Người bạn "da đen" này cùng với Xa-nặc tới gặp Phật tại Trúc Lâm.







Thế là Hắc Nhân và Xa-nặc sống tại vườn Trúc Lâm như những người khách của Phật. Một tháng sau, Hắc Nhân xin xuất gia.



Những cơn mưa cuối cùng đã dứt. Thời an cư kiết hạ đã xong. Phật cho tỷ kheo Kaludayi và Xa-nặc về Ca-tỳ-la-vệ để báo tin trước.



Sau đó Phật cùng với Xá-lợi-phất và vài trăm tỷ kheo rời Vương Xá lên đường trở lại quê nhà.


Ngài đi độc hành. Cách Ngài năm bảy bước là một số đệ tử đi mở đường, bảo vệ Ngài khỏi bị các đám đông quấy nhiễu.
Phía sau là các tỷ kheo khoẻ mạnh. Xa hơn nữa là những tỷ kheo mệt mỏi, bỏ cuộc.



Trên quãng đường dài 600 km từ Vương Xá đến Ca-tỳ-la-vệ, Phật đi từng chặng ngắn, thỉnh thoảng dừng lại để thuyết pháp. Sáu mươi ngày sau, vào buổi chiều hôm ấy, Phật có mặt tại Rừng Cây Đa, cách kinh thành khoảng 3 dặm đường, Ngài nghỉ đêm tại đó.

* Sau khi chết, ngựa Kiền-trắc sanh lên cõi trời Đạo-lợi, thành một vị *tiên*, cũng lấy tên là Kiền-trắc. Một lần trưởng lão Mục-kiền-liên lên cõi trời này thì bỗng thấy một vị tiên đến chào hỏi, nói rằng : *"Khi xưa, lúc còn ở dưới trần, tôi là con ngựa Kiền-trắc."* Ông tiên Kiền-trắc nhờ trưởng lão thay mặt mình mà đảnh lễ Đức Phật.

(Phật học từ điển – Đoàn Trung Còn)

4. Phật và gia đình

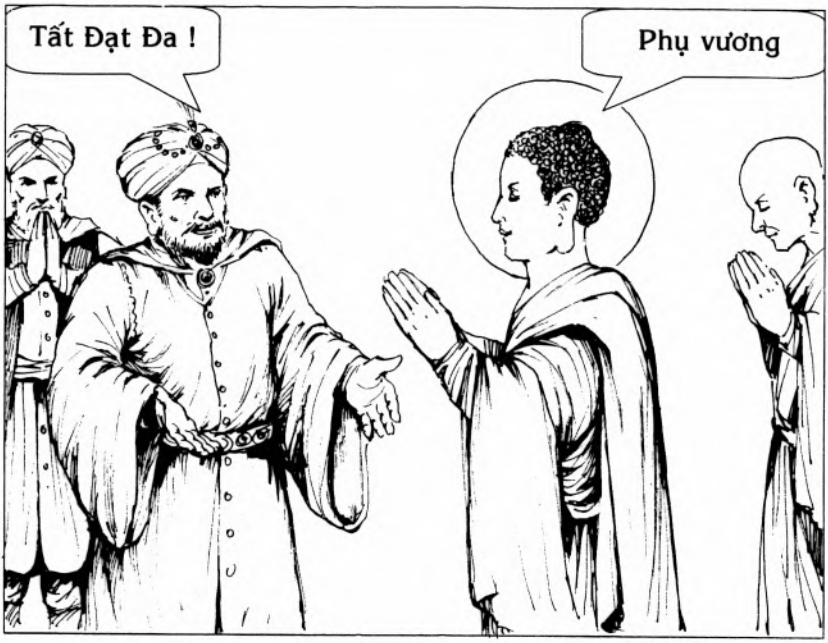


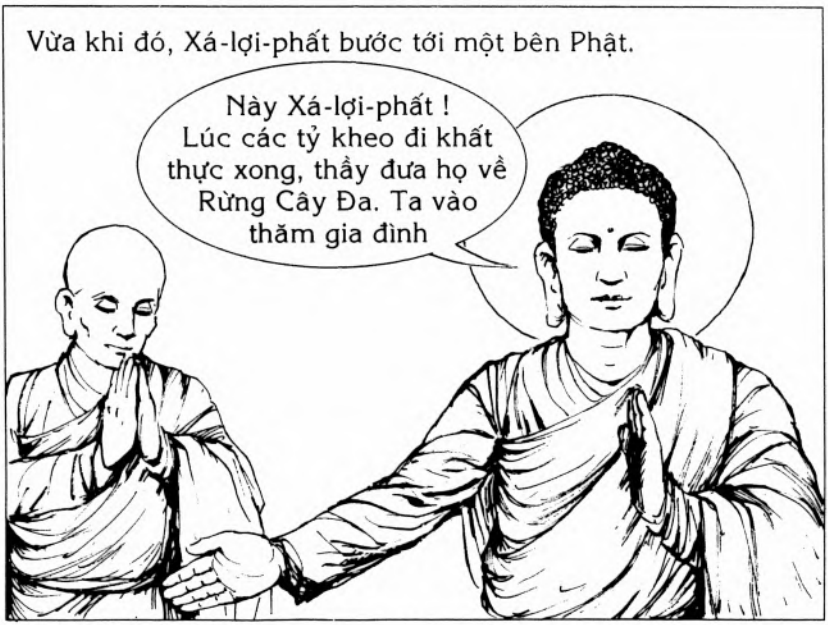


Được tin, vua Tịnh Phạn mừng rỡ, liền lên xe ra khỏi thành. Trước mặt nhà vua là quang cảnh *một đoàn người đầu cạo nhẵn*, khoác áo màu vàng rực rỡ. Phật đứng trước một căn nhà nghèo nàn, đang "đợi chờ được bố thí."



Khi vừa nhìn thấy nhau, Phật và vua cùng tiến về phía trước.


Tất Đạt Đa !
Phụ vương


Vừa khi đó, Xá-lợi-phất bước tới một bên Phật.
Này Xá-lợi-phất ! Lúc các tỷ kheo đi khất thực xong, thầy đưa họ về Rừng Cây Đa. Ta vào thăm gia đình



● Đi khất thực là để *rèn luyện tinh thần bình đẳng*. Khi nhận một trái chuối hay một chén cơm sữa, mọi tỷ kheo đều phải cung kính các gia chủ như nhau.

● Đi khất thực là để *rèn luyện cho mình luôn luôn giữ được tâm niệm* : trong khi đi khất thực hay đứng đợi được bố thí, các *tỷ kheo được sống các giây phút đạo hạnh.*

● Đi khất thực là *để tạo cơ hội cho người khác có dịp bố thí.*



Trong buổi hội ngộ đêm đó, hai người phụ nữ đã để cho những dòng nước mắt hạnh phúc tuôn tràn. Một lát sau, vua Tịnh Phạn nói về con dâu của mình cho "người khách đặc biệt" nghe.



Khi biết Thế Tôn bỏ hết các vòng hoa và đồ trang sức, nàng cũng không trang điểm gì nữa...



... và chỉ nằm dưới đất.



Kể từ lúc Thế Tôn ra đi, nàng sống đời cô phụ, từ chối mọi tặng vật mà các vương tử khác gởi tặng. Nàng bao giờ cũng trung thành với Thế Tôn.





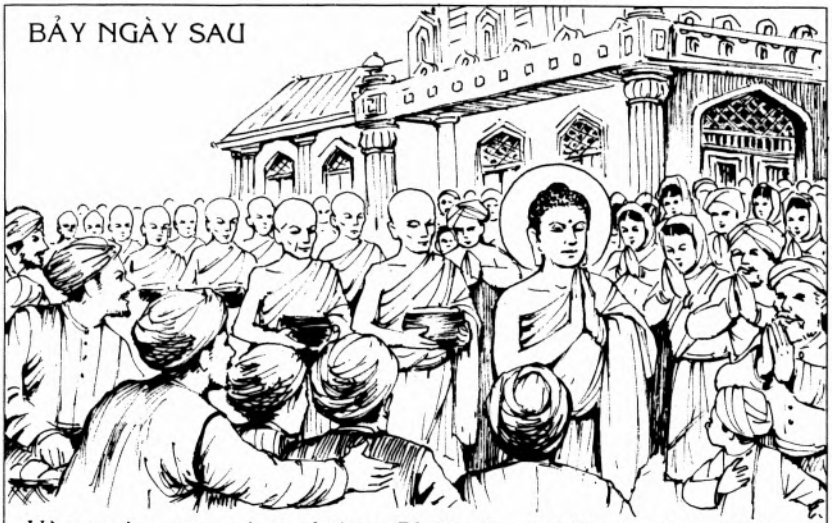
Thể theo lời yêu cầu của gia đình, Phật kể lại mọi diễn biến từ đêm xuất gia, cho tới lúc trở lại hoàng cung, rồi giảng những vấn đề dễ hiểu như bố thí, trì giới. Vua nghe xong, *chứng được quả Dự lưu***.



Phật im lặng nhận lời mời này. Mọi người đều mừng rỡ.

* Xem *Tiền Thân Đức Phật* số 504.
** Quả thứ nhất trong 4 quả : Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán.
*** *Người cô độc ít đức*. Tiếng nhà vua khiêm tốn tự xưng.

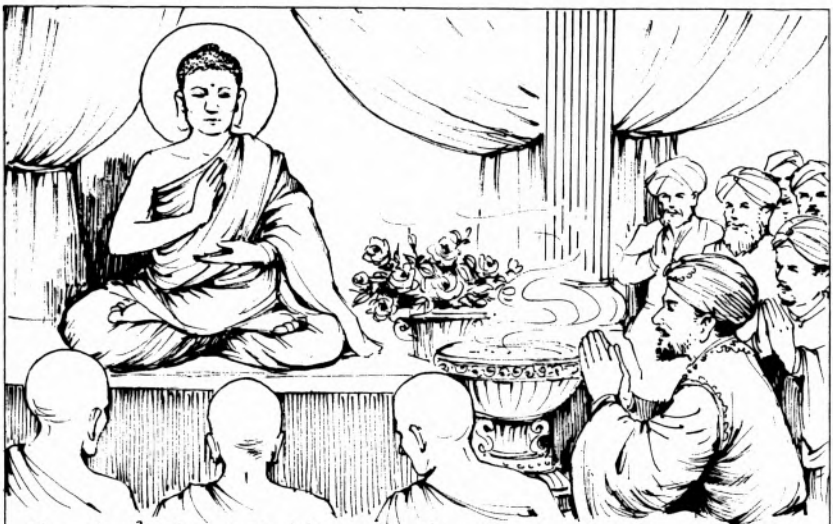




Vào ngày vua cúng dường Phật và chư Tăng, dân chúng đứng nghẹt hai bên đường, cố nhìn cho được vị Phật của đất nước mình.



Vua Tịnh Phạn và các quan khách ra chào đón.



Sau buổi thọ trai, Phật thuyết giảng một bài pháp. Vua nghe xong, *chứng quả Nhất lai*. Phật ra về, để lại trong lòng các thân nhân của Ngài một niềm an lạc lớn lao.



Kể từ hôm đó, Rừng Cây Đa tấp nập hẳn lên với nhiều người dân đến viếng Phật và quy y. Hoàng hậu Gotami, công chúa Da-du-đà-la và Nanda (em cùng cha khác mẹ với Phật) đều có đến đây thăm Phật.



Nửa tháng sau, theo lời mời của vua, Phật và Xá-lợi-phất vào hoàng cung thọ trai. Trong dịp này, Phật giảng cách ngồi thiền cho cả hoàng gia.

Cuối bữa thọ thực, Phật trao bình bát cho Nanda, chào mọi người rồi ra về. Nanda tay ôm bình bát đi theo Phật, lòng thầm nghĩ rằng "một lát sau" Phật sẽ nhận lại bình bát. Nhưng Phật cứ im lặng đi mãi, và thế là Nanda bất đắc dĩ phải đến Rừng Cây Đa. Trong chuyến đi này, Nanda xuất gia, trở thành tỷ kheo*.



* Việc xuất gia của Nanda là một câu chuyện rất nên thơ và cả ngây thơ nữa (Xem Tiền Thân Đức Phật, số 176).

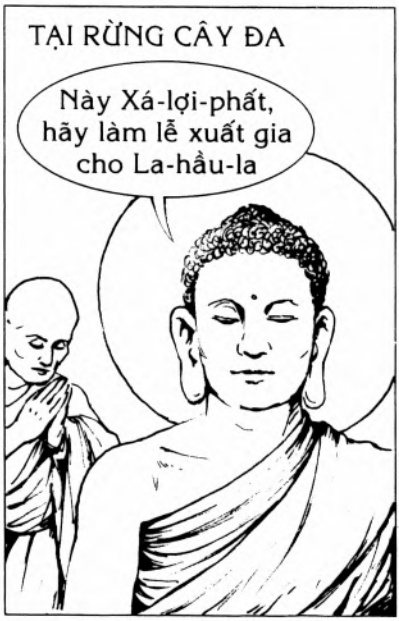
Khi hay tin chú Nanda đã xuất gia, La-hầu-la lấy làm thích thú, cũng muốn được như vậy. Một hôm, bà Da-du-đà-la đứng trên lầu với La-hầu-la, nhìn thấy đoàn tăng sĩ đi qua.

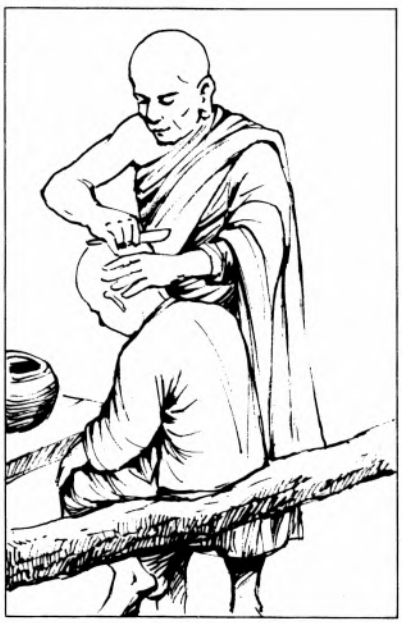


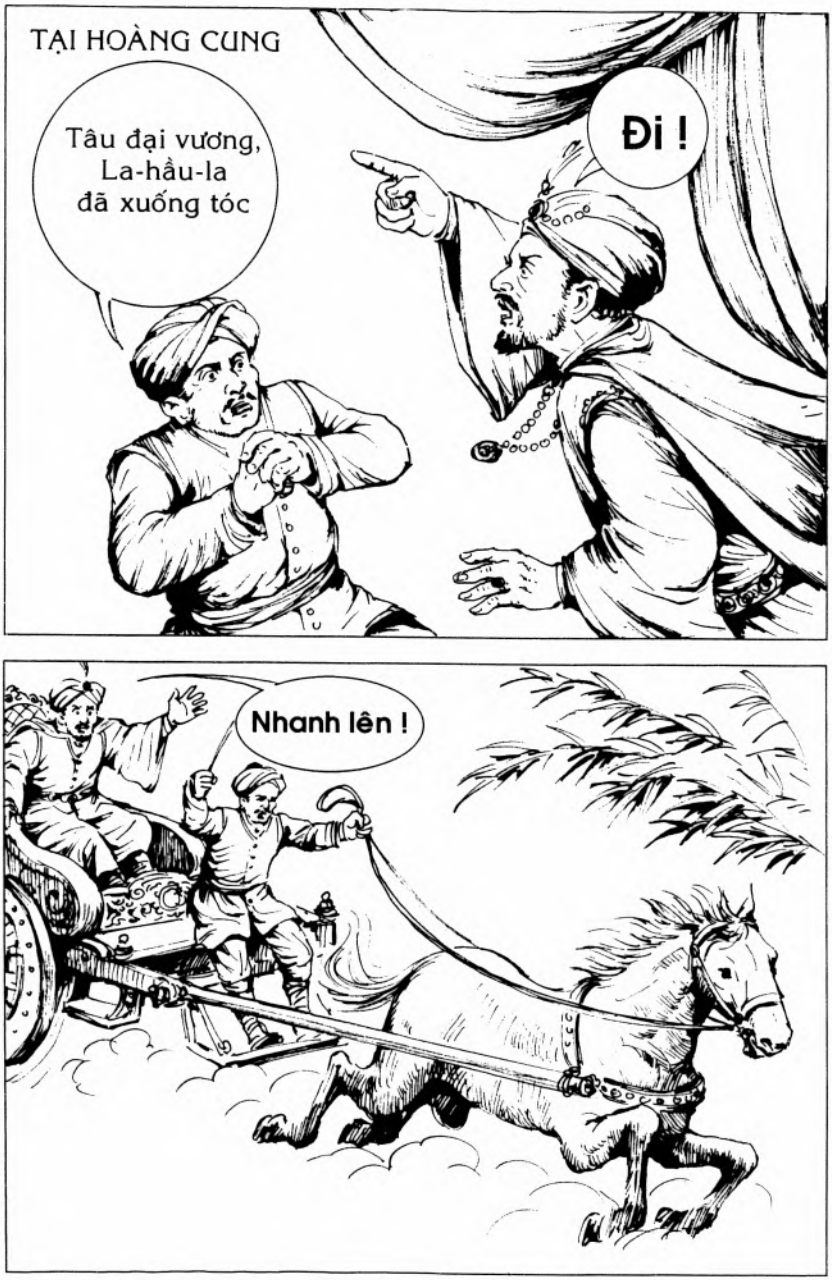


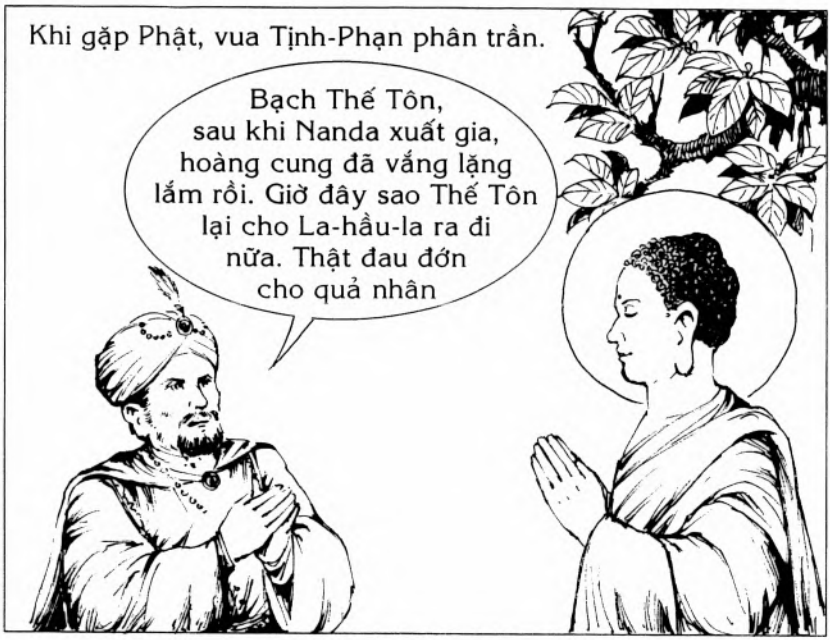



Bạch Thế Tôn, mẹ con nói rằng Thế Tôn có một gia tài lớn lắm, sẽ chia cho con
Lát nữa Ta sẽ chia


TẠI RỪNG CÂY ĐA
Này Xá-lợi-phất, hãy làm lễ xuất gia cho La-hầu-la

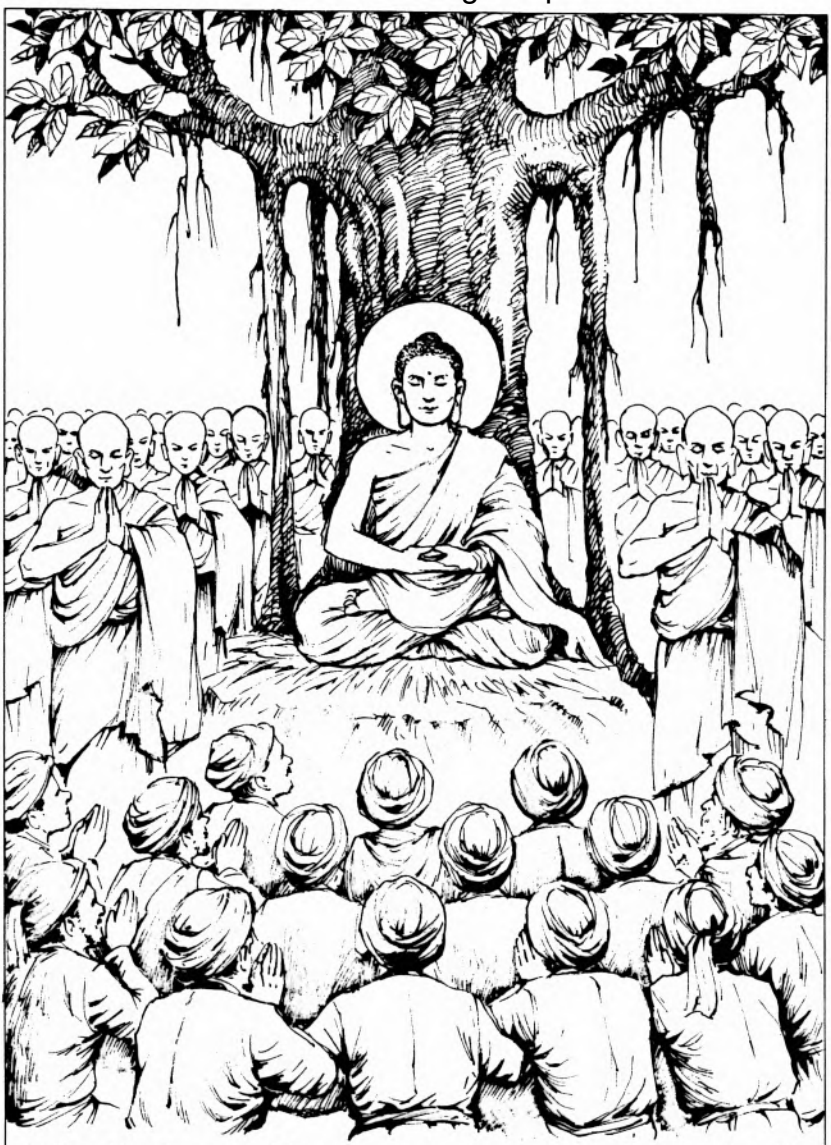



TẠI HOÀNG CUNG
Tâu đại vương, La-hầu-la đã xuống tóc
Đi !
Nhanh lên !

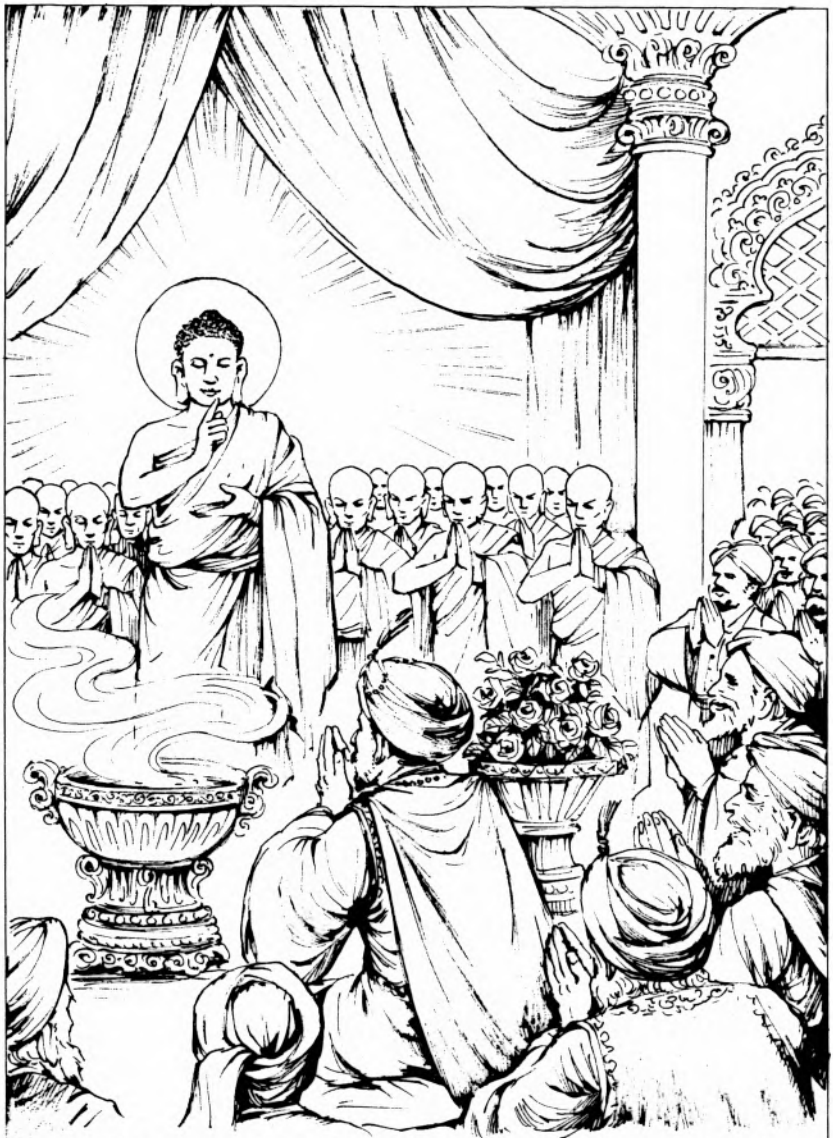

Khi gặp Phật, vua Tịnh-Phạn phân trần.
Bạch Thế Tôn, sau khi Nanda xuất gia, hoàng cung đã vắng lặng lắm rồi. Giờ đây sao Thế Tôn lại cho La-hầu-la ra đi nữa. Thật đau đớn cho quả nhân


Thưa đại vương, Nanda và La-hầu-la hiện đang sống trong chánh pháp. Đây là điều rất tốt. Mong đại vương chớ có sầu bi, mà hãy tinh tấn hơn nữa trong sự tu tập
Phật quay qua dặn dò Xá-lợi-phất.


Này Xá-lợi-phất, từ nay không làm lễ xuất gia cho trẻ em nếu cha mẹ của chúng chưa cho phép

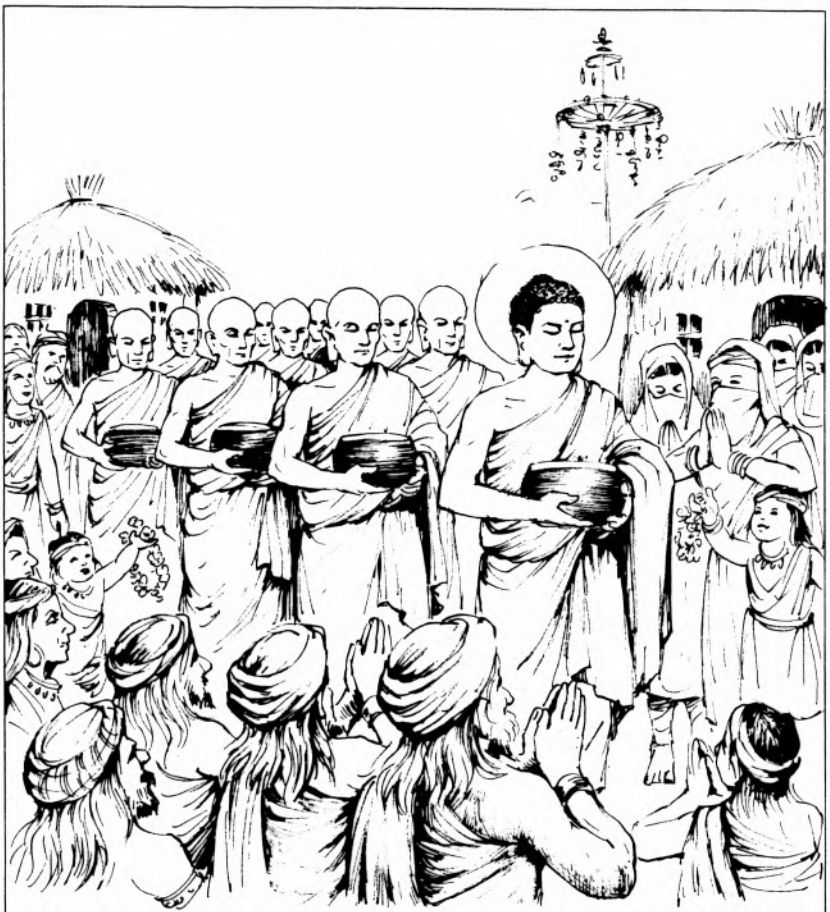


Bấy giờ số người đến Rừng Cây Đa xin xuất gia lên tới 500 còn số cư sĩ thì rất đông. Vua Tịnh Phạn cúng dường Cung Điện Mùa Hè cho Giáo hội. Phật và Xá-lợi-phất cử người trụ trì tại đây để tiếp tục hoằng dương Phật pháp ở Sakya.



Tại hoàng cung, sau bữa cơm tiễn biệt, Phật thuyết giảng một bài kinh cho vua Tịnh Phạn nghe. Cuối bài giảng, vua *chứng được quả Bất lai*. Lời Phật hứa "sẽ trở lại quê nhà" đã làm cho mọi người trong hoàng tộc hân hoan.

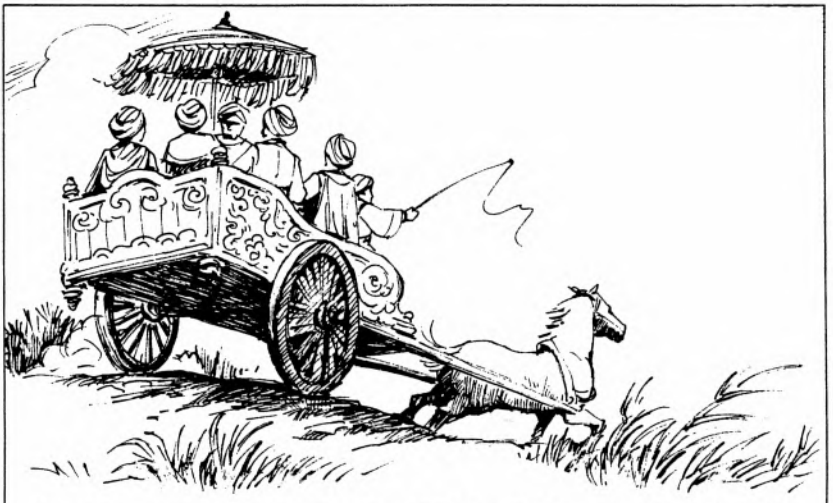
5. Người thợ cắt tóc Upali và 6 thanh niên dòng họ Thích Ca



Rời quê nhà, Phật đi ngang qua miền Bắc của đại quốc Kosala, đến ngụ tại làng **Anupiya** [8] của bộ tộc Malla.



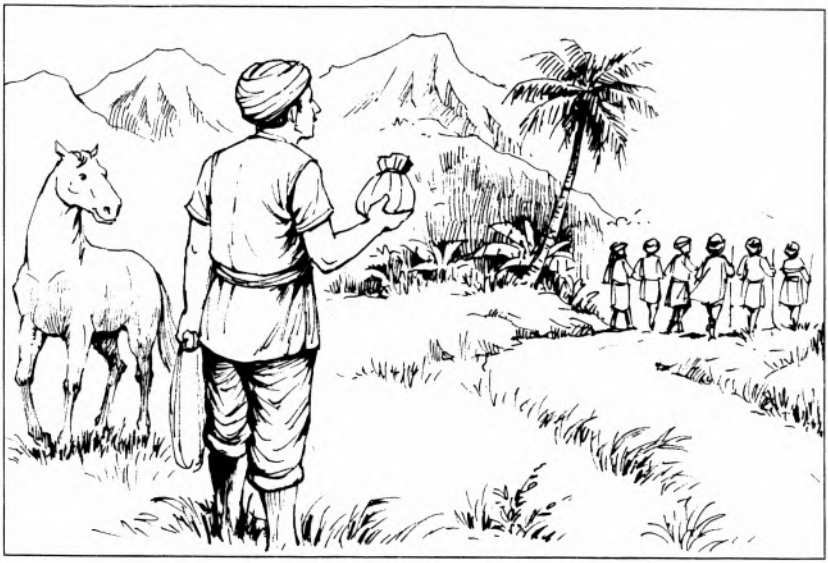
Lúc bấy giờ ở nước Sakya có 6 thanh niên trong hoàng tộc quyết định "chạy theo Phật" để xin xuất gia. Đó là *A-na-luật, A-nan, Bhagu, Kimbia, Bhaddiya và Đề-bà-đạt-đa.*



Họ dùng xe ngựa đi nhanh tới biên thuỳ nước Kosala, dồn các vật trang sức vào một cái túi, định bụng sẽ tặng cho một người nghèo khổ nào đó.


Và họ gặp người thợ cắt tóc.
Chào bạn, xin bạn vui lòng hướng dẫn cho chúng tôi con đường đi qua nước Kosala
Rất cám ơn bạn
Upali này sẽ đưa các ngài tới tận biên giới


TẠI BIÊN GIỚI
Này Upali, rất cám ơn huynh đã giúp chúng tôi đi tìm Phật. Xin gởi tặng huynh món quà nhỏ này. Xin giã từ



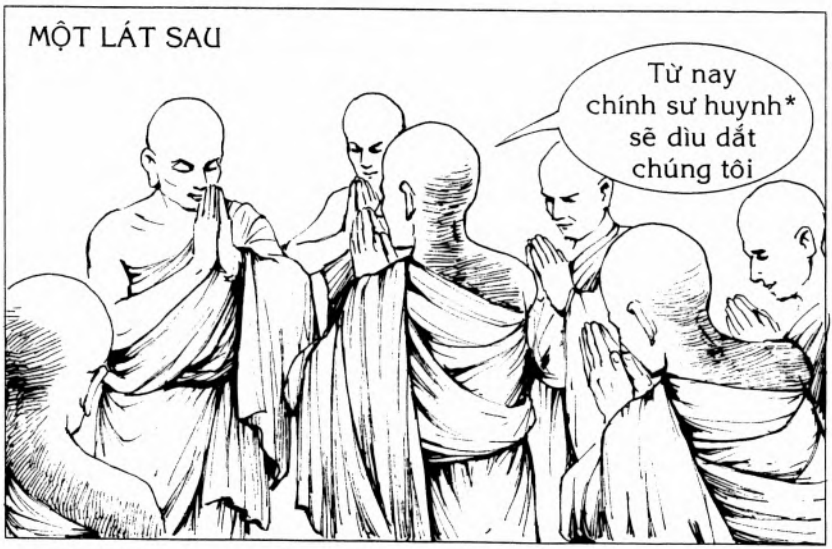

Với mấy thứ này, ta sống sung sướng suốt đời. Nhưng tại sao ta không xuất gia nhỉ ?


Ai thấy trước thì cứ lấy




Upali,
gói tiền đâu ?
Vì sao huynh tới
đây ?
Tốt lắm !
Nào, nhanh
lên !
Tôi treo nó
lên một cành cây.
Tôi xin theo các ngài
để xuất gia



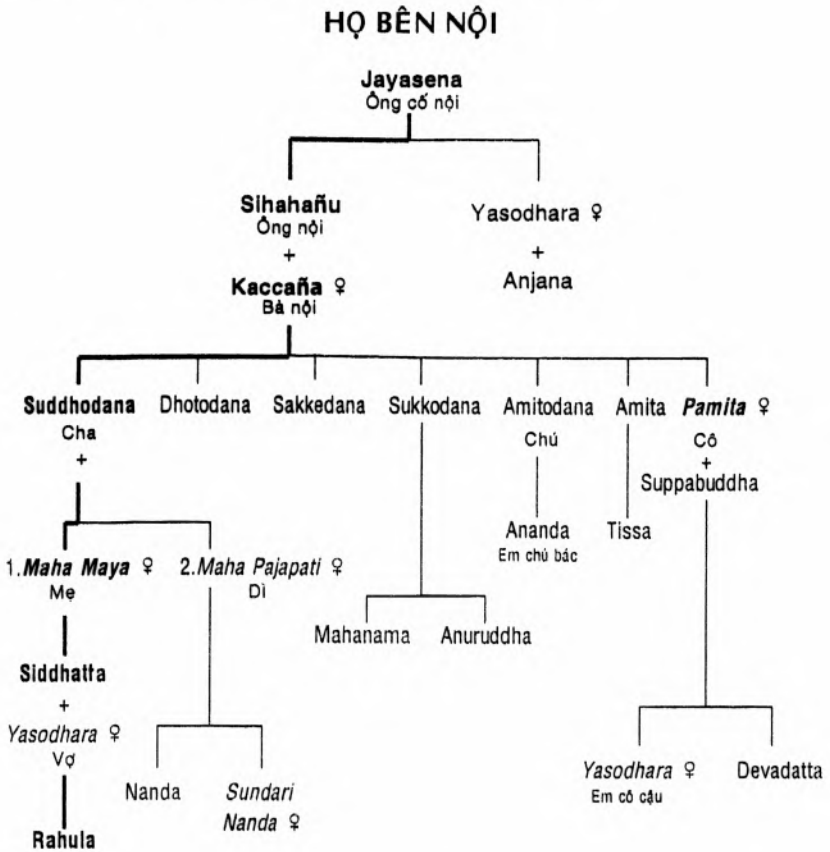


* Về sau, Upali trở thành người nắm giữ giới luật của Giáo hội.



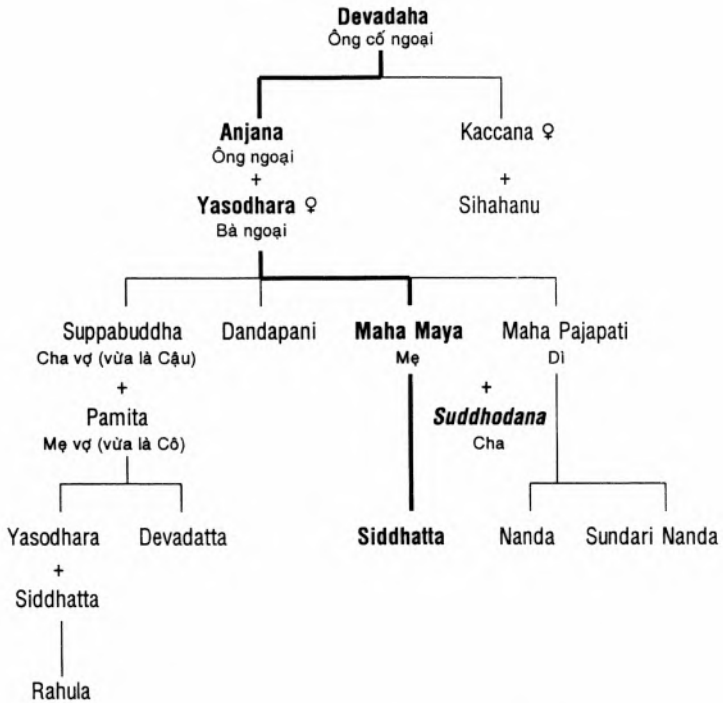
Mấy hôm sau, Phật và các tỷ kheo rời Anupiya để đến **Tỳ-xá-ly**[9]. Phật nghỉ tại đây vài ngày rồi lên đường trở về Ma-kiệt-đà để an cư mùa mưa tại **Vương Xá**[10].

6. Gia phả của Thái tử Siddhatta



1. Vua Jayasena (của nước Sakya) có 2 người con, **Sihahanu** và Yasodhara.
2. Vua Sihahanu lấy vợ là **bà Kaccana** sinh ra 7 người con : người con cả là **Suddhodana** và con **gái** út là Pamita.
3. Vua Suddhodana lấy người vợ thứ nhất, là bà ***Maha Maya*** sinh ra Thái tử **Siddhatta**, lấy vợ thứ hai là Maha Pajapati sinh ra Nanda và Sundari Nanda.
4. Thái tử Siddhatta lấy công chúa Yasodhara của nước Koliya, sinh ra **Rahula** (*Công chúa Yasodhara* trùng tên với *bà ngoại Yasodhara* của Thái tử). Mặt khác, cô Pamita lấy chồng là Suppabuddha sinh ra công chúa Yasodhara và hoàng tử Devadatta.

HỌ BÊN NGOẠI



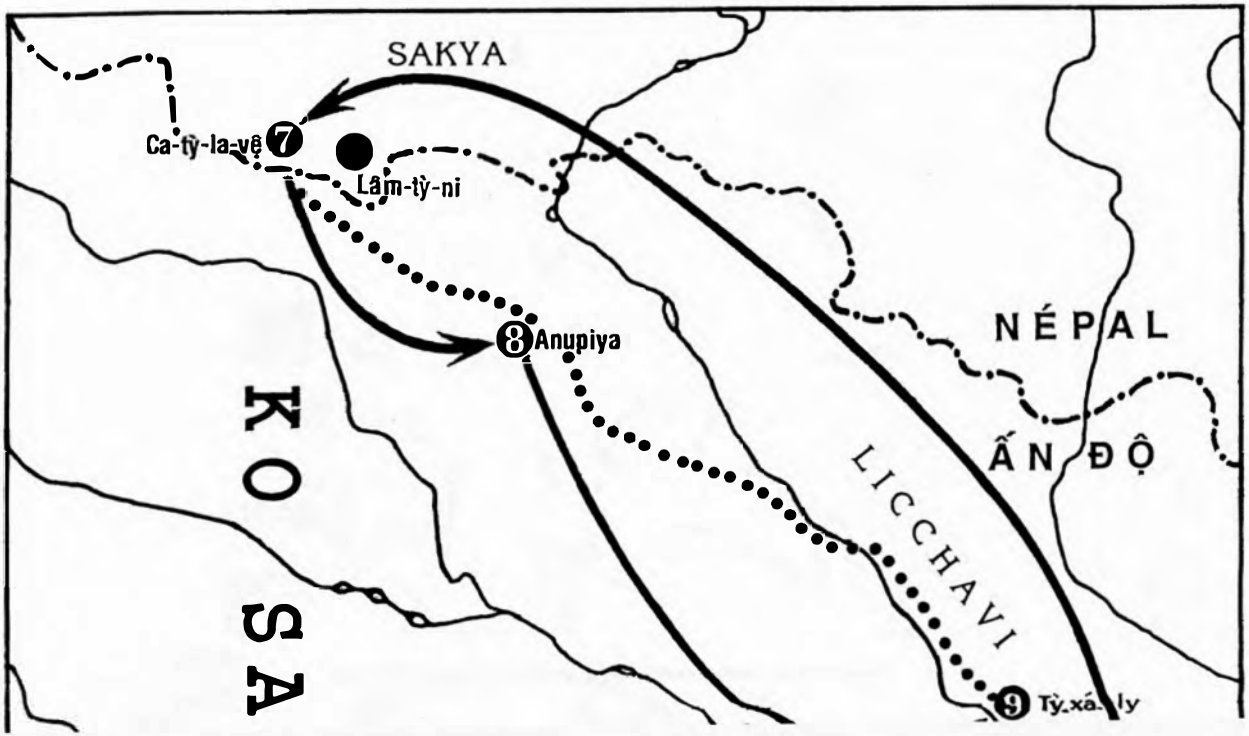
1. Vua **Devadaha** (của nước Koliya) có 2 người con : hoàng tử **Anjana** và công chúa Kaccana.
2. Vua Anjana ấy vợ là **bà Yasodhara** sinh ra 4 người con : Con trai cả là Suppabuddha và hai con gái út là **Maha Maya** và Maha Pajapati.
3. Công chúa Maha Maya kết hôn với vua ***Suddhodana*** sinh ra Thái tử **Siddhatta**.

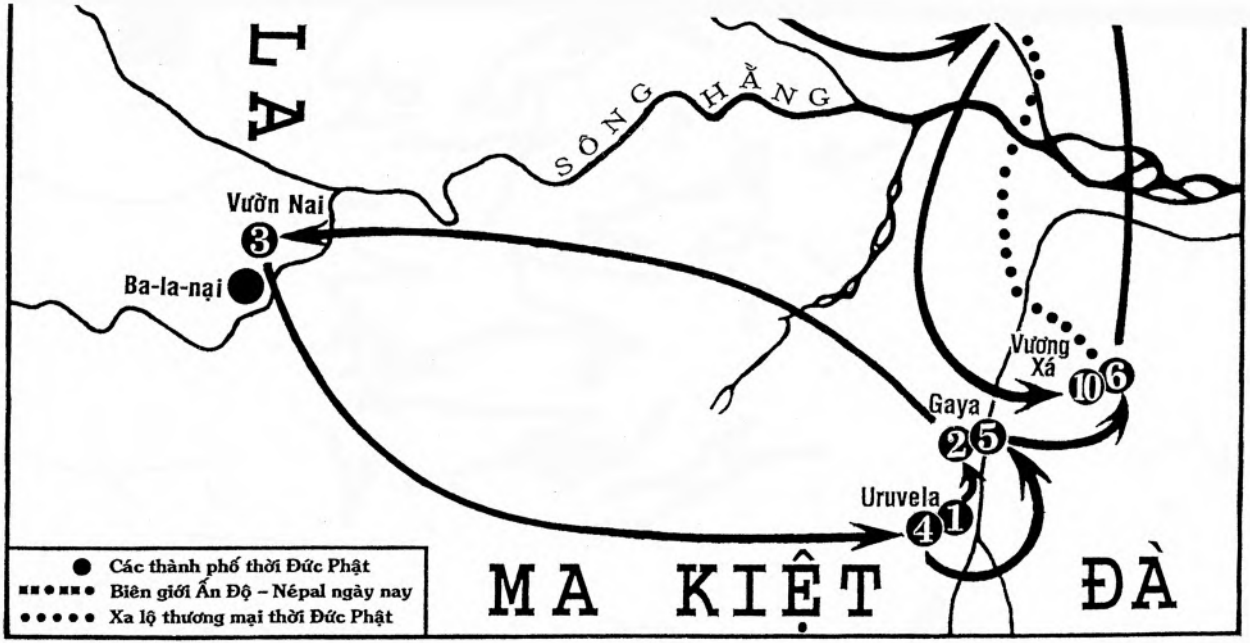
A. Mặt khác, anh của mẹ (ông Suppabuddha) lấy em gái của cha (bà Pamita) sinh ra công chúa Yasodhara và hoàng tử Devadatta.
B. Công chúa Yasodhara kết hôn với Thái tử Siddhatta sinh ra Rahula.

(Hai trang gia phả này được trích "nguyên văn" ở 2 trang 37 và 38 quyển **Đức Phật và Phật pháp** của Ngài Narada Thera, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh in năm 1998. Người chép sách có tô đậm vài nét vẽ, in đậm vài chữ, ghi thêm ký hiệu "phái nữ" và các chữ Việt vào sơ đồ).

Bản đồ 2: Theo dấu chân Phật

Từ thành đạo tới lúc trở về cố hương lần thứ nhất



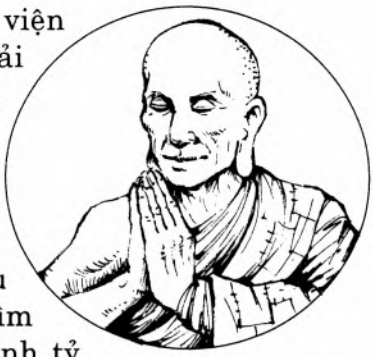


Phật đắc đạo tại Uruvela (1) ★ Trên đường đến Gaya (2), Phật gặp du sĩ loã thể Upaka ★ Phật đến Vườn Nai (3) giảng bài pháp đầu tiên cho nhóm ông Kiều-trần-như ★ Cuối mùa mưa năm 588 trước Tây lịch, Phật trở về Uruvela. Trên đường đi, Phật gặp 30 thanh niên. Lúc gần tới Uruvela (4), Phật thu nhận 3 ông Ca Diếp và 1.000 đệ tử của họ ★ Tất cả tiến về Gaya (5) ★ Tại Vương Xá (6), vua Tần-bà-sa, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và 250 bạn đồng tu quy y Phật. Rồi tất cả trên 1250 Tỷ kheo an cư mùa mưa thứ nhì tại Vương Xá ★ Khi mùa mưa dứt, Phật trở về cố hương (7) ★ Từ giã gia đình, Phật đến làng Anupiya (8). Người thợ cắt tóc Upali và 6 thanh niên hoàng tộc "chạy theo Phật", xin xuất gia ★ Phái đoàn Phật đến Tỳ-xá-ly (9) nghỉ vài hôm rồi trở về Vương Xá (10).

8. Phật và ông Đại Ca-diếp

Maha Kassapa (Đại Ca-diếp) là người nước Ma-kiệt-đà. Ngay từ thuở nhỏ ông đã có những nét siêu phàm, đặc biệt ông không chịu lập gia đình, nhưng khi lớn lên, ông bị cha mẹ ép buộc phải cưới vợ.

Vợ của ông cũng là người "chỉ muốn sống độc thân". Vì vậy sau đám cưới, hai người không hề chung chăn gối. Rồi một thời gian sau, cả hai cùng khoác áo màu vàng, tay ôm bình bát, đi tìm đạo.



1. Vợ ông đến tu tại một tu viện của các nữ đạo sĩ (không phải do Phật lập ra) và tới khi Phật lập xong giáo hội Tỷ-kheo-ni thì bà mới được thọ giới và chẳng bao lâu, được đắc quả A-la-hán.
2. Về phần Đại Ca-diếp, sau khi chia tay với vợ, ông đi tìm đạo, gặp được Phật, trở thành tỷ kheo và đắc quả A-la-hán. Ông là đại đệ tử đứng hàng thứ ba của Phật. Sau khi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và Phật nhập Niết-bàn, Đại Ca-diếp là vị tăng thống đầu tiên của Phật giáo... Ngài có công kết tập kinh điển lần thứ nhất.

(Mời quý bạn xem cuộc đời của Đại Ca-diếp trong bộ truyện tranh **Thập đại đệ tử của Phật.**)

9. Phật và quan ngự y Jivaka

Sau những chuyến đi xa, Phật trở về vườn xoài của quan ngự y Jivaka (ở gần núi Linh Thứu) để nghỉ ngơi.



Lúc chào đời, đứa bé kia bị mẹ đem bỏ vào một cái thúng rồi đem vứt trên một đống rác.



Hoàng tử Abhaya (con của vua Tần-bà-sa) tình cờ đi qua, thấy bầy quạ bu quanh thúng, tò mò đến xem.



Hoàng tử đem đứa bé về nhà nuôi nấng, đặt tên cho nó là Jivaka *

* *Jivaka* có nghĩa là *người còn sống.*



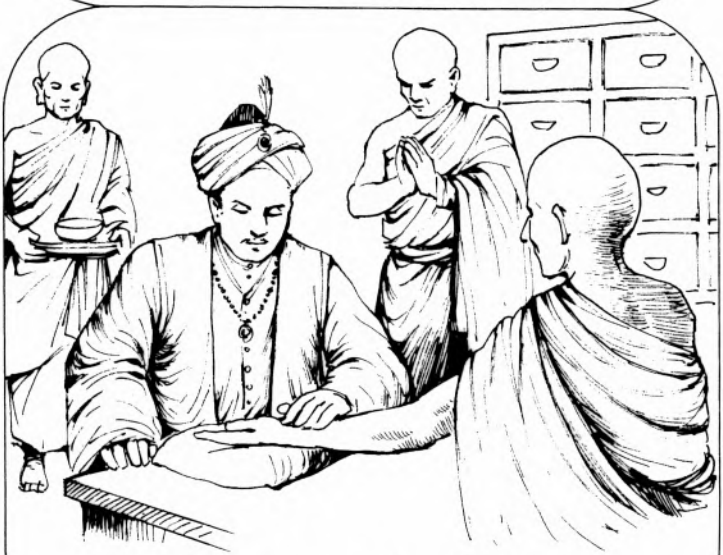
Lớn lên, Jivaka theo học ngành y tại Takkasila.



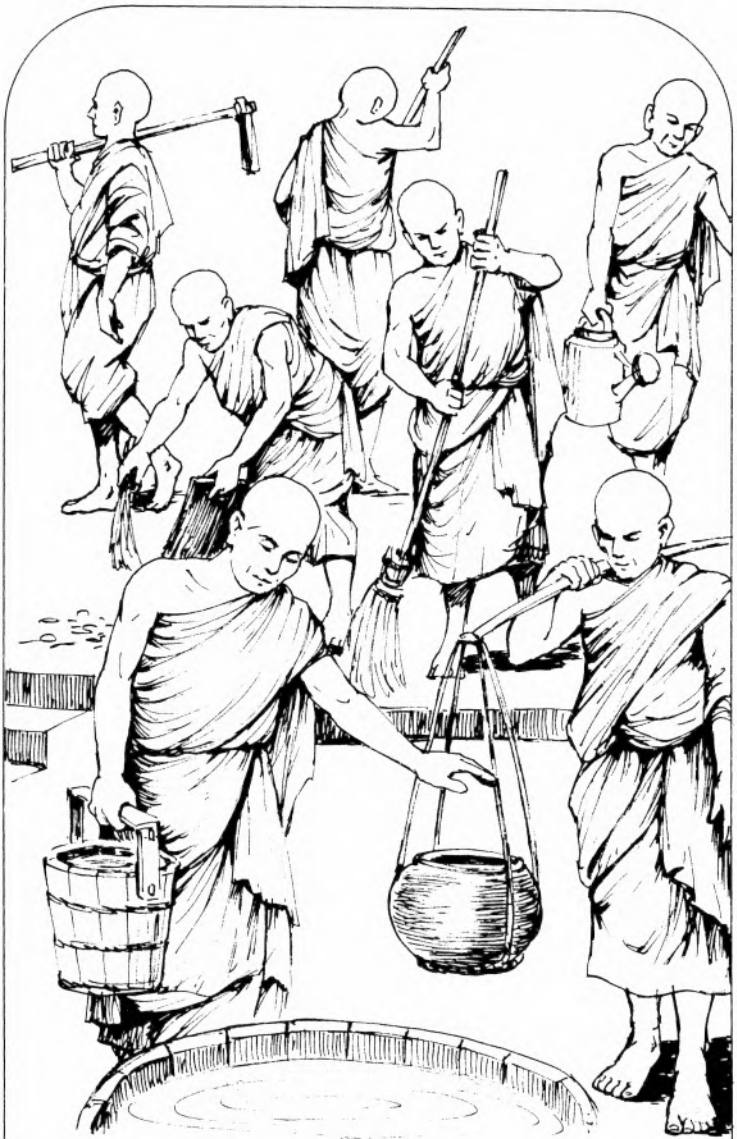
Bảy năm sau,
Jivaka trở thành một lương y tài giỏi.



Gần đây Jivaka đã chữa dứt bệnh cho vua Tần-bà-sa nên được bổ làm ngự y.



Vua cũng căn dặn Jivaka phải chữa bệnh cho tăng chúng của Phật.



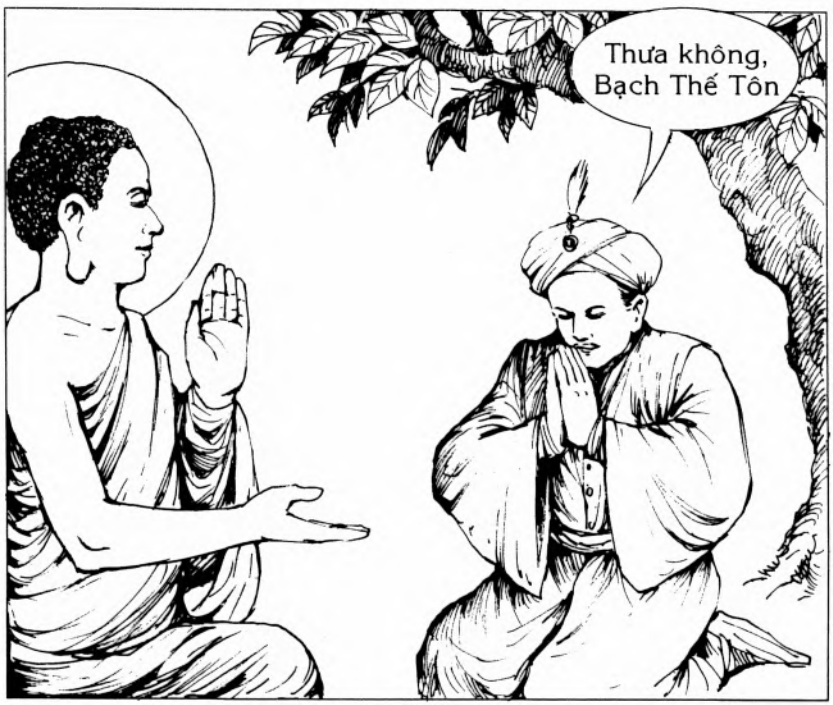
Do lời thỉnh cầu của Jivaka, Phật kêu gọi các tỷ kheo phải *hoạt động chân tay* như quét nhà, xách nước... để được khoẻ mạnh.

Hôm ấy Jivaka gặp Phật tại vườn xoài của mình, bèn thảo luận với Ngài về **vấn đề ăn uống và sát sanh.**

Bạch Thế Tôn, con nghe người ta nói **"Tuy sa môn Gotama có biết người ta làm thịt súc vật để đãi Ngài, thế mà Ngài vẫn cứ ăn"**

Này Jivaka, đó là những lời xuyên tạc. Ta nói có 3 trường hợp *không được phép thọ dụng thịt*. Đó là nếu TA THẤY, TA NGHE hay TA NGHI con vật ấy bị giết để đãi Ta. Ngoài 3 trường hợp đó, tất cả đều có thể thọ dụng món thịt

Này Jivaka, có một tỷ kheo đang đi khất thực trong một ngôi làng hẻo lánh và được mời thọ thực vào ngày mai. Hôm sau trong khi thọ thực, lòng tỷ kheo ấy KHÔNG HỀ MONG MỎI được mời thêm một bữa ăn ngon như hôm đang ăn. Trong trường hợp này, tỷ kheo đó có làm thiệt hại mình hay thiệt hại người khác không ?



— Này Jivaka, ai sát sanh để đãi Ta (hoặc đãi các đệ tử của Ta) thì người ấy đã phạm vào một ác nghiệp do 5 nguyên nhân sau đây :

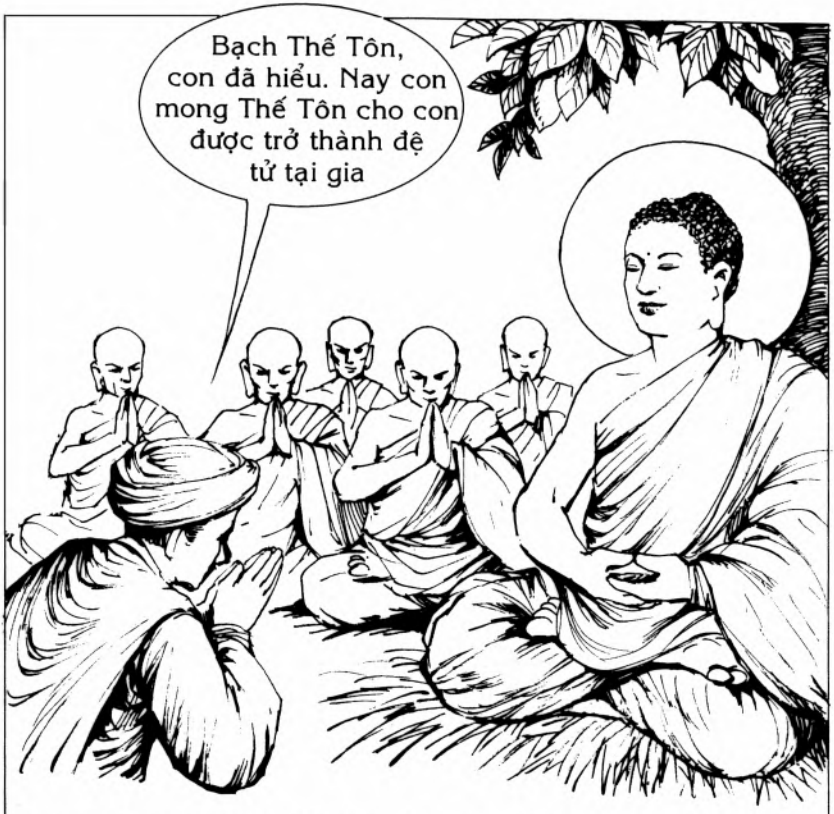
1. *Người ấy phạm tội, vì* người ấy đã nói với những người giúp việc câu này **"Hãy bắt trói nó lại".**

2. *Người ấy phạm tội, vì* người ấy **đã làm cho con vật bị đau khổ** (con vật bị lôi, bị kéo, bị bắt).

3. *Người ấy phạm tội, vì* người ấy đã ra lệnh **"Hãy cắt cổ nó đi !"**

4. *Người ấy phạm tội, vì* người ấy đã làm cho **con vật cảm thấy đau khổ tột cùng,** trong lúc nó thấy nó sắp bị giết.

5. *Và sau cùng, người ấy phạm tội vì* đã **cúng dường Ta** (hoặc cúng dường cho những đệ tử của Ta) **không đúng chánh pháp.**



Sau ngày quy y, Jivaka ra sức chăm sóc sức khoẻ cho các tăng chúng mà không nhận một khoản tiền thù lao nào. Ít lâu sau, Jivaka cúng dường vườn xoài của mình để Phật có thêm một cơ sở truyền đạo.

10. Phật và triệu phú Cấp Cô Độc*

Ở nước Kosala có một triệu phú trẻ tuổi tên là Sudatta thường cung ***cấp*** tiền bạc, lương thực cho những người nghèo khổ, sống ***cô*** quạnh, đơn ***độc*** nên người đời gọi ông là Cấp Cô Độc.

Ngày kia ông qua nước Ma-kiệt-đà, đến nhà người anh vợ để bàn chuyện làm ăn. Tại đây, ông gặp Phật, nghe Phật giảng và chứng được quả Dự-lưu. Ông liền quay về nước Kosala, đi tìm đất để cho Phật làm nơi giảng đạo. Ông được Thái tử Kỳ-đà bán một miếng vườn với giá thật đắt, nhưng Thái tử chỉ bán đất chứ không bán cây cối.



Khi thấy Cấp Cô Độc dâng đất cho Phật, Thái tử cũng hiến dâng phần cây cối của mình. Vì vậy miếng vườn được gọi là *Cấp Cô Độc viên, Kỳ-đà thụ (vườn của ông Cấp Cô Độc, cây cối của Thái tử Kỳ-đà)* mà người ta gọi tắt là *Kỳ Viên.*

Từ đó Cấp Cô Độc hết lòng lo cho giáo hội. Ông hăng hái cúng dường Phật và các tỷ kheo mà quên việc kinh doanh, cho đến một ngày kia ông bị khánh tận, trong nhà không còn một xu...

* Xin mời quý bạn xem bộ truyện tranh **Thập đại đệ tử của Phật.**

11. Vua Ba-tư-nặc quy y Tam bảo



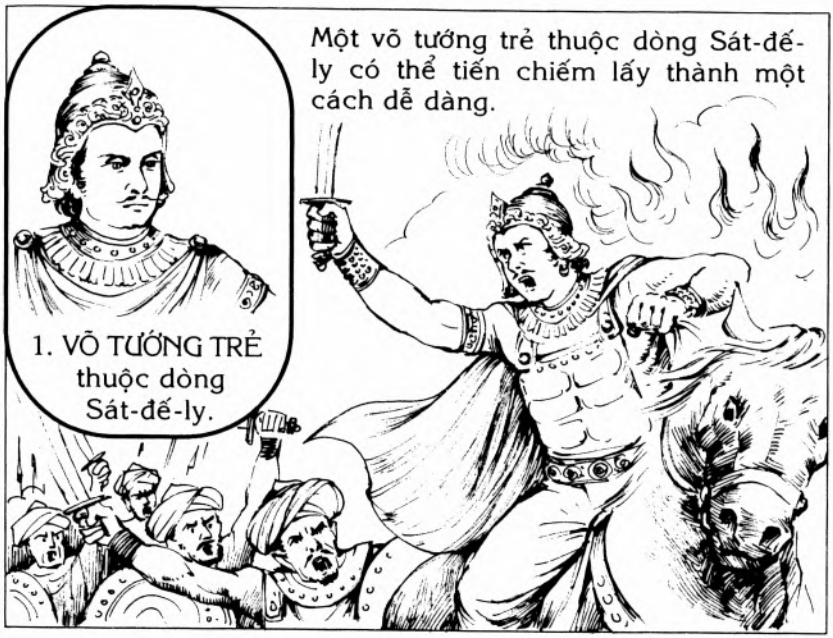
Một hôm vua Ba-tư-nặc nằm chiêm bao, thấy mười sáu giấc mộng rất lạ lùng*, nên đã mời các Bà-la-môn đến giải mộng. Họ cho biết vua sắp gặp đại hoạ, muốn tránh khỏi thì phải cúng tế thật linh đình. Vua bằng lòng, cung cấp nhiều tiền bạc cho họ... Hoàng hậu Mallika hay tin, đến yêu cầu vua đi gặp Phật.

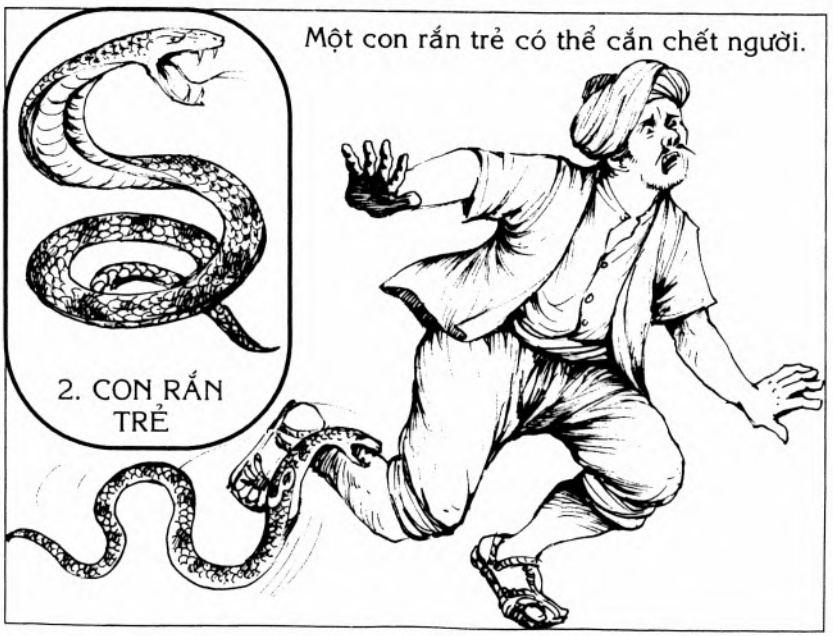
* Xem *Tiền Thân Đức Phật*, số 77.



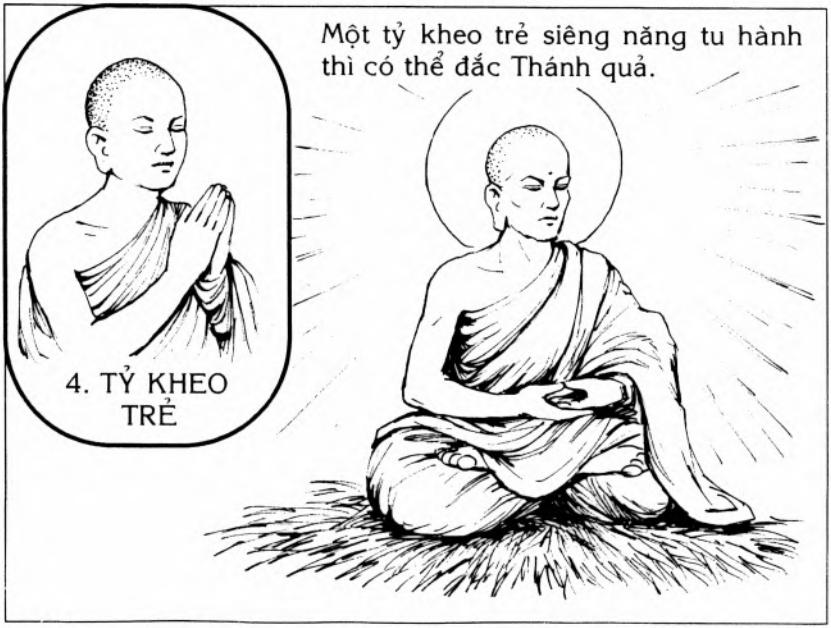
Trong buổi gặp gỡ này, Phật đã giảng giải ý nghĩa của từng giấc mộng cho vua Ba-tư-nặc nghe. Vua hết sức mừng rỡ nhưng lòng vẫn còn hoài nghi vì thấy Phật "rất trẻ" so với các vị lãnh đạo các giáo phái khác.


Thưa sa môn Gotama, có phải Ngài đã nói rằng **"Ta là một bậc A-la-hán đã đắc quả Chánh đẳng Chánh giác"**
Thưa đại vương, Như Lai có nói như vậy
Thưa Sa Môn, khi trả lời các câu hỏi vừa rồi của quả nhân, những vị lãnh đạo các giáo phái khác không ai dám nhận rằng mình được như thế, mặc dầu họ cao tuổi hơn Ngài.
Thưa đại vương, có 4 CÁI TRẺ mà không ai được coi thường. Đó là...


1. VÕ TƯỚNG TRẺ thuộc dòng Sát-đế-ly.
Một võ tướng trẻ thuộc dòng Sát-đế-ly có thể tiến chiếm lấy thành một cách dễ dàng.


2. CON RẮN TRẺ
Một con rắn trẻ có thể cắn chết người.


3. "NGỌN LỬA TRẺ"
Một ngọn lửa tuy chỉ mới nhen nhúm, nhưng nó có thể thiêu rụi cả một khu rừng rộng mênh mông.

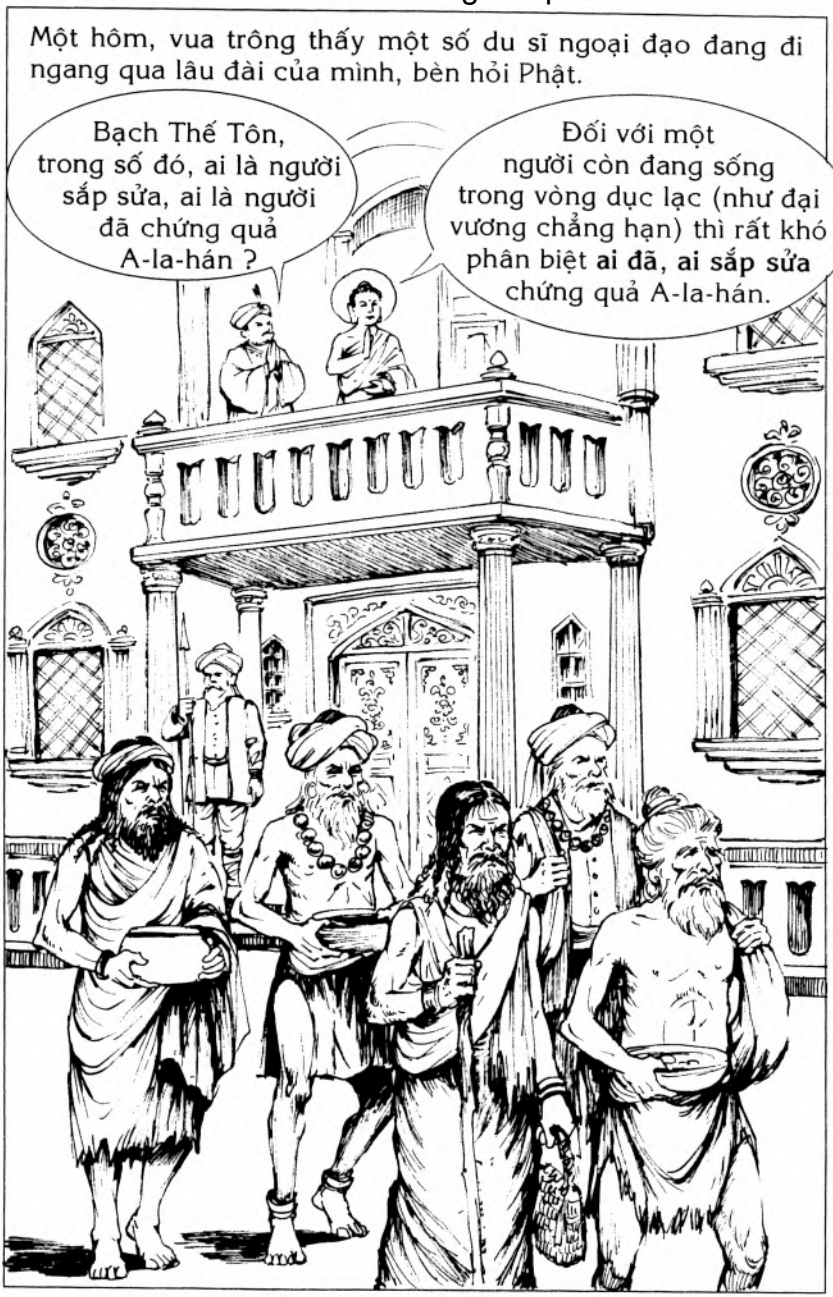

4. TỶ KHEO TRẺ
Một tỷ kheo trẻ siêng năng tu hành thì có thể đắc Thánh quả.

Câu trả lời của Phật đã làm hài lòng **vị vua trẻ thuộc dòng dõi Sát-đế-ly.**





Từ đó vua Ba-tư-nặc thường đến tịnh xá Kỳ Viên để nghe Phật giảng.


Một hôm, vua trông thấy một số du sĩ ngoại đạo đang đi ngang qua lâu đài của mình, bèn hỏi Phật.
Bạch Thế Tôn, trong số đó, ai là người sắp sửa, ai là người đã chứng quả A-la-hán ?
Đối với một người còn đang sống trong vòng dục lạc (như đại vương chẳng hạn) thì rất khó phân biệt **ai đã, ai sắp sửa** chứng quả A-la-hán.


Phải trải qua một thời gian dài xem xét (và người xem xét phải có trí tuệ nữa) thì mới có thể đánh giá một con người
Do đó, khi đánh giá một người, đại vương chớ nên nhìn bề ngoài của họ.


Khi hoàng hậu Mallika hạ sanh một công chúa, vua rất buồn. Phật hay tin, đến thăm và an ủi nhà vua.
Thưa đại vương, trên đời có biết bao bậc nữ nhân tài giỏi, có đức độ... không kém các nam nhi. Có biết bao bà mẹ đã sinh ra một đàn con trai là những vị anh hùng, hào kiệt, xuất chúng.
Vua nghe xong, lòng bình thản trở lại.


MỘT HÔM
Thưa đại vương, đại vương đi đâu vào giữa trưa nóng nực như vầy.
Bạch Thế Tôn, tổ mẫu của con (năm nay 120 tuổi) đã mệnh chung. Con rất nhớ thương bà, con sẵn sàng chịu mất cả một quốc độ để tổ mẫu được sống lại.


Thưa đại vương,
tất cả mọi món đồ gốm làm ra (dầu đã nung chín hay chưa nung chín) *đều phải bị bể vào một ngày nào đó.*
Con người cũng vậy thôi.
Tất cả mọi người đều phải chết
Bạch Thế Tôn, con đã hiểu


Một hôm, vua và Phật đang ngồi đàm đạo thì một vị quan bước vào, kề tai nói nhỏ với vua.
Tâu hoàng thượng, hoàng hậu Mallika đã mệnh chung

Vua báo cho Phật biết chuyện buồn của mình và được Phật an ui.

Thưa đại vương, trên thế gian này không bao giờ có một sa môn, một Phạm thiên hay bất cứ một người nào... có được **một trong năm đòi hỏi sau đây :**

1. không già
2. không bệnh
3. không chết
4. không bị hoại diệt
5. không bị huỷ diệt



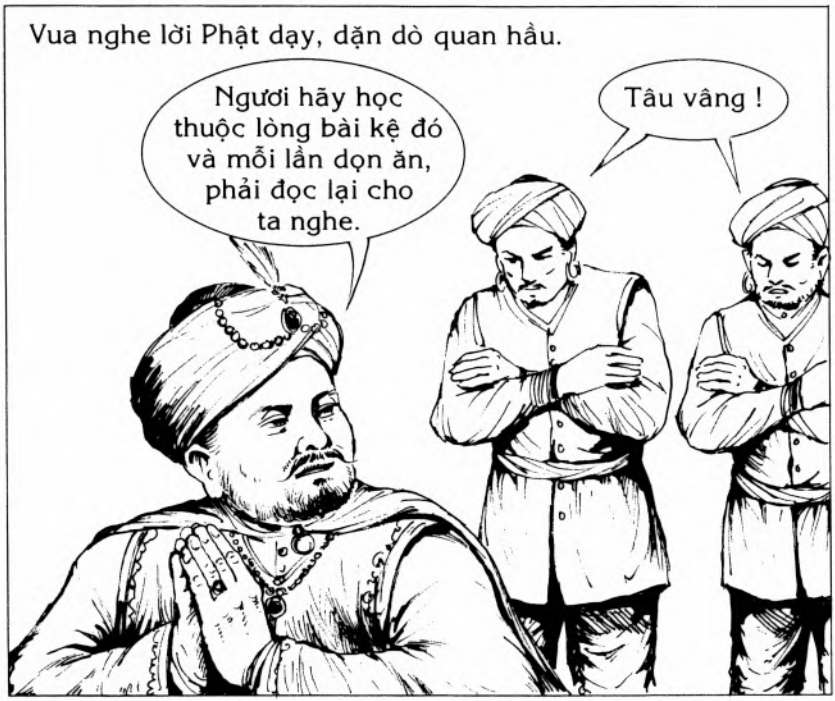
Thế thì khi có thân nhân qua đời, việc sầu muộn nào có ích lợi gì đâu ! Nó chỉ làm cho công việc của mình thêm bê trễ. Kẻ thù của mình thêm hoan hỷ và bạn bè của mình thêm lo buồn.

Bạch Thế Tôn, con đã hiểu.



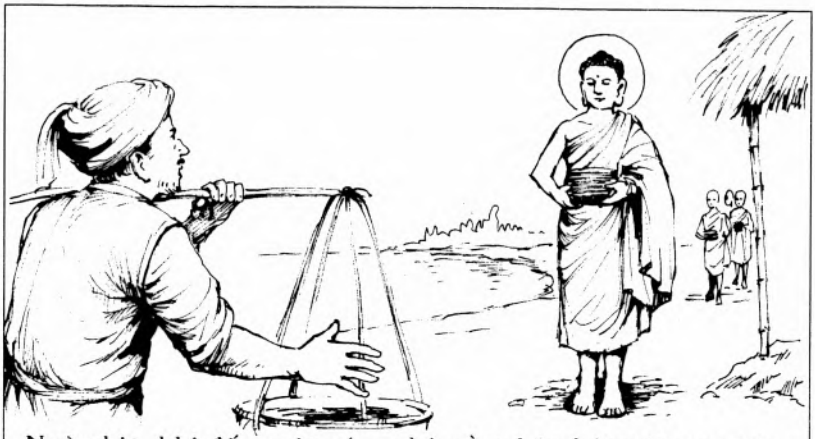
Vua Ba-tư-nặc thích các món cao lương mỹ vị nên đã có cái bụng rất to. Trong chỗ thân tình, Phật khuyên nhà vua nên ăn uống điều độ.





Nếu việc vua Tần-bà-sa quy y Phật đã làm cho đạo Phật được phát triển tại Ma-kiệt-đà, thì ở đây, việc vua Ba-tư-nặc quy y đã giúp cho đạo Phật được thịnh hành tại Kosala. Rồi như một ngọn lửa rừng, đạo Phật nhanh chóng truyền sang các nước chư hầu của vua Ba-tư-nặc.

12. Phật và người gánh phân Sunita



Ngày kia, khi đến một xóm nhà nằm bên bờ một con sông nhỏ gần Xá Vệ, Phật gặp Sunita.



Thấy Phật xăm xăm tiến về phía mình, Sunita giật mình, vội vã đi trốn. Ở phía sau, Phật bước nhanh hơn và khoảng cách giữa hai bên được thu ngắn dần.



Sunita hoảng hốt, đặt gánh phân trên bờ, rồi nhảy xuống sông, hy vọng sẽ "thoát được". Nhưng lúc ấy, trên bờ đã có nhiều chiếc áo vàng đang đứng chờ.




Này Sunita !
Ta không hề phân biệt giai cấp. Nước của nhiều con sông tuy có khác nhau, nhưng một khi đã đổ vào biển, thì đều là **nước biển**
Cũng vậy, một người ở bất kỳ giai cấp nào, một khi đã gia nhập vào Giáo hội của Ta, thì đều là **tỷ kheo.** Sunita có muốn trở thành một tỷ kheo không ?
Bạch Thế Tôn, con rất muốn, nhưng con sợ... mình mấy con dơ bẩn lắm !

Phật trao bình bát cho thầy thị giả, rồi bước xuống nước, vừa nắm tay Sunita vừa nói với Xá-lợi-phất.

Này Xá-lợi-phất, thầy hãy cùng Ta tắm cho Sunita. Sunita sẽ xuất gia ngay tại đây !

Sau khi Sunita tắm xong, tôn giả A-nan bước tới, trao chiếc áo cà sa : thế là giờ đây Sunita đã là một tỷ kheo, cùng Phật trở về tịnh xá Kỳ Viên.

Việc Sunita xuất gia đã làm cho dân chúng bàn tán nhiều.

Ổng làm vậy coi sao được !

Ông sa môn này muốn làm đảo lộn trật tự của xã hội ư ? Gã gánh phân mà cũng là tỷ kheo à ?

Trong khi đó, tại tịnh xá Kỳ Viên, các đại đệ tử của Phật cũng tỏ vẻ lo ngại khi nghe được các dư luận bất lợi. Phật giải thích.

Đạo của Ta phải mở rộng cửa đón mọi người, mọi tầng lớp. Với việc vừa rồi, Ta sẽ gặp đôi chút khó khăn, nhưng rồi cũng qua

Hơn một tháng sau, một số vị lãnh đạo các giáo phái khác xin vào gặp vua Ba-tư-nặc để trình bày sự việc "kỳ lạ" đó.

Tâu đại vương, sa môn Gotama đã làm một việc không thích đáng

Sao Thế Tôn lại làm thế nhỉ ?

Các tôn giả hãy yên tâm. Trẫm đích thân đến tịnh xá Kỳ Viên để tìm hiểu...

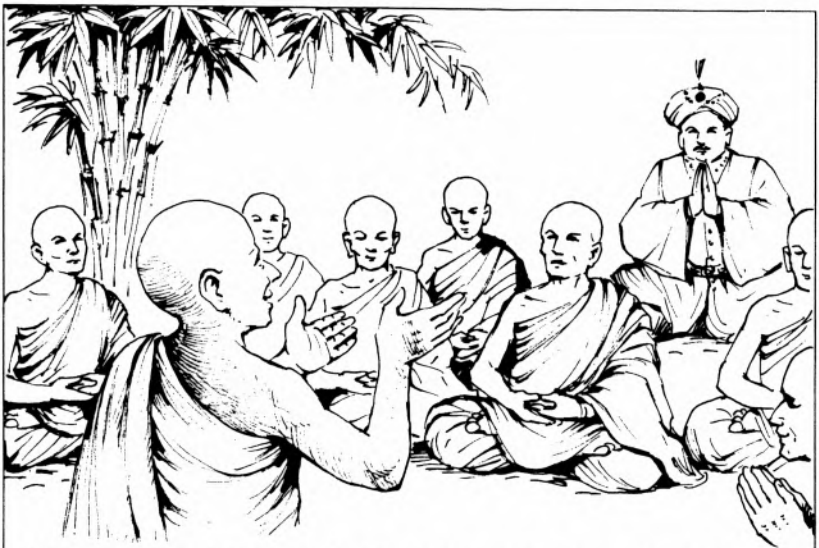
Hôm sau, xa giá của vua ngừng lại trước cửa tịnh xá.



Vua đi bộ vào trong. Không một lính hầu nào theo sau. Trên đường, mỗi lần được các tỷ kheo chào đón, vua đều chắp tay chào lại.



Đi được một quãng, vua trông thấy có trên 10 tỷ kheo ngồi chung quanh một tỷ kheo đang giảng pháp. Ngài tò mò, đứng lại nghe.



Với tài hùng biện, vị tỷ kheo làm say sưa các thính giả. Vua cũng bị cuốn hút vào bài giảng.



Nhưng rồi ngài sực nhớ lại mục đích của chuyến đi, bèn tiếp tục cất bước.

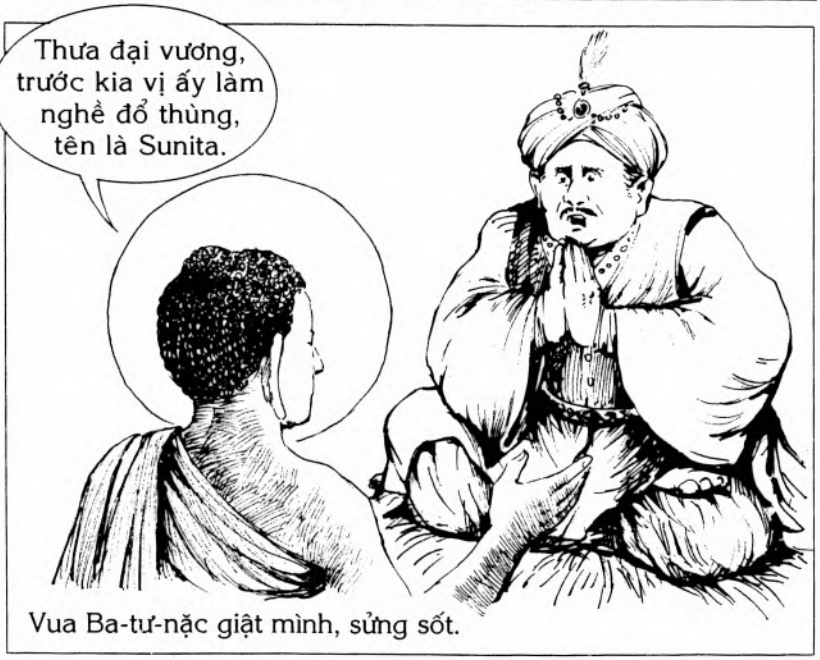
Phật ra đón khách, mời vào phòng mình. Sau những lời mở đầu, vua nói.

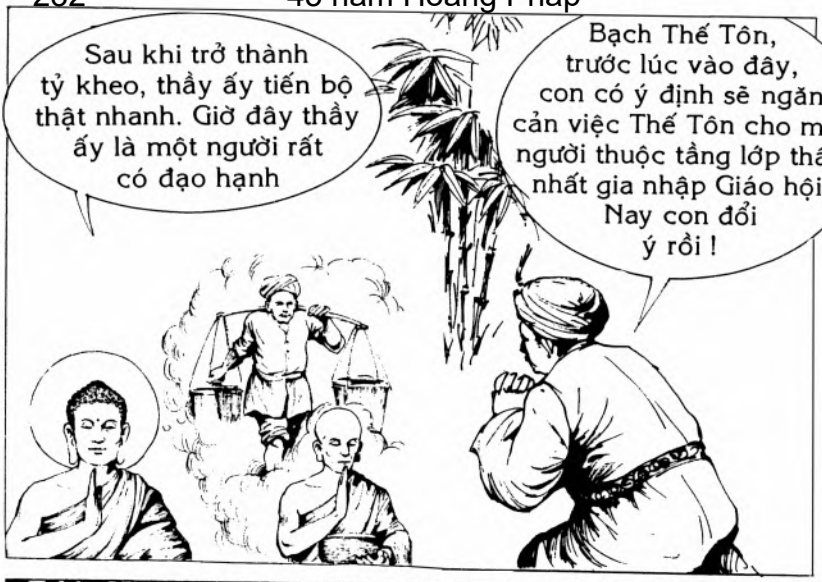


Phật không trả lời câu hỏi này, mà hỏi lại.




Bạch Thế Tôn,
vị ấy giảng dễ hiểu lắm.
Vị đó tên gì ?


Thưa đại vương,
trước kia vị ấy làm
nghề đổ thùng,
tên là Sunita.
Vua Ba-tư-nặc giật mình, sửng sốt.





Không khí mát dịu và cái im vắng của tịnh xá như thấm sâu vào tận tâm hồn của vị vua nóng tính. Hôm nay trên đường về hoàng cung, ông thấy vui hơn bao giờ hết.

13. Tôn giả A-nan trấn áp bệnh dịch hạch



Nhiều người đã chết đói.



Bệnh tật đã giết hại nhiều người.



Kính mong đại vương thuyết phục sa môn Gotama sang đó giúp dân.





Theo lời yêu cầu của vua Tần-bà-sa, Phật cùng với vài tỷ kheo vượt sông Hằng. Sau 5 ngày đi bộ, **khi ngài vừa đặt chân lên lãnh thổ nước Licchavi** [2] **thì lập tức một cơn mưa rất lớn tuôn xuống khắp vương quốc này.**

Sau đó Phật giao nhiệm vụ trấn áp bệnh dịch hạch cho tôn giả A-nan.

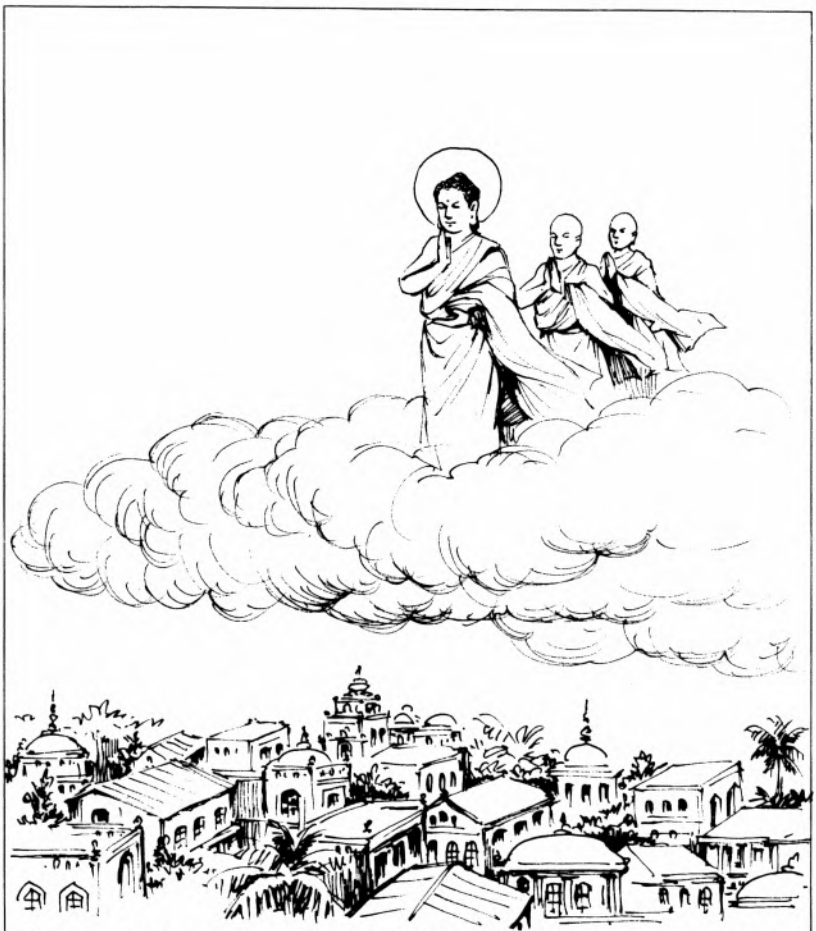




Chỉ trong một thời gian ngắn, tôn giả A-nan đã trấn áp xong bệnh dịch hạch[1]. Dân chúng Tỳ-xá-ly tiếp đón phái đoàn Phật rất long trọng tại sảnh đường có nóc nhọn ở rừng Đại Lâm.

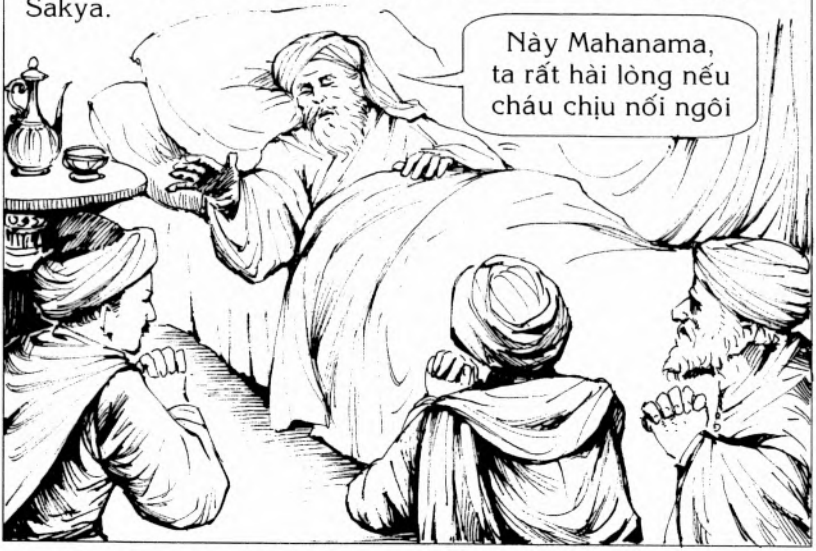
1. Các nhà bình giải thời nay gán sự thành công này cho số lượng nước mát của những "cơn mưa cứu hạn" cùng với lượng "nước mưa vào mùa" tuôn xuống không ngừng trên đất Licchavi (*Đức Phật Lịch Sử* trang 269).

14. Phật trở về cố hương lần thứ nhì



Trong những ngày có mặt ở Tỳ-xá-ly để cứu hạn cho dân Licchavi, Phật nghe tin phụ vương lâm trọng bệnh, bèn du hành qua không gian về **Ca-tỳ-la-vệ**[13] để kịp gặp cha.

Trong giây phút cuối cùng, vua Tịnh-Phạn cùng các đại thần chỉ định hoàng thân Mahanama lên trị vì vương quốc Sakya.





Tiếp đó Phật thuyết giảng một bài kinh và vua Tịnh Phạn được *đắc quả A-la-hán.*

Sau khi hoả táng nhà vua xong, hoàng hậu Gotami đến gặp Phật tại Rừng Cây Đa, xin xuất gia. Nhưng bà bị Phật từ chối. Bà lặp lại lời xin ba lần và Phật cũng từ chối 3 lần.



Bà Gotami vừa đi ra khỏi Rừng vừa khóc nức nở.



Phật lên đường trở về **Tỳ-xá-ly**[14]. Bấy giờ bà Gotami cắt tóc, đắp y giống như một tỷ kheo ni rồi cùng với một số phụ nữ dòng họ Thích Ca, đi bộ từ Ca-tỳ-la-vệ đến tận Tỳ-xá-ly.



Những bàn chân mảnh mai bị sưng phồng, thượng y, hạ y[1] dính đầy bụi đường.Mọi người đều mỏi mệt. Bà Gotami vừa khóc vừa nài nỉ tôn giả A-nan "nói giúp" cho bà.



(1) Thượng y : áo ngoài ; hạ y : áo trong





Sau khi cam kết sẽ tuân theo Tám Trọng giới, bà Gotami được Phật cho xuất gia. Nữ cư sĩ Ampabali hiến vườn xoài của mình để bà Gotami thành lập Giáo hội tỷ kheo ni. Sau khi giải quyết xong mọi việc ở Tỳ-xá-ly, Phật trở về **Vương Xá** [5]

15. GIÁO HỘI TỶ KHEO NI

Bà Gotami giờ đây đã là tỷ kheo ni Mahapajapati. Tỷ kheo ni lớn tuổi này dự tính sẽ thiết lập một trung tâm tu học cho ni chúng ngay tại Tỳ-xá-ly để họ có thể được gần gũi và học hỏi với Phật và với các đại đệ tử của Người.

Bà cũng có ý nguyện trở về Ca-tỳ-la-vệ để mở một trung tâm tu học cho ni chúng ngay tại quê hương mình.

Ngay ngày hôm đó, bà nhờ người về Ca-tỳ-la-vệ báo tin cho công chúa Da-du-đà-la. Bà biết rằng tin nữ giới được chấp thuận vào Giáo đoàn khất sĩ sẽ như một tiếng sét và sẽ có rất nhiều phản ứng trong xã hội. Người ta sẽ lên án và công kích Phật cùng Giáo đoàn. Phật và Giáo đoàn sẽ gặp những khó khăn không thể nào lường trước được. Nghĩ đến đó, bà thấy một niềm biết ơn tràn ngập tâm tưởng bà. Bà thấy rõ *Tám trọng giới* không phải là những điều kỳ thị nữ giới mà chính là những phương tiện bảo vệ và che chở cho Giáo đoàn — trong đó có ni giới.

Bà trình bày với Phật về cách phục sức của các tỷ kheo ni và được chấp thuận. Bộ y phục của các tỷ kheo gồm : quần dưới, áo mặc bên trên và một tấm áo khoác bên ngoài (tăng-già-lê). Các tỷ kheo ni — ngoài 3 tấm ấy — còn được phép có thêm hai tấm khác : một tấm tên là samkaksila dùng để thắt ngang hông và một tấm nữa, tên là kusulaka, dùng như một chiếc váy...

Ngoài *y* và *bát,* các tỷ kheo và tỷ kheo ni có quyền sở hữu *một cái quạt* để che đầu khi trời nắng, *một dụng cụ lọc nước uống, một cây kim* và *một ít chỉ* để khâu vá lại xiêm y, *một cái tăm xỉa răng* và *một cái dao cạo* để cạo tóc và râu, mỗi tháng 2 lần.

TÁM TRỌNG GIỚI
mà các tỷ kheo ni phải tuân theo

1. Tỷ kheo ni, dù được trăm tuổi hạ, vẫn phải chào hỏi một tỷ kheo, đứng dậy trước vị tỷ kheo, đảnh lễ và thực hành bổn phận đối với tỷ kheo, mặc dầu vị tỷ kheo ấy chỉ mới xuất gia trong ngày hôm đó.
2. Tỷ kheo ni không thể nhập hạ tại một nơi không có tỷ kheo.
3. Đến kỳ sám hối, tỷ kheo ni phải hỏi các tỷ kheo "chừng nào có lễ phát lồ[1] và giờ nào các ngài đến họp."
4. Khi mãn thời gian kiết hạ, mỗi tỷ kheo ni phải thọ lễ tự tứ[2], chánh thức ra hạ trước mặt các vị tỷ kheo và tỷ kheo ni khác (để kiểm thảo trong ba điều THẤY, NGHE và HOÀI NGHI, mình có lầm lỗi ở điểm nào không).
5. Tỷ kheo ni đã phạm trọng tội phải chịu phạt manatta[3] trước chư tăng và chư ni.
6. Nữ sa di đã thọ từ 8 giới trong thời gian 2 năm có thể xuất gia làm tỷ kheo ni trước chư tăng và chư ni.
7. Bất luận trong trường hợp nào, tỷ kheo ni cũng đều không có quyền khiển trách hay nặng lời với tỷ kheo.
8. Tỷ kheo không được sám hối với tỷ kheo ni, nhưng tỷ kheo ni có thể sám hối với các tỷ kheo.

Những giới luật trên đây phải được tôn trọng trọn đời, phải được kính nể và không được đổi thay, xê dịch[4].

Sau khi tôn giả A-nan đọc xong tám trọng giới dành cho tỷ kheo ni, bà Mahapajapati* hân hoan chấp thuận và Phật bằng lòng cho bà xuất gia.

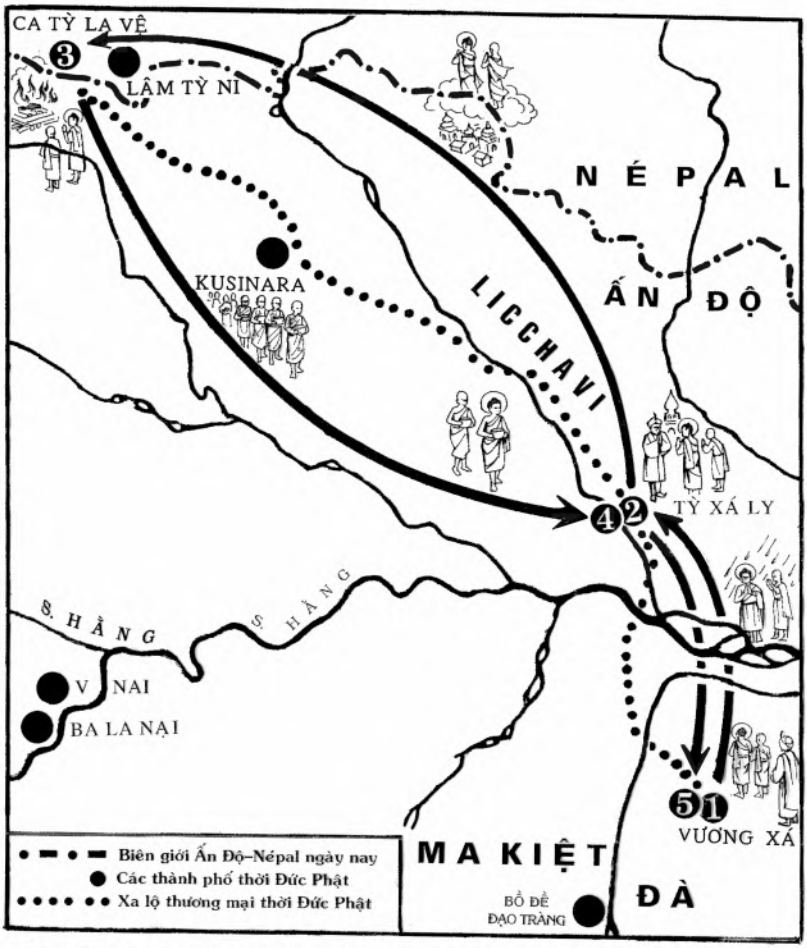
---

1. Vào các ngày rằm và mùng một, các tỷ kheo họp lại đọc những giới luật căn bản.
2. Nghi thức chấm dứt thời kỳ an cư kiết hạ.
3. Một hình thức phạt kỷ luật.
4. *Đức Phật và Phật Pháp*, trang 147.

* Mahapajapati dịch âm là Ma-ha Ba-xà-ba-đề, dịch nghĩa là Đại Ái Đạo (rất yêu quí đạo) hoặc Đại Sanh-Chủ.

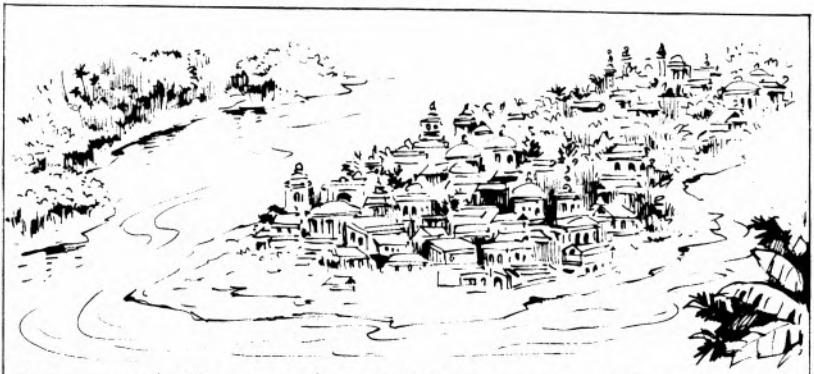
Bản đồ 3: Theo dấu chân Phật

Từ lúc Phật cứu hạn tại Licchavi tới lúc trở về cố hương lần thứ nhì



Năm 585 sứ thần nước Licchavi yêu cầu vua Tần-bà-sa thuyết phục Phật sang cứu hạn (1). ★ Phật vừa đặt chân lên phần đất Licchavi thì lập tức một cơn mưa lớn đổ xuống khắp nước này. Tại Tỳ-xá-ly (2) Phật được đón tiếp long trọng. ★ Hay tin cha bệnh nặng, Phật du hành trong không gian trở về Ca-tỳ-la-vệ (3). ★ Sau lễ hoả táng, bà Gotami xin xuất gia. Phật từ chối và đi về phương Nam. Bà Gotami và một số nữ nhân đi bộ từ Ca-tỳ-la-vệ đến Tỳ-xá-ly (4) nhờ A-nan "nói giúp". Phật cho bà xuất gia. ★ Sau đó Phật trở về Vương Xá (5).

17. Phật bị xua đuổi tại Kosambi



Vương quốc Vamsa (nằm giữa hai con sông Hằng và sông sông Yamuna, kinh đô là Kosambi) thuộc quyền cai trị của vua Udena.



Năm 582 trước Tây lịch, với sự giúp đỡ của một số tín đồ sống tại Vamsa, Phật đến an cư mùa mưa tại núi Cá Sấu của bộ tộc Bhagga thuộc vương quốc của vua Udena.



Chính nhà triệu phú Ghosita ở Kosambi đã hiến một ngôi vườn cho Phật. Như vậy mọi việc có vẻ như rất thuận lợi để Phật truyền đạo tại nước này. Nhưng một chuyện khổ tâm đã xảy đến.



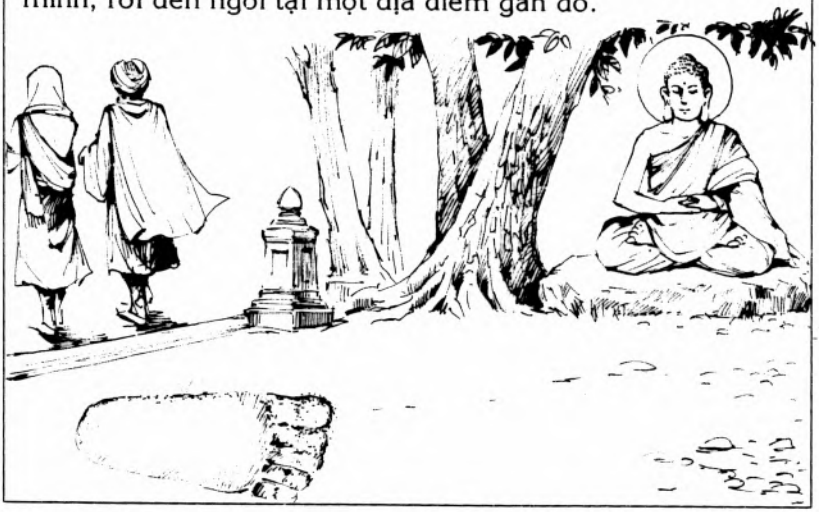
Số là gia đình Bà-la-môn kia có một người con gái rất đẹp tên là Magandiya ; hai ông bà hy vọng sẽ tìm được một chàng rể xứng lứa vừa đôi cho con mình.



Ngày nọ, Phật nhìn khắp thế gian, thấy vợ chồng người Bà-la-môn đã đủ cơ duyên, nên liền đến đó vào lúc họ đang cúng tế thần lửa.



Bấy giờ Phật ấn mạnh chân xuống đất để in rõ bàn chân mình, rồi đến ngồi tại một địa điểm gần đó.



Khi vợ chồng người này dẫn cô gái đến, người vợ trông thấy dấu chân Phật in trên nền đất thì nói lớn.




Nói xong, ông dẫn con gái mình đến bên Phật.
Thưa sa môn, tôi xin gả con gái tôi cho sa môn. Hãy hoàn tục để hưởng hạnh phúc lứa đôi
Ta không thích các dục lạc của trần gian. Thân xác con người đầy ô trược, Ta không muốn sờ đến nó, dù chỉ bằng chân
Nghe Phật nói, hai vợ chồng Bà-la-môn đắc ngay quả A-la-hán.


Nhưng cô gái lại cho rằng mình bị xúc phạm.
Không yêu ta thì thôi, sao lại dám nói thân thể xinh đẹp của ta "đầy ô trược". Được lắm ! Hãy chờ xem !
Thứ phi cho tiền đám nô lệ, bảo chúng đuổi Phật ra khỏi Kosambi.
Người đẹp đẽ thì ông cho là ô trược, còn gã gánh phân thì ông khen là thanh cao. Rõ ràng đầu óc ông không còn bình thường ! Hãy rời khỏi nơi đây.
Ít lâu sau, vua Udena rước Magandiya về làm thứ phi.
Ta sẽ rửa hận !


① Bạch Thế Tôn, người ta mắng nhiếc chúng ta. Con muốn rời khỏi nơi này
② Này A-nan, Ta đi đâu ?
④ Nếu ở đó người ta cũng đuổi xô thì Ta lại đi đâu ?
③ Bạch Thế Tôn, đến một thị trấn khác
⑥ Này A-nan, không nên nói như vậy. Nơi nào có chuyện khó khăn thì Ta phải ở lại để dàn xếp cho ổn thoả. Nhưng ở đây ai mắng nhiếc Ta ?
⑤ Bạch Thế Tôn, thì đến một thị trấn khác nữa
⑦ Bạch Thế Tôn, ở đây ai cũng mắng nhiếc. Những người nô lệ và tất cả mọi người
⑧ Họ chỉ chửi mắng Ta trong 7 ngày thôi. Tới ngày thứ 8, họ sẽ lặng yên...

Tuy bị xua đuổi, nhưng mùa mưa năm 581, Phật vẫn đến Kosambi lần nữa với ý định giáo hoá chư tăng và cũng để thuyết phục vua Udena. Nhưng lần này Phật cũng không thành công.



Nhà vua tỏ ra không tin tưởng vào giáo lý của Phật, nhất là khi nhìn thấy thị giả Sagata say rượu, ngã xỉu trước cổng thành Kosambi[1].



1. Xem tiền thân đức Phật, số 81.

Đồng thời ngài cũng chán ngán trước những cuộc tranh luận về tôn giáo giữa hoàng hậu Samavati và thứ phi Magandiya.



Hoàng hậu là tín đồ của Phật, còn thứ phi thì chống lại. Một hôm, thứ phi nói với vua Udena.




Nhà vua tin lời thứ phi, sai người lấy gạch xây bít các cửa sổ ở cung thất của hoàng hậu.
Bít luôn cả cửa sổ kia nữa


Thứ phi lại phao tin rằng hoàng hậu đang tìm cách mưu sát nhà vua. Vua ra lệnh bắt hoàng hậu phải chịu một hình phạt thử thách".
Được rồi ! Một mũi tên sẽ cho mọi người biết đâu là sự thật



Vua bắn một mũi tên về phía hoàng hậu, nhưng mũi tên "đi lạc". Thế là hoàng hậu được nhìn nhận là VÔ TỘI.



Một thời gian sau, hoàng hậu chết trong một cơn hoả hoạn. Vua khám phá ra rằng chính thứ phi chủ mưu vụ này.

Ông bắt tội thứ phi và những người có dự vào cuộc mưu sát vương hậu.



Tuy vua Udena không có thiện cảm với Giáo hội, nhưng các nữ nhân của vua lại rất quan tâm đến đạo Phật. Một ngày nọ, tại vườn thượng uyển, lúc vua Udena đang ngủ, các cung phi đã lén nghe pháp do trưởng lão Pindola thuyết giảng.



Lát sau vua thức dậy, giận dữ, ra lệnh cho lính hầu ném kiến lửa vào tỷ kheo Pindola. Nhưng tỷ kheo đã bay lên không gian.



Lúc về già, vua Udena bớt gay gắt với Giáo hội, nhất là khi ông biết con trai ông (Thái tử Bodhi) đang hộ trì đạo Phật. Sau ngày Phật nhập Niết bàn, vua cho phép các phi tần được nghe pháp do trưởng lão A-nan thuyết giảng tại ngự viên Udaka.

18. Cái ghè nước ở Kosambi

Tại tịnh xá Ghosita, sau khi đem ghè nước vào nhà vệ sinh và sử dụng không hết, một tỷ kheo đã mang ghè đó ra, đặt ở bên ngoài nhà vệ sinh tập thể mà không đổ hết phần nước còn sót lại. **Điều này đã vi phạm phép vệ sinh chung.**

Khi bị khiển trách, ông cãi rằng : *"Sự sơ ý này không phạm giới."* Nhưng hội đồng tăng chúng họp lại, ra quyết định đình chỉ sự tu tập của ông. Lệnh này bị địa phương Kosambi chống lại, thế là hình thành hai nhóm tỷ kheo chống đối nhau, cãi vã nhau và thậm chí có lúc đánh nhau, chỉ vì bên nào cũng "tự ái".

Những lời khuyến giáo của Phật chỉ làm ngưng việc ẩu đả còn cuộc cãi vã thì vẫn còn. Bấy giờ Phật cắt lời mọi người :



— Thôi đủ rồi ! Này các tỷ kheo, không được đấu tranh, không được khẩu tranh, không được cạnh tranh, không được luận tranh gì nữa cả !

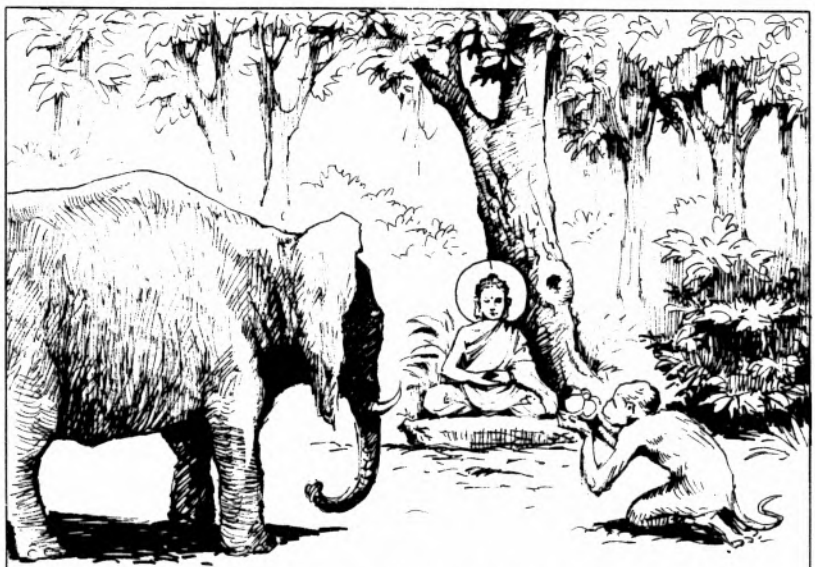
Trong số các tỷ kheo "nóng tánh" có một người dám cãi lại :

— Xin bậc Đạo sư hãy kham nhẫn và ngồi xuống đây, còn cuộc đấu tranh, khẩu tranh, cạnh tranh và luận tranh này là chuyện của chúng con.

Phật không nói gì nữa, rời khỏi hội chúng ở Kosambi.



Phật đi vào rừng Parileyya, nhập hạ dưới một gốc cây.



Tại đây Phật được voi chúa và khỉ chúa đến hầu hạ.



Sau một thời gian chung sống với đàn voi, Phật hiểu được tiếng rống của voi chúa khi nó muốn kêu gọi cả đàn trở về.



Có lần Phật thử rú lên tiếng rống của loài voi, và voi chúa hiểu được, nó đến quỳ dưới chân Phật như muốn nói "sẵn sàng làm theo lệnh Ngài".



Mùa an cư kiết hạ đã hết, Phật từ giã hai con vật dễ thương, trở về tịnh xá Kỳ Viên.

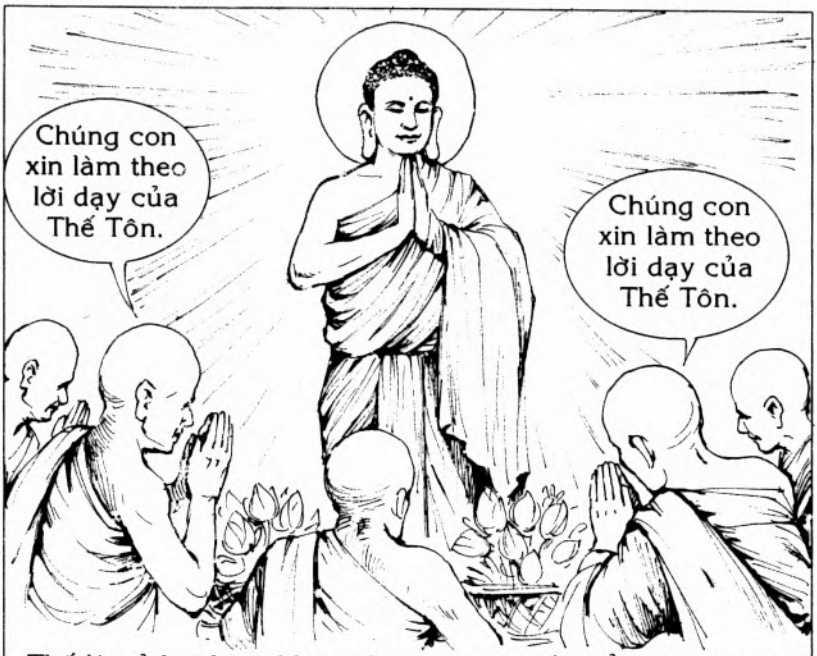


Trong thời gian Phật nhập hạ ở rừng Parileyya thì ở tại Kosambi, các tỷ kheo vẫn còn cãi nhau khiến cho các cư sĩ chán nản. Họ không cung cấp lương thực, thuốc men cho tăng chúng nữa. Hậu quả là cả hai nhóm tỷ kheo đều lâm vào cảnh khó khăn, vì vậy...

...Khi nghe tin Phật đã về tới Kỳ Viên, cả hai nhóm tỷ kheo đều cử đại diện đến, nhờ Phật đứng ra giảng hoà.

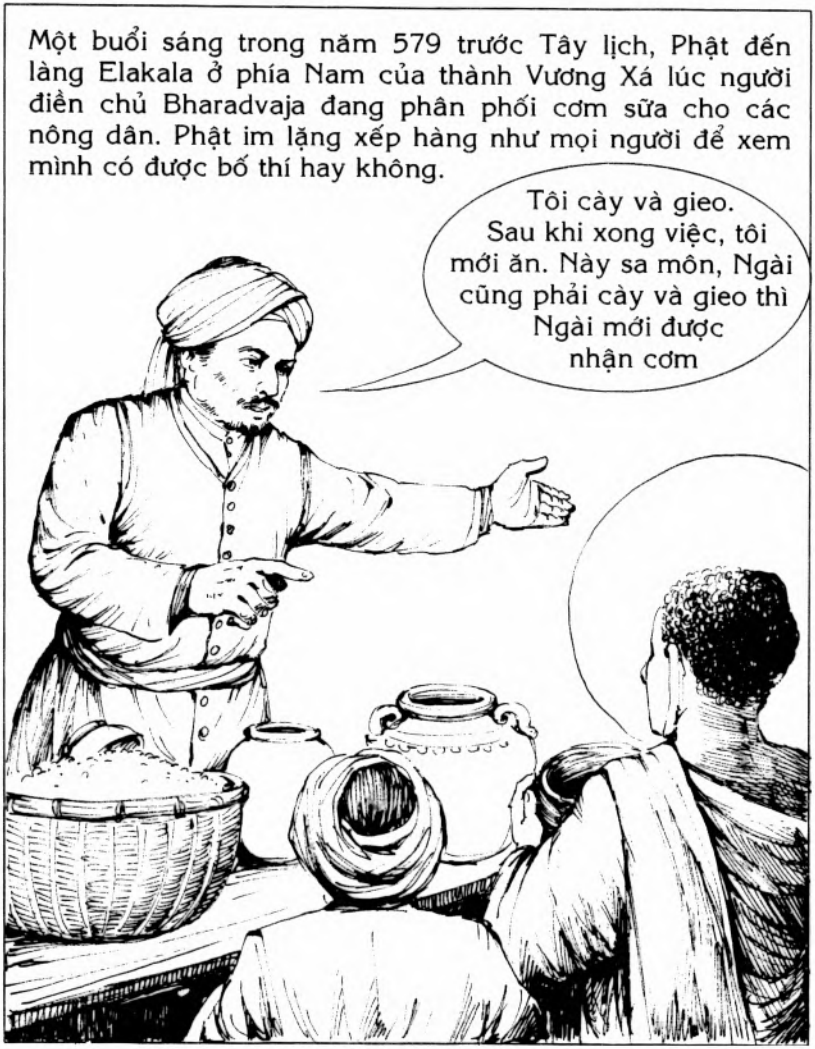

Đại diện của tỷ kheo bị đình chỉ, nói.
Bạch Thế Tôn, nay tỷ kheo ấy đã nhận ra lỗi của mình rồi !


Phật nói với đại diện của các tỷ kheo đã ra lệnh đình chỉ.
Nay thầy ấy đã nhận lỗi thì có nghĩa lệnh đình chỉ trước đây của các thầy là ĐÚNG. Vậy các thầy nên phục hồi chức vị cho thầy ấy



Thế là cả hai bên, không bên nào bị mất thể diện cả. Tuy nhiên sau đó, các tỷ kheo ở Kosambi vẫn tiếp tục tranh cãi. Và suốt 35 năm còn lại của đời mình, Phật không hề đến an cư mùa mưa tại Kosambi hay tại bất cứ nơi nào trong vương quốc Vamsa nữa.

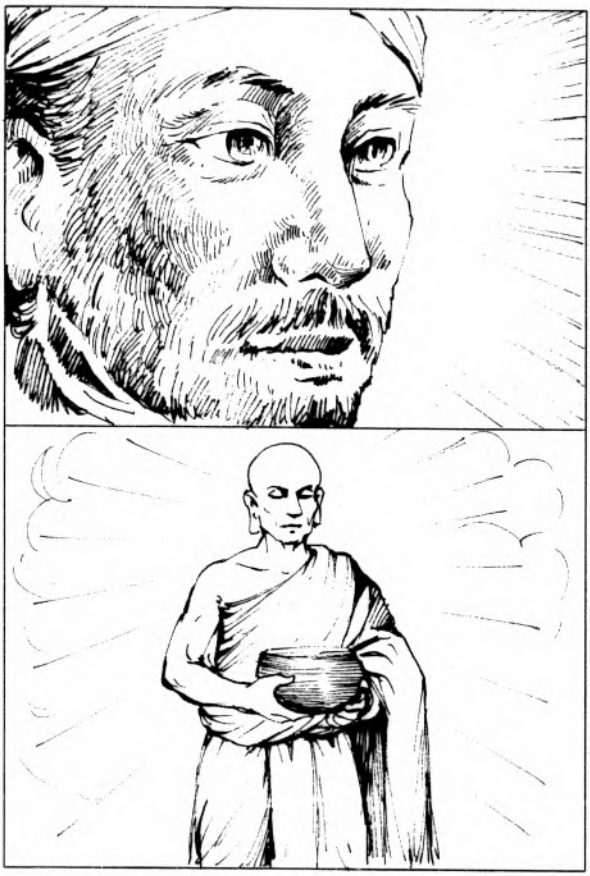
19. Phật và người điền chủ Bà-la-môn




Này Bà-la-môn,
Ta cũng cày và cũng gieo.
Rồi khi Ta làm xong,
Ta mới ăn
Thưa sa môn,
tay Ngài chỉ cầm bình
bát, chớ có cầm ách,
cầm cày đâu ?
Ta gieo **hạt giống chánh tín**, cây cày là **trí tuệ**, đôi bò là **tinh tấn**. Thành quả lao động của ta là **trạng thái bất sanh bất diệt**

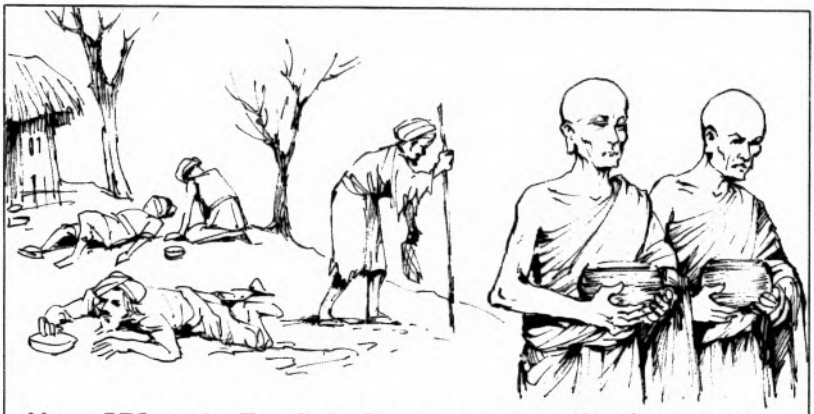

Người Bà-la-môn liền dâng cho Phật một chén cơm sữa, nhưng Phật từ chối.
Một tặng vật nhận được nhờ "tài ăn nói" không đem lại phước báu cho người bố thí


Thế là người điền chủ đem đổ chén cơm sữa xuống con suối bên cạnh.
Ta không thể ăn chén cơm đã bị từ chối mà cũng không thể đem tặng nó cho các nông dân



Nhưng một thời gian sau, *những hạt giống mà Phật gieo vào lòng người điền chủ* đã nẩy mầm : ông trở thành một tỷ kheo.

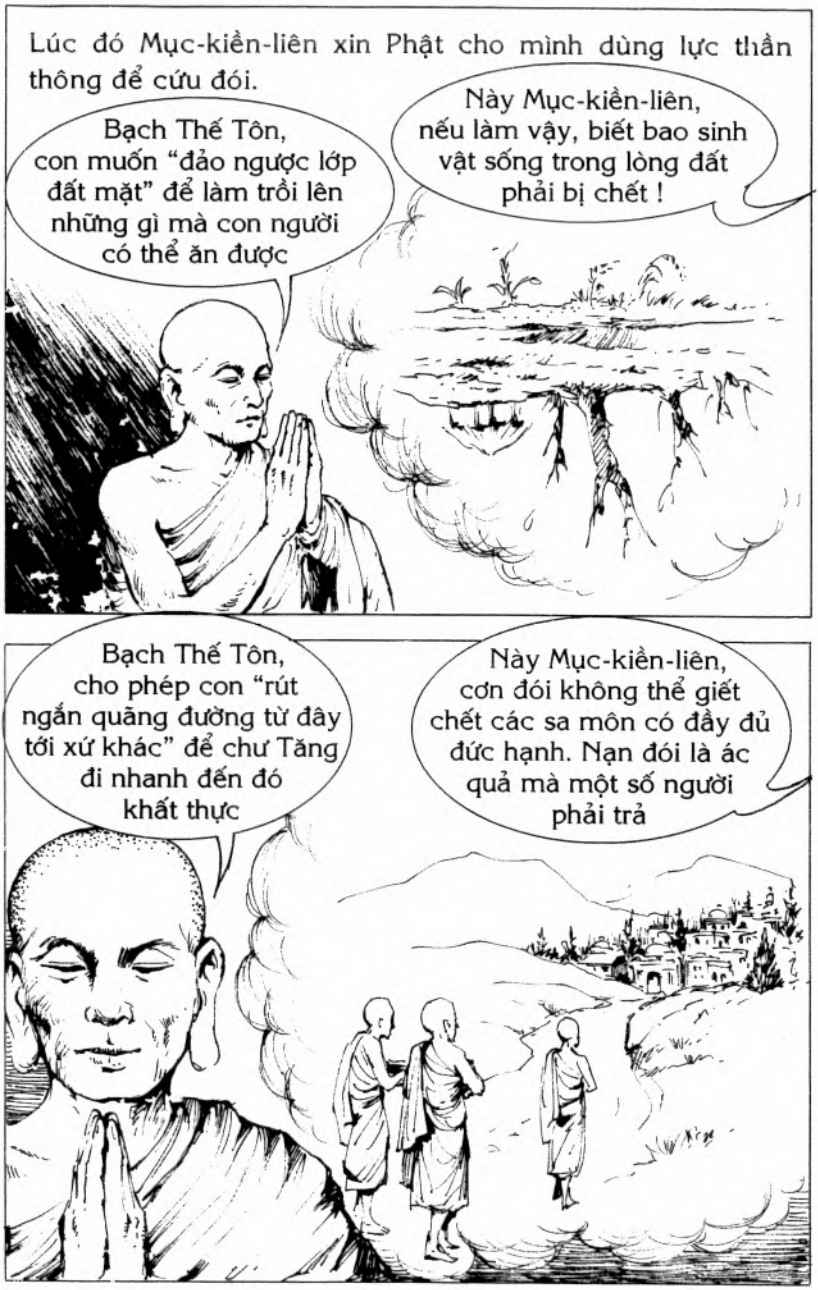
20. Nạn đói trong năm 578 trước Tây lịch



Năm 578 trước Tây lịch, Phật và vài đệ tử đến phía Nam của thành Xá Vệ để an cư mùa mưa. Năm đó vương quốc Kosala bị mất mùa, dân chúng đói khổ.



Nhà vua phải phát phiếu khẩu phần cho dân. Vì vậy việc khất thực của các tỷ kheo gặp khó khăn. Nhiều vị lội bộ suốt buổi sáng và trở về với bình bát trống rỗng.


Lúc đó Mục-kiền-liên xin Phật cho mình dùng lực thần thông để cứu đói.
Bạch Thế Tôn, con muốn "đảo ngược lớp đất mặt" để làm trồi lên những gì mà con người có thể ăn được
Này Mục-kiền-liên, nếu làm vậy, biết bao sinh vật sống trong lòng đất phải bị chết !
Bạch Thế Tôn, cho phép con "rút ngắn quãng đường từ đây tới xứ khác" để chư Tăng đi nhanh đến đó khất thực
Này Mục-kiền-liên, cơn đói không thể giết chết các sa môn có đầy đủ đức hạnh. Nạn đói là ác quả mà một số người phải trả

May mắn thay ! Khi ấy có vài người buôn ngựa từ vùng Bắc Ấn đến Xá Vệ, có đem theo nhiều **thức ăn cho ngựa.**



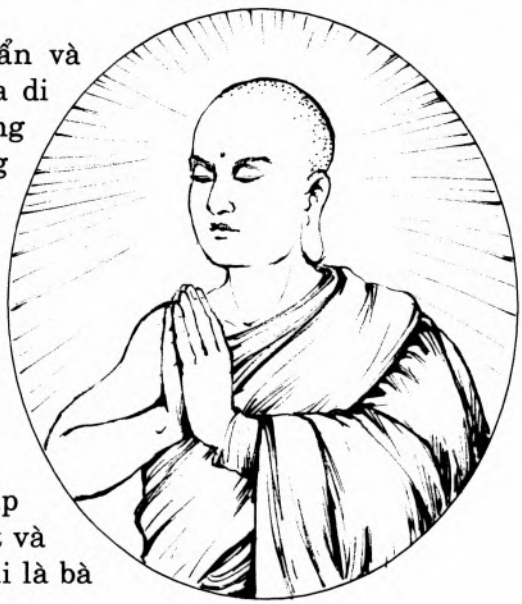
Khi tôn giả A-nan đem món *cám ngựa* về, Phật thản nhiên thọ thực.



21. Phật và La-hầu-la

La-hầu-la là người con duy nhất của Phật khi Ngài còn là Thái tử Tất-Đạt-Đa. Thái tử lên đường tìm đạo lúc La-hầu-la **ra đời được một ngày.**

Sau ngày thành đạo, Phật về thăm gia đình lúc Ngài 37 tuổi và La-hầu-la 8 tuổi. Trong dịp đó, Phật bảo Xá-lợi-phất làm lễ xuất gia cho con mình. Kể từ đó La-hầu-la sống trong một thế giới toàn nam giới. Được Xá-lợi-phất và Phật dạy về thiền quán, La-hầu-la rất siêng năng học tập.



Phật rất tin cẩn và có thiện cảm với sa di La-hầu-la, nhưng không yêu thương nồng thắm như những "mối tình phụ tử" ở ngoài đời, Phật sợ rằng những mối dây thân thiết có thể tạo nên nhiều mối khổ đau...

La-hầu-la đã nhập Niết bàn trước Phật và trước cả mẹ của ngài là bà Da-du-đà-la.

(Mời quý bạn xem quyển truyện tranh **Thập đại đệ tử của Phật**)

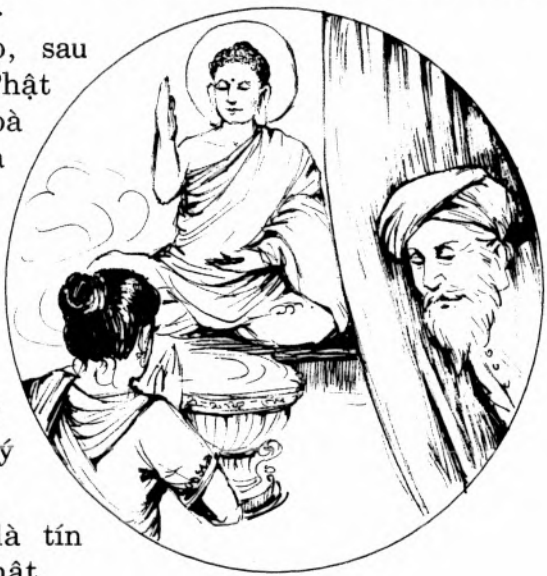
22. Phật và nữ cư sĩ Visakha

Visakha là người ở nước Anga, nằm về phía Đông của nước Ma-kiệt-đà.

Lúc 15 tuổi, Visakha rất đẹp, thông minh và đoan trang, được một triệu phú cưới về cho con trai mình.

Cuộc sống ở nhà chồng trong mấy năm đầu chưa êm đẹp : cha chồng của Visakha theo giáo phái thờ lửa. Một ngày kia, ông mời nhiều tu sĩ loã thể về nhà, rồi bảo Visakha ra đảnh lễ "các A-la-hán".

Lúc mới nghe mấy tiếng A-la-hán, nàng dâu hăng hái bước ra, nhưng rồi nàng chạy ùa vào bên trong. Sau vụ hục hặc đó, cha chồng Visakha cho bà được phép thỉnh Phật về nhà.



Một ngày nọ, sau khi thọ thực, Phật thuyết pháp cho bà Visakha nghe ; cha chồng bà ngồi sau bức rèm, tò mò, cố nghe trộm. Nhưng khi nghe hết bài giảng, ông được chứng quả Dự lưu, và từ đó ông hết sức quý trọng nàng dâu.

Bà Visakha là tín nữ lớn nhất của Phật.

(Mời quý bạn xem bộ truyện tranh **Thập đại đệ tử của Phật**)

23. Phật trở về cố hương lần thứ ba

Mùa hạn năm 575 trước Tây lịch thật là khốc liệt. Cái nóng làm xơ xác các cánh đồng và cũng làm cho lòng người dễ "nóng lên". Mực nước sông Rohini xuống rất thấp : nông dân của hai vương quốc Sakya và Koliya đều cố gắng dẫn nước vào ruộng mình càng nhiều càng tốt. Thế là hai bên gây gỗ, cãi vã, rồi đánh nhau bằng tay chân, bằng gậy gộc, giáo mác. Rồi quân đội được điều ra hai bên bờ sông.

Giữa lúc cuộc chiến "vì nước" sắp sửa diễn ra thì Phật đến nơi. Trước mặt vua Mahanama của nước Sakya (là em chú bác của Thái tử Tất-Đạt-Đa) và vua Suppabuddha của nước Koliya (là nhạc phụ của Thái tử Tất-Đạt-Đa), Phật nói :

— Thưa các đại vương, nếu chiến tranh xảy ra, thì bên nào cũng bị thiệt hại cả. Thưa nhị vị đại vương, nước dưới dòng sông kia và mạng sống con người, cái nào quý hơn ?

Hai vị vua cùng đáp :

— Sinh mạng con người quý hơn.

— Vậy thì tại sao hai vương quốc không thoả thuận về việc *phân chia* số lượng nước sông mà dùng đỡ trong những ngày khô hạn, chờ mưa xuống ?

Nghe lời Phật dạy, hai vị vua liền giảng hoà và dân chúng hai bên nối lại mối giao hảo như xưa.

Bấy giờ vua Mahanama thỉnh Phật về kinh đô Ca-tỳ-la-vệ an cư mùa mưa. Phật im lặng nhận lời.

24. Phật thu phục quỷ Dạ Xoa Alavaka

Một ngày trong năm 574 trước Tây lịch, trong lúc Phật an cư mùa mưa tại thành Alavi thì một con quỷ Dạ Xoa tên là Alavaka xuất hiện.

— Ông sa môn, hãy ra khỏi nhà tôi – Quỷ la lớn.

— Tốt lắm ! – Nói xong, Phật bước ra ngoài.

Nhưng rồi Alavaka chạy theo, nói :

— Ông sa môn, hãy vào nhà đi !

— Tốt lắm ! – Nói xong, Phật bước trở vô.

Lần thứ hai, lần thứ ba, Alavaka bắt Phật đi ra, rồi đi vô. Đến lần thứ tư, Phật nói :



— Bây giờ, Như Lai không nghe lời đạo hữu nữa. Đạo hữu muốn làm gì Như Lai thì cứ làm.

— Ông sa môn, tôi sẽ hỏi ông một câu, nếu ông không trả lời được, tôi sẽ làm phân tán tâm ông, hoặc cắt xẻ tim ông, hoặc nắm chân ông ném qua bên kia sông Hằng.

— Trên thế gian này, Như Lai không thấy ai có thể làm được các việc mà đạo hữu vừa nói. Nhưng, đạo hữu muốn hỏi Như Lai về điều gì ?

— Đây, ông hãy lắng nghe !

● *1. Vật sở hữu quý nhất của con người là gì ?*
2. Điều gì, nếu thực hành đúng, sẽ đem lại hạnh phúc ?
3. Hương vị nào ngọt ngào hơn tất cả ?
4. Sống như thế nào là cao thượng nhất ?

Đức Phật chậm rãi trả lời :

— Niềm vui là vật sở hữu quý nhất của con người.
— Giáo pháp, nếu thực hành tốt, sẽ đem lại hạnh phúc.
— Sự chân thật là hương vị ngọt ngào nhất.
— Sống với trí tuệ là cao thượng nhất.

● *5. Làm sao để vượt qua trận thuỷ tai ?*
6. Làm sao vượt qua trùng dương ?
7. Làm cách nào chế ngự được phiền não ?
8. Tự thanh lọc bằng cách nào ?

— Vượt qua trận thuỷ tai nhờ niềm tin.
— Nhờ đức kiên trì, sẽ vượt được trùng dương.
— Chế ngự phiền não bằng cách tinh tấn.
— Tự thanh lọc bằng trí tuệ.

● *9. Thành đạt trí tuệ bằng cách nào ?*
10. Làm sao mưu tìm sự nghiệp ?
11. Thành đạt danh vọng bằng cách nào ?
12. Cái gì làm cho tình bằng hữu trở nên khắng khít.
13. Từ thế gian này sang thế gian khác, làm sao tránh khỏi phiền não ?

— Người kiên trì, có niềm tin sáng suốt, sẽ thành đạt trí tuệ nhờ nghe giáo pháp của bậc Đại giác.

— Người làm các công việc thích đáng một cách kiên trì, cần mẫn, sẽ tạo được sự nghiệp.

— Nhờ sự chân thật mà thành đạt danh vọng.

— Sự quảng đại, khoan dung làm cho tình bằng hữu trở nên khắng khít.

— Người cư sĩ thành thật, có được 4 phẩm hạnh : *chân thật, giới đức, can đảm* và *khoan dung* sẽ không phiền não sau khi qua đời.

Trả lời đến đây, Phật nói với Alavaka :

— Này Alavaka, đạo hữu hãy đi hỏi các vị sa môn và các Bà-la-môn, xem họ nói *có gì quý báu, cao thượng hơn sự chân thật, sự tự kiểm soát, sự quảng đại và sự nhẫn nại không ?*

— Bạch Thế Tôn, bây giờ con đã hiểu rõ các bí quyết để mưu cầu an lạc trong tương lai rồi, nên con không cần đi hỏi ai nữa. Hôm nay, Thế Tôn quang lâm đến Alavi chính vì sự an lành của con. Con đã hiểu rằng *của bố thí sẽ đem lại quả lành.*

Từ nay, con sẽ đi khắp nơi – từ làng này sang làng khác, từ kinh thành này đến kinh thành khác – để tán dương công đức của Thế Tôn.

Bài này trích trong quyển *Đức Phật và Phật Pháp*, trang 197 (giản lược).

25. Phước điền y

Một ngày trong năm 570 trước Tây lịch, Phật và tôn giả A-nan đứng trên đồi nhìn xuống phía dưới.

— Này A-nan, các thửa ruộng nằm kế cận nhau, trông rất đẹp với màu xanh của mạ và màu vàng của lúa chín. Có nên may áo cà sa theo kiểu "các thửa ruộng" không ?

— Bạch Thế Tôn, *mỗi tỷ kheo chân chánh là một thửa ruộng tốt. Ai cúng dường và học hỏi nơi vị tỷ kheo đó, là đã gieo xong các hạt giống phước đức, chỉ chờ ngày gặt phước báu* (như người nông dân đã gieo thóc trên các thửa ruộng, chỉ chờ ngày gặt lúa tốt). Con sẽ may một kiểu áo cà sa ghép từ nhiều mảnh vải nhỏ, để chiếc áo gợi lại hình ảnh các thửa ruộng.

Kể từ đó kiểu áo cà sa *phước điền y* (áo ruộng phước) ra đời.





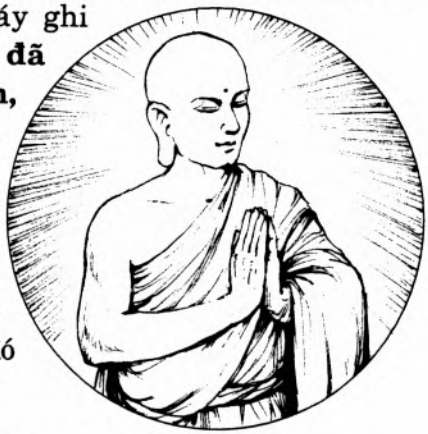
26. Phật và tôn giả A-nan

Lúc tôn giả A-nan được sinh ra, trong nhà có nhiều chuyện vui vẻ, cho nên ông được đặt tên là Ananda[1].

Lớn lên, A-nan xuất gia cùng một lượt với 5 thanh niên hoàng tộc và người thợ cắt tóc. Sau ngày xuất gia, A-nan dành trọn thời giờ vào việc tu học. Khi Phật 55 tuổi, A-nan trở thành thị giả của Phật cho tới ngày Phật nhập Niết bàn.

Trong suốt 25 năm đó, A-nan hầu hạ, săn sóc *người anh chú bác*[2], mà cũng là bậc Đạo sư của mình, một cách chu đáo.

Trí nhớ của ông A-nan thật tuyệt vời ! Trí nhớ đó có thể ví như "một cái máy ghi âm thật tốt." **Hễ ngài đã nghe là ngài nhớ luôn,** tựa như máy ghi âm "đã thu rồi !"



Các kinh Phật mà chúng ta có, chính là do tôn giả A-nan "đọc lại" trong hội nghị kết tập kinh điển lần thứ nhất, rồi từ đó lưu truyền tới bây giờ...

(Mời quý bạn xem bộ truyện tranh **Thập đại đệ tử của Phật**)

---

1. Ananda (viết rút gọn là A-nan) dịch nghĩa, là *khánh hỷ, hoan hỷ.*

2. Xem bảng gia phả của Thái tử Tất-Đạt-Đa, ở trang 194 ta thấy : A-nan là con của ông Amitodana, còn Thái tử là con của ông Suddhodana ; Amitodana là em ruột của Suddhodana.

27. Phật và tướng cướp Angulimala

Năm 569 trước Tây lịch, trong nước Kosala xuất hiện một tướng cướp có tài xuất quỷ nhập thần ; anh ta đeo ở cổ một vòng hoa làm bằng ngón tay người.

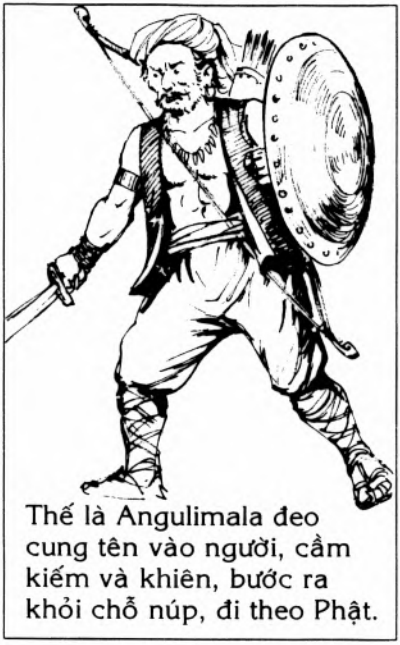
Thuở nhỏ, chàng trai đó tên là Ahimsaka *(kẻ vô tội)*, con của vị quốc sư trong nước Kosala. Người thanh niên này được cha cho đi học tại Takkasila và trở thành một đệ tử lỗi lạc của vị giáo sư tại đó. Nhưng tiếc thay ! Bạn bè ganh tỵ, gièm pha với ông thầy rằng *"Ahimsaka đã có những mối quan hệ quá thân mật với phu nhân của thầy"*.



Ông thầy nảy ra ý định sát hại Ahimsaka nên ép buộc chàng phải đem về đủ 1000 ngón tay út ở bàn tay mặt thì mới cho học tiếp. Thế là Ahimsaka bỗng trở thành tướng cướp. Anh ta cất giữ các ngón tay của nạn nhân trên một cành cây, nhưng khi thấy bầy kên kên kéo tới thì bèn choàng vào cổ. Do đó anh ta có tên là Angulimala *(vòng hoa kết bằng ngón tay người)*. Một sáng kia, Phật đắp y, cầm bát đi vào thành Xá Vệ khất thực. Sau khi thọ trai xong, Ngài quay về trên con đường có sào huyệt của tên cướp.


Những người chăn bò, những người làm ruộng thấy vậy, chạy đến khuyên can.
Bạch Thế Tôn, Ngài chớ có đi ngang qua đoạn đường đó
Ở trong đó có tướng cướp Angulimala rất tàn ác !


Nhưng Phật vẫn tiến bước...
Gan thật ! Dù cho có 40 người vào đây, ta cũng vét sạch, huống hồ chỉ có một ông già và một cái bình bát. Ha ha ! Một lát nữa thôi, ta sẽ có đủ 1000 ngón tay



Thế là Angulimala đeo cung tên vào người, cầm kiếm và khiên, bước ra khỏi chỗ núp, đi theo Phật.

Phật dùng lực thần thông làm như Ngài vẫn bước bình thường, nhưng tướng cướp không thể nào đuổi kịp.

Lạ thật ! Ta từng chạy nhanh hơn voi, hơn ngựa và cả nai nữa. Thế nhưng tại sao hôm nay ta không thể đuổi kịp ông già này ?

Sa môn ! Hãy **dừng lại !**

Này Angulimala ! **Ta đã dừng lại** từ lâu rồi. Chỉ có **ngươi** là **chưa dừng** đó thôi





Chỉ trong một chớp mắt, thiện nghiệp ngày xưa trở về, Angulimala biết rằng người đang đứng trước mặt mình là một vị Phật. Anh ta vứt khí giới xuống vực sâu, đảnh lễ rồi quỳ xuống dưới chân Phật, *xin quy y ngay tại chỗ đó*[1].

1. Cũng giống với trường hợp của nhóm ông Kiều-trần-như, Phật chỉ nói một câu : "*Hãy đến đây, tỷ kheo*" là lễ quy y của Ahimsaka coi như đã xong.



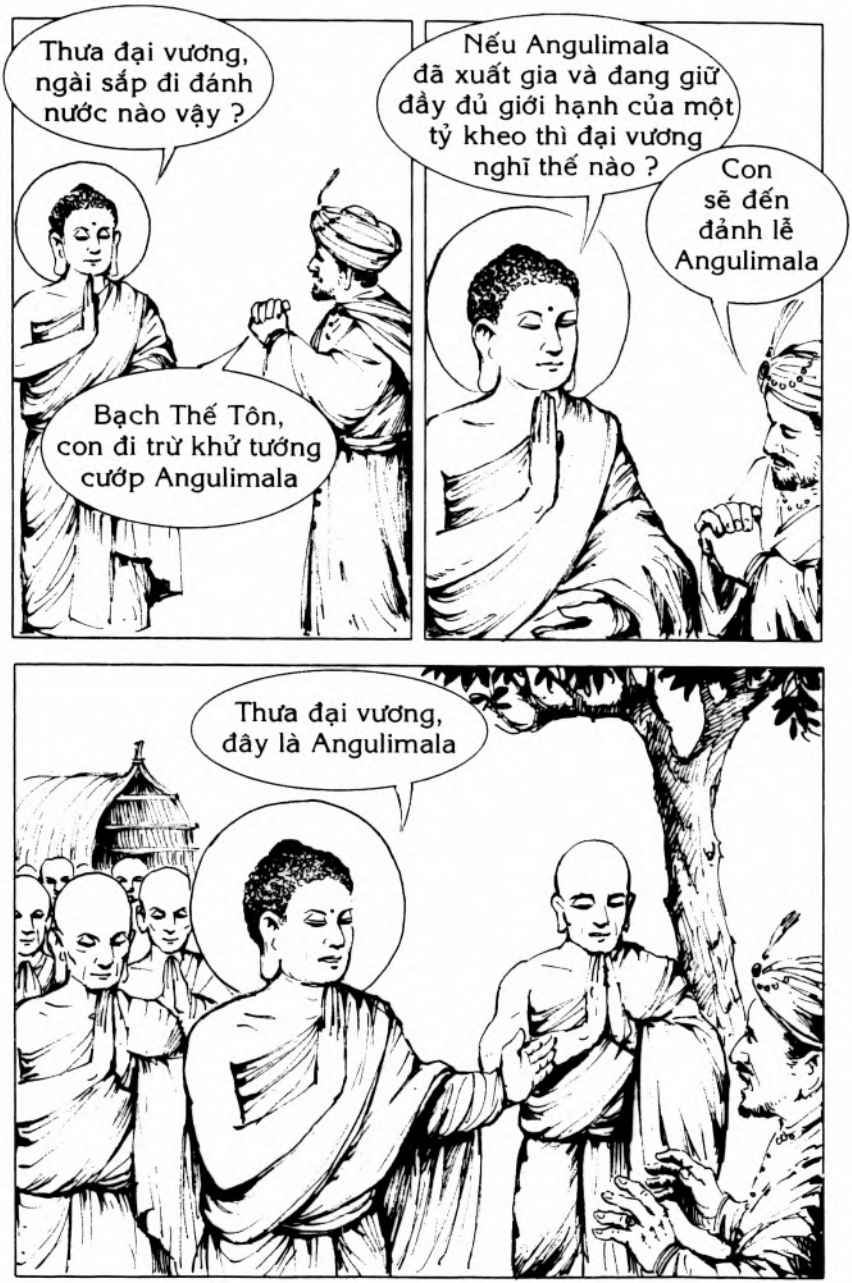
Một lát sau Phật và tỷ kheo Angulimala cùng đi về tịnh xá Kỳ Viên.

Mấy ngày sau, một đám đông dân chúng tụ họp trước cửa hoàng cung của vua Ba-tư-nặc.

Tâu đại vương, gần đây xuất hiện một tướng cướp rất hung dữ

Hắn giết cả ngàn người rồi. Xin đại vương hãy ra tay trừ hắn

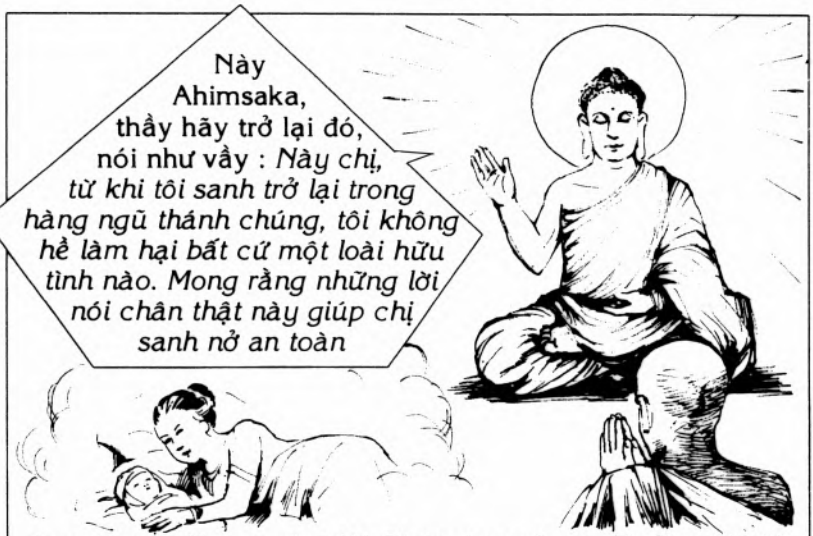
Sáng hôm sau, vua Ba-tư-nặc cùng với 500 lính kỵ binh kéo đến tịnh xá Kỳ Viên. Vua đi bộ vào đó, đảnh lễ Phật.


Thưa đại vương, ngài sắp đi đánh nước nào vậy ?
Bạch Thế Tôn, con đi trừ khử tướng cướp Angulimala
Nếu Angulimala đã xuất gia và đang giữ đầy đủ giới hạnh của một tỷ kheo thì đại vương nghĩ thế nào ?
Con sẽ đến đảnh lễ Angulimala
Thưa đại vương, đây là Angulimala


Thưa tôn giả, phụ thân và phụ mẫu của tôn giả thuộc dòng họ nào ?
Tâu đại vương, cha của bần tăng thuộc dòng họ *Gagga*, mẹ thuộc dòng họ *Mantali*.
Mong tôn giả *Gagga Mantaliputta* được hoan hỷ, trẫm sẽ cúng dường y phục, ẩm thực, y dược cho tôn giả
Đa tạ đại vương, bần tăng đã có đủ cả rồi
Trước khi ra về, vua Ba-tư-nặc đến đảnh lễ Phật, cung kính nói.
Bạch Thế Tôn, thật vi diệu thay ! Đối với một người không thể nhiếp phục với gậy và kiếm, mà Thế Tôn đã nhiếp phục được với không gậy, không kiếm !

Một sáng nọ, trong khi đang đi khất thực, tỷ kheo Angulimala trông thấy một người đàn bà đang sinh nở khó, bèn trở về tịnh xá, thuật lại cho Phật nghe.





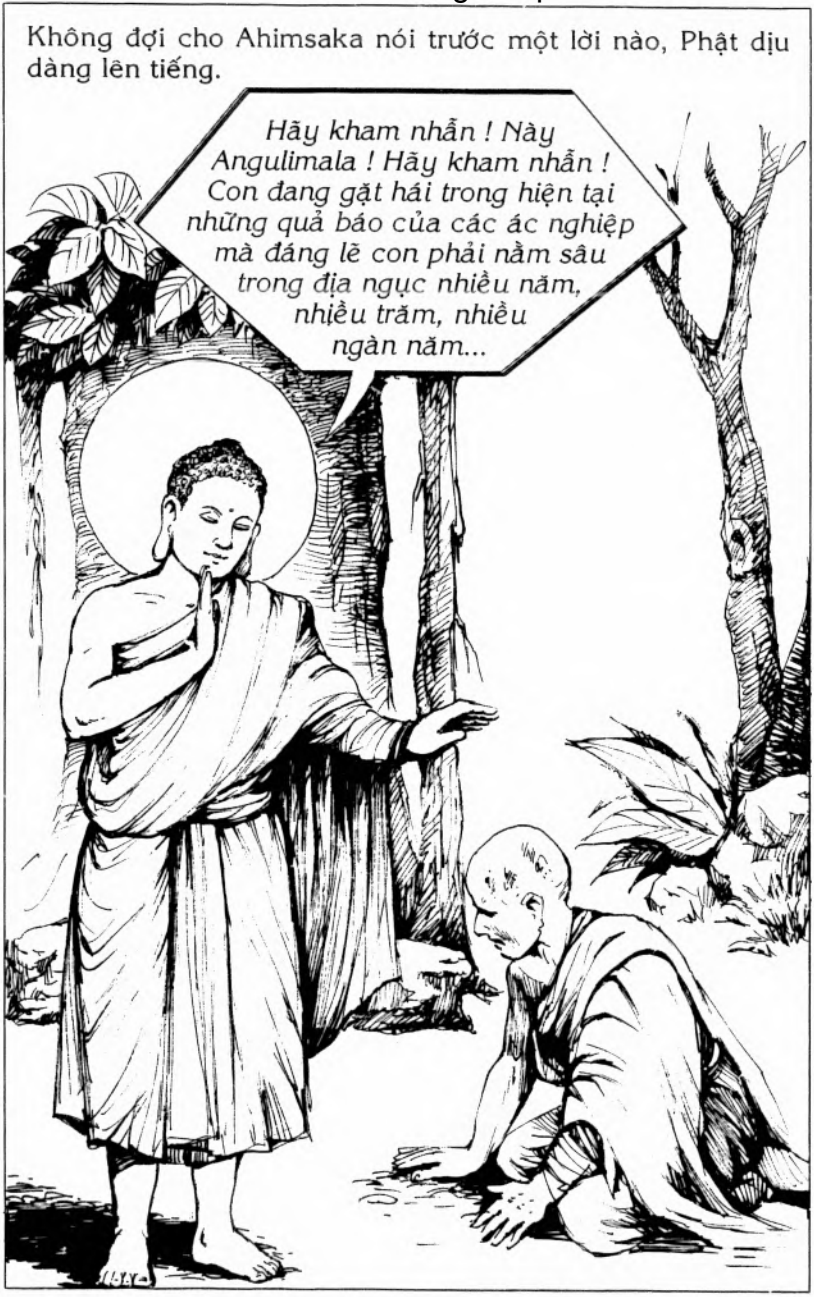
Angulimala làm y như lời Phật dạy và người đàn bà đó sanh nở an toàn. Sau đó, Angulimala tinh cần tu học và chứng được quả A-la-hán.

Ngày nọ, Angulimala vào thành Xá Vệ khất thực, một số người nhận ra đây là tướng cướp khét tiếng ngày xưa thì liền ném đá, ném đất vào ông.





Rồi ông lại bị đánh bằng gậy, áo quần bị xé rách, bình bát bị đập bể. Tay ôm đầu đầy máu, ông chạy nhanh về, quỳ xuống dưới chân Phật.


Không đợi cho Ahimsaka nói trước một lời nào, Phật dịu dàng lên tiếng.
Hãy kham nhẫn ! Này Angulimala ! Hãy kham nhẫn ! Con đang gặt hái trong hiện tại những quả báo của các ác nghiệp mà đáng lẽ con phải nằm sâu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm, nhiều ngàn năm...



* Kinh Trung bộ, trang 589 (Đại tạng kinh Việt Nam)

28. Phật và nhà trí thức Upali

Một hôm loã thể Dighatapassi ghé vào thăm Phật tại Nalanda. Sau một lúc đàm đạo, Phật hỏi :

— Hiền giả, trong 3 thứ : thân tội, khẩu tội và ý tội, tội nào nặng nhất.

— Thưa sa môn, theo sư phụ tôi thì thân tội là nặng hơn cả. Còn đối với sa môn thì thế nào ?

— *Theo Ta, tội ở ý là nặng nhất trong 3 tội do thân, khẩu, ý gây ra.*

— Thưa sa môn, như vậy là hai bên có sự khác biệt. Sa môn có thể nhắc lại câu trả lời vừa rồi ĐÚNG 3 LẦN* không ?

Chủ nhà liền chiều ý khách.

Tapassi rất vui mừng, vội vàng từ giã Phật và đi nhanh về tịnh thất. Bấy giờ giáo chủ của phái loã thể là ông Nigantha Nataputta đang ngồi đàm đạo với nhiều gia chủ, trong đó có ông Upali. Upali là một triệu phú và là một nhà đại trí thức ở phía Bắc nước Ma-kiệt-đà. Ông đang giúp đỡ phái loã thể về tiền bạc, nhưng chưa quy y với ai cả.

— Này Tapassi, giữa trưa nóng nực như thế này mà ông đi đâu vậy ? – Giáo chủ hỏi.

— Thưa sư phụ, con từ chỗ ở của sa môn Gotama về.

(*) Ông Tapassi yêu cầu như vậy là để được chắc chắn rằng sau này Phật sẽ "không đính chánh" về câu nói ấy.

Tiếp đó Tapassi thuật lại đầy đủ mọi chi tiết trong cuộc đàm luận giữa ông và Phật. Nghe xong, giáo chủ cười lớn :

— Sa môn Gotama đã lầm lẫn một cách tệ hại. Tội do ý và do lời nói không thể nào nặng bằng tội do thân gây ra.

Upali lên tiếng :

— Thưa tôn giả, tôi xin đi gặp sa môn Gotama để chỉ cho ông ấy thấy chỗ lầm lẫn đó.

— Phải lắm ! Gia chủ hãy đi luận chiến với sa môn Gotama đi ! Chỉ có 3 người có thể luận chiến với ông ấy thôi. Đó là gia chủ, Tapassi và Ta. – Giáo chủ nói.

Tapassi can ngăn :

— Thưa sư phụ, sa môn Gotama là một huyễn sư, ông ta sẽ dùng huyễn thuật lôi cuốn người đối thoại. Con không muốn gia chủ Upali đi.

— Này Tapassi, sẽ không có chuyện gia chủ Upali trở thành đệ tử của sa môn Gotama. Chỉ có thể có chuyện sa môn Gotama trở thành đệ tử của Upali mà thôi. Hãy đi mau đi, Upali !

*
* *

Tại tinh xá ở Nalanda, Phật đón tiếp Upali rất niềm nở. Sau những lời xã giao thường lệ, hai bên bắt đầu đi vào vấn đề. Phật hỏi :

— 1. Này gia chủ, có một người Nigantha bị bệnh, từ chối nước lạnh, chỉ uống nước nóng *như trước đây*. Vì không uống nước lạnh để bệnh được thuyên giảm, ông ấy mệnh chung. Này gia chủ, trong trường hợp này, theo tôn giả Nigantha Nataputta thì người ấy tái sanh vào nơi nào ?

— Thưa sa môn, có hàng chư thiên tên là Manosatta (Ý Trước thiên). Người bệnh đó sẽ tái sanh vào chỗ Ý Trước thiên,* vì rằng người ấy đã chấp trước ý.

Phật hỏi tiếp :

— **2.** Ta được biết giáo phái loã thể có trì giới không sát sanh. Vì vậy khi đi trên đường, các vị có cố gắng không đạp lên các côn trùng. Nhưng nếu có một người vì VÔ Ý, VÔ TÌNH mà dẫm phải, thì người đó có phạm tội không ?

— Thưa sa môn, nếu KHÔNG CỐ Ý thì không phạm tội.

— **3.** Hay lắm ! Nhưng nếu người ấy CỐ Ý ĐẠP CHẾT côn trùng, thì người đó có phạm tội không ?

Upali đáp, vẻ mặt nghiêm trọng :

— Thưa sa môn, trong trường hợp này, hành động đó, là MỘT TRỌNG TỘI.

— **4.** Này gia chủ, theo Nigantha Nataputta, ý thức ấy thuộc về loại gì ?

— Thưa sa môn, thuộc về Ý.

Phật mĩm cười, nói :

— Vậy thì giáo chủ Nigantha Nataputta đã công nhận Ý TỘI lớn hơn thân tội rồi !**

Upali lặng thinh hồi lâu. Một lát sau Phật hỏi tiếp :

— **5.** Gia chủ nghĩ thế nào ? Thành Nalanda này có phồn thịnh không ? Dân cư có đông đúc không ?

(*) *Ý trước thiên :* Cõi trời chấp giữ tư tưởng cố hữu, không xả bỏ được. Vì tuỳ thuận theo thế gian mà đức Phật hỏi như vậy, chớ thật ra cõi đó ở ngay trong lòng của mỗi người. Như vậy có thể nói *Ý trước thiên* là cõi lòng của người chấp giữ cái có (như chấp *bản ngã* là cái của ta, là cái thật có, hay nói nôm na là linh hồn bất tử).

(**) Người ta thường nghĩ rằng một tội lỗi chưa phát triển ra thành hành động là không có tội, nhưng thật ra, chính ý thức dẫn dắt cho hành động của chúng ta. Do đó, để không có hành vi tội ác thì trước hết, lòng phải không nghĩ đến việc làm ác. Nếu ý thức tội ác càng tinh vi, thì những tội ác phát sinh càng lớn.

— Thưa sa môn, có.

— Giả sử có một người đi đến đây, đưa cao thanh bảo kiếm, nói lớn : *"Với vật này, ta sẽ làm cho toàn thể dân chúng ở đây phải chết hết trong vòng một sát na"*. Gia chủ thử nghĩ xem, người đó có làm nổi việc đó không ?

— Thưa sa môn, dầu có đến 10 người, 20, 30, 40 người như thế, họ cũng không làm nổi việc đó, huống hồ gì chỉ có một người.

— **6.** Nhưng nếu có một sa môn hay một Bà-la-môn đến đây. Ông ấy có thần thông lực, có *tâm tự tại** với một *lòng sân hận*. Ông ấy nói : *"Ta sẽ làm cho Nalanda trở thành một đống gạch vụn"*. Gia chủ nghĩ thế nào ? Người đó có làm được việc đó không ?

— Thưa sa môn, dẫu có đến 10 Nalanda, 20, 30, 40 Nalanda như thế này, vị ấy cũng làm được, huống hồ gì chỉ có một Nalanda.

— **7.** Này gia chủ, ông có nghe các vùng đất Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng** như trước không ?

— Thưa sa môn, tôi có nghe nói các vùng đất ấy trở thành rừng như trước vì tâm sân hận của các vị ẩn sĩ.

(*) *Tâm tự tại* : Người tu thiền định, đã chứng đắc được *cõi thiền thứ tư* (tứ thiền), trong lúc thiền định có thể rõ biết sự việc đang xảy ra trong một khu vực rộng lớn. Để tạm so sánh, chúng ta có thể hiểu người có thần thông lực, có tâm tự tại, là người có tài trí như Khổng Minh thời Tam Quốc vậy. Một người như thế nếu mang lòng sân hận thì thật là nguy hiểm cho xã hội.

(**) Vào thời cổ, để hình thành được một xóm làng, phải trải qua công sức của nhiều người, nhiều thế hệ. Các ẩn sĩ vì mang lòng sân hận nên kình chống nhau quyết liệt, làm cho cư dân nơi đó không thể an cư lạc nghiệp, phải bỏ làng mạc ra đi, đến đỗi không còn một người nào sinh sống nên xóm làng lại trở thành rừng.

Trả lời xong câu này, Upali nhìn Phật rồi nói tiếp, lời lẽ nghiêm trang và giọng nói rõ ràng :

— Bạch Thế Tôn, thật vi diệu thay ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống ; như đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho những người có mắt nhìn được mọi vật. Ngay từ thí dụ đầu tiên, con đã hiểu vấn đề, tuy nhiên con vẫn lặng yên để mong được Thế Tôn đưa ra nhiều thí dụ khác... Giờ đây con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tăng.

— Này gia chủ, hãy suy nghĩ cho chín chắn. Đã từ lâu, gia đình ông như là giếng nước mưa nguồn của các người Nigantha...

— Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố : *"Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của chúng tôi"*. Nhưng Thế Tôn lại nói với con : *"Này gia chủ, hãy suy nghĩ cho chín chắn"*. Bạch Thế Tôn, lần thứ hai, con xin Thế Tôn cho con quy y...

*
* *

Khi về tới nhà, Upali dặn người gác cửa :

— Từ nay trở đi, ta không tiếp các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Nhưng nhà ta sẽ mở rộng cửa chào đón các Tỷ kheo, các Tỷ kheo ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ.

— Thưa chủ, con đã hiểu.

Sau khi nghe được "tin động trời" đó, loã thể Tapassi đến nhà Upali và bị người gác cửa chận lại.

— Thưa tôn giả, gia chủ Tapassi đã là đệ tử của sa môn Gotama. Nếu tôn giả cần thức ăn, hãy đứng đây, sẽ có người đem ra. – Người gác cửa nói.

— Ta không cần thức ăn. – Tapassi đáp cộc lốc.

Nói xong, Tapassi quày quả về báo tin cho Nigantha Nataputta. Hai người tức tốc tới nhà Upali. Chủ nhà cho người gác cửa ra mời khách. Vừa ngồi xuống ghế, giáo chủ rầy Upali :

— Nầy gia chủ, ông thật là điên. Sau khi đi luận chiến với sa môn Gotama, ông trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị ; ví như người đi với hai con mắt, đi về với hai con mắt bị khoét. Ông đã bị huyễn thuật của sa môn Gotama lôi cuốn rồi.

Upali bình tĩnh đáp :

— Thưa tôn giả, nếu bà con dòng họ của tôi được huyễn thuật này lôi cuốn thì thật là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho họ. Nếu tất cả các người Sát-đế-ly được huyễn thuật này lôi cuốn thì thật là an lạc và hạnh phúc lâu dài cho tất cả các vị Sát-đế-ly. Tôi xin nêu ra một ví dụ :

"Thuở xưa, một người Bà-la-môn già kia có người vợ rất trẻ, đang mang thai. Ngày nọ, cô ta nói :

— Này ông, hãy đi mua một con khỉ nhỏ để nó cùng chơi đùa với con ta.

Khi người chồng đem con khỉ về nhà, cô vợ nói :

— Này ông, tôi muốn con khỉ được nhuộm màu vàng, được khéo đập, khéo ủi chung quanh và cả hai phía được làm cho mềm dịu.

Người chồng đem con khỉ tới một người thợ nhuộm và nhắc lại những lời vợ ông ta căn dặn. Người thợ nhuộm tròn xoe đôi mắt, nhìn ông già một lúc rồi nói :

— Thưa chủ, con khỉ này có thể nhuộm được, nhưng không đập được, không ủi được và cũng không có thể làm cho mềm dịu".

Nói tới đây, Upali liền nhìn thẳng vào mặt giáo chủ, nói :

— Thưa tôn giả, cũng giống như con khỉ kia, lý thuyết của những người Nigantha có thể ăn nhuộm đối với những người ngu si, chớ không thể ăn nhuộm với những người có trí. Thưa tôn giả, tôi xin kể tiếp câu chuyện :

"Rồi một thời gian sau, người chồng già đến trao một cặp áo mới cho người thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nói :

— Thưa chủ, cặp áo này có thể nhuộm được, có thể đập, có thể ủi và cũng có thể làm "mềm dịu".

Đến đây, Upali nhấn mạnh với giáo chủ :

— Thưa tôn giả, cũng vậy, lý thuyết của Thế Tôn có thể ăn nhuộm đối với người có trí, chớ không phải đối với người ngu si...

29. Phật và cô Sundary




HÔM SAU, cô gái tuyệt sắc đến.
Sundary, bọn ta có chuyện nhờ tới con
Con sẵn sàng
Lại đây, ta nói nhỏ

Từ hôm đó trở đi, cô gái thường đem theo bên mình nào là hoa tươi, dầu thơm, hương liệu, long não... Mỗi chiều, cô thường nhìn về phía tịnh xá Kỳ Viên với dáng điệu như sắp đi tới đó.



Sundary nghỉ đêm tại một xóm ngoại đạo và sáng hôm sau trở về thành phố.



Vài hôm sau, Sundary bỗng nhiên mất tích. Các ngoại đạo làm ầm lên, kéo nhau vào gặp vua Ba-tư-nặc. Vua hỏi

Các tôn giả có nghi ngờ gì không ?

Tâu đại vương, cách đây mấy ngày, cô ấy có tới thăm sa môn Gotama, đến nay chưa thấy về. Sau đó xảy ra chuyện gì thì chúng tôi không rõ

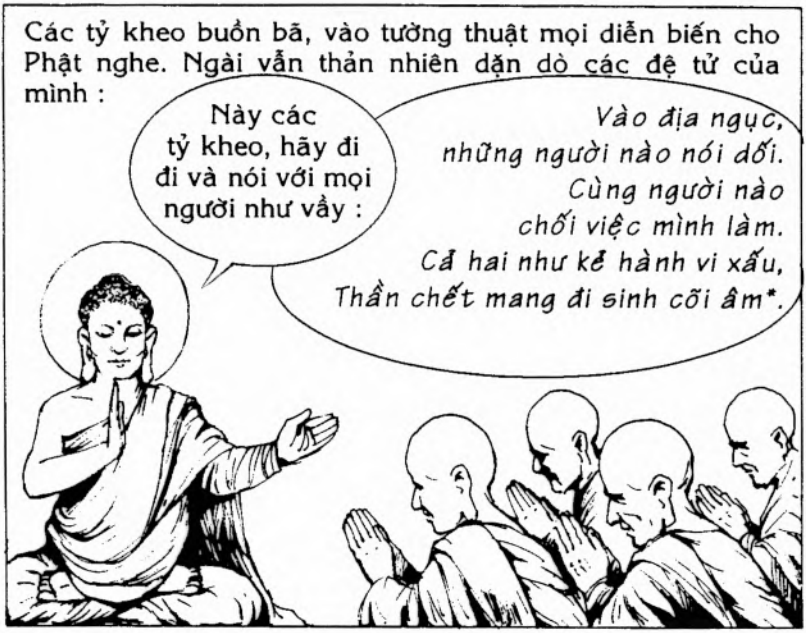
Vua sai người đi tìm cô gái. Các ngoại đạo xin tháp tùng theo. Tại vườn Kỳ Viên, những người ngoại đạo dễ dàng tìm thấy xác nạn nhân.

Thưa đại vương, người của sa môn Gotama đã giết chết Sundary rồi vứt xác vào một đống đất

Vua Ba-tư-nặc cho đặt xác nạn nhân trên tấm vải, sai người khiêng đến nghĩa trang, sắp xếp người canh giữ. Trong lúc đó, những người ngoại đạo toả ra khắp nơi, nhục mạ các tỷ kheo.

Dân chúng hãy tới nghĩa trang xem việc làm của các đệ tử của sa môn Gotama

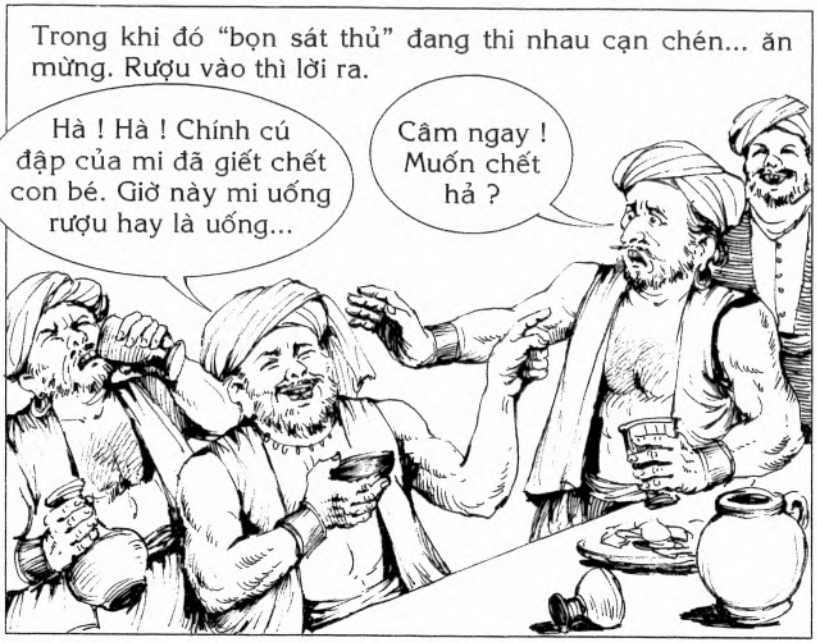
Các tỷ kheo buồn bã, vào tường thuật mọi diễn biến cho Phật nghe. Ngài vẫn thản nhiên dặn dò các đệ tử của mình :



Về phần vua Ba-tư-nặc, tuy đã được nghe báo cáo đầy đủ về cái chết của cô gái, nhưng ngài vẫn chưa đưa ra một kết luận nào. Ngài cho người đi điều tra thêm.



* Tiền thân đức Phật số 285 (GS Trần Tuấn Mẫn).


Trong khi đó "bọn sát thủ" đang thi nhau cạn chén... ăn mừng. Rượu vào thì lời ra.
Hà ! Hà ! Chính cú đập của mi đã giết chết con bé. Giờ này mi uống rượu hay là uống...
Câm ngay ! Muốn chết hả ?


Các thám tử của nhà vua đã nghe được, chạy ào đến, bắt cả bọn đem về hoàng cung.





Những lời thanh minh của các sát thủ được mọi người chấp nhận. Từ đó, uy tín của Phật càng ngày càng lan toả, lan toả ra mãi...

30. Phật và cô Cinca



Kể từ hôm đó, mỗi lần dân chúng ở Xá Vệ nghe pháp xong, từ Kỳ Viên kéo nhau ra về thì Cinca khoác chiếc y màu đỏ, tay cầm vòng hoa, đi ngược về phía Kỳ Viên.



Ban đêm Cinca ở lại trong am thất của những người ngoại đạo gần Kỳ Viên. Đến sáng khi các cư sĩ từ kinh thành đến đảnh lễ các tỷ kheo, cô cố ý làm cho mọi người hiểu rằng "Đêm qua cô đã ngủ lại tại Kỳ Viên". Sáu tuần lễ sau, cô khoe :



Được chừng 3 ; 4 tháng, cô quấn nhiều lớp vải quanh bụng, khoác áo choàng đỏ ở bên ngoài.



Được chừng 8 ; 9 tháng, cô cột những bó gỗ quanh người và làm ra dáng mệt mỏi.



Một buổi chiều, Thế Tôn đang ngồi trên bảo toạ thuyết pháp, cô bước vào giữa hội chúng, đứng trước mặt bậc Đạo sư, nói lớn :

— Này Sa môn, Ngài thuyết pháp rất hay ! Giọng nói của Ngài rất êm dịu, nhưng Ngài có biết đâu thiếp đã có thai và ngày sanh đã gần kề. Vậy mà mãi tới bây giờ Ngài chưa sắp đặt phòng sanh cho thiếp. Ngài không cho thiếp sữa hay dầu ăn gì cả. Những việc Ngài không muốn làm, Ngài cũng không chịu nhờ một nữ cư sĩ nào làm thế cho. Ngài biết cách hưởng dục lạc, nhưng lại không biết chăm sóc cái kết quả của hành động đó.



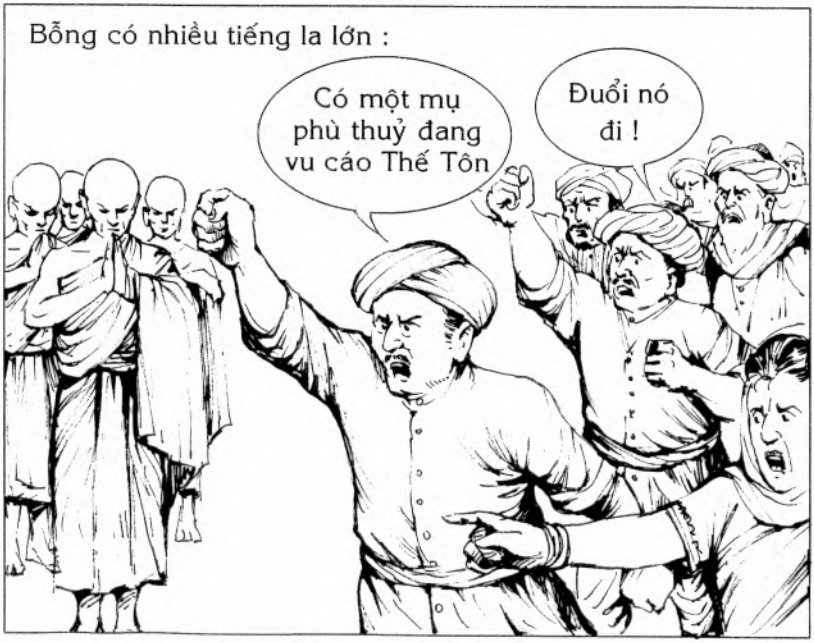

Bậc Đạo sư ngưng thuyết giảng, và thét lên như tiếng gầm của sư tử, vang dội khắp nơi.
Này nữ nhân, những điều ngươi vừa nói đó đúng hay sai, chỉ mình Ta và ngươi biết mà thôi
Tất nhiên rồi ! Việc này chỉ mình Ngài và thiếp biết mà thôi

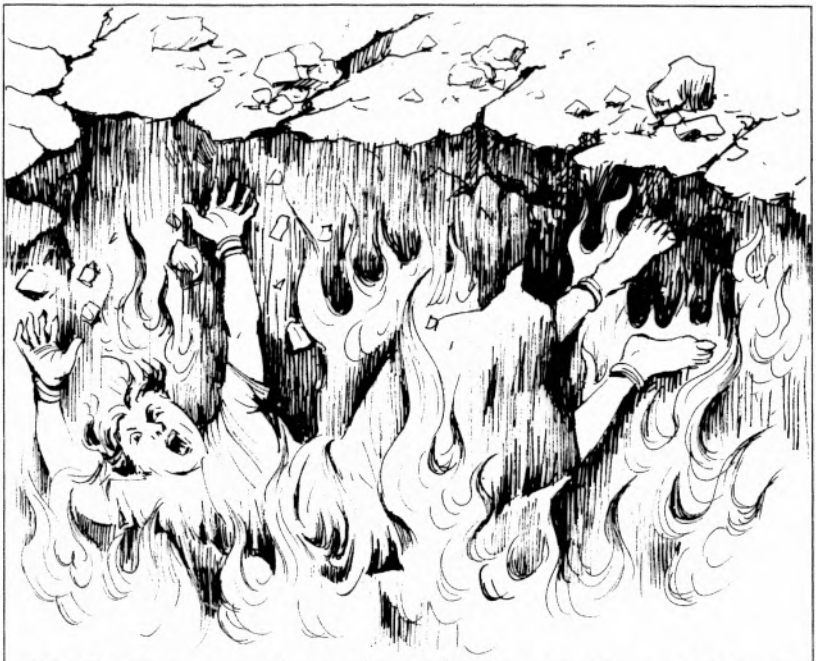

Ngay lúc ấy, chiếc ngai vàng của Đế Thích nóng lên. Khi xem xét kỹ, Đế Thích hiểu rõ câu chuyện, bèn nói với 4 vị thần.
Nào, chúng ta đi xuống đó một chuyến xem sao



Các vị thần biến thành 4 con chuột, đến cắn đứt dây cột bó gỗ, rồi một cơn gió mạnh thổi tốc chiếc y đỏ, bó gỗ lộ ra và rơi xuống, cắt đứt các ngón chân Cinca.

Bỗng có nhiều tiếng la lớn :





Khi Cinca vừa đi khuất tầm mắt của bậc Đạo sư thì mặt đất trước mặt cô ta nứt ra ; một đám lửa từ địa ngục bốc lên : cô ta rơi xuống đó.

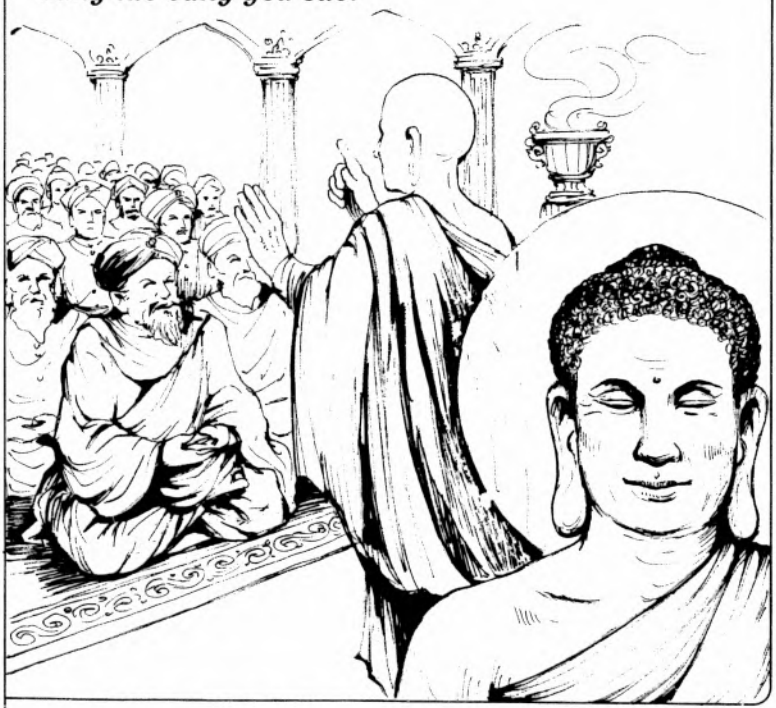
MƯỜI NĂM CUỐI CÙNG ĐẦY SÓNG GIÓ

(554 – 544 trước Tây lịch)

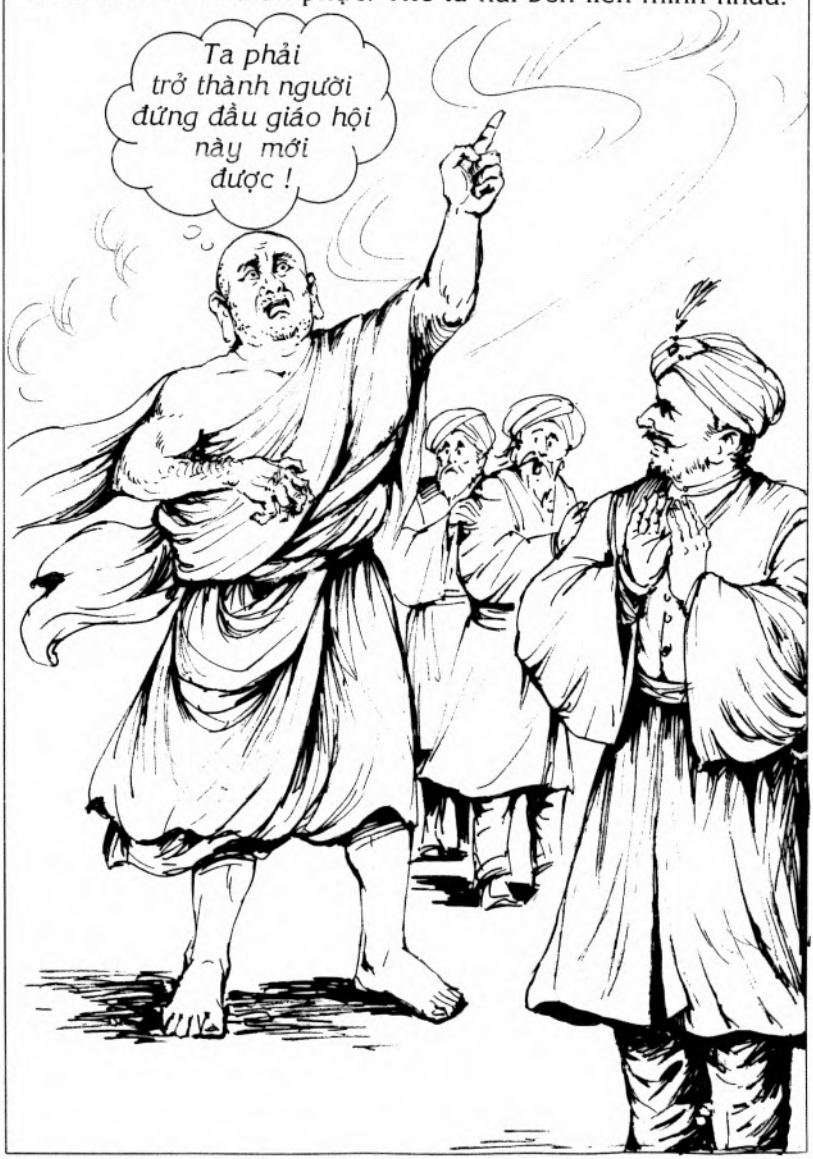
1. Phật và Đề-bà-đạt-đa

Năm 554 trước Tây lịch, Phật 70 tuổi, xuất gia được 41 năm. Bốn mươi mốt năm khổ cực, đi bộ, nhịn đói và ăn uống đạm bạc đã làm hao mòn sức khoẻ của Phật. Thỉnh thoảng Ngài phải nhờ các đại đệ tử thay mình giảng pháp.

Vì có nhiều vị vua muốn Phật đến nước họ thuyết giảng, nên Ngài phải đi đây đi đó, khiến càng lúc càng yếu sức.



Khi nhìn thấy sức khoẻ của Phật đã giảm nhiều, tỷ kheo Đề-bà-đạt-đa nảy ra ý định muốn lãnh đạo Giáo hội. Đề-bà-đạt-đa đến gặp thái tử A-xà-thế, biểu diễn thần thông. Thái tử hết sức thán phục. Thế là hai bên liên minh nhau.



Các tỷ kheo báo cho Phật biết sự việc đó.

Bạch Thế Tôn, thái tử A-xà-thế đang giúp đỡ trưởng lão Đề-bà-đạt-đa một cách hào phóng. Sẽ có nguy hiểm cho vua

Chính các tham vọng đó sẽ hại Đề-bà-đạt-đa

Một hôm trong lúc Phật đang thuyết pháp, Đề-bà-đạt-đa* đứng lên, đảnh lễ Phật rồi nói lớn.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nay đã yếu rồi ! Thế Tôn hãy nghỉ ngơi đi ! Con nguyện lãnh đạo Giáo hội thay cho Thế Tôn

* Đề-bà-đạt-đa là dịch âm của chữ Devadatta, dịch nghĩa là *Thiên Nhiệt* (Chư Thiên lấy làm nóng nảy, bứt rứt). Lúc Đề-bà-đạt-đa sắp lọt lòng mẹ, chư Thiên lấy làm nóng nảy bứt rứt vì biết rằng sau này Đề-bà-đạt-đa sẽ hại Phật, phá Tăng. Các nhà đoán số cũng biết vậy nên đã khuyên vua Suppabuddha đặt tên cho con ông là Thiên Nhiệt (*Từ điển Phật học* – Đoàn Trung Còn).

Trong lúc mọi người đang kinh ngạc, thì Đề-bà-đạt-đa lặp lại đề nghị này tới ba lần. Bấy giờ Phật mới nói.





Sau đó, Phật triệu tập chư tăng ở thành Vương Xá, bỏ phiếu bất tín nhiệm Đề-bà-đạt-đa và công bố rằng : *"Kể từ nay Giáo hội không chịu trách nhiệm về các hành động của Đề-bà-đạt-đa"*.

Thế là Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế càng tiến nhanh hơn nữa trong các âm mưu của họ.



Một đêm kia, thái tử A-xà-thế giắt một thanh đoản kiếm vào người, lẻn vào cung vua Tần-bà-sa. Nhưng thái tử bị ngự lâm quân vây bắt. Họ xét trong người thái tử, tìm thấy loại khí giới hành thích.

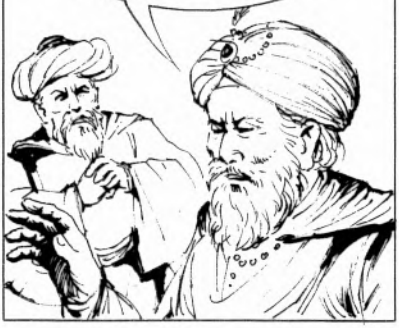


Các đại thần trình bày việc này lên vua Tần-bà-sa. Vua nói.

Trước đây, Thế Tôn có cho biết, mọi hành động của Đề-bà-đạt-đa đều không dính líu đến Giáo hội của Ngài



...mặt khác, trẫm thấy mình không nỡ bắt tội tỷ kheo Đề-bà-đạt-đa. Nếu con ta muốn lên ngôi sớm thì hôm nay là ngày ta thoái vị.



Thế nhưng, ngay lúc vừa lên ngôi, vua A-xà-thế liền hạ lệnh giam cha mình vào ngục tối và bỏ đói.





Thái hậu Videhi* giấu thức ăn trong túi áo, lén đem cho chồng, nhưng chỉ được vài lần thì bị phát giác.

* Videhi là mẹ ruột của vua A-xà-thế, là em ruột của vua Ba-tư-nặc nước Kosala.



Thái hậu lại giấu thức ăn trong tóc và đi trót lọt nhiều lần. A-xà-thế thấy cha vẫn khoẻ mạnh thì sinh nghi, cho người theo dõi, và thế là việc tiếp tế lại bị chận đứng.



Thái hậu bèn tắm rửa sạch sẽ rồi thoa lên người bà một thứ thức ăn làm bằng sữa, đường và mật ong. Tại trong ngục, vua Tần-bà-sa gỡ lấy thức ăn ấy mà sống cầm hơi. Nhưng cuối cùng vua A-xà-thế cũng biết, cấm bà không được vào thăm "tử tội".

Một ngày trong năm 452, một người thợ cạo bước vào khám. Vua Tần-bà-sa mừng rỡ, nghĩ rằng người ta vào cạo râu tóc ông cho sạch sẽ rồi thả ông ra.





Nhưng người thợ cạo đến là để gọt gót chân ông, xát dầu và muối vào đó rồi hơ trên lửa nóng. Vua Tần-bà-sa không chống cự, bình thản đón cái chết. Ông băng hà, tức khắc được tái sanh vào cõi Trời.



Mấy tháng sau, thái hậu cũng mệnh chung vì quá buồn phiền và đau khổ.


Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa thuyết phục vua A-xà-thế.
Phải trừ khử luôn sa môn Gotama !
Ông cứ mãi khuyên "đừng có gây chiến tranh." Như vậy là ông chống lại ý định mở rộng bờ cõi của ta. Dầu vậy ta cũng không nên tự mình ra tay...
... ta sẽ để cho sa môn Đề-bà-đạt-đa làm việc này
Quân đâu ! Từ nay các ngươi hãy tuân lệnh của trưởng lão Đề-bà-đạt-đa



Kế hoạch của Đề-bà-đạt-đa rất hiểm độc. **Trên đường về, tên lính ấy sẽ bị hai người lính khác giết chết. Hai người lính này trở về sẽ bị bốn người lính khác hạ thủ. Rồi bốn người lính này sẽ mất mạng bởi tám người lính khác nữa. Rồi tám người bị mười sáu người giết...**

Như thế, trước một vụ án có quá nhiều nạn nhân đã chết, không ai biết được người nào đã sát hại Phật, và sát hại vì lý do gì ? Do vậy, việc tàn sát ấy sẽ rơi vào quên lãng.



Đêm đó người lính hăng hái lên đường, tay lăm lăm cầm thanh gươm bén ngót.

Anh ta nương theo bóng tối tiến gần tới Phật, nhưng chưa kịp có một hành động nào thì bỗng giật mình.

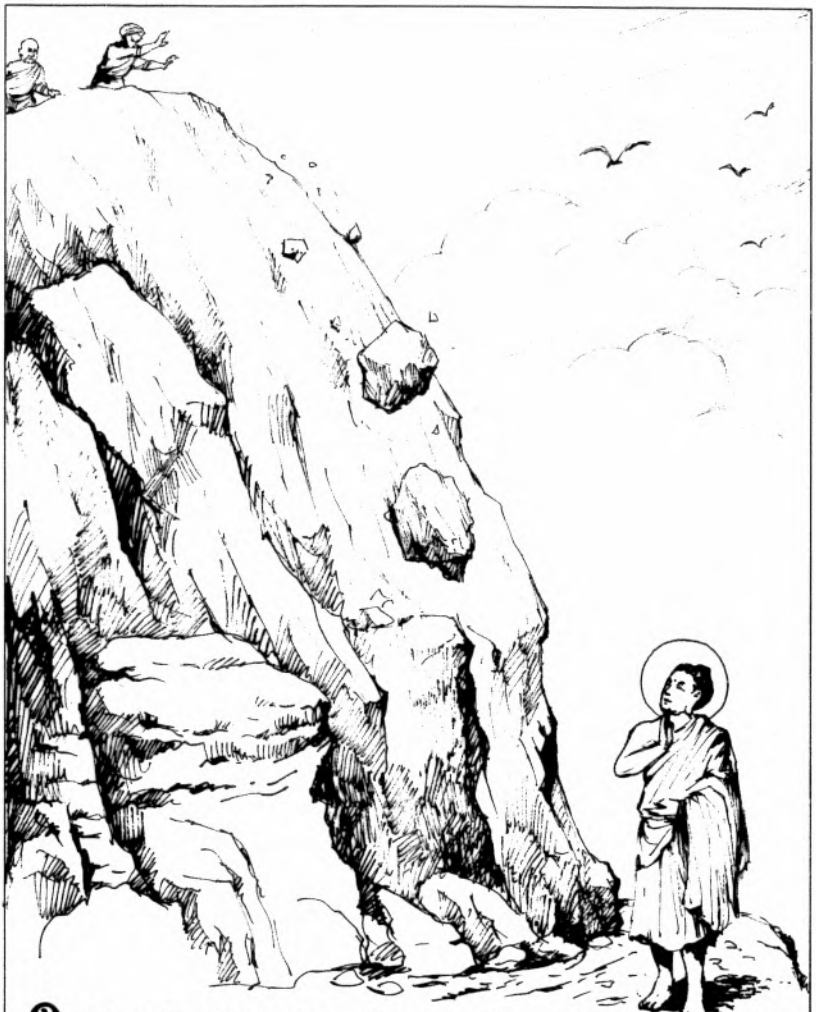


Hết sức kinh ngạc, tên lính quăng kiếm, quỳ xuống dưới chân Phật, nói rõ câu chuyện. Nghe xong, Phật hỏi.



Phật vạch ra cho người lính "một lối về" rất an toàn, giúp 15 người vô tội khỏi bị chết oan.





❷ Một hôm Phật đang đi trên sườn núi Linh Thứu* thì Đề-bà-đạt-đa cho lăn một khối đá khổng lồ xuống, nhưng tảng đá đụng vào hai tảng đá khác nằm sát nhau. Sự va chạm này làm văng ra những mảng đá nhỏ. Có một mảnh trúng chân Phật : Phật chỉ bị thương nhẹ và được quan ngự y Jivaka săn sóc.

* Chóp núi trông giống như con kên kên nên được gọi là Linh Thứu.

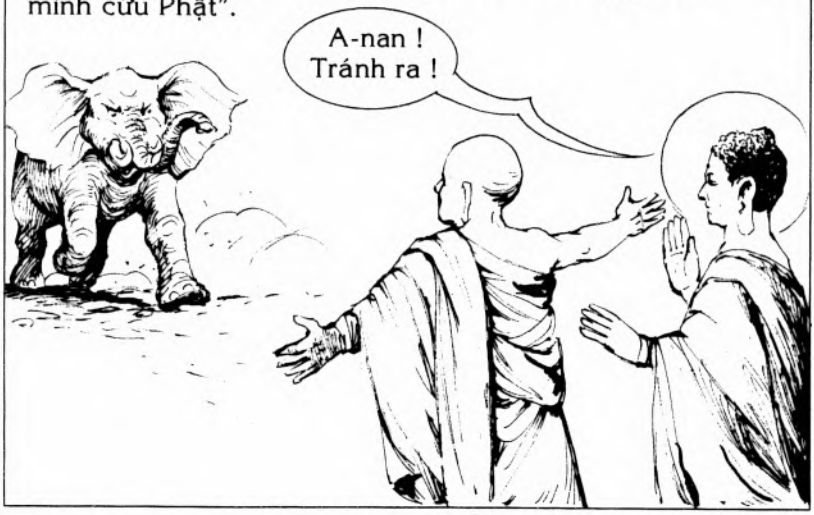


❸ Lần mưu sát thứ ba xảy ra ở trong thành Vương Xá. Khi ấy Đề-bà-đạt-đa đã mua chuộc được một quản tượng để người này thả con voi dữ ra.



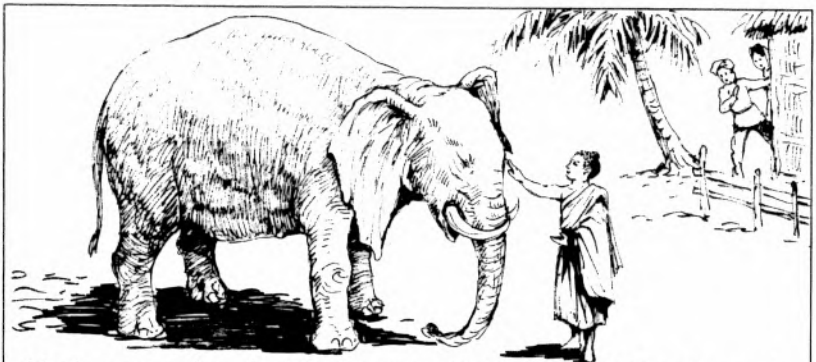
Voi chạy như điên trên con đường mà Phật sắp đi khất thực. Con vật vươn vòi, vểnh tai lên, phóng ào ào về phía Phật. Tình thế trông rất nguy hiểm.

Bỗng A-nan chạy nhanh về phía trước, muốn hy sinh tính mạng mình để cho Phật được thoát nạn. Phật gọi A-nan hãy bước sang một bên, nhưng A-nan vẫn quyết tâm "liều mình cứu Phật".

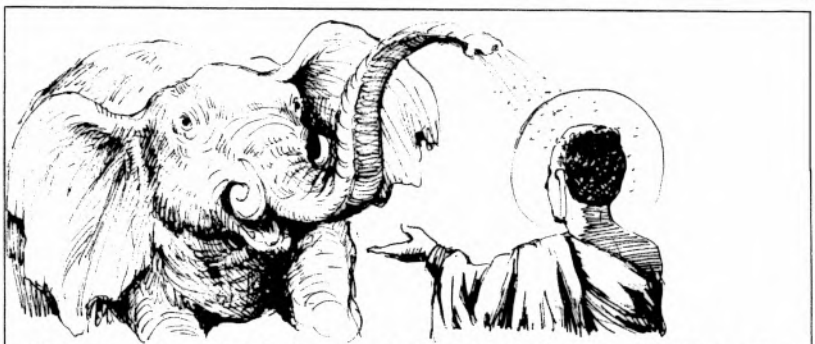




Phật buộc lòng phải hú lên một tiếng lớn rồi dùng lực thần thông đưa A-nan lên trên không gian giữa lúc con voi chạy ào ào tới. Lạ thay ! Con vật đang hung hăng, thế mà nó bỗng dừng lại.



Voi hạ vòi xuống rồi đứng yên bên Phật để cho Ngài vuốt ve nó.

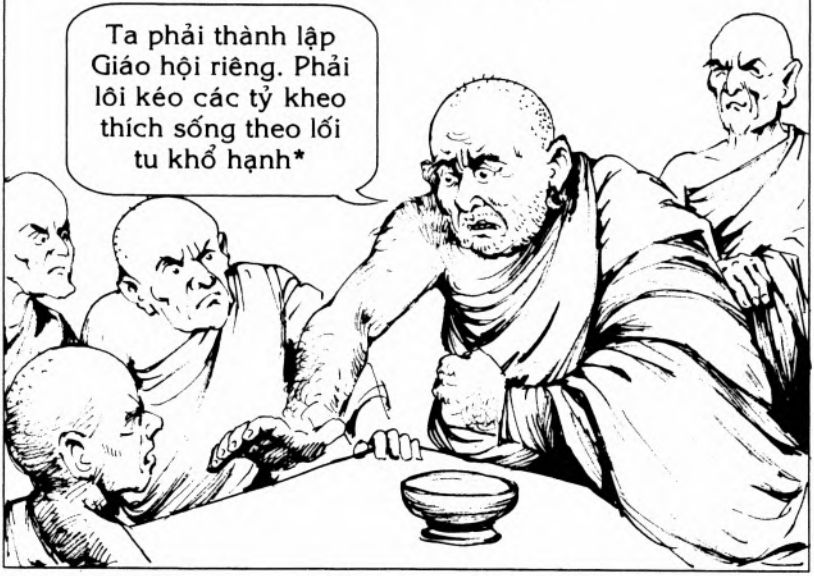


Nó còn lấy vòi hút bụi ở dưới đất, thổi lên đầu Phật như để tỏ lòng quý trọng và trìu mến.



Rồi mắt không rời Phật, nó đi thụt lui, lùi dần, lùi dần... cho tới lúc nó vào hẳn trong chuồng.

Sau ba lần mưu sát Phật mà không thành, Đề-bà-đạt-đa tính phương cách khác : *chia rẽ Giáo hội.*



Thế rồi Đề-bà-đạt-đa đưa ra 5 điểm, yêu cầu Giáo hội chấp thuận. (Trong thâm tâm Đề-bà-đạt-đa biết Phật sẽ không đồng ý các điểm yêu cầu này).

1. **Các tỷ kheo chỉ sống ở trong rừng mà thôi.**
2. **Các tỷ kheo chỉ ăn những gì tự mình đi khất thực.**
3. **Phải mặc áo may bằng những tấm giẻ rách nhặt được ở các đống rác hay tại nghĩa địa.**
4. **Không được ngủ trong nhà mà phải ngủ dưới gốc cây, kể cả những ngày mưa gió.**
5. **Chỉ ăn toàn trái cây, không được ăn thịt, cá.**

Quả đúng như dự đoán của Đề-bà-đạt-đa. Phật không chấp thuận những lời yêu cầu nói trên. Thế là một sáng kia, Đề-bà-đạt-đa dẫn 500 tân tỷ kheo (vừa từ Tỳ-xá-ly đến) về Tượng-đầu-sơn, thành lập Giáo hội ly khai.

* Những người tu khổ hạnh quan niệm rằng "sự hành xác sẽ giúp họ có được lực thần thông."

Giáo hội này được vua A-xà-thế cung cấp lương thực, vải vóc... một cách hào phóng, cho nên số người đến đó ngày càng đông. Nhưng một hôm, Phật biết tâm tư của 500 tỷ kheo ấy đã đến hồi thuần thục, bèn cử hai đại đệ tử của mình đến đó.

Vừa trông thấy hai vị này, Đề-bà-đạt-đa vô cùng mừng rỡ, tưởng rằng "họ đến với mình" nên đã thuyết pháp đến khuya rồi thầm nghĩ : *"Nay ta sẽ làm theo uy nghi của sa môn Gotama."*

Nghĩ xong, Đề-bà-đạt-đa nói :

— Này hiền giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, các tỷ kheo chưa buồn ngủ. Hãy thuyết pháp cho họ nghe. Lưng ta đang đau mỏi.

Nói xong, Đề-bà-đạt-đa đi nằm nghỉ. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thuyết pháp, làm cho các tân tỷ kheo giác ngộ về Đạo, về Quả, rồi sau đó đưa tất cả về Trúc Lâm.

Khi thấy tịnh xá trống trơn, tỷ kheo Kokalika[1] hớt ha hớt hải chạy vào gặp Đề-bà-đạt-đa, nói lớn :

— Này, này ! Hội chúng đã bị phá vỡ. Hai người ấy đã dẫn họ đi cả rồi.



Kokalika quát xong, giận dữ, lột thượng y của Đề-bà-đạt-đa, khiến ông này tức giận đến trào máu họng.

Từ đó Đề-bà-đạt-đa đau yếu luôn.

---

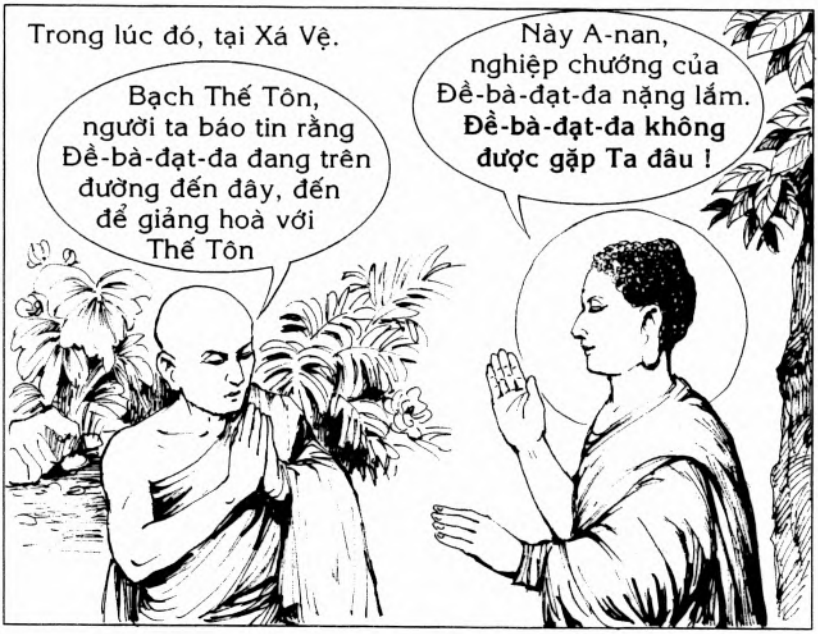
1. Trong việc chống lại Phật, Kokalika là "cánh tay mặt" của Đề-bà-đạt-đa.

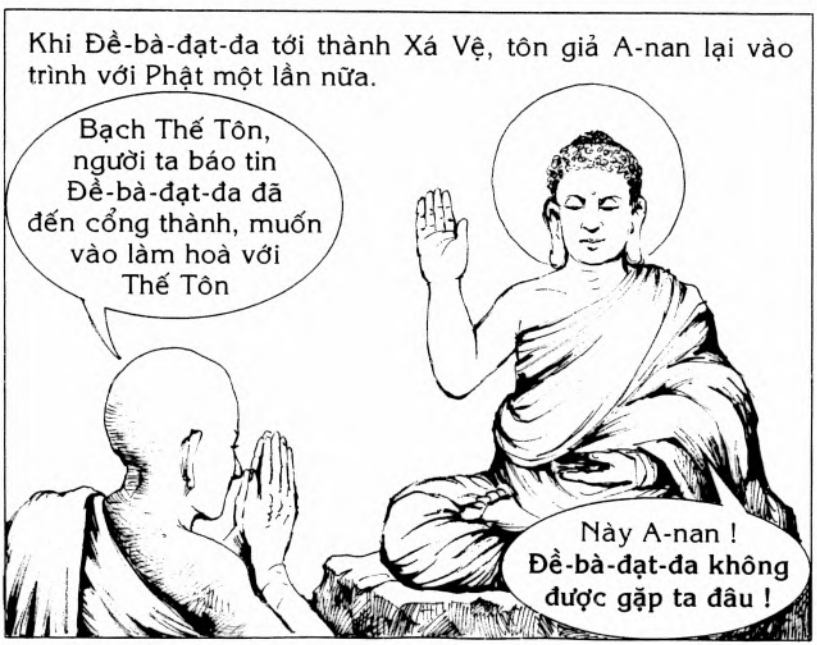
Ngày kia, lúc bệnh tình đến hồi trầm trọng, Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ.

Trong 9 tháng qua ta đã nghĩ xấu về Thế Tôn, nhưng trong thâm tâm Ngài, Ngài không hề có một ác ý nào đối với ta. Chính những hành động của ta đã biến ta thành một kẻ bơ vơ. Nay ta muốn gặp Ngài để hoà giải.



Nghĩ vậy xong, Đề-bà-đạt-đa ra hiệu cho các đệ tử đặt ông lên chiếc cáng rồi đi suốt ngày đêm, tiến về phía kinh đô nước Kosala.


Trong lúc đó, tại Xá Vệ.
Bạch Thế Tôn, người ta báo tin rằng Đề-bà-đạt-đa đang trên đường đến đây, đến để giảng hoà với Thế Tôn
Này A-nan, nghiệp chướng của Đề-bà-đạt-đa nặng lắm. **Đề-bà-đạt-đa không được gặp Ta đâu !**


Khi Đề-bà-đạt-đa tới thành Xá Vệ, tôn giả A-nan lại vào trình với Phật một lần nữa.
Bạch Thế Tôn, người ta báo tin Đề-bà-đạt-đa đã đến cổng thành, muốn vào làm hoà với Thế Tôn
Này A-nan ! **Đề-bà-đạt-đa không được gặp ta đâu !**

Khi Đề-bà-đạt-đa đến cổng tịnh xá Kỳ Viên và tiến vào hồ Kỳ Viên thì một cơn sốt nổi lên trong người, khiến ông muốn được tắm và uống nước.





Khi Đề-bà-đạt-đa vừa bước xuống và đứng trên mặt đất thì mặt đất nứt ra : một ngọn lửa phát xuất từ địa ngục A-tỳ bao phủ lấy ông và ông rơi xuống vực sâu, đỏ rực.

2. Phật và vua A-xà-thế



Dưới triều vua Tần-bà-sa, quân đội của xứ Ma-kiệt-đà là một đoàn quân tinh nhuệ và có kỹ luật.



Sau ngày lên ngôi, vua A-xà-thế ra lệnh cho binh sĩ thao luyện nhiều hơn nữa để chuẩn bị cho các cuộc tiến quân.

Trong khi đó, tại xứ Kosala, sau khi nghe tin em gái và em rể mình đã chết, vua Ba-tư-nặc rất giận dữ.





Trước kia, vua Ba-tư-nặc có tặng cho vua Tần-bà-sa một ngôi làng gần Ba-la-nại như là "của hồi môn" mà em gái của ông mang về cho bên chồng.



Giờ đây vua Ba-tư-nặc vừa gởi thư đòi lại món quà hồi môn, vừa đem binh chiếm lấy ngôi làng ấy.

Vua A-xà-thế mang quân ra, đánh thắng vua Ba-tư-nặc một cách dễ dàng.



Trong hai trận kế tiếp, ông già phục phịch lại thua to, phải hỏi ý kiến các quan.

Này các khanh, bây giờ ta phải làm sao ?

Tâu đại vương, các tỷ kheo của Thế Tôn rất giỏi về binh pháp. Ta cần nghe được những ý kiến của họ về cuộc chiến này

Vua Ba-tư-nặc liền cho các thám tử đến ngồi bên ngoài những chòi lá của các tỷ kheo.

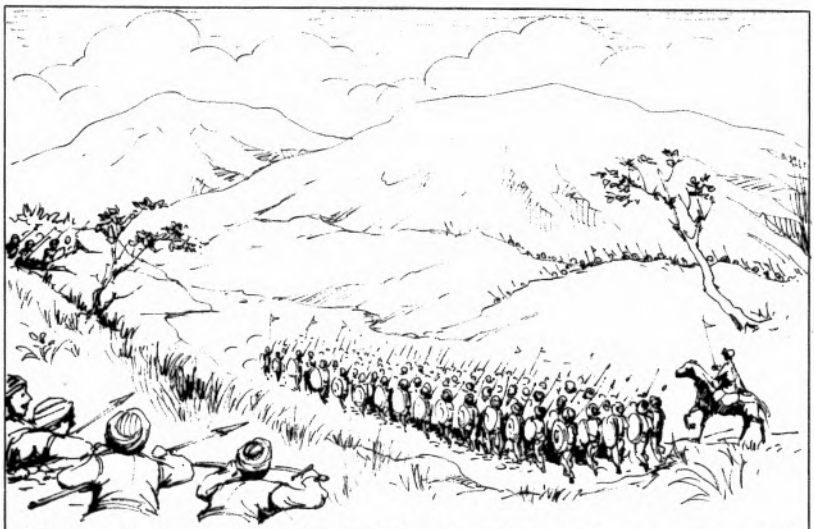
ĐÊM ĐÓ

Này hiền giả, tôi tự hỏi cái lão bụng bự đó làm sao mà thắng nổi ông vua trẻ tuổi kia ?

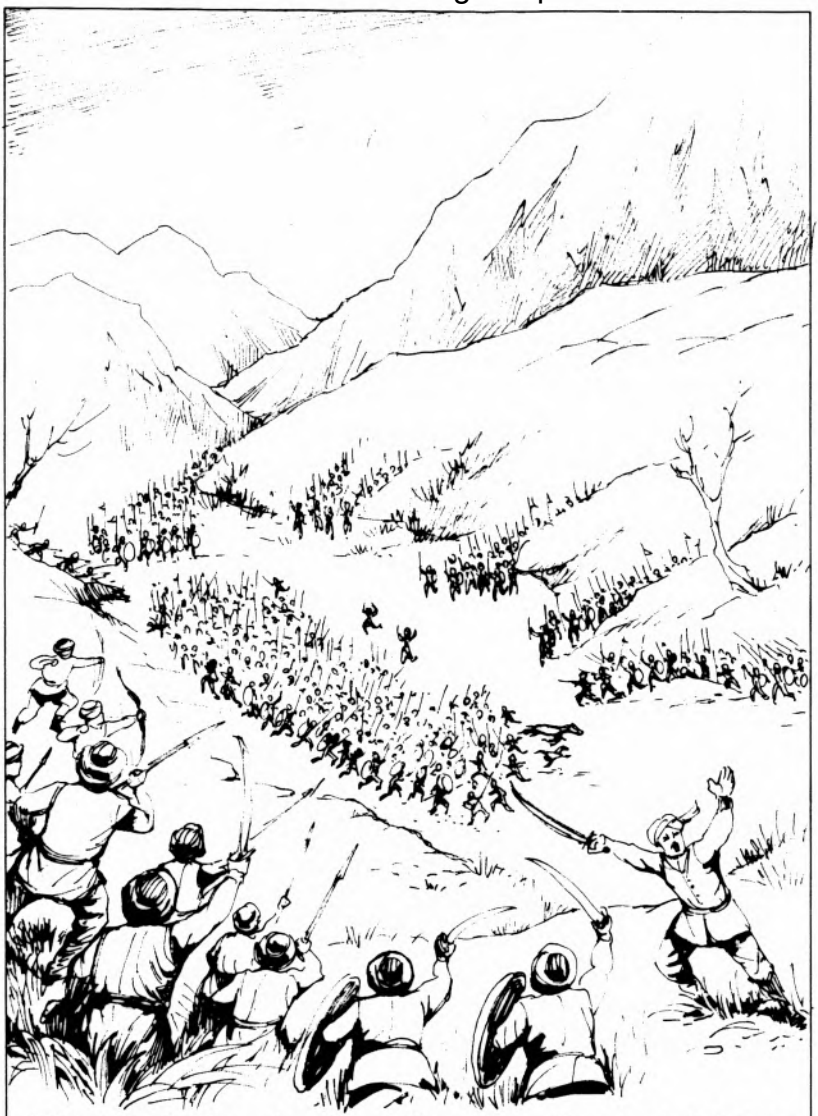
Nếu tôn giả là vua Ba-tư-nặc thì tôn giả làm sao ?



Nói xong, trưởng lão Tissa giảng giải cách đánh cho bạn mình nghe. Các thám tử của vua Ba-tư-nặc cả mừng, chạy về hoàng cung.



Vị vua "nặng cân" liền y kế, sai quân mai phục trên hai ngọn đồi đối diện nhau và cho một đội quân thứ ba ra khiêu chiến.



Đội quân thứ ba này giả vờ thua chạy. Vua A-xà-thế thúc quân đuổi theo. Thình lình hai đạo quân từ hai bên đồi ào ào kéo xuống, còn "đạo quân giả vờ thua" bỗng nhiên như được tiêm thêm sức mạnh, quay trở lại đánh dữ dội. Binh đội của nước Ma-kiệt-đà bị bao vây.





Sau đó người cậu ruột Ba-tư-nặc gả công chúa Vajisa cho đứa cháu A-xà-thế và "ngôi làng hồi môn cũ" nay trở thành "của hồi môn mới".

Lại nói về vua A-xà-thế. Khi hay tin Đề-bà-đạt-đa bị quả đất nuốt sống, vua rất lo lắng. Một đêm kia, ông ngồi nói chuyện với các đại thần.

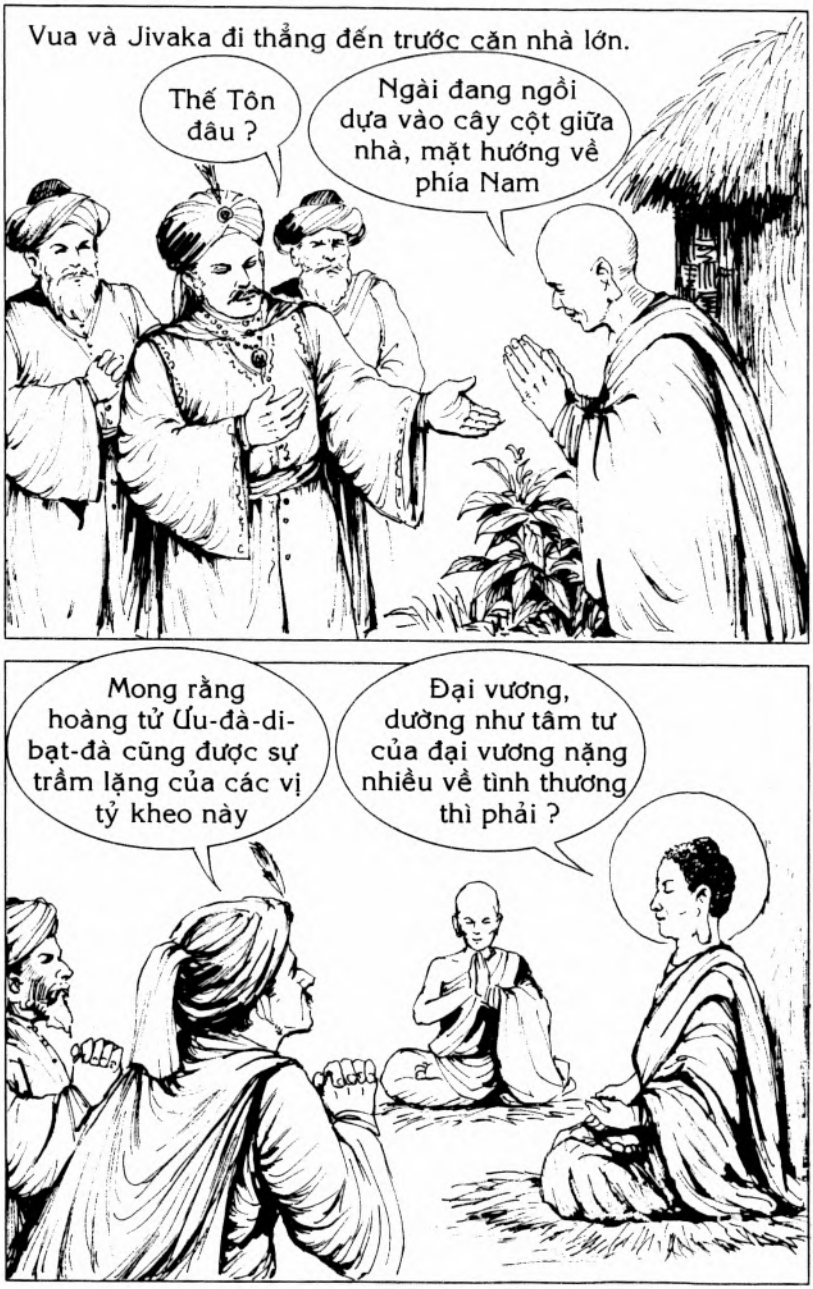


Các đại thần đề nghị nhiều vị, nhưng vua đều làm thinh. Quan ngự y Jivaka hiểu rằng vua muốn mình mời vua đến gặp Phật.




Đêm đó trăng sáng vằng vặc. Đoàn người đi trong ánh đuốc bập bùng.


Khi tới nơi, nhìn thấy quang cảnh im vắng, vua A-xà-thế lo sợ.
Jivaka, ngươi đem nộp ta cho kẻ thù ? Tại sao tinh xá có rất nhiều người mà lại lặng trang như vầy ?
Tâu đại vương, ngài chớ có lo sợ ! Hãy đi thẳng tới chỗ có những ngọn đèn


Vua và Jivaka đi thẳng đến trước căn nhà lớn.
Thế Tôn đâu ?
Ngài đang ngồi dựa vào cây cột giữa nhà, mặt hướng về phía Nam
Mong rằng hoàng tử Ưu-đà-di-bạt-đà cũng được sự trầm lặng của các vị tỷ kheo này
Đại vương, dường như tâm tư của đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải ?


Bạch Thế Tôn, con rất thương hoàng tử Ưu-đà-di-bạt-đà. Hôm nay con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề
Đại vương cứ hỏi
Bạch Thế Tôn, ngay trong đời hiện tại, con người có thể đạt quả thiết thực của hạnh sa môn không ?
Thưa đại vương, CÓ

Tiếp đó, Phật thuyết giảng các lợi ích của đời phạm hạnh cho vua nghe. Sau bài giảng, vua A-xà-thế ăn năn vì đã giết cha mình [β].



Năm 545 trước Tây lịch, vua A-xà-thế muốn đánh chiếm liên bang Vajji (gồm 6 nước cộng hoà nhỏ và hai bộ tộc Licchavi và Videhi). Biết Phật rất quen thuộc với nước Vajji, vua sai đại thần Vassakara đi hỏi ý kiến Phật, Phật trả lời rằng Vajji khá mạnh, không dễ gì thôn tính họ.

Nghe vậy, vua quyết định đưa người vào đất địch để quấy rối nội bộ của họ. Trong thời gian chờ cơ hội thuận tiện, vua ra lệnh bỏ thành Vương Xá và phát triển làng Pataligama (nằm trong góc giữa 2 con sông Sava và sông Hằng) thành thủ đô Pataliputta.

Giữa năm 542, khi thấy nội bộ của liên bang Vajji đã chia rẽ, vua A-xà-thế vượt sông Hằng, chiếm lấy liên bang ấy, sát nhập vào đế quốc Ma-kiệt-đà.

(β) Con trai của vua Tần-bà-sa có 3 tên : A-xà-thế, Thiện Kiến và Bà-la-lưu-chi.

1. A-xà-thế : Lúc thái tử chào đời, có nhiều đạo sĩ đến xem tướng, cho biết rằng *"Đứa bé này có mối oán thù với cha nó ở kiếp trước, lớn lên nhất định nó sẽ giết cha."* Do đó người đời gọi thái tử là *Ajatasattu* (có nghĩa là *"vị sanh oán"*: có mối thù từ lúc chưa ra đời ; dịch âm là A-xà-thế).

2. Thiện Kiến : Nghe các đạo sĩ nói vậy, hoàng gia muốn hồi hộ cái tâm lành cho thái tử nên đã đặt tên là *Thiện Kiến (chỉ thấy toàn điều thiện).*

3. Bà-la-lưu-chi : Vừa nghe các đạo sĩ nói vậy, hoàng hậu Videhi hốt hoảng, làm rơi thái tử xuống đất, khiến cho hài nhi bị hư hết một ngón tay. Vì thế người ta cũng gọi thái tử là *Bà-la-lưu-chi* (có nghĩa là *người hư hết một ngón tay*).

Nhưng thái tử chỉ biết mình có một tên duy nhất là Thiện Kiến mà thôi. Mãi tới khi lớn lên, gặp Đề-bà-đạt-đa và được ông này "khui ra" hai cái tên kia thì "thái tử vị sanh oán" mới vỡ lẽ...

Trong Đại bát Niết bàn kinh, Phật giảng về nhân quả giữa vua Tần-bà-sa và vua A-xà-thế như sau :

"Trong tiền kiếp, một hôm có vị vua kia cùng với các quan đi săn nai. Họ đi khắp cả khu rừng mà chẳng bắn được một con nào, bất chợt vua nhìn thấy một đạo sĩ đang ngồi thiền bên sườn núi thì giận dữ, quát :

— Hôm nay ta chẳng bắn được một con thịt nào, ấy là tại ngươi ngồi đây nên thú rừng chạy mất hết.

Nói xong, vua sai quân lính giết chết đạo sĩ ! Trước khi trút hơi thở cuối cùng, đạo sĩ thề rằng :

— Ta không có tội, nhưng vì ngươi đã dùng lưỡi mà sát hại ta, nên sau này, ta cũng dùng lưỡi mà sát hại ngươi."

Kể xong câu chuyện này, Phật nhận diện tiền thân như sau : Vị vua săn bắn ngày xưa, là vua Tần-bà-sa ngày nay ; còn người đạo sĩ trong tiền kiếp, giờ đây chính là A-xà-thế.*

Vua A-xà-thế ở ngôi được 32 năm, thì bị con trai là thái tử Ưu-đà-di-bạt-đà giết chết. Rồi sau đó vua Ưu-đà-di-bạt-đà bị con mình sát hại.

---

* Đoạn ghi chú này được trích (giản lược) trong quyển *Từ điển Phật học* của ông Đoàn Trung Còn.

3. Cuộc thảm sát dòng họ Thích Ca

Trước lúc Thái tử Tất-Đạt-Đa xuất gia, dòng họ Thích Ca cũng đã có thanh thế rồi. Khi Thái tử thành Đạo, Ngài có nhiều tỷ kheo đoanh vây và nhiều đệ tử ở khắp nơi được hàng vua chúa quý trọng.

Một hôm vua Ba-tư-nặc nghĩ thầm : *"Nếu ta chọn một thiếu nữ dòng họ Thích Ca làm chánh hậu, thì các tăng chúng sẽ là thân hữu của ta".*

Vua liền gởi thông điệp đến thành Ca-tỳ-la-vệ, nội dung như sau : *"Hãy dâng cho trẫm một cô gái của quý quốc để làm cung phi. Trẫm mong ước được kết thân với dòng họ của quý quốc".*

Nhận được thông điệp, dòng họ Thích Ca thảo luận rất kỹ lưỡng :

— Chúng ta là một tiểu quốc nằm sát đại quốc của ông ta. Nếu ta từ chối, ông ta sẽ nổi giận. Còn nếu ta đem dâng con thì phong tục dòng họ của ta sẽ bị phá vỡ. Vậy phải làm sao ?

Lúc ấy Mahanama (người được vua Tịnh Phạn truyền ngôi) nói :

— Xin đừng bận tâm việc này. Tôi có một đứa con gái tên là Vasabha. Mẹ nó là nô tỳ Nagamunda. Năm nay nó 16 tuổi, rất xinh đẹp. Chúng ta sẽ gả nó như một cô gái chính thống quý tộc.

Mọi người chấp nhận giải pháp này, ra thông báo rằng : *"Các sứ giả của nước Kosala có thể rước một người con gái của dòng họ Thích Ca về nước ngay".*

Nhưng các sứ giả nghi ngờ : "Dòng họ Thích Ca rất kiêu mạn về vấn đề dòng dõi. Nếu họ gả một cô gái không thuộc dòng họ Thích Ca thì sao ?" Nghĩ xong, họ nói :

— Thưa các vương gia, chúng tôi rất hân hạnh được đón dâu, song *chúng tôi chỉ nhận một nàng cùng ngồi ăn chung với các vương gia mà thôi.*

Dòng họ Thích Ca bối rối, liền dùng kế hoãn binh, mời các sứ thần nghỉ ngơi vài ngày. Bấy giờ vua Mahanama dặn dò tả hữu :

— Đang lúc ta dùng bữa, hãy đem Vasabha vào, *rồi ngay khi ta vừa ăn một miếng,* các khanh hãy làm như vầy... như vầy...

*
* *

Thức ăn đã được dọn ra, chủ và khách đã sẵn sàng. Để bắt đầu buổi tiệc, vua Mahanama nói lớn :

— Hãy đem **ái nữ của ta** vào cùng ăn với ta !

Một nữ tỳ chạy ra, thưa :

— Xin bệ hạ chờ một lát. Công chúa còn đang trang điểm.





Lát sau, một nàng tiên bước ra, chào mọi người. Nàng mong đợi được dùng cơm với phụ vương nên *đặt tay mình vào cùng một dĩa thức ăn với cha.* Khi ấy Mahanama đã bốc xong một miếng và đã đưa vào miệng, ông vừa định bốc một miếng khác thì có người đem vào một bức thư, nói :

— Tâu bệ hạ, có thông điệp ! Xin bệ hạ xem và trả lời ngay.

Mahanama nhìn con, âu yếm nói :

— Này con yêu quý, con cứ dùng cơm đi nhé !

Nói xong, ông vẫn để tay phải của mình trong dĩa cơm, tay trái cầm bức thư, vừa xem vừa trầm ngâm suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ...

Trong khi đó, cô gái bắt đầu ăn miếng cơm thứ nhất và tiếp tục dùng cơm. Khi nàng đã ăn xong, Mahanama như bừng tỉnh, rửa tay và súc miệng, rồi làm như mình phải trả lời ngay bức thông điệp, ông bước ra khỏi bàn ăn.

Được chứng kiến cảnh này từ đầu chí cuối, các nhà ngoại giao của nước Kosala tin chắc rằng cô gái đó, *đúng là công chúa của dòng họ Thích Ca.*

Mahanama tiễn đưa con gái rất trọng thể. Các sứ thần của nước Kosala đem cô dâu về Xá Vệ và... quả quyết rằng : *"Đây chính là một công chúa của dòng họ Thích Ca."*

Vua Ba-tư-nặc vô cùng hoan hỉ, ra lệnh cho cả kinh thành trang hoàng lộng lẫy rồi đặt nàng ngồi trên một đống châu báu và cử hành lễ quán đảnh, phong nàng làm chánh hậu.

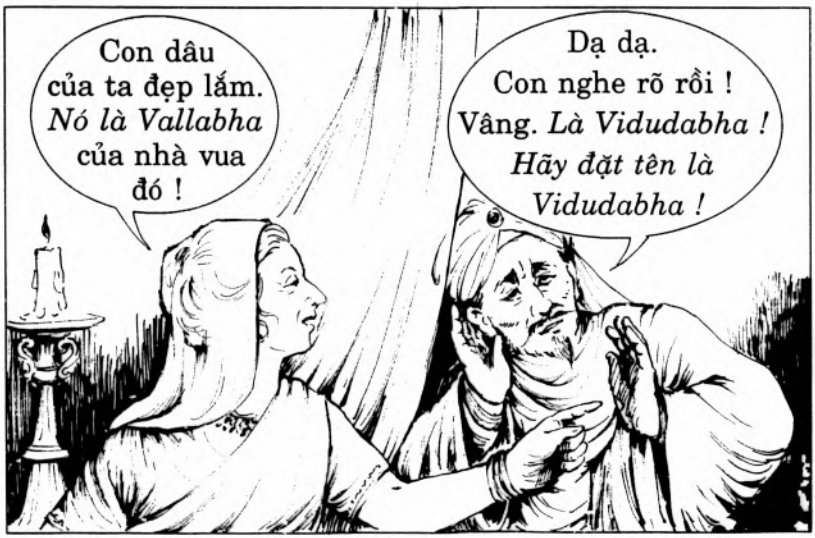


Chẳng bao lâu hoàng hậu thọ thai. Nhà vua ra lệnh chăm sóc bà thật chu đáo và sau mười tháng, bà hạ sanh một hoàng nam có màu da hoàng đồng. Nhà vua chưa quyết định đặt tên con là gì, bèn gởi thư đến tổ mẫu, hỏi *"Vasabha đã sinh ra một hoàng nam. Nàng là công chúa của dòng họ Thích Ca, vậy nên đặt tên hài nhi là gì ?"*

Lúc bấy giờ viên cận thần mang chiếu thư (ông này hơi lãng tai) sốt sắng đến trình lại với bà ngoại của vua ; bà cụ không trả lời ngay câu hỏi "đặt tên thái tử là gì" mà chỉ lo khen cháu dâu của bà :

— Ngay như khi Vasabha chưa sanh ra một hoàng nam, nó cũng đã là một giai nhân tuyệt thế, còn nay thì nó đã là *"vallabha" (ái hậu)* của vua rồi.

"Ông quan lãng tai" nghe lầm tiếng *vallabha (ái hậu)* ra thành tiếng *vidudabha,* liền trở về tâu với nhà vua rằng *"phải đặt tên thái tử là Vidudabha."* Vua Ba-tư-nặc ngỡ Vidudabha là tên của một gia tộc cổ sơ nào đó, nên chấp nhận tên ấy cho con mình.



Khi được 7 tuổi, Vidudabha thường quan sát các vương tử khác, thấy họ nhận được voi, ngựa... từ các gia tộc bên họ mẹ. Cậu hỏi :

— Thưa mẹ, mấy đứa kia thường được quà từ bên ngoại, còn con thì không. Vậy phải chăng mẹ là con mồ côi.

Cố dằn cơn xúc động, người mẹ nhỏ giọng đáp :

— Bên ngoại của con là các vua dòng họ Thích Ca, nhưng các Ngài ở xa lắm, nên không gởi quà cho con được.

Lúc 16 tuổi, thái tử nói với mẹ :

— Thưa mẹ, con muốn đi thăm bên ngoại.

— Thôi, con đừng nói đến chuyện ấy nữa. Con sẽ làm gì khi đến đó ?

Nhưng thái tử cố nằn nì mãi, cuối cùng hoàng hậu xiêu lòng :

— Thôi được, con cứ đi !

Thái tử xin phép vua cha và được chấp thuận, lên đường với một đoàn tuỳ tùng đông đảo.

Vasabha gởi thư về nhà trước khi con mình đến đó. Thư nói : *"Con đang sống hạnh phúc, xin các tôn giả đừng cho thái tử biết chuyện bí mật kia."*



Thế nhưng khi hay tin Vidudabha đến, dòng họ Thích Ca vội vã cho các vương tử trẻ đi về vùng quê. Họ nói với nhau : *"Ta không thể đón tiếp thằng bé đó một cách trịnh trọng được."*

Khi thái tử đến Ca-tỳ-la-vệ, dòng họ Thích Ca tập họp trong nhà nghỉ của vua. Thái tử đến đó ngồi đợi. Người ta giới thiệu với chàng :

— Đây là ngoại tổ của ngươi, đây là quốc cữu...

Họ vừa nói vừa chỉ từng người. Thái tử đảnh lễ hết người nọ đến người kia, mỏi cả lưng, nhưng mọi người vẫn lặng thinh. Thái tử tò mò hỏi :

— Sao chẳng có ai trong gia tộc chào* lại con ?

Gia tộc Thích Ca đáp :

— Này con, các tiểu vương tử* đi về quê cả rồi.

Sau đó cả gia tộc thết đãi chàng rất trọng thể.

Vài ngày sau, thái tử giã từ quê ngoại, trở về triều. Phái đoàn vừa đi không bao xa thì có một nô tỳ vừa lấy sữa lau chùi chiếc ghế vừa nhục mạ :

— Đây là ghế ngồi của con trai người nữ tỳ.

Có một tên lính trong đoàn tuỳ tùng của thái tử bỏ quên cây giáo, đang chạy vào tìm, tình cờ nghe được câu lăng mạ, bèn hỏi :

— Như thế nghĩa là gì ?

Anh ta được gã nô tỳ cho biết *"Hoàng hậu Vasabha là con của vua Mahanama với một nữ tỳ."*

Tên lính về kể lại cho bạn bè của hắn nghe. Thế là đoàn tuỳ tùng xôn xao cả lên :

— *Hoàng hậu là con gái của một nô tỳ. Thái tử có mẹ là con gái của một nô tỳ.*

---

* Vua Mahanama và triều đình cho các hoàng tử, công chúa và các hoàng thân nhỏ tuổi hơn Vidudabha về quê là để cho những người này khỏi phải đảnh lễ Vidudabha. Họ nói : *"Làm sao có thể cho con cháu của dòng họ Thích Ca đảnh lễ cái thằng bé con, con của một nữ tỳ được ?"*

Vidudabha cố nén giận, nghĩ thầm :

— Mặc cho chúng rửa ghế bằng sữa. Khi lên ngôi, ta sẽ rửa ghế bằng thứ khác.

Khi về tới Xá Vệ, có người kể lại mọi chuyện cho vua Ba-tư-nặc nghe. Ngài nổi trận lôi đình, lập tức truất phế Vasabha và Vidudabha, chỉ cấp những thứ vừa đủ cho hạng gia nô mà thôi.



Vài ngày sau, đức Phật đến hoàng cung và ngồi xuống toạ thiền. Nhà vua đến gần Ngài, đảnh lễ, nói :

— Bạch Thế Tôn, con nghe thân tộc của Thế Tôn đưa con gái một nô tỳ về đây làm hoàng hậu.

— Thưa đại vương, dòng họ Thích Ca đã làm một việc không phải. Nhưng thưa đại vương, Như Lai nói điều này : *"Vasabha là con gái của một vị vua, nàng đã nhận lễ quán đảnh ; còn Vidudabha cũng là thái tử của một vị vua thuộc dòng dõi Sát-đế-ly."* Các bậc hiền trí đã nói : *Dòng họ mẹ không quan trọng, dòng họ cha mới là chuẩn mực. Thuở xưa, một cô gái lượm củi đã được đưa lên địa vị chánh hậu và con trai của bà được nắm vương quyền tại Ba-la-nại.* Đó là Vua Của Người Lượm Củi[1].

Nhà vua nghe đến đây, lòng rất hoan hỷ. Ngài nhủ thầm : *"Đúng vậy, dòng họ cha là tiêu chuẩn để đo lường một con người."* Thế rồi Ngài yêu quý hai mẹ con nàng Vasabha như trước.

---

1. Xem tiền Thân Đức Phật, số 7. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành năm 1992.

Lúc bấy giờ đại tướng Bandhula (của nước Kosala) có một người vợ tên là Mallika. Một hôm ông sai người đưa vợ về quê cũ, ở Kusinara. Bà suy nghĩ :

— Ta sẽ đi, sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư.

Bà gặp bậc Đạo sư tại Kỳ Viên. Ngài hỏi :

— Này nữ cư sĩ, con định đi đâu đó ?

— Bạch Thế Tôn, chồng con đuổi con.

— Vì sao vậy ?

— Vì con không sinh nở, không có con trai.

— Nếu chỉ có vậy thì con hãy về nhà của chồng con đi.

Người đàn bà hiếm muộn mừng rỡ, đảnh lễ bậc Đạo sư rồi trở về. Chồng nàng hỏi :

— Sao nàng lại trở về đây ?

— Thưa phu quân, sa môn Gotama bảo thiếp cứ ở lại đây.

— Thế thì Ngài đã thấy rõ chuyện tốt đẹp cho phu nhân rồi.

Chẳng bao lâu, nàng bắt đầu cơn thèm ăn của người có thai, bèn báo tin cho chồng. Đại tướng tươi nét mặt, hỏi vợ :

— Bây giờ phu nhân có ước muốn gì ?

— Thiếp muốn được đi tắm và uống nước hồ* ở thành Tỳ-xá-ly của bộ tộc Licchavi.

— Ta chiều ý phu nhân.

Cầm lấy cây cung mạnh bằng cả ngàn cây cung khác, Bandhula đưa vợ lên xe, trực chỉ hướng Tỳ-xá-ly.

Thuở đó gần cổng thành Tỳ-xá-ly có một người của bộ tộc Licchavi đã được sư phụ của đại tướng Bandhula dạy dỗ. Đó là ông Mahali. Ông này bị mù, thường

---

* Nơi mà các hoàng gia thường lấy nước để làm lễ quán đảnh phong vương.

khuyên bộ tộc Licchavi về chuyện thế sự cũng như thánh sự. Khi nghe tiếng xe chạy lọc cọc, ông nói một mình :

— Đây là tiếng xe của Bandhula. Hôm nay, bộ tộc Licchavi sẽ biết tay con người tài ba đó.

Hồ nước ấy được một đội quân canh gát nghiêm nhặt từ bên ngoài lẫn bên trong. Ở trên có lưới sắt : không một con chim nào lọt vào được. Nhưng vị tướng dũng mãnh kia vừa bước xuống xe, giơ cao thanh kiếm bén ngót ra, khiến quân canh bỏ chạy tán loạn. Ông cùng với vợ đi tắm, uống nước rồi trở về con đường cũ.

Bấy giờ quân canh đã đủ thì giờ báo lại với những người Licchavi đứng đầu bộ tộc Licchavi. Họ nổi giận, sai 500 người đi bắt Bandhula. Mahali biết tin, khuyên can :

— Đừng có đi ! Bandhula sẽ giết hết các ngươi.

— Không. Chúng tôi phải đi.

— Vậy thì chỉ rượt theo tới một nơi mà *bánh xe đã lún xuống tận trục* mà thôi. Phải trở về ngay, nhất định đừng có đi nữa.



Năm trăm cỗ xe ầm ầm rượt đuổi một cỗ xe. Bụi cuốn mờ mịt. Khi nhìn thấy các xe đuổi theo mình, Mallika nói :

— Thưa phu quân, các cỗ xe của họ đã xuất hiện.

— Khi nào năm trăm xe ấy chạy nối đuôi nhau *thành hàng một*, phu nhân hãy báo cho ta biết.

Một tay cầm chặt dây cương, một tay ra roi thúc ngựa, vị tướng anh dũng nôn nóng về nhà. Phía sau, năm trăm ngọn roi vun vút đập lên mình ngựa, cố thu ngắn khoảng cách với kẻ đang đào tẩu. Nhưng sức lực các tay đánh xe Licchavi không đồng đều : những người khoẻ mạnh đi nhanh, các tay yếu sức đi chậm hơn, thế nên dần dần họ *nối đuôi nhau*. Thình lình người đàn bà la lớn :

— Kìa phu quân, thiếp thấy chúng giống như *một cỗ xe mà thôi*.



— Tốt lắm ! Nàng hãy cầm lấy sợi dây cương này giúp ta ! – Vị tướng nói, rồi đứng dậy, giương cung.

Đoạn đường này lầy lội, bánh xe của vị tướng lún xuống đất đến tận trục. Khi đuổi theo tới đây, người Licchavi thấy rõ như vậy nhưng họ vẫn không rút lui. Trong khi đó Bandhula chạy thêm một đoạn nữa rồi bật dây cung. Mũi tên xé gió, phát ra âm thanh vang rền như sấm dậy, xuyên qua cả 500 chiến sĩ Licchavi tại chỗ có buộc dây đai. Những người này không biết mình đã bị thương, vẫn cứ đuổi theo và la lớn :

— Dừng lại ! Này ! Hãy dừng lại !

Bandhula dừng xe lại, nói :

— Các ngươi chết cả rồi ! Ta không đánh với người chết.

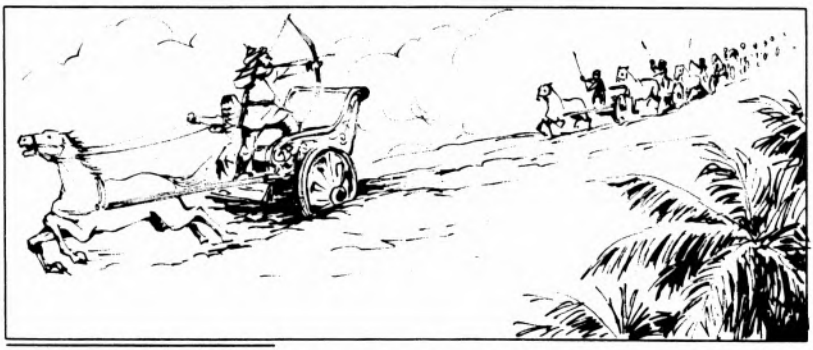
— Sao ? Chúng ta thế này mà chết à ?

— Ta mở dây đai của người đi đầu cho mi thấy !

Ngay lúc dây được mở ra, người bị thương lập tức ngã xuống chết. Lúc ấy đại tướng nói với cả bọn :

— Các ngươi hãy về nhà, sắp đặt mọi việc, dặn dò vợ con xong rồi mới được cởi áo giáp ra.

Bọn chúng làm theo lời dặn, xong đâu đó, tất cả đều trút hơi thở cuối cùng.*



* Đây là một truyền thuyết nổi tiếng, nói về tài bắn cung của các tay thiện xạ : nạn nhân bị tử thương mà không hề biết.

Về sau, vợ của tướng Bandhula sinh ra những cặp song-nam liên tiếp 16 lần. Đàn con lớn lên, anh hùng y hệt cha. Mỗi người có cả ngàn tuỳ tùng và khi chúng theo cha vào chầu vua, riêng phần chúng đã đứng chật cả sân chầu.

Một hôm có người bị vu cáo mà lại bị xử thua kiện. Họ thấy đại tướng Bandhula đang đi đến, liền kêu than vang dậy, bảo rằng quan toà xử không công bằng. Bandhula vào triều, xử lại vụ án, đưa những khúc mắc của vấn đề ra trước ánh sáng. Đám đông reo hò tán thưởng. Nhà vua hỏi có việc gì mà ầm ĩ, và sau khi được biết lý do, ngài rất hoan hỉ, đổi các quan toà đến những vùng đất xa xôi, giao cho Bandhula trọng trách xử án tại triều.

Các quan toà tham lam không còn cơ hội ăn hối lộ nữa, trở nên nghèo túng, bèn phỉ báng Bandhula, phao tin rằng cha con Bandhula muốn soán ngôi. Vua nghe lời chúng, ra lịnh cho một số quân thân tín đi cướp phá các vùng biên địa rồi cho triệu Bandhula vào, nói :



— Biên thuỳ đang gặp cảnh khói lửa, khanh hãy cùng các công tử đi dẹp loạn.

Trong khi đó vua cài một số người thân tín vào đoàn quân của Bandhula, dặn dò phải cắt đủ 33 cái đầu, đem về lãnh thưởng.

Đoàn quân của Bandhula vừa bắt đầu lên đường, thì toán cướp ở biên địa đã bỏ trốn hết. Bandhula an ủi dân chúng rồi kéo quân về. Nửa đêm cha con ông đều bị giết chết.

Đúng vào ngày hôm đó, bà Mallika mời hai vị đại đệ tử của bậc Đạo sư cùng với 500 tỷ kheo đến nhà mình để cúng dường. Mới sáng sớm đã có người đưa thư đến, báo tin chồng con bà đã bị giết chết. Bà xem thư, bỏ vào áo, thản nhiên dọn bữa cơm. Có một gia nhân cúng dường xong cho các tỷ kheo, vô ý làm rơi một chén sữa chua.

Trưởng lão Xá-lợi-phất liền nói :

— Chén bát được làm ra là để đánh vỡ. Xin gia chủ đừng buồn phiền.

Chủ nhà đưa lá thư ra, nói :

— Bạch thầy, nếu đệ tử đã không sầu khổ về việc này, thì lẽ nào lại buồn phiền vì một cái chén bị vỡ.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bắt đầu nói *"Không thấy, không biết..."* rồi đứng dậy thuyết pháp và ra về.

Phu nhân liền triệu tập 32 nàng dâu lại nói :

— Phu quân của các con mặc dầu vô tội, đã thọ lãnh nghiệp quả của đời trước. Các con chớ có ưu tư, *đừng tạo ác nghiệp nặng hơn nhà vua.*

Bọn thám tử nghe được, tâu với nhà vua rằng "gia đình của Bandhula không có một lời oán hận."

Vua ăn năn, đến nhà của người xấu số, cầu xin được tha thứ và hứa ban cho một điều ước nguyện. Vợ của Bandhula trả lời :

— Tâu bệ hạ, thần thiếp xin ghi nhận.

Sau khi cử hành tang lễ xong, bà tắm rửa rồi đến yết kiến nhà vua. Bà nói :

— Tâu bệ hạ, ngài đã hứa ban cho thần thiếp một ân huệ. Vậy xin cho thần thiếp cùng các con dâu được về quê.

Sau khi đưa các con dâu về nhà cha mẹ của họ, bà trở về nhà cha mẹ mình ở Kusinara. Nhà vua phong chức đại tướng cho Sigha Karayana (con trai của chị ruột đại tướng Bandhula), nhưng vị này đi đâu cũng nói : *"Chính nhà vua đã giết cậu ta".*

Sau ngày giết lầm các trung thần, nhà vua thấy lòng mình không còn thanh thản, không còn hứng thú trong việc cai trị đất nước. Lúc đó, bậc Đạo sư đang ở gần thị trấn Ulumpa của dòng họ Thích Ca. Nhà vua đóng trại không xa hoa viên ấy, bèn cùng với vài cận thần đi đến tinh xá. Tại đây vua trao 5 biểu tượng của vương quyền* cho đại tướng Karayana nhờ cất giữ, rồi một mình ông nhẹ bước vào Hương phòng.

Karayana cầm lấy 5 biểu tượng vương quyền, kéo hết quân về Xá Vệ, tôn thái tử Vidudabha lên làm vua, chỉ chừa lại một con ngựa già và một nữ tỳ lớn tuổi cho "nhà vua cũ."



* Năm biểu tượng vương quyền là : *Bảo kiếm, cái lộng trắng, vương miện, đôi hài và cái quạt bằng lông đuôi trâu rừng.*

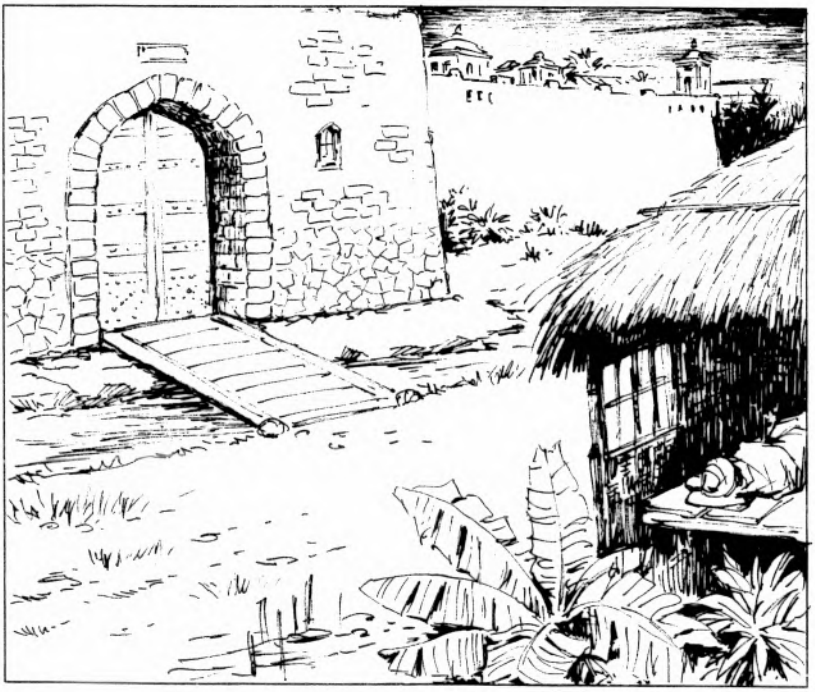
Vì thế, sau buổi đàm thoại với bậc Đạo sư, nhà vua bước ra khỏi Hương phòng, chẳng thấy binh sĩ đâu cả. Ngài hỏi người nữ tỳ rồi quyết định đến Vương Xá, với ý định sẽ cùng với vua A-xà-thế (cháu kêu mình bằng cậu) đi bắt Vidudabha. Sau nhiều ngày vất vả trên quãng đường dài, nhà vua tới nước Ma-kiệt-đà, nhưng lúc đó trời đã tối, cổng thành đã đóng, vua nằm ngủ trong một túp lều tranh. Nửa đêm ngài bị cảm nặng...

Trời sáng dần. Bỗng có tiếng khóc nức nở của người nữ tỳ :

— Trời ơi ! Hoàng thượng đã băng hà rồi !

Tân vương Vidudabha hay tin, liền cử hành tang lễ cho vua cha rất trọng thể.

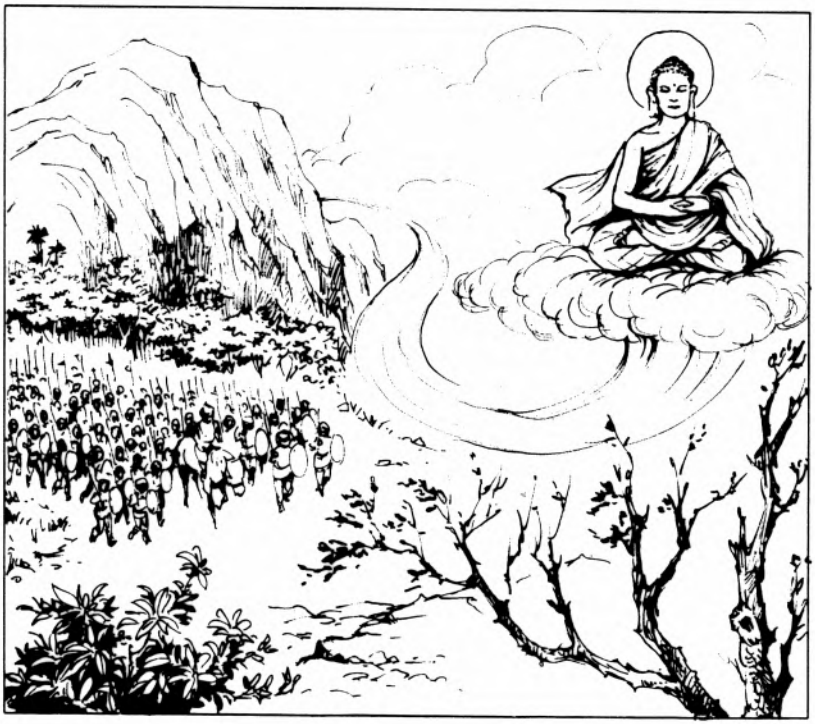
Vào lúc chuyện nhà đã xong, vua Vidudabha nhớ lại mối nhục ngày xưa tại quê ngoại, bèn lên đường.



Sáng sớm hôm ấy, bậc Đạo sư đưa mắt nhìn khắp thế gian, thấy thân tộc của mình đang lâm nguy. Sau khi đi khất thực và thọ thực xong, Ngài vào nằm nghỉ trong Hương phòng. Buổi chiều, Ngài bay trong không gian đến một địa điểm gần biên thuỳ Sakya-Kosala, ngồi dưới một gốc cây đổ bóng thưa thớt ; gần đó một cây đa khổng lồ đứng sừng sững trên đất Kosala. Khi trông thấy bậc Đạo sư, vua Vidudabha đến gần, đảnh lễ rồi nói :

— Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn lại *ngồi dưới gốc cây trụi lá* giữa trời nóng nực như vầy. Xin Thế Tôn hãy qua đây, ngồi dưới gốc cây đa sum suê nầy.

— Thưa đại vương, đại vương cứ để mặc Ta. *Bóng cây lưa thưa của thân tộc Ta* đủ làm cho Ta mát mẻ.





Nhà vua suy nghĩ : *"Chắc chắn ổng đến đây là để che chở cho dòng họ ổng."*

Vì thế nhà vua đảnh lễ bậc Đạo sư rồi kéo quân về Xá Vệ, còn bậc Đạo sư thì trở lại Kỳ Viên.

Lần thứ hai và lần thứ ba, nhà vua lên đường đi trả thù, thì cũng thấy bậc Đạo sư ngồi tại chỗ cũ. Hai bên lại ra về.

Vào lúc nhà vua chuẩn bị ra đi lần thứ tư, bậc Đạo sư xem xét kỹ những nghiệp quả quá khứ của dòng họ Thích Ca, nhận thấy rằng không thể nào tránh được hậu quả của các ác nghiệp trước kia (thả thuốc độc xuống dòng sông) nên Ngài không đến biên giới nữa. Lần đó vua Vidudabha thẳng tay tàn sát dòng họ Thích Ca, kể cả những đứa bé còn bú, *lấy máu rửa cái ghế ngồi năm xưa.*

Một số người trong bộ tộc Thích Ca nhanh chân sang lánh nạn tại các nước Moriya và Malla. Lúc vua Vidudabha rút quân về Kosala, các nạn nhân lục tục trở về quê nhà, nhưng khi đó thành Ca-tỳ-la-vệ chỉ còn là một đám đất hoang tàn. Dòng họ Thích Ca bèn kéo đến vùng đất Piprava, ra sức xây dựng thành Ca-tỳ-la-vệ II.

Chính tại đây, sau ngày hoả táng Phật, họ lập tháp thờ xá lợi Ngài*.

---

* Viết theo bài *Tiền thân Đức Phật* số 465 do giáo sư *Nguyên Tâm* Trần Phương Lan dịch từ bản tiếng Anh, in trong quyển *Chuyện tiền thân Đức Phật*, tập 7.

Phần thứ tư

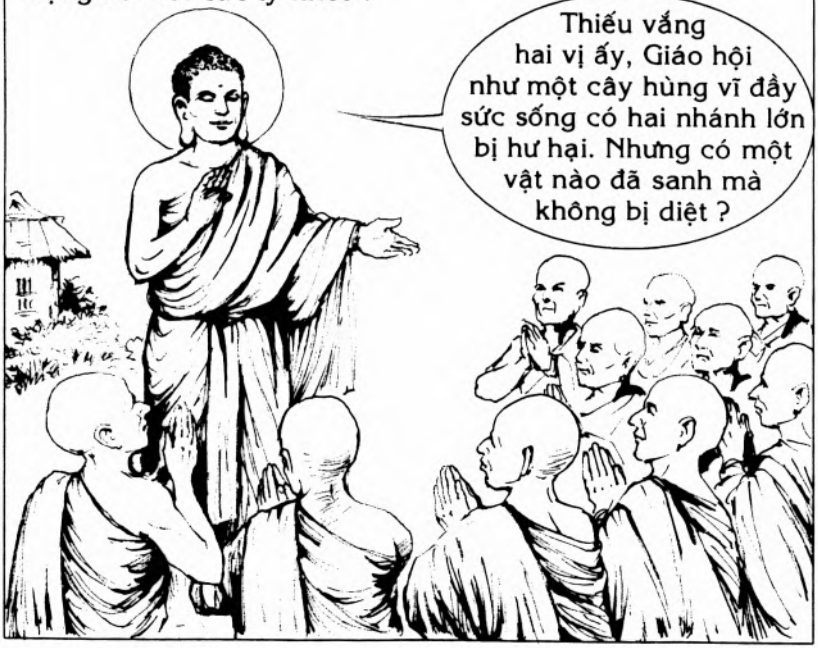
Phật nhập Niết-bàn

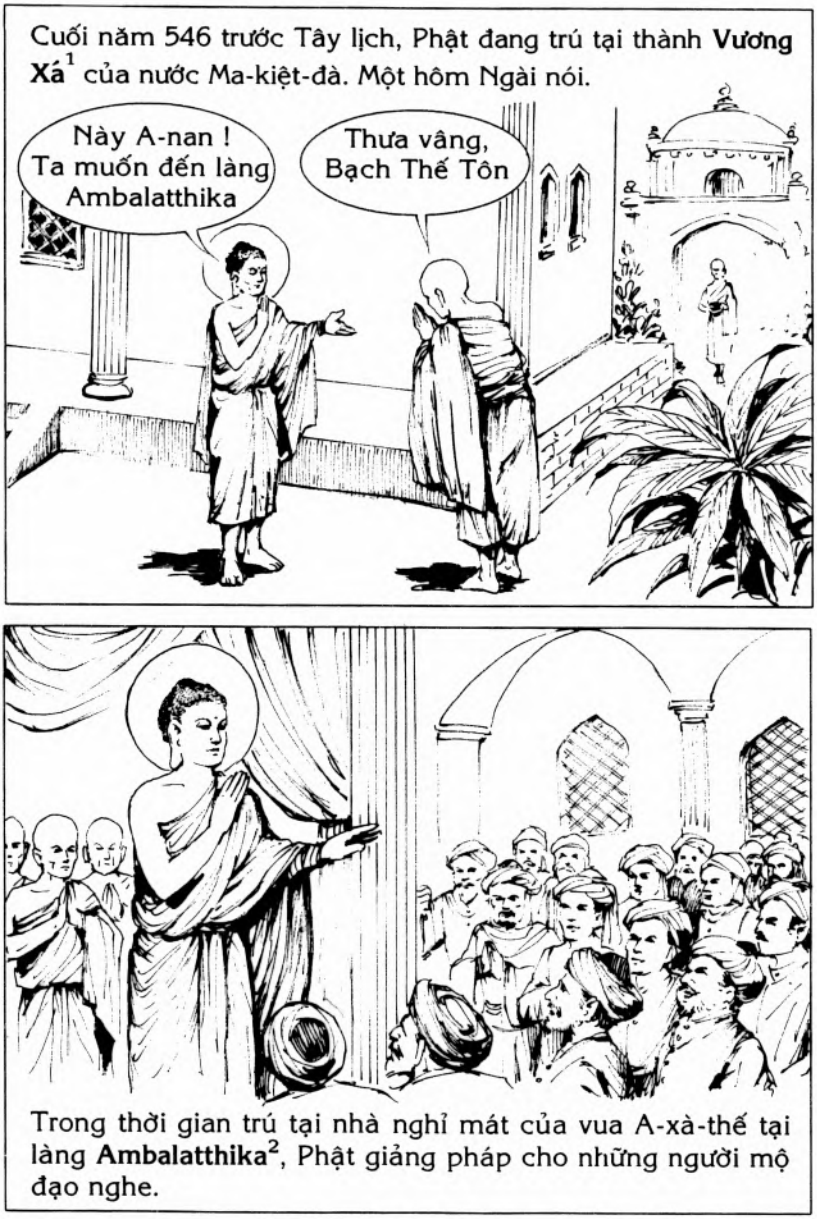
(Năm 544 Tr. Tây lịch)

1. Cuộc hành trình cuối cùng

Mặc dầu có biến cố đẫm máu ở Ca-tỳ-la-vệ, nhưng mùa mưa năm 546 trước Tây lịch, Phật vẫn an cư kiết hạ tại Kỳ Viên, trong thành Xá Vệ, kinh đô nước Kosala của vua Vidudabha. Đó là vì Phật xem chuyện bộ tộc Sakya bị tàn sát là một việc phải trả quả.

Trong lúc an cư tại đây, Phật hay tin Xá-lợi-phất đã mệnh chung hồi năm rồi, tại làng Nalagamaka gần thành Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà, chính đại đức Cunda (em ruột của trưởng lão Xá-lợi-phất) đem các di vật của người quá cố đến và báo cho Phật biết tin này. Rồi vào lúc trời hết mưa, Phật đi về hướng Nam. Khi tới làng Ukhavela bên sông Hằng, Ngài lại được tin Mục-kiền-liên đã bị giết cũng vào năm rồi (năm 547 trước Tây lịch). Phật xúc động nói với các tỷ kheo :



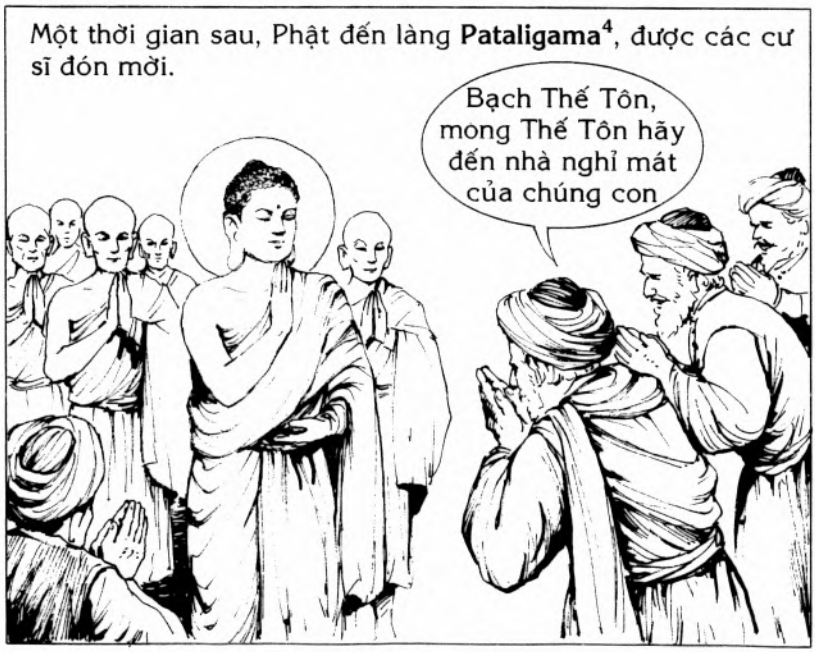


1. Các địa danh in đậm và có số Á-rập kèm theo đều có trong bản đồ 4 "Chuyến đi cuối cùng" trang 414.



Sau đó Phật đến làng **Nalanda**[3], được đón tiếp rất nồng nhiệt.

Một thời gian sau, Phật đến làng **Pataligama**[4], được các cư sĩ đón mời.





Phật im lặng nhận lời mời của các cư sĩ. Họ vội vã đến nhà nghỉ mát, rải cát khắp nền nhà, sắp đặt chỗ ngủ, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu, đèn. Xong, họ đến báo cho Phật hay.



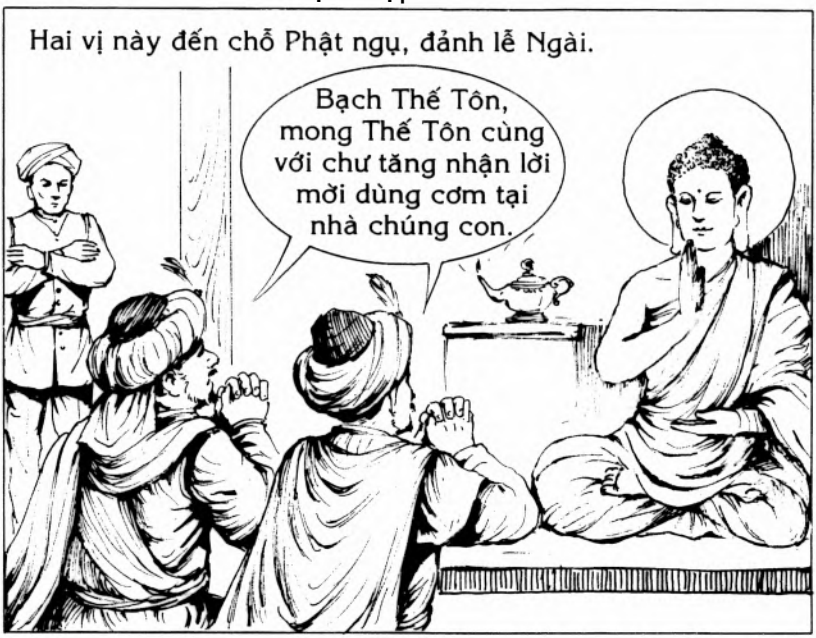
Phật và đại chúng cùng đến đó, rửa chân rồi vào nhà, ngồi xuống. Phật dựa lưng vào cột nhà ở chính giữa, mặt hướng về phía Đông.

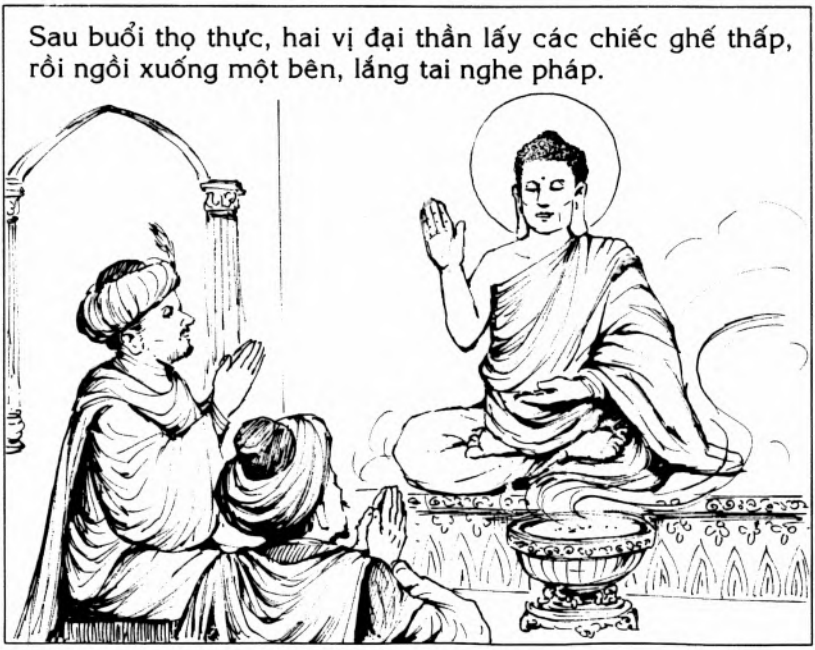
Trong đêm đó, Phật giảng pháp đến khuya rồi mới chịu vào phòng riêng.





Khoảng thời gian ấy, tại vùng đất này có hai vị đại thần của nước Ma-kiệt-đà, tên là Sunidha và Vassakara đang chỉ huy việc đào hào đắp luỹ để ngăn chặn quân Vajji.


Hai vị này đến chỗ Phật ngụ, đảnh lễ Ngài.
Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cùng với chư tăng nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con.


Sau buổi thọ thực, hai vị đại thần lấy các chiếc ghế thấp, rồi ngồi xuống một bên, lắng tai nghe pháp.

Lúc tiễn Phật và chư tăng ra về, hai đại thần đi sau lưng Ngài, nói.

Hôm nay, Thế Tôn đi ra cửa nào thì cửa đó được đặt tên là *cửa Gotama*, đi qua sông bên nào thì bên ấy sẽ được đặt tên là *bến ...sông Gotama*

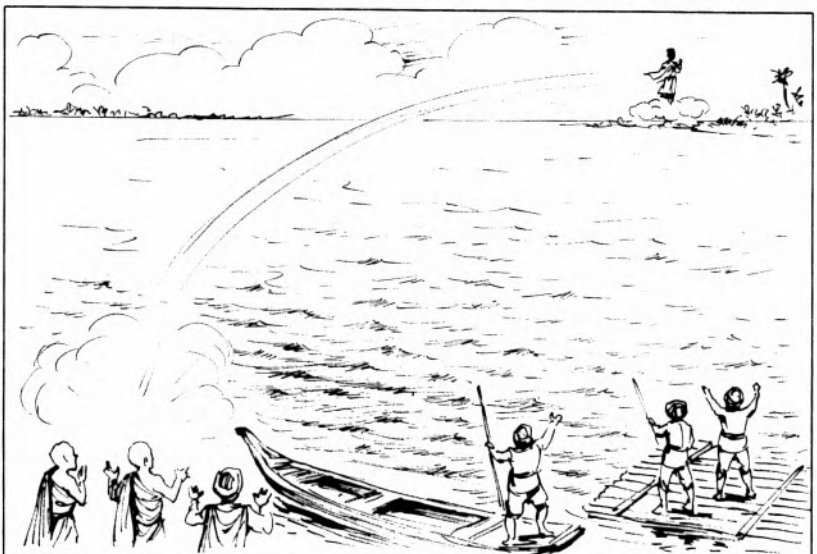


Phật đến **Pataliputta**[5] gần sông Hằng. Vào lúc nước lớn, mặt sông rộng mênh mông.





Lúc đó có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi kết bè để sang sông.



Nhanh như một lực sĩ co cánh tay đang duỗi, Phật biến mất ở bờ bên này và xuất hiện ở bờ bên kia.

Bấy giờ Phật ca ngợi những người xây dựng các cây cầu bắc ngang qua sông.





Sau đó Phật và các tỷ kheo đến làng **Kotigama**[6], trú tại căn nhà gạch ở **Nadika**[7]. Rồi lại đến vườn xoài của bà Ambapali ở **Tỳ-xá-ly**[8].

Lúc ấy bà Ambapali nghe được tin đó, bèn leo lên xe, phóng thật nhanh.



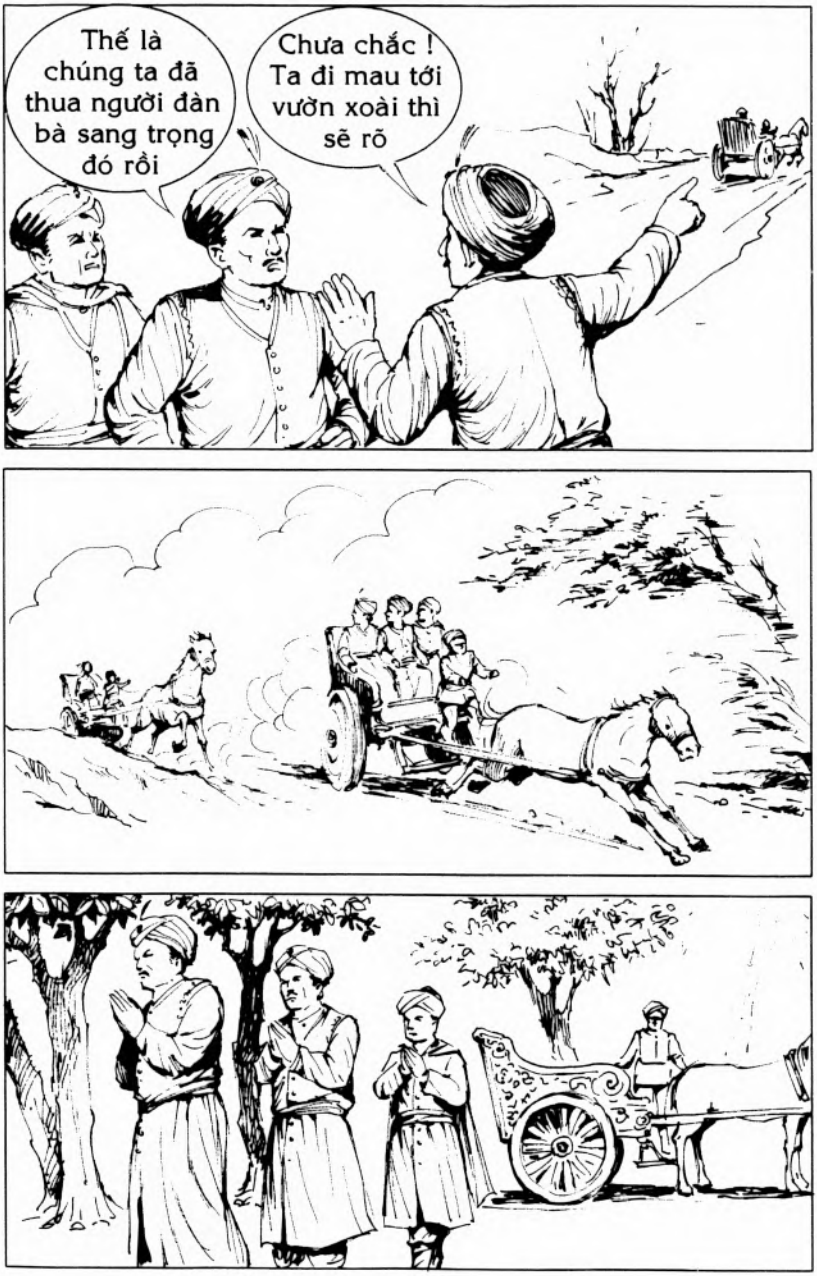


Tới đó bà cho xe chạy tuốt vào vườn rồi xuống xe đi bộ, đến đảnh lễ Phật.



Phật thuyết giảng cho bà nghe. Cuối bài giảng, bà được Phật nhận lời mời dùng cơm vào hôm sau.


Những người Licchavi nghe tin Phật đến nơi này, liền cho cả một đoàn xe chạy như bay tới vườn xoài. Nhưng xe của họ đụng phải xe của bà Ambapali đang trên đường về nhà.
Sao bà đi hấp tấp quá vậy ?
Tại vì Thế Tôn đã nhận lời dùng cơm tại nhà tôi, ngày mai
Nếu bà chịu nhường bữa cúng dường đó cho bọn tôi thì bà có 100.000 đồng
Dầu các công tử có cho tôi cả thành Tỳ-xá-ly cùng với các vùng đất ở ngoại ô, tôi cũng không chịu đổi

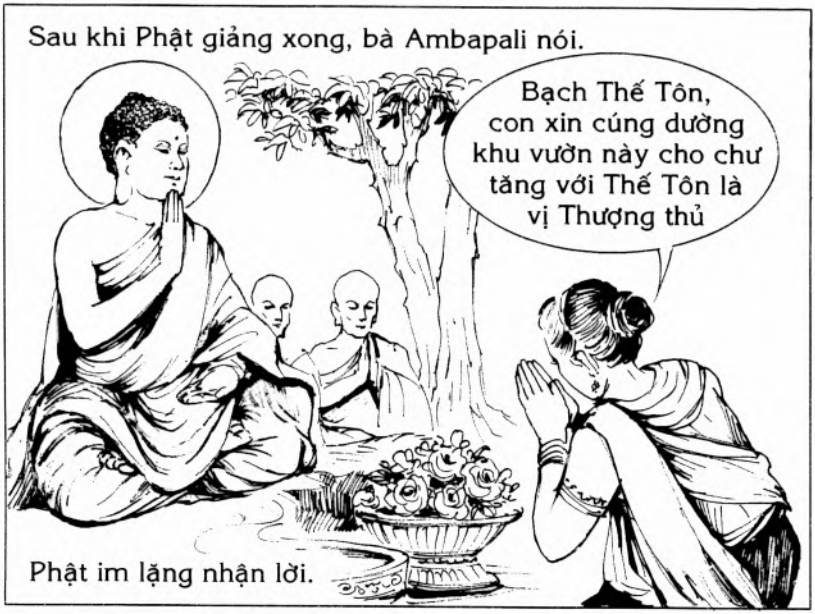

Thế là chúng ta đã thua người đàn bà sang trọng đó rồi
Chưa chắc ! Ta đi mau tới vườn xoài thì sẽ rõ

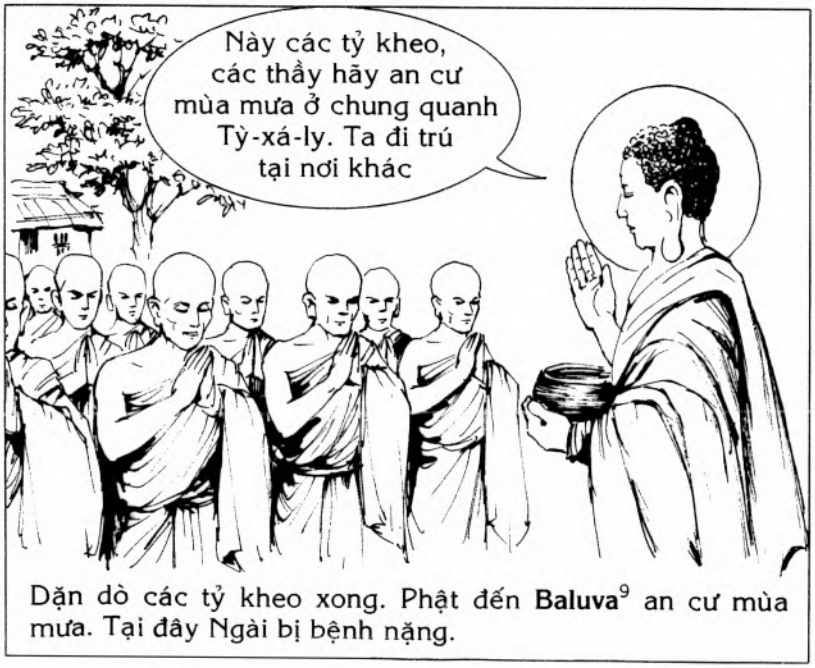


Các hoàng tử Licchavi nói : "Bạch Thế Tôn, vậy mong Thế Tôn đến vào ngày mốt". Phật im lặng nhận lời mời của các hoàng tử.

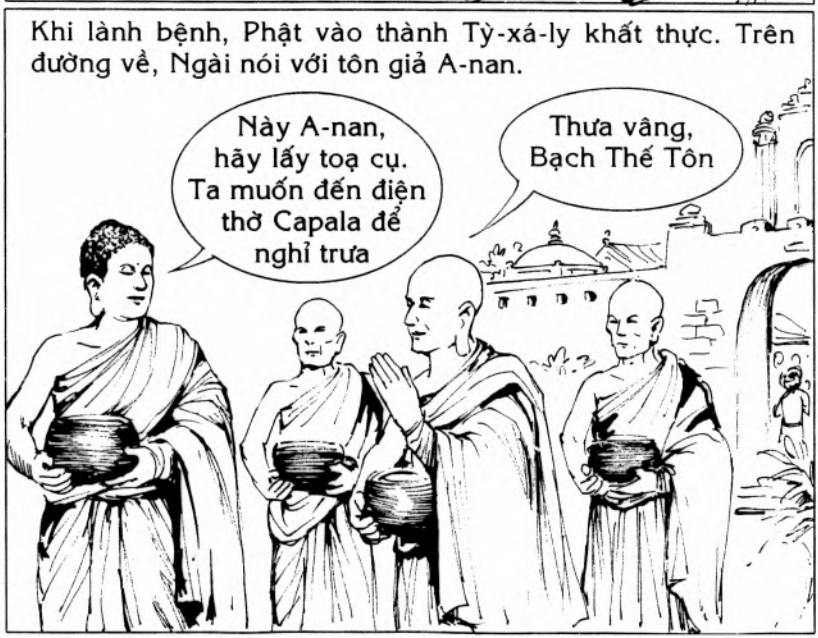


Sáng sớm hôm sau, kỹ nữ Ambapali cho sửa soạn các món ăn hảo hạng tại vườn xoài của bà. Sau khi Phật thọ trai xong, bà ngồi xuống ghế thấp, nghe pháp.


Sau khi Phật giảng xong, bà Ambapali nói.
Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường khu vườn này cho chư tăng với Thế Tôn là vị Thượng thủ
Phật im lặng nhận lời.


Này các tỷ kheo, các thầy hãy an cư mùa mưa ở chung quanh Tỳ-xá-ly. Ta đi trú tại nơi khác
Dặn dò các tỷ kheo xong. Phật đến **Baluva**[9] an cư mùa mưa. Tại đây Ngài bị bệnh nặng.


Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có lời nào với các đệ tử hầu cận. Ta phải nhiếp phục cơn đau này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống


Khi lành bệnh, Phật vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Trên đường về, Ngài nói với tôn giả A-nan.
Này A-nan, hãy lấy toạ cụ. Ta muốn đến điện thờ Capala để nghỉ trưa
Thưa vâng, Bạch Thế Tôn

Tại điện thờ Capala, Phật nói với A-nan :

— *Này A-nan, khả ái thay thành Tỳ-xá-ly ! Khả ái thay, điện thờ Udena ! Khả ái thay điện thờ Gotamaka ! Khả ái thay điện thờ Sattambaka ! Khả ái thay điện thờ Bahuputta ! Khả ái thay điện thờ Sarandada ! Khả ái thay điện thờ Capala. Này A-nan, ai đã tu bốn thần túc*, tu tập nhiều lần thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững... thì nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.*

Này A-nan, Như Lai đã tu được như thế, cho nên nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Thấy Phật bệnh, ông A-nan rất lo lắng, đầu óc ông bối rối, không tìm được lời đối đáp, vì trong thâm tâm, ông không hề nghĩ rằng Đức Thế Tôn lại có thể "diệt độ". Cho nên mặc dầu Phật nhắc lại "các khả ái" và việc "nếu muốn thì có thể sống thêm" tới lần thứ 3, tôn giả A-nan vẫn không nhận ra điều đó !

Thế rồi Phật nói tiếp :

— Này A-nan, bây giờ thầy hãy đi làm các việc của thầy đi !

Khi tôn giả A-nan rời Phật chưa bao lâu thì Ác Ma xuất hiện, nói với Phật :

---

* *Thần túc* : Quyền năng siêu nhiên đi như bay, không bị trở ngại bởi bất cứ việc gì. Đây là một trong sáu pháp thần thông mà sách Phật nói đến.

-- Bạch Thế Tôn, nay đã đến lúc Thế Tôn diệt độ. Vậy thì Thế Tôn hãy diệt độ đi ! Trước đây Thế Tôn đã từng nói : *"Ta sẽ không diệt độ khi nào các tỷ kheo, các tỷ kheo ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ của ta chưa trở thành những đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì chánh pháp và thành tựu chánh pháp."*

Bạch Thế Tôn, hiện nay các tỷ kheo, tỷ kheo ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ của Thế Tôn đều là các đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì chánh pháp và thành tựu chánh pháp rồi. Vậy thì Thế Tôn hãy sớm diệt độ đi !

— Này Ác Ma, ngươi hãy tin rằng : Như Lai sẽ diệt độ. Sau 3 tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ. – Phật nói.





Khi tôn giả A-nan trở lại, Phật nói :

— *Này A-nan, hôm nay, tại đây, tại điện thờ Capala này, Như Lai đã tuyên bố từ bỏ thọ, hành.** *Sau ba tháng nữa Ta sẽ nhập Niết bàn.*

Tôn giả A-nan kinh hãi, nói :

— Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích và hạnh phúc của chúng sanh, vì hạnh phúc và lợi ích của loài Trời và loài Người.

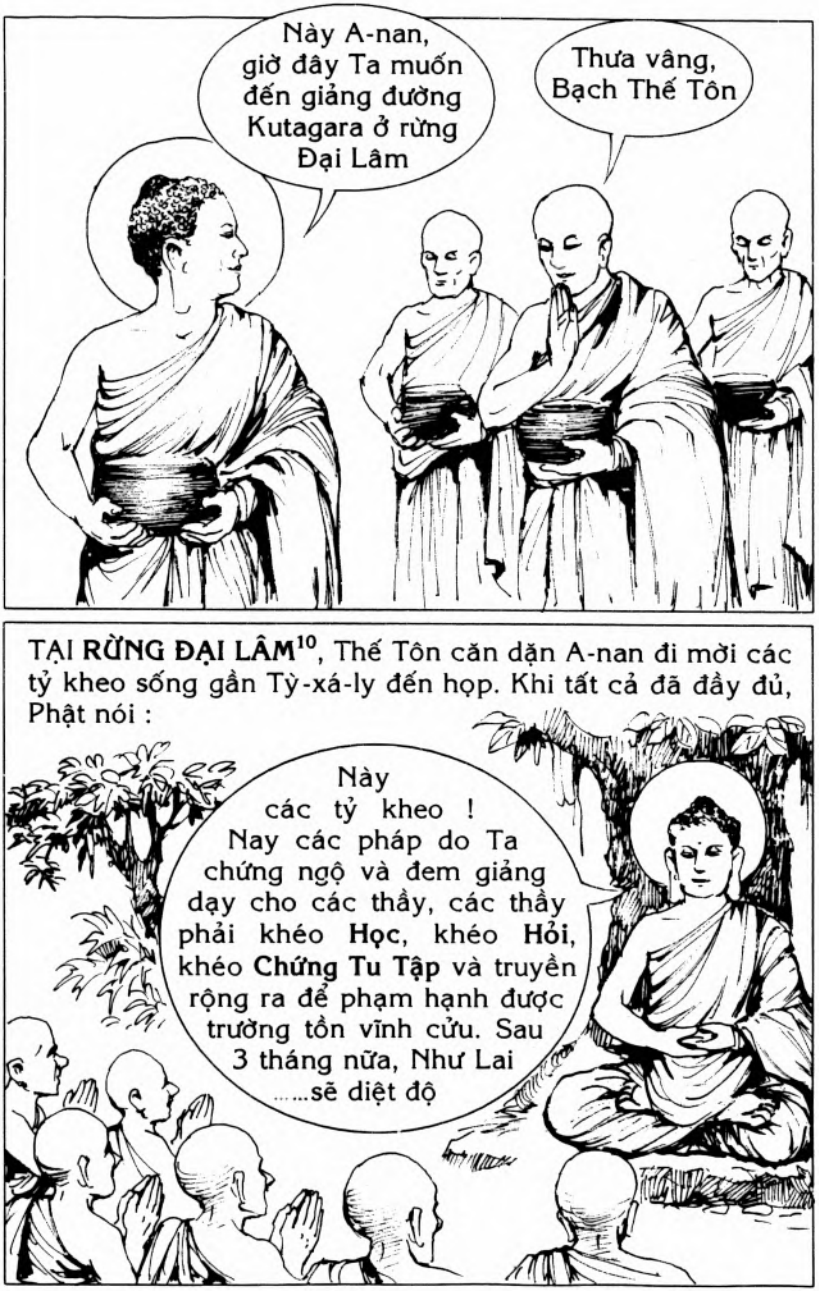
— Thôi đi, này A-nan, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. *Đã trễ rồi.*

Sau khi tôn giả A-nan lặp lại lời cầu xin "Thế Tôn hãy sống thêm" tới lần thứ 3, Phật nói :

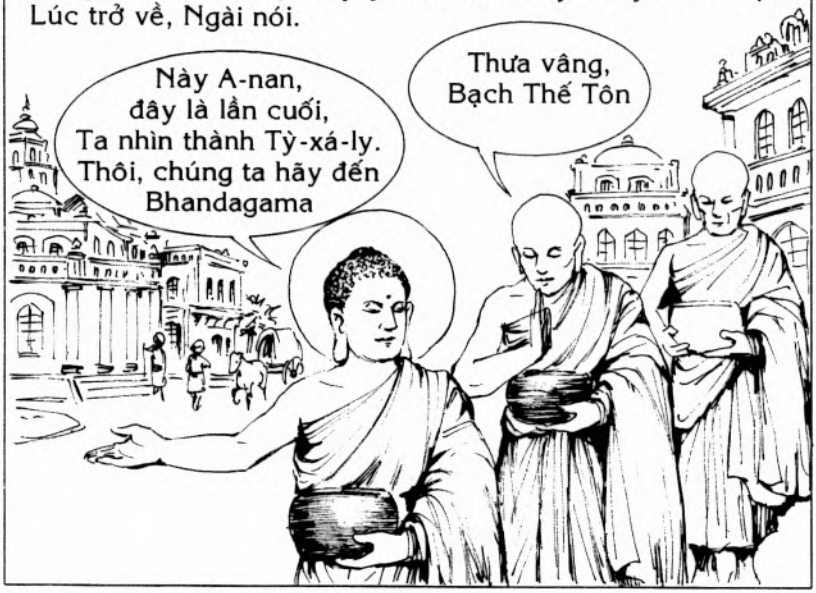
— Này A-nan, sao thầy làm phiền Như Lai nhiều quá vậy ? Trước đây Như Lai đã gợi ý đến 3 lần mà thầy không nhận thấy. Lúc đó, nếu thầy nói lên lời thỉnh cầu 3 lần thì có thể Như Lai sẽ nhận lời rồi. Nay, Như Lai đã nói một cách dứt khoát rằng : *"Như Lai sẽ diệt độ sau 3 tháng bắt đầu từ hôm nay"* thì có lý đâu Như Lai lại phản lại lời tuyên bố của mình ?

---

* Không duy trì mạng sống nữa.


Này A-nan, giờ đây Ta muốn đến giảng đường Kutagara ở rừng Đại Lâm
Thưa vâng, Bạch Thế Tôn
TẠI **RỪNG ĐẠI LÂM**[10], Thế Tôn căn dặn A-nan đi mời các tỷ kheo sống gần Tỳ-xá-ly đến họp. Khi tất cả đã đầy đủ, Phật nói :
Này các tỷ kheo ! Nay các pháp do Ta chứng ngộ và đem giảng dạy cho các thầy, các thầy phải khéo **Học**, khéo **Hỏi**, khéo **Chứng Tu Tập** và truyền rộng ra để phạm hạnh được trường tồn vĩnh cửu. Sau 3 tháng nữa, Như Lai .....sẽ diệt độ

Sáng hôm sau, Phật đắp y vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Lúc trở về, Ngài nói.

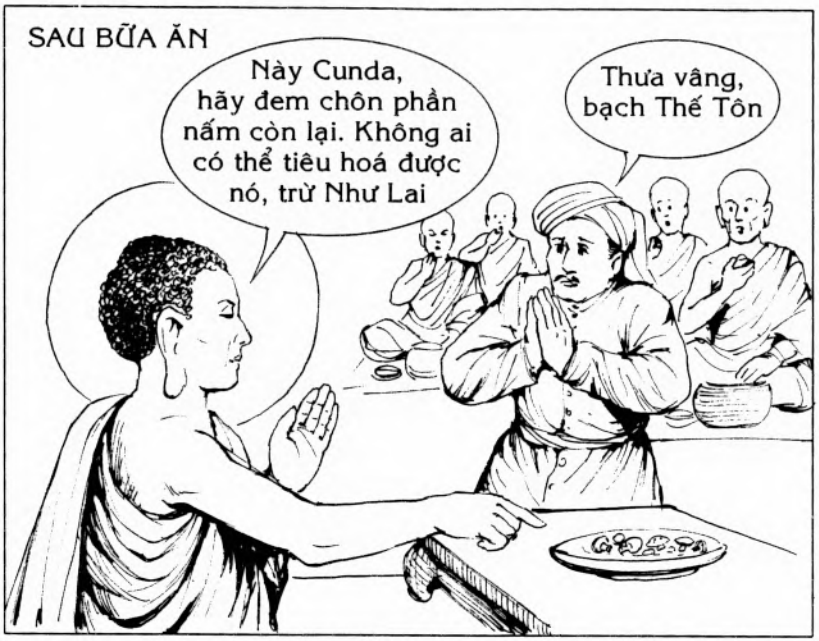


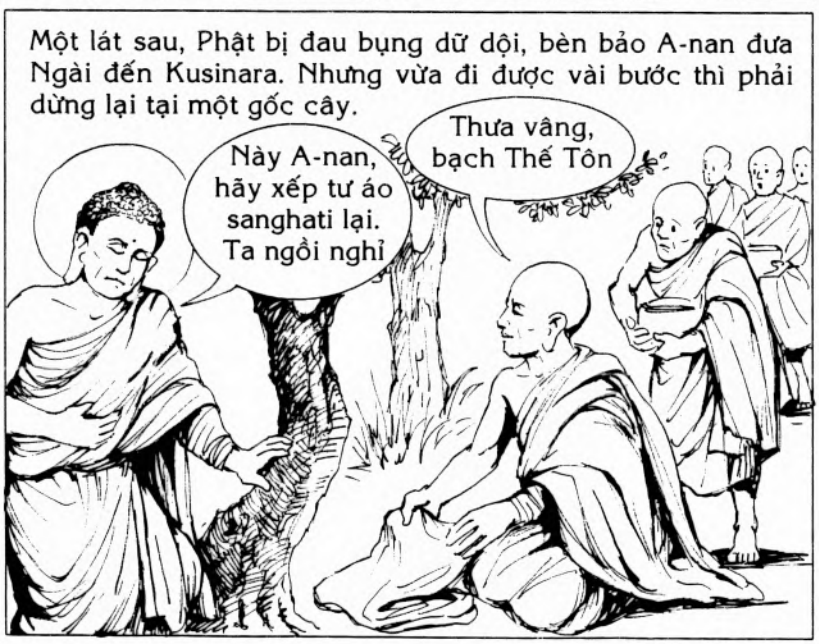


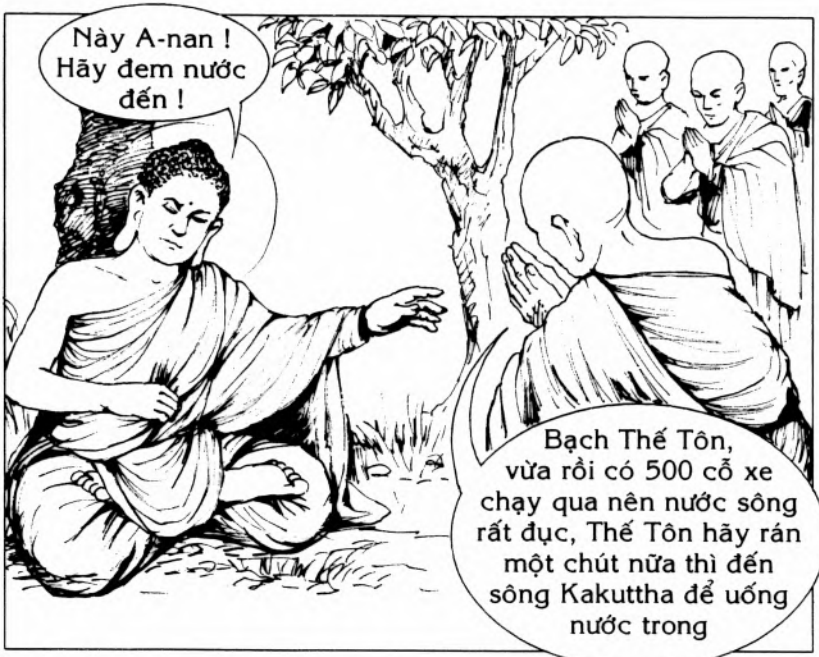
Phật thuyết pháp tại **Bhandagama**[11] một thời gian rồi đến **Hatthigam**[12], **Ambagama**[13], **Jambugama**[14] và **Bhoganagara**[15]. Sau đó Phật đến **Pava**[16] trong vườn xoài của người thợ rèn Cunda.

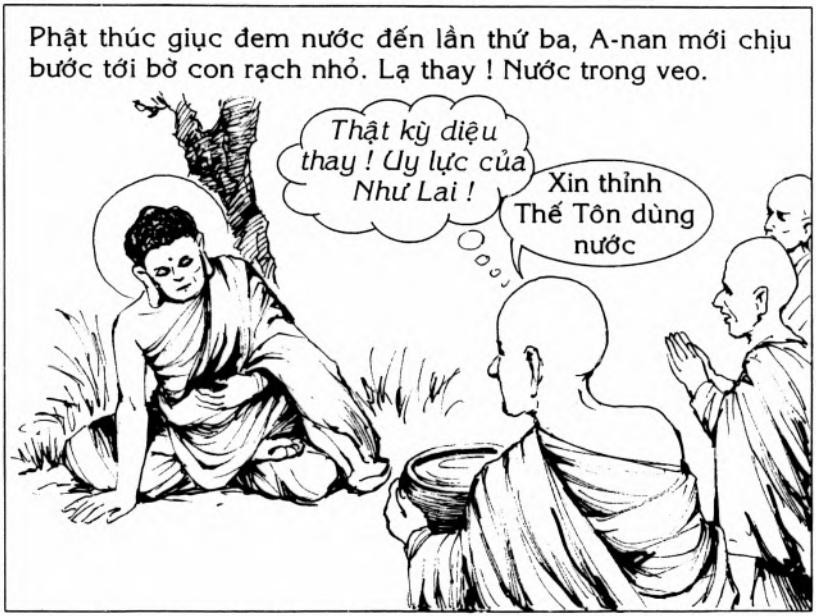
2. Dĩa nấm độc


Trong bữa cơm do người thợ rèn khoản đãi có một món nấm độc mà ông ta không biết.
Này Cunda, món nấm này đã được làm xong. Hãy dành riêng cho Ta. Còn các món khác thì đãi các tỷ kheo
Thưa vâng, bạch Thế Tôn


SAU BỮA ĂN
Này Cunda, hãy đem chôn phần nấm còn lại. Không ai có thể tiêu hoá được nó, trừ Như Lai
Thưa vâng, bạch Thế Tôn

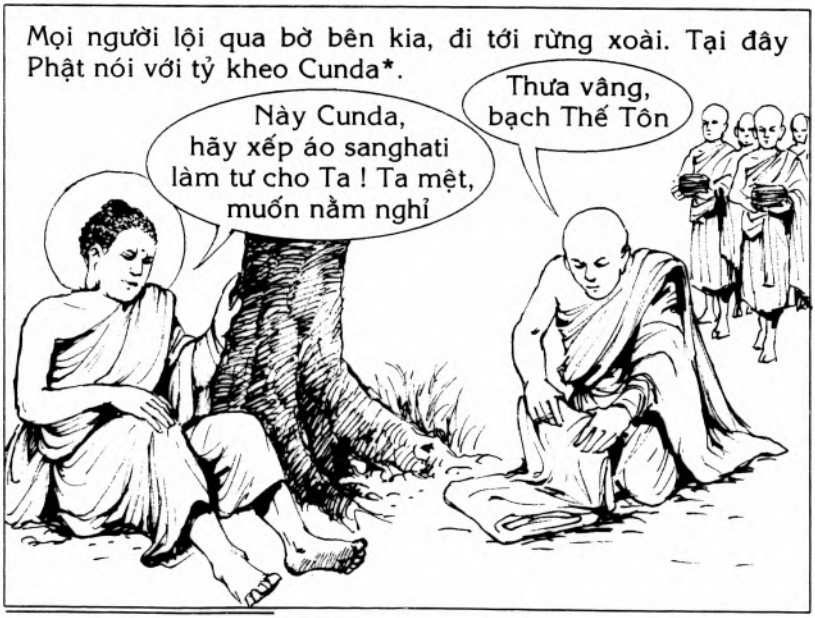

Một lát sau, Phật bị đau bụng dữ dội, bèn bảo A-nan đưa Ngài đến Kusinara. Nhưng vừa đi được vài bước thì phải dừng lại tại một gốc cây.
Này A-nan, hãy xếp tư áo sanghati lại. Ta ngồi nghỉ
Thưa vâng, bạch Thế Tôn


Này A-nan ! Hãy đem nước đến !
Bạch Thế Tôn, vừa rồi có 500 cỗ xe chạy qua nên nước sông rất đục, Thế Tôn hãy ráng một chút nữa thì đến sông Kakuttha để uống nước trong

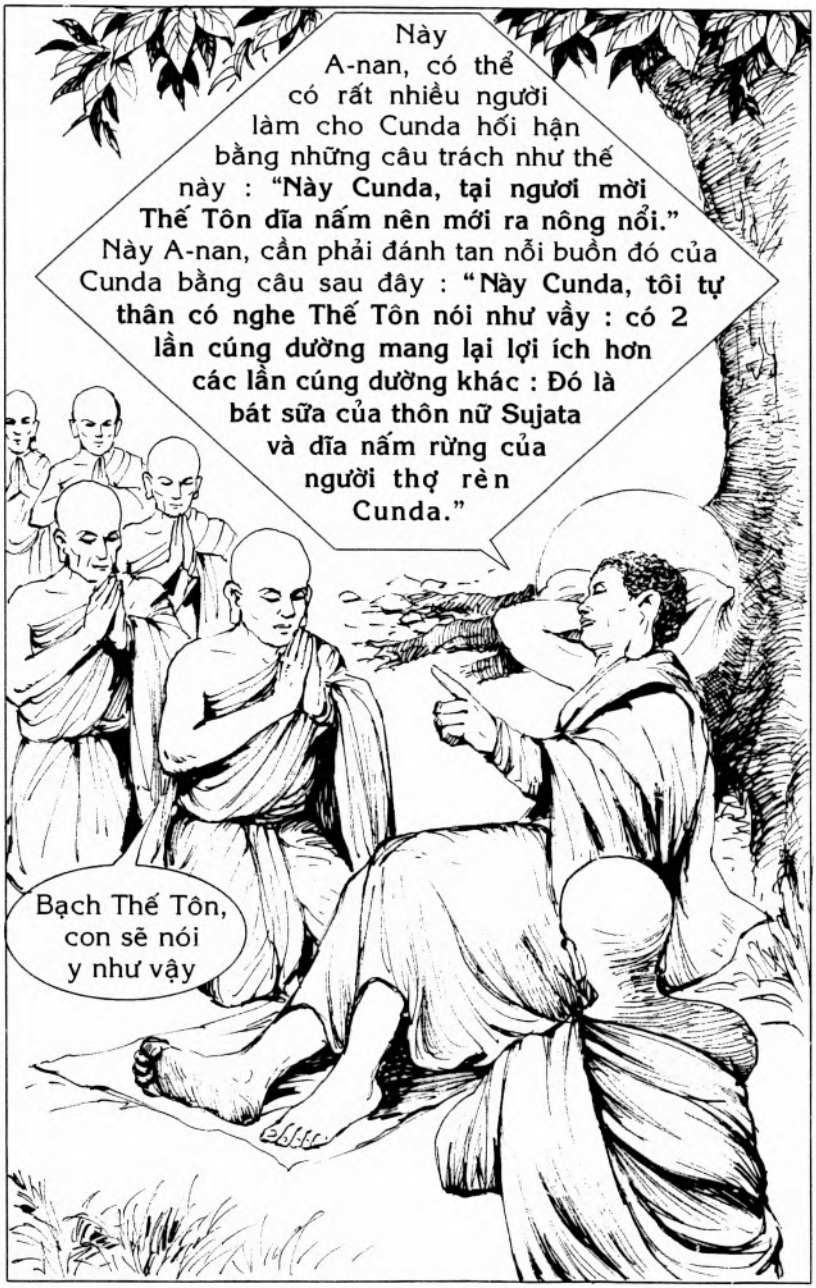

Phật thúc giục đem nước đến lần thứ ba, A-nan mới chịu bước tới bờ con rạch nhỏ. Lạ thay ! Nước trong veo.
Thật kỳ diệu thay ! Uy lực của Như Lai !
Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước

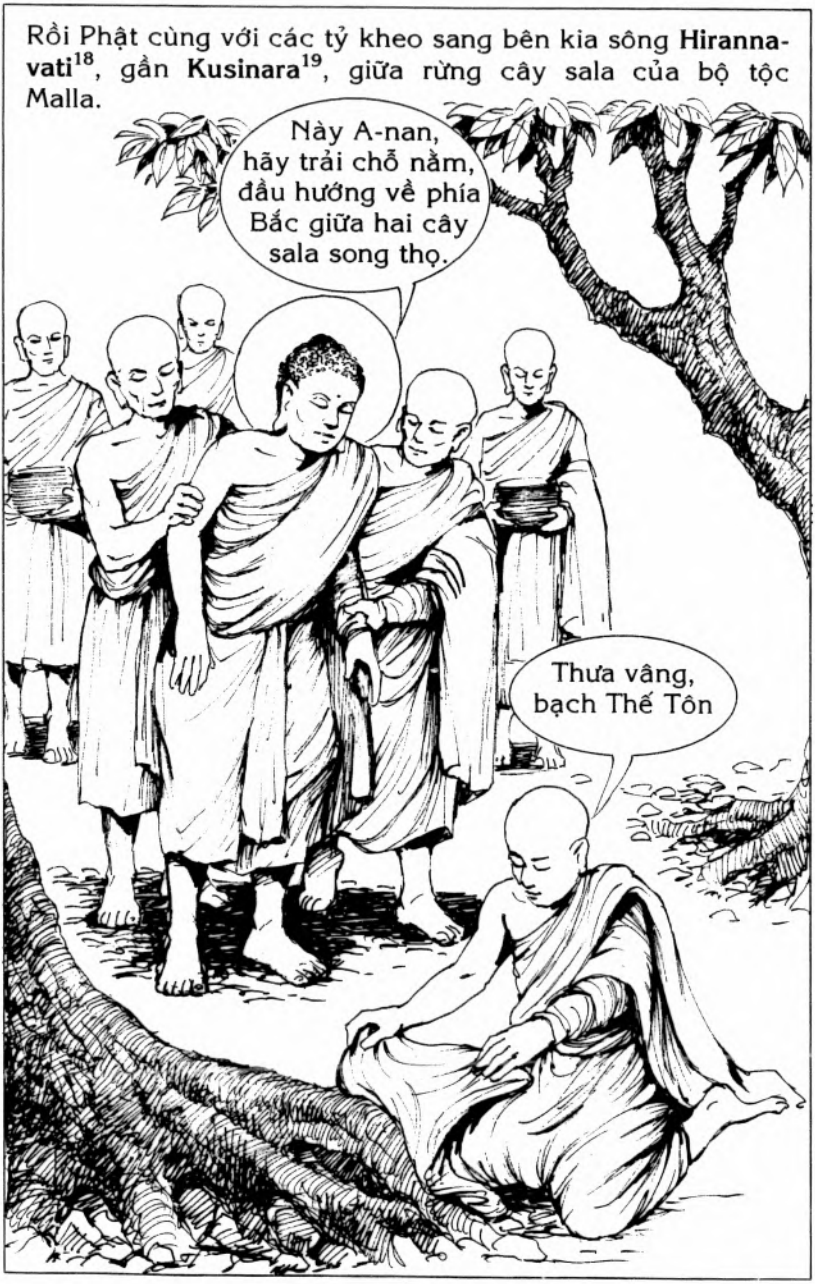


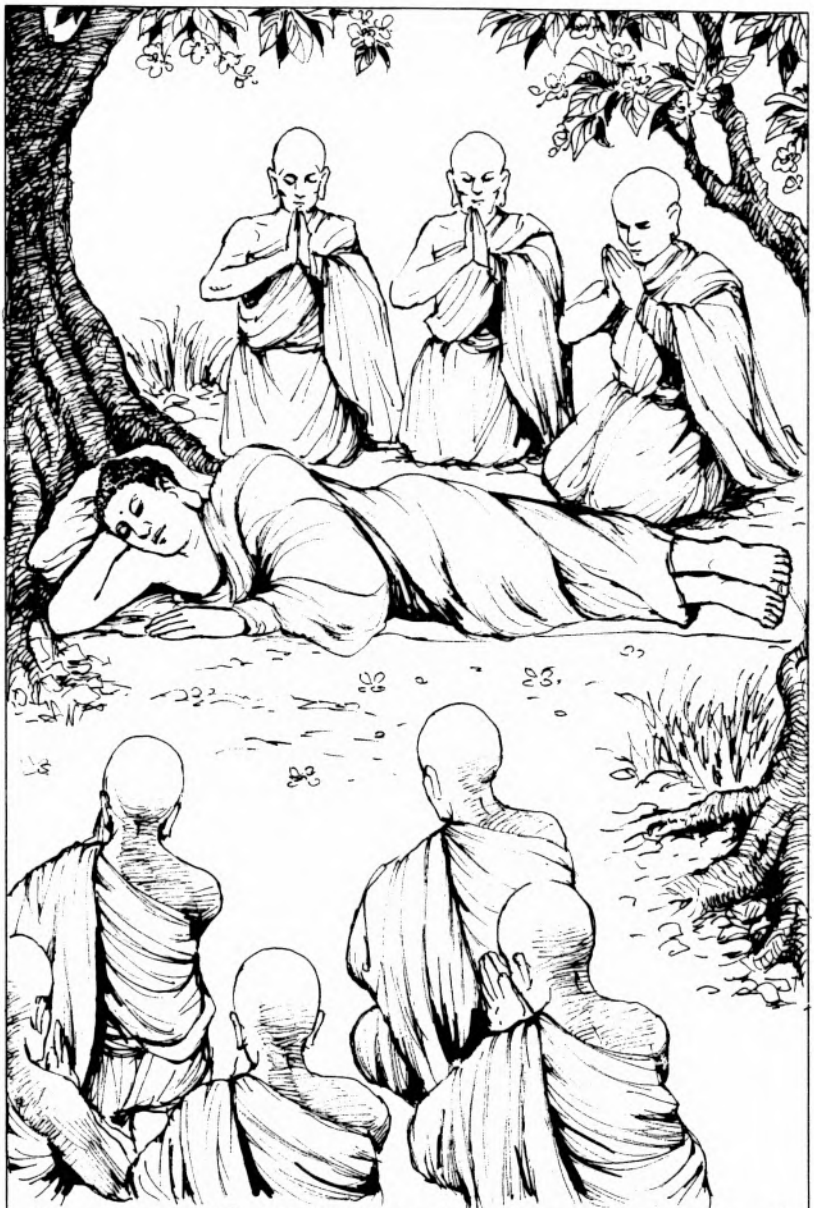
Sau đó Phật cùng với các tỷ kheo đến sông **Kakuttha**[17], xuống tắm và uống nước.



* Em ruột của trưởng lão Xá-lợi-phất.

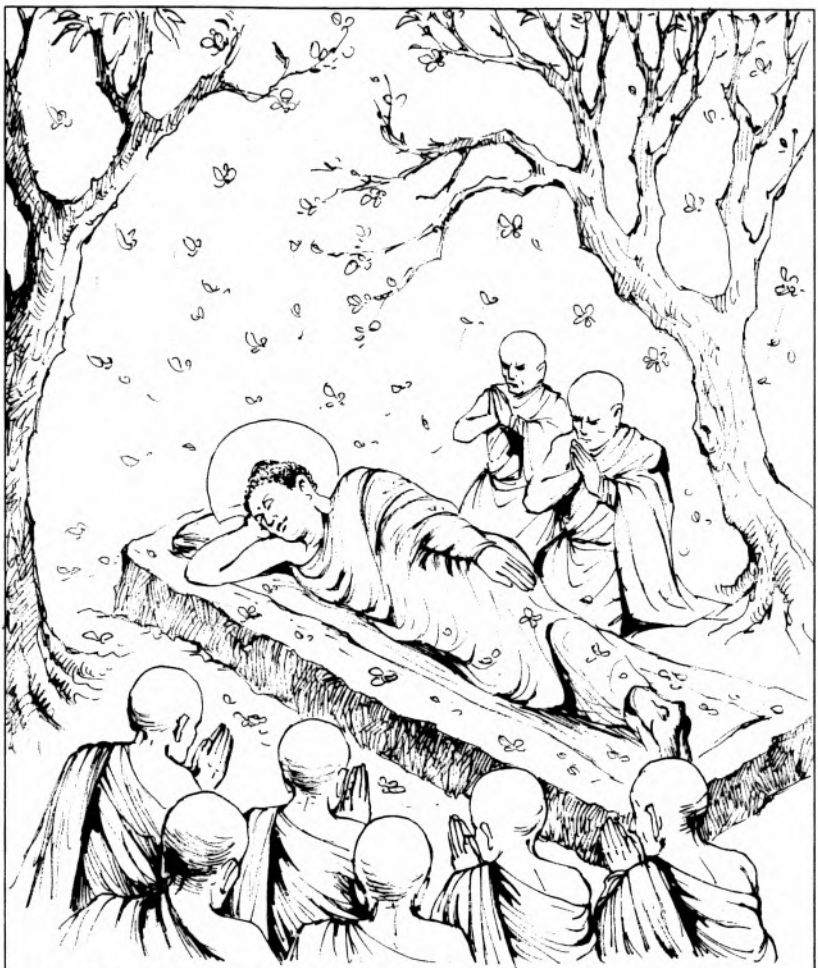

Này A-nan, có thể có rất nhiều người làm cho Cunda hối hận bằng những câu trách như thế này : "Này Cunda, tại ngươi mời Thế Tôn dĩa nấm nên mới ra nông nổi." Này A-nan, cần phải đánh tan nỗi buồn đó của Cunda bằng câu sau đây : "Này Cunda, tôi tự thân có nghe Thế Tôn nói như vầy : có 2 lần cúng dường mang lại lợi ích hơn các lần cúng dường khác : Đó là bát sữa của thôn nữ Sujata và dĩa nấm rừng của người thợ rèn Cunda."
Bạch Thế Tôn, con sẽ nói y như vậy


Rồi Phật cùng với các tỷ kheo sang bên kia sông **Hiranna-vati**[18], gần **Kusinara**[19], giữa rừng cây sala của bộ tộc Malla.
Này A-nan, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sala song thọ.
Thưa vâng, bạch Thế Tôn



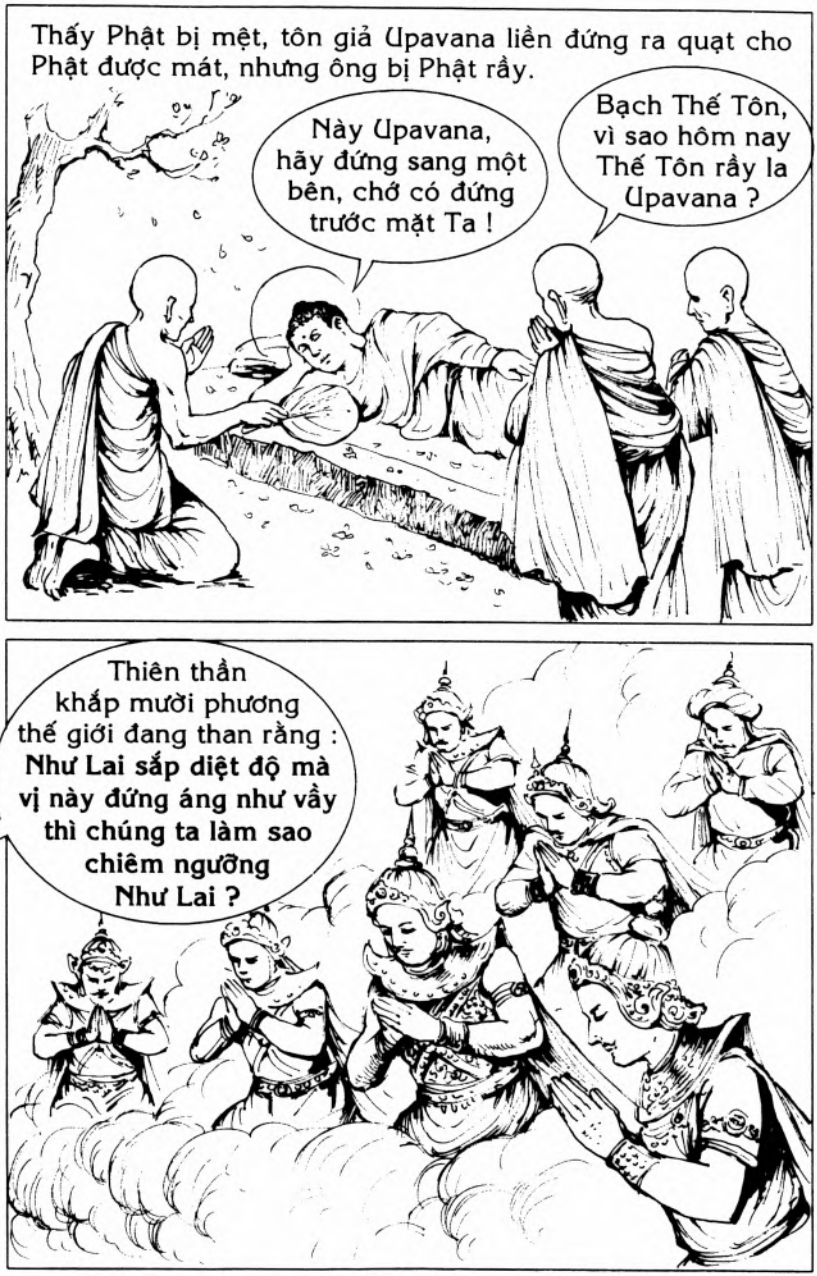
A-nan soạn chỗ như lời Phật dạy. Phật nằm nghiêng về phía bên phải, hai chân để lên nhau.

3. Phật nhập Niết bàn



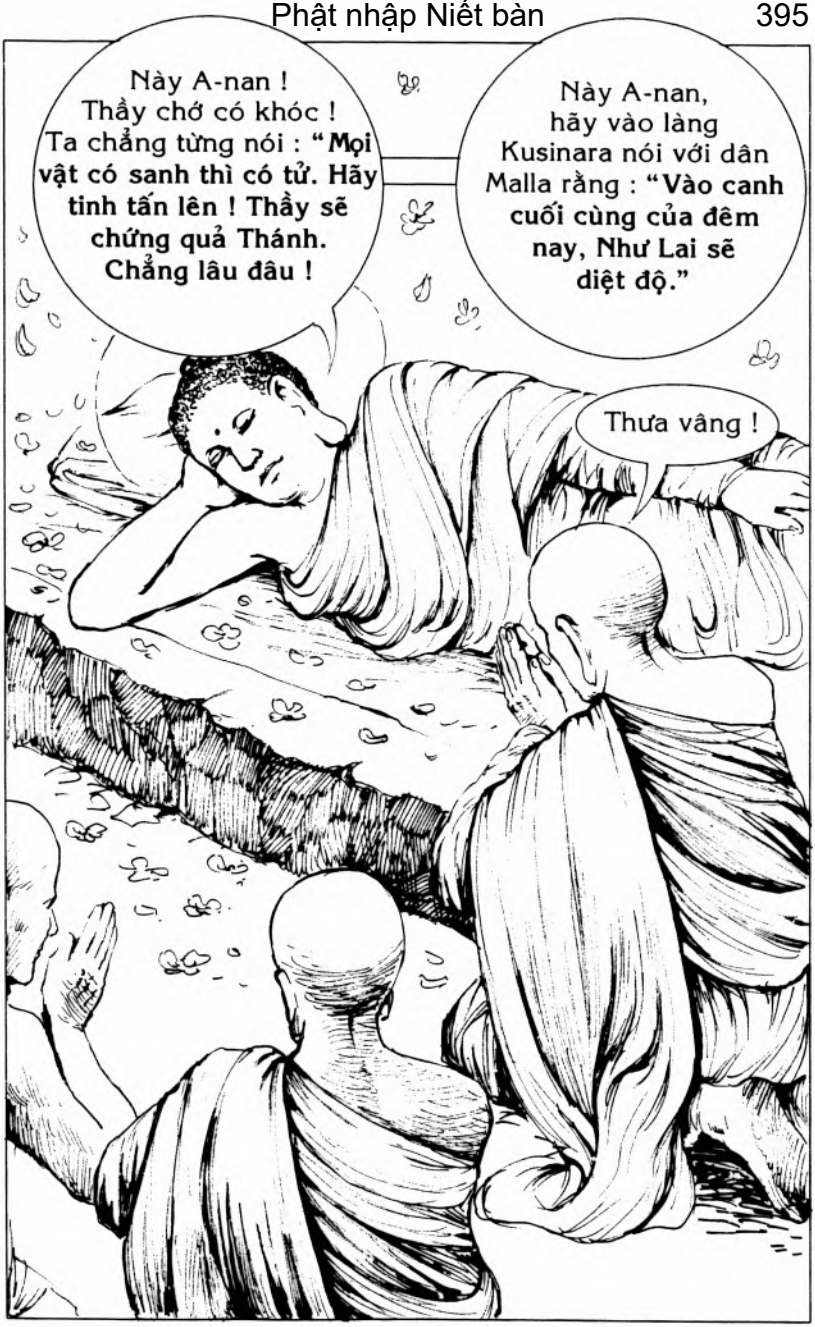
Lúc bấy giờ cây sala song thọ trổ hoa trái mùa*. Hoa rơi rụng, gieo trên thân Như Lai như để cúng dường Ngài.

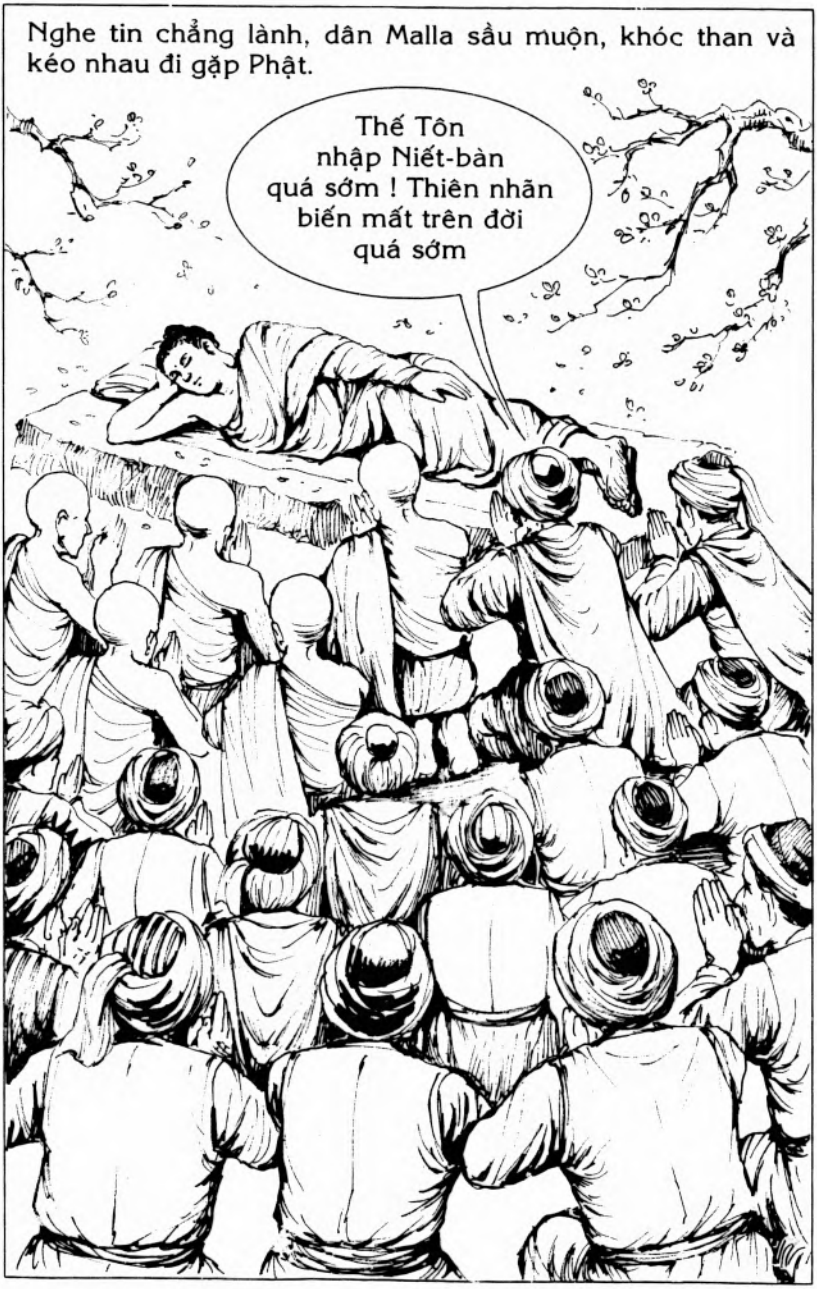
* Cây sala song thọ trổ hoa trái mùa tức là vào khoảng tháng 2 âm lịch.

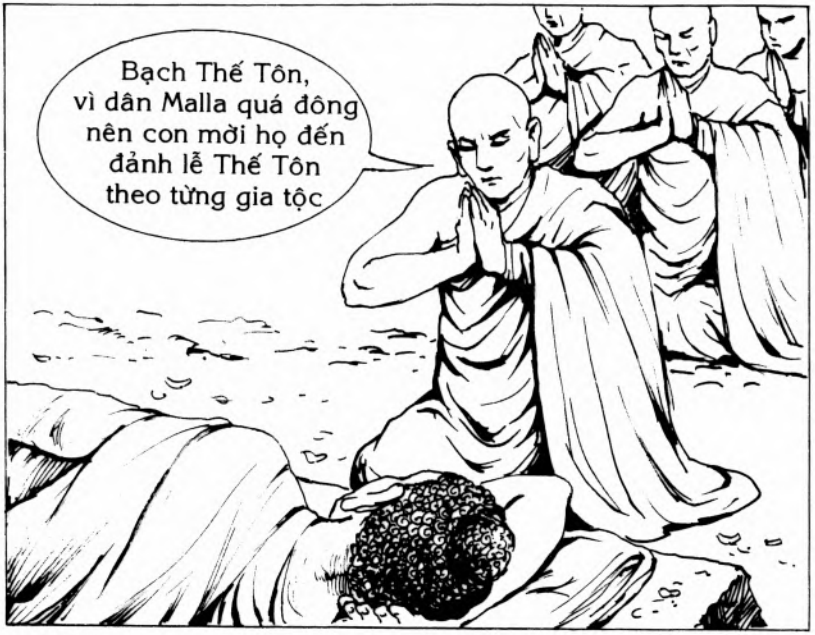

Thấy Phật bị mệt, tôn giả Upavana liền đứng ra quạt cho Phật được mát, nhưng ông bị Phật rầy.
Này Upavana, hãy đứng sang một bên, chớ có đứng trước mặt Ta !
Bạch Thế Tôn, vì sao hôm nay Thế Tôn rầy la Upavana ?
Thiên thần khắp mười phương thế giới đang than rằng : **Như Lai sắp diệt độ mà vị này đứng áng như vầy thì chúng ta làm sao chiêm ngưỡng Như Lai ?**



* Các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất lai là những quả vị *hữu học*, nghĩa là người đã chứng ba quả đó còn phải học, phải tu dưỡng liên tục.

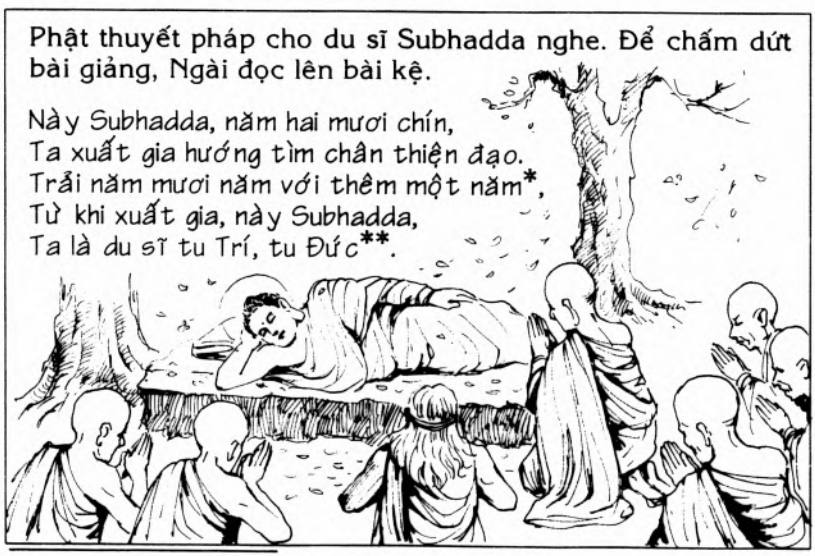

Này A-nan !
Thầy chớ có khóc !
Ta chẳng từng nói : "Mọi vật có sanh thì có tử. Hãy tinh tấn lên ! Thầy sẽ chứng quả Thánh. Chẳng lâu đâu !
Này A-nan, hãy vào làng Kusinara nói với dân Malla rằng : "Vào canh cuối cùng của đêm nay, Như Lai sẽ diệt độ."
Thưa vâng !


Nghe tin chẳng lành, dân Malla sầu muộn, khóc than và kéo nhau đi gặp Phật.
Thế Tôn nhập Niết-bàn quá sớm ! Thiên nhãn biến mất trên đời quá sớm


Bạch Thế Tôn, vì dân Malla quá đông nên con mời họ đến đảnh lễ Thế Tôn theo từng gia tộc


Lúc bấy giờ du sĩ ngoại đạo Subhadda (ở tại Kusinara) nghe tin Phật sắp diệt độ thì liền chạy đến.
Hiền giả A-nan, xin cho tôi được yết kiến Thế Tôn
Thế Tôn đang mệt, không vào được



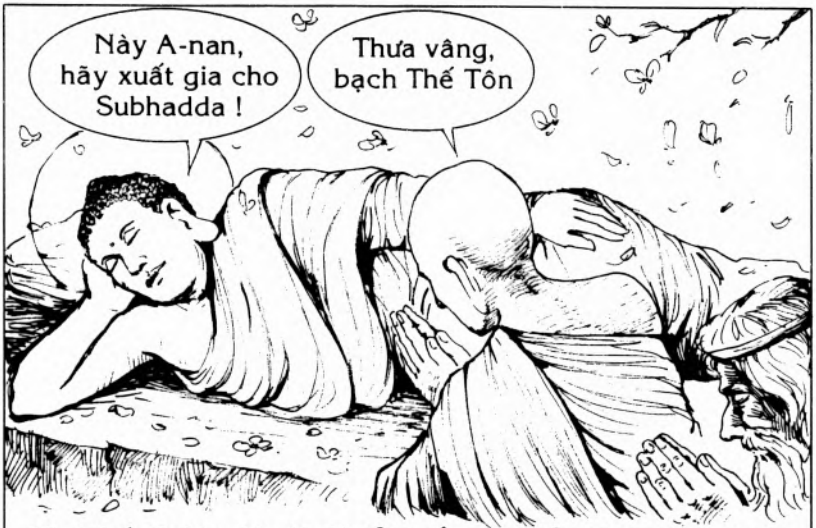


* Phật xuất gia năm 29 tuổi. Tu khổ hạnh 6 năm. Đắc đạo năm 35 tuổi. Đi giảng đạo khắp vùng Đông Bắc Ấn trong **45 năm,** và nhập diệt lúc 80 tuổi. Về thời gian Phật dạy đạo, có vài sách ghi là **49 năm.** Sự sai biệt này có lẽ do cách tính lịch xưa và "lịch Tây". Hy vọng một ngày nào đó sẽ có các học giả giải rõ ràng chi tiết này.

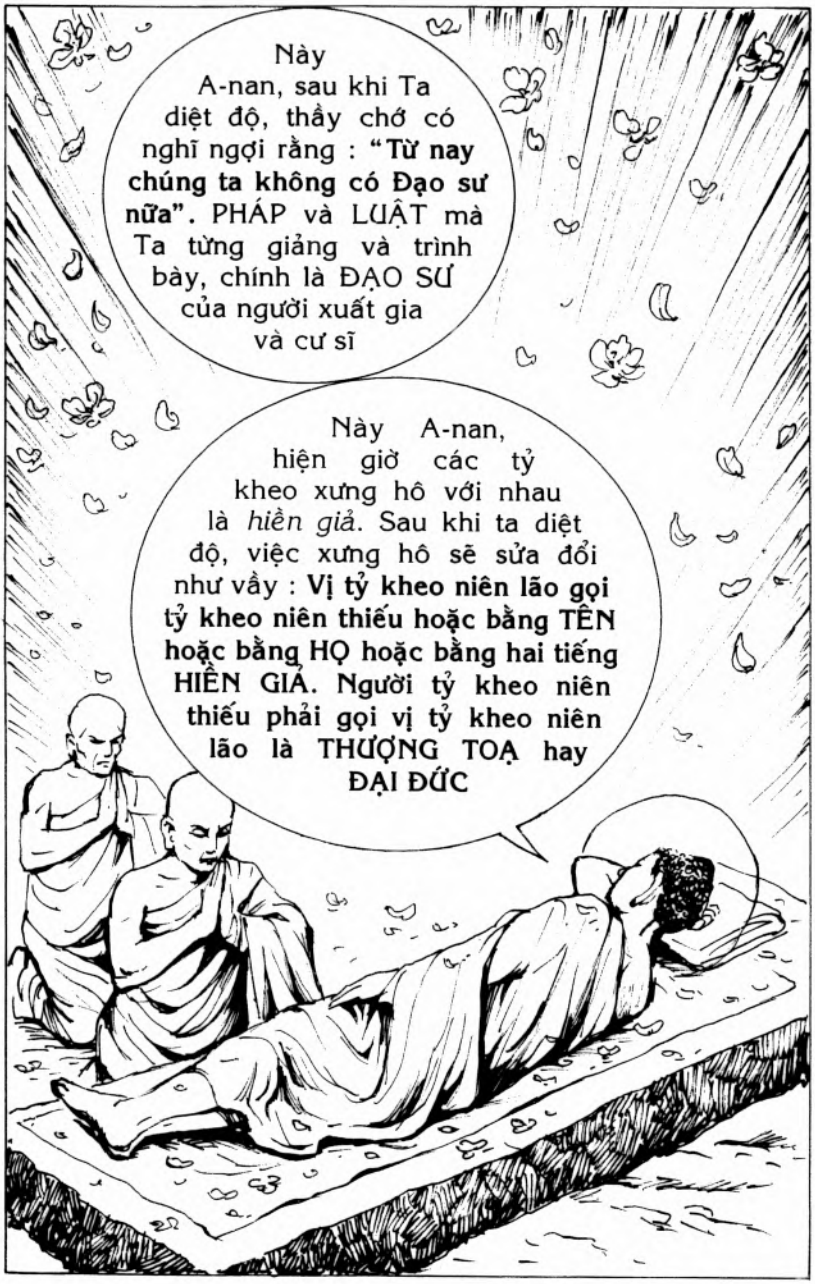
** Bài kệ này trích trong Kinh Trường Bộ.



Theo luật, du sĩ ngoại đạo phải trải qua 4 tháng thử thách và phải được tăng chúng chấp thuận thì mới được thọ giới tỷ kheo, nhưng vì thời gian gấp rút nên Phật đã đặc cách cho Subhadda.



Như thế, **Subhadda là đệ tử cuối cùng của Phật** trong kiếp cuối cùng của Ngài. Một thời gian sau, Subhadda đắc quả A-la-hán.


Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, thầy chớ có nghĩ ngợi rằng : **"Từ nay chúng ta không có Đạo sư nữa"**. PHÁP và LUẬT mà Ta từng giảng và trình bày, chính là ĐẠO SƯ của người xuất gia và cư sĩ
Này A-nan, hiện giờ các tỷ kheo xưng hô với nhau là *hiền giả*. Sau khi ta diệt độ, việc xưng hô sẽ sửa đổi như vầy : **Vị tỷ kheo niên lão gọi tỷ kheo niên thiếu hoặc bằng TÊN hoặc bằng HỌ hoặc bằng hai tiếng HIỀN GIẢ. Người tỷ kheo niên thiếu phải gọi vị tỷ kheo niên lão là THƯỢNG TOẠ hay ĐẠI ĐỨC**



* Channa là tên của người đánh xe cho Thái tử Tất Đạt Đa thuở xưa. Từ khi quy y, ông này nhập với 5 tỷ kheo khác thành "nhóm 6 tỷ kheo ưa tranh cãi". Sau lúc bị "tẩy chay", Channa tỉnh ngộ, siêng năng tu hành, cuối cùng cũng được chứng quả A-la-hán. Channa có nghĩa là *tham muốn dục lạc*, dịch âm là Xa-nặc.


Cứ để cho
Xa nặc muốn nói
gì thì nói, các tỷ kheo
SẼ KHÔNG NÓI, KHÔNG
GIẢNG DẠY, KHÔNG
GIÁO GIỚI tỷ kheo
Xa-nặc



Phật nhắc lại câu đó 3 lần. Tất cả mọi người đều im lặng.


Này các tỷ kheo, nay có vị nào vì lòng kính trọng Như Lai mà không hỏi thì hãy hỏi bạn đồng tu của mình đi !
Lại im lặng.


NÀY CÁC TỶ KHEO,
NAY TA KHUYÊN CÁC THẦY :
CÁC PHÁP HỮU VI LÀ VÔ THƯỜNG.
HÃY TINH TẤN ! CHỚ CÓ
PHÓNG DẬT !
Đó là những lời cuối cùng của bậc Đạo sư.

4. Lễ trà tỳ

Khi Thế Tôn diệt độ

1. Phạm thiên Sahampati thốt lên bài kệ này :

Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ thân ngũ uẩn.
Bậc Đạo sư cũng vậy,
Đấng Tuyệt luân trên đời.
Bậc Đại hùng Giác ngộ,
Như Lai đã diệt độ.

2. Thiên chủ Sakka thốt lên bài kệ này :

Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt.
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.

3. Tôn giả A-na-luật thốt lên bài kệ này :

Không phải thở ra vào.
Chánh tâm trú chánh định.
Không tham ái tịch tịnh,
Tu sĩ hướng diệt độ.
Chánh tâm tịnh bất động,
Nhẫn chịu mọi cảm thọ,
Như đèn sáng bị tắt,
Tâm giải thoát hoàn toàn.

4. Tôn giả A-nan thốt lên bài kệ này :

Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật rầu tóc dựng ngược,
Khi Bậc Toàn thiện năng,
Bậc Giác ngộ nhập diệt.

Các tỷ kheo chưa giải thoát tham ái : có người thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có người nằm lăn lộn ở dưới đất, trong khi đó, các tỷ kheo đã diệt trừ tham ái thì an trú chánh niệm, nhẫn nại suy tư : *"Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện này ?"*

Lúc bấy giờ tôn giả A-na-luật nói với các tỷ kheo :

— Thôi chớ có khóc than nữa ! Thế Tôn đã chẳng từng nói : **"Mọi vật có sanh thì có diệt."** Hiền giả A-nan, hãy vào làng Kusinara báo tin đi !

Sáng hôm sau, dân Malla tiếp đón A-nan rồi ra lệnh cho các nô lệ của họ.







1. Người có "thiên nhãn đệ nhất". Xin xem phần Thập Đại Đệ Tử của Đức Phật.



Sau khi quấn tròn thân Thế Tôn bằng vải mới, rồi kế đến là vải gai, người ta đặt thân Thế Tôn trên giàn hoả tại ngã tư đường.



Lại nói về trưởng lão Đại Ca-diếp đang trên đường từ Pava tới Kusinara cùng với 500 tỷ kheo. Dọc đường ngài ngồi nghỉ dưới một gốc cây.

Lúc đó có một ngoại đạo cầm một "cánh hoa trái mùa" ở Kusinara và đang trên đường đến Pava. Đại Ca-diếp hỏi.



Trong lúc các tỷ kheo khóc than thì tỷ kheo Subhadda nói tỏ ý vui mừng, vì từ nay ông không còn bị sa môn Gotama ràng buộc nữa. Trưởng lão Đại Ca-diếp nghe rõ cả nhưng ngài làm thinh, chỉ thúc hối mọi người nhanh chân đi đến Kusinara.



Trong khi đó, tại rừng cây sala, BỐN vị tộc trưởng Malla cầm đuốc châm vào dàn hoả, họ hỏi tôn giả A-na-luật.



Vừa khi đó Đại Ca-diếp và 500 tỷ kheo đến nơi. Lúc phái đoàn này đảnh lễ xong thì dàn hoả tự bắt lửa mà cháy. Nhục thân của Thế Tôn cháy hết, rất ít tro. Phần xương và răng thì còn lại.



Người Malla ở Kusinara đặt xá lợi của Thế Tôn trong giảng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành chung quanh và suốt trong 7 ngày đêm, họ đảnh lễ, cúng dường với các điệu múa hát, vòng hoa, hương thơm.

Vua A-xà-thế của *nước Ma-kiệt-đà*, những người *Licchavi ở Tỳ-xá-ly*, bộ tộc *Sakya* ở Ca-tỳ-la-vệ II, người Buli ở *Allakappa*, người Koli ở *Ramagama*, người Bà-la-môn ở *Vethadipaka*, người *Malla ở Pava*... đều tự mình hoặc cử sứ giả của mình đến, yêu cầu được chia xá lợi của Phật để đem về thờ cúng.

Bấy giờ người *Malla ở Kusinara* tuyên bố rằng :

— Thế Tôn diệt độ tại đất của chúng tôi, chúng tôi không chia xá lợi của Ngài cho ai cả.

Giữa lúc bầu không khí bắt đầu "nóng lên", có thể dẫn đến chiến tranh, thì ông Dona một nhân sĩ Bà-la-môn, đứng ra can gián :

Quý tôn giả, hãy nghe tôi nói,
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt, nếu có tranh giành,
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy kết đoàn nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng muôn phương tin Pháp nhẫn.

Mọi người đồng ý trước lời đề nghị của ông Dona. Thế là ông này cầm lấy một cái bình và đong xá lợi của Phật, rồi chia đều cho 8 sứ giả.

Xong, ông từ tốn nói :

— Thưa các tôn giả, xin hãy cho tôi **cái bình này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ thờ cái bình.**

Mọi người hân hoan đồng ý.

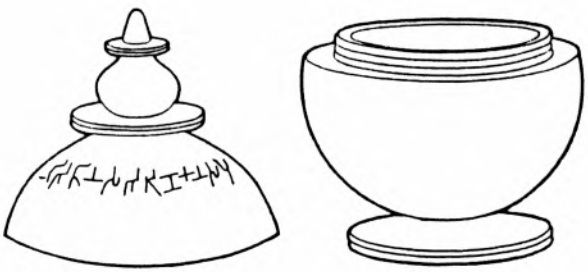
Vừa khi đó phái đoàn của bộ tộc Moriya ở Pipphalivana lại đến xin xá lợi. Họ được người Malla ở Kusinara trao cho **một ít tro** ở giàn hoả, vì xá lợi đã được phân chia hết cả rồi.

Tóm lại, trên thế giới có 10 nơi dựng tháp thờ xá lợi của Phật hoặc kỷ vật (cái bình không). Đó là :

1. Vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt-đà.
2. Bộ tộc Licchavi ở Tỳ-xá-ly.
3. Bộ tộc Sakya ở Ca-tỳ-la-vệ II.
4. Bộ tộc Buli ở Allakapa.
5. Bộ tộc Koliya ở Ramagama.
6. Một Bà-la-môn ở Vethadipaka.
7. Bộ tộc Malla ở Pava.
8. Bộ tộc Malla ở Kusinara.
9. Bộ tộc Moriya ở Piphalivana (thờ tro).
10. Bà-la-môn Dona (thờ cái bình đong xá lợi).

Cho đến nay, **hai trong số mười bình đó đã được tìm thấy và được các nhà khảo cổ quan sát :** cái bình nhỏ, hình cầu với lời ghi chú của người mộ đạo trên nắp (mà ngày nay bộ tộc Sakya làm lễ nhập tháp ở Ca-tỳ-la-vệ II) được đặt trong bảo tàng quốc gia Ấn Độ tại Calcutta. Trong bình này không có xá lợi vì xá lợi đã được đem tặng cho vua Thái Lan nhiều thập niên về trước.

Còn cái bình đậy kín mà người Licchavi đã bảo tồn phần xá lợi dành cho họ, được đào lên tại Tỳ-xá-ly năm 1958. Bình này chứa phần di cốt tro cùng nhiều vật khác và ngày nay thuộc quyền giám hộ của Ban Khảo Cổ và Bảo tàng chính phủ nước Bihar ở Patna.



Bình xá-lợi ở Piprava

Cách ghi chú theo chữ Brahmi trên nắp bình tìm thấy ở Piprava là cách ghi chú cổ nhất còn lưu truyền ở Ấn-độ.

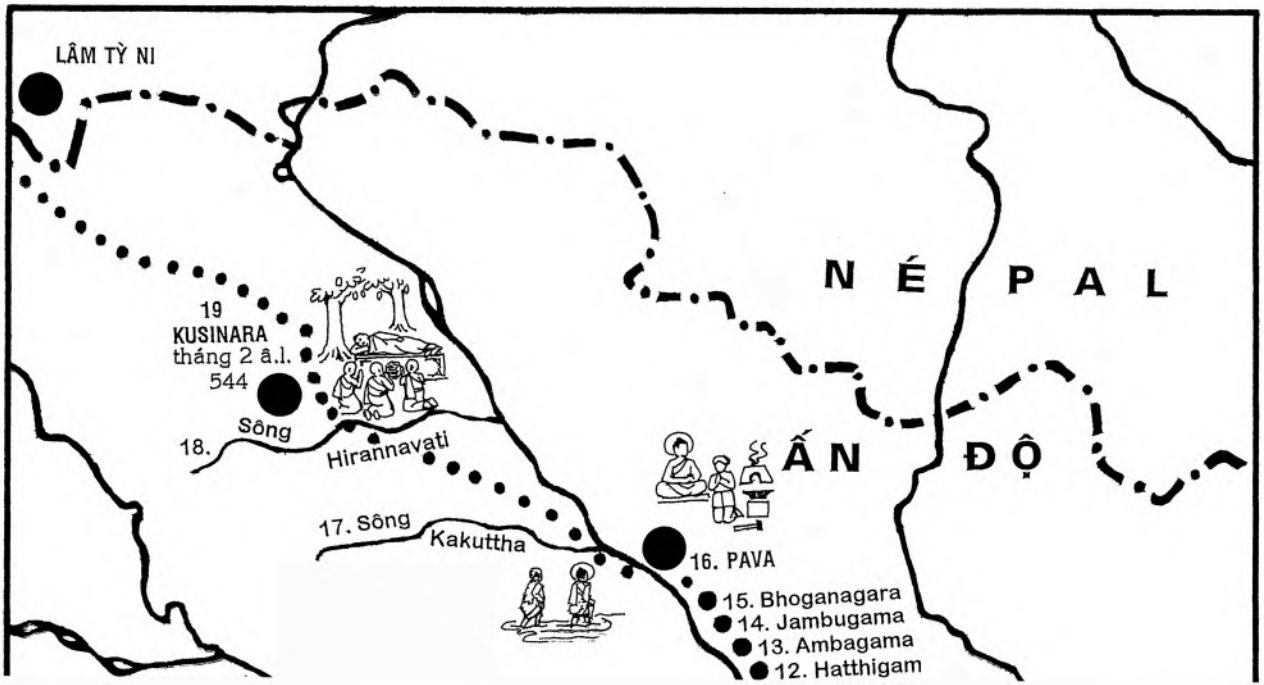
Bản dịch : *Bình này đựng xá-lợi của Đức Phật Thế Tôn bộ tộc Sakya do Sukiti cùng các anh, chị, em, vợ, con cúng dường*

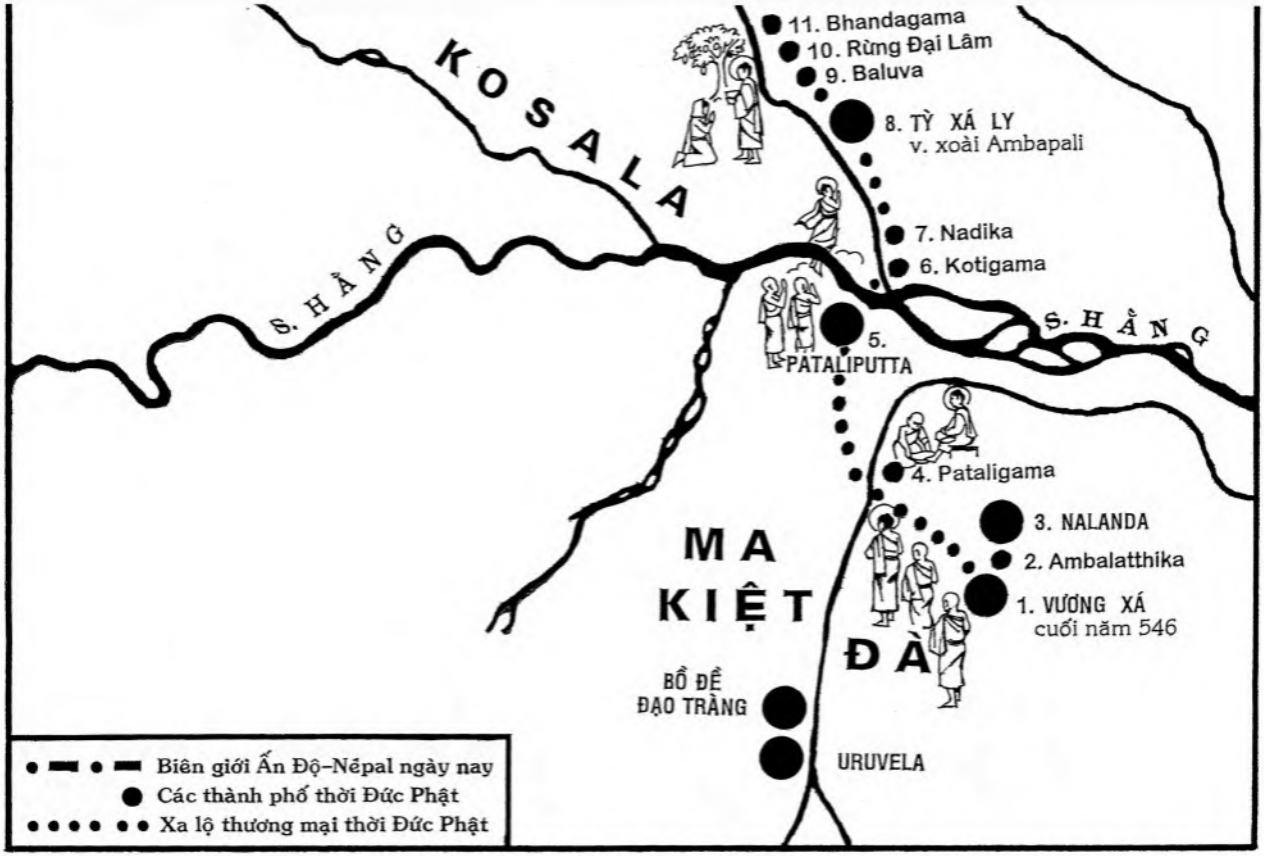
45 MÙA AN CƯ KIẾT HẠ

Năm trước Tây lịch	Năm truyền đạo	Địa điểm an cư kiết hạ	Thuộc về vương quốc
589	1	Vườn Nai, gần Ba-la-nại	Kosala
588-586	2-4	Vương Xá	Ma-kiệt-đà
585	5	Tỳ-xá-ly (15 ngày rồi về lại Vương Xá)	Licchavi
584	6	Núi Mankula	Vamsa
583	7	Cõi trời 33	(huyền thoại)
582	8	Núi Cá Sấu (Tượng đá Samsumara)	Vamsa
581	9	Kosambi	Vamsa
580	10	Rừng Parileyya	Vamsa
579	11	Nala (gần Gaya)	Ma-kiệt-đà
578	12	Veranja, phía Nam Xá Vệ	Kosala
577	13	Núi Calika	Ma-kiệt-đà
576	14	Xá Vệ	Kosala
575	15	Ca-tỳ-la-vệ	Sakya
574	16	Alavi (phía Bắc Ba-la-nại)	Kosala
573	17	Vương Xá	Ma-kiệt-đà
572-571	18-19	Núi Calika	Ma-kiệt-đà
570	20	Vương Xá	Ma-kiệt-đà
569-546	21-44	Xá Vệ	Kosala
545	45	Tỳ-xá-ly	Licchavi

Bản đồ 4: Theo dấu chân Phật

CHUYẾN ĐI CUỐI CÙNG




KOSALA
S. HẰNG
S. HẰNG
11. Bhandagama
10. Rừng Đại Lâm
9. Baluva
8. TỲ XÁ LY
v. xoài Ambapali
7. Nadika
6. Kotigama
5.
PATALIPUTTA
4. Pataligama
3. NALANDA
2. Ambalatthika
1. VƯƠNG XÁ
cuối năm 546
MA
KIỆT
ĐÀ
BỒ ĐỀ
ĐẠO TRÀNG
URUVELA
Biên giới Ấn Độ–Nepal ngày nay
Các thành phố thời Đức Phật
Xa lộ thương mại thời Đức Phật

Bản đồ 5:

45 MÙA AN



"Các am thất do chính các tỳ kheo xây *chỉ cao vừa đủ để ngồi* và *dài vừa đủ để nằm.* Về sau giới cư sĩ xây dựng và cúng dường chư Tăng các am thất cũng với vật liệu ấy, nhưng cao rộng hơn, *có thể đứng thẳng người :* vài cây sào tre được uốn cong để hai đầu có thể đóng xuống đất thành một hàng. Các vòng cung ấy được kết liền bằng các cây sào nằm ngang. Mái vòm được che phủ bằng lá, cỏ hay cói. Bằng cách này họ đã tạo ra một kiểu kiến trúc Phật giáo điển hình với cổng vào có nóc nhọn, mái vòm và nội thất hình tròn, kiểu nhà này về sau được thiết kế bằng gỗ.

Khi tỳ kheo Dhaniya vốn quen nghề làm đồ gốm trước kia, đã tự xây cho mình một căn lều hình bán cầu bằng đất sét... rồi nung lửa bên trong, tạo nên một kiểu lều gạch vững chắc, Phật không đồng ý và ra lệnh dập bỏ. Ngài không chỉ muốn cấm tục lệ đốt lửa giết hại nhiều sinh vật nhỏ, mà có lẽ Ngài còn muốn ngăn tỳ kheo Dhaniya biến nơi ấy thành một trú xứ vĩnh viễn, vì vị ấy đã ở đó gần một năm.

Các số A-rập và khung hình cho biết Đức Phật an cư mùa .

Theo dấu chân Phật

CƯ KIẾT HẠ



Một số vị Tỳ kheo khôn ngoan hơn Dhaniya đã xây lều trên sườn núi Isigili (Thánh Sơn, gần Vương Xá) và hạ chúng sau mùa mưa. Ngày nay chúng ta khá ngần ngại khi dùng từ "tinh xá" dành cho loại lều lá, cỏi, quá sơ sài, dễ hư hỏng ấy ; song đó chính là *danh từ* được dùng trong Kinh Tạng Pali

Về sau các thí chủ cũng cho xây các giảng đường, phòng họp. Đặc biệt, các giảng đường ấy theo thời gian tiến triển dần thành những kiến trúc vững chắc hơn : kèo, cột gỗ thay sào tre, song vẫn giữ mái vòng cung.

Việc xây dựng các kiểu nhà vững chắc cứ tăng dần, kết quả là một số các tỳ kheo vẫn ở lại trong tinh xá sau mùa mưa. Đức Phật không cấm điều này, mặc dù Ngài không hài lòng với những cách tự tách rời ra khỏi nếp sống của sa môn như vậy. Song chính Ngài cũng chấp nhận một tục lệ khác cứ len lỏi vào, đó là *thường an cư kiết hạ ở cùng một địa điểm và ưu tiên chọn cùng một tinh xá như cũ :* trong 25 năm cuối cùng của Phật, Ngài nhập hạ tại các tinh xá ở Xá Vệ tới 24 lần". (*Đức Phật Lịch sử*, trang 401)

mưa tại đâu, vào năm nào trong 45 năm hoằng pháp của Ngài.

Bảng tóm lược cuộc đời của Phật Thích-Ca

Năm trước Tây lịch	Tuổi đời	NHỮNG VIỆC XẢY RA TRONG 35 NĂM ĐẦU TIÊN CỦA THÁI TỬ TẤT-ĐẠT-ĐA
624		**Ngày rằm tháng 4 âm lịch năm 624,** Thái tử Tất-Đạt-Đa ra đời tại vườn Lâm-tỳ-ni.
615	9	Thái tử Tất-Đạt-Đa cứu sống con thiên nga bị trúng tên ★ Đi dự lễ cày ruộng với vua cha.
608	16	Thái tử Tất-Đạt-Đa cưới công chúa Da-du-đà-la.
595	29	Công chúa Da-du-đà-la sinh ra La-hầu-la ★ Cùng ngày đó, Thái tử Tất-Đạt-Đa xuất gia.
590	34	Sa môn Gotama thành Phật vào **ngày rằm tháng 12 âm lịch năm 590** : lúc đó Ngài 34 tuổi 8 tháng.

Năm trước Tây lịch	Tuổi đời	Năm làm việc	NHỮNG VIỆC QUAN TRỌNG TRONG 45 NĂM HOẰNG PHÁP CỦA PHẬT THÍCH CA
589	35	1	**Ngày rằm tháng 2 âm lịch năm 589,** Phật giảng bài pháp đầu tiên cho "nhóm ông Kiều-trần-như" tại Vườn Nai ★ Tiếp đó Phật quy y cho Yasa và 54 bạn hữu của chàng ★ Rồi 30 thanh niên giác ngộ ★ Rồi 3 ông Ca-Diếp.
588	36	2	Vua Tần-bà-sa quy y tam bảo ★ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên trở thành đệ tử thứ nhất và thứ nhì của Phật
587	37	3	Phật trở về cố hương lần thứ nhất : Nanda, La-hầu-la xuất gia ★ Người thợ cắt tóc Upali và 6 thanh niên dòng họ Thích Ca "chạy theo Phật" ★ Quan ngự y Jivaka, triệu phú Cấp-Cô-Độc, tôn giả Đại Ca-Diếp ★ Vua Ba-tư-nặc quy y tam bảo.
586	38	4	Phật cho Sunita – người gánh phân – gia nhập Giáo hội.
585	39	5	Tôn giả A-nan trấn áp bệnh dịch hạch ở nước Licchavi ★ Phật trở lại cố hương lần thứ nhì : vua Tịnh-Phạn băng hà ★ Bà Gotami và một số nữ nhân hoàng tộc xuất gia : Phật thành lập Giáo-hội tỳ kheo ni.
584	40	6	Phật sử dụng thần-thông thu phục người khác đạo (xem Tiền thân đức Phật số 483).
583	41	7	Phật lên cõi trời Đạo lợi thuyết pháp cho chư Thiên nghe ★ Bà Maha Maya (mẹ ruột của Thái tử Tất-Đạt-Đa) được Phật độ, đắc quả Dự lưu.
581	43	9	Thứ phi Magandiya xúi một số người xua đuổi Phật ra khỏi thành Kosambi.
580	44	10	Sau khi xảy ra vụ "cái ghè nước" ở Kosambi, Phật an cư kiết hạ một mình tại rừng Parileyya của nước Vamsa, có voi chúa và khỉ chúa đến hầu.

579	45	11	Người điền chủ Bà-la-môn Bharadvaja ở nước Ma-kiệt-đà từ chối cúng dường một chén cơm cho Phật (về sau, ông này quy y, trở thành tỳ kheo).	
578	46	12	Phật gặp nạn đói tại Kosala, phải ăn cám ngựa.	
576	48	14	La-hầu-la được 20 tuổi, trở thành tỳ kheo ★ Phật gặp lại nữ cư sĩ Visakha.	
575	49	15	Phật trở về cố hương lần thứ ba, hoà giải cuộc tranh chấp về nguồn nước của con sông Rohini giữa họ nội (Sakya) và họ ngoại (Koliya).	
574	50	16	Phật thu phục quỷ Alavaka, có tiếng là ưa ăn thịt người.	
570	53	20	Phật và tôn giả A-nan bàn việc may một kiểu áo cà sa ghép từ cả trăm mảnh vải (phước điền y).	
569	55	21	Phật nhận A-nan làm thị giả.	
568	56	22	Phật thu phục tướng cướp Angulimala ★ Nhà trí thức Upali quy y Phật ★ Ngoại đạo giết cô Sundary rồi đổ tội cho các đệ tử của Phật ★ Cô gái kiều diễm Cinca vu cáo Phật và bị đất nuốt sống.	
554	70	36	Sức khoẻ của Phật sút giảm ★ Tỳ kheo Đề-bà-đạt-đa muốn chiếm quyền lãnh đạo Giáo hội, bèn liên kết với thái tử A-xà-thế để mưu sát Phật và vua Tần-bà-sa.	
553	71	37	A-xà-thế mang gươm ngắn vào phòng riêng của vua cha, nhưng bị bắt ★ Vua Tần-bà-sa tha tội cho con và thoái vị.	
552	72	38	Ngay lúc vừa lên ngôi, vua A-xà-thế hạ lệnh nhốt và bỏ đói cha mình. Thái hậu Videhi lén đem thức ăn cho chồng, nhưng bị vua con ngăn cấm ★ Vua Tần-bà-sa băng hà và ngay tức khắc được lên cõi Phạm Thiên, làm Đế Thích Thiên chủ.	
551	73	39	Với sự giúp đỡ của vua A-xà-thế, Đề-bà-đạt-đa tổ chức sát hại Phật, nhưng cả 3 lần đều thất bại ★ Đề-bà-đạt-đa buồn rầu, bị bệnh, chết mà không được gặp Phật ★ Vua Ba-tư-nặc nước Kosala đem binh đánh vua A-xà-thế trả thù cho em gái (bà Videhi) và em rể (vua Tần-bà-sa) : bắt sống được A-xà-thế nhưng tha chết ★ Vua A-xà-thế nhờ quan ngự y Jivaka đưa ông đến gặp Phật để bày tỏ lòng ăn năn về tội bất hiếu ★ Phật nhận tội thay cho vua A-xà-thế.	
548	76	42	Thái tử Vidudabha, con của vua Ba-tư-nặc nước Kosala, bị dòng họ Thích Ca khinh khi ★ Lúc vua Ba-tư-nặc băng hà, Vidudabha lên ngôi, quyết tâm đánh nước Sakya để rửa nhục.	
546	78	44	Vua Vidudabha đem binh sang nước Sakya tất cả 4 lần. Trong 3 lần đầu, Phật du hành ra tận chiến trường : Vidudabha kéo binh về. Lần thứ tư, Phật không can thiệp và thành Ca-tỳ-la-vệ bị binh địa vào năm 546.	
545	80	45	Cuối năm 546, từ thành Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà, Phật cùng với A-nan và vài đệ tử khác vượt sông Hằng, an cư mùa mưa cuối cùng tại Tỳ-xá-ly năm 545, sau đó tiếp tục đi lên miền Bắc.	
544*	80	45	Tháng 2 âm lịch năm 544, Phật nhập Niết bàn tại Kusinara : Ngài trụ thế 80 năm.	

* Lịch Phật giáo lấy năm Phật nhập Niết bàn làm mốc thời gian. Phật nhập Niết bàn năm 544 trước Tây lịch, do đó năm 2000 của Tây lịch ứng với năm 2544 của Phật lịch. *Lấy năm Tây lịch cộng với 544 sẽ ra năm Phật lịch. Lấy năm Phật lịch cộng với 80 sẽ ra "tuổi hiện giờ của Phật."*

8. Các hội nghị kết tập kinh điển trong lịch sử Phật giáo

1. Kết tập lần thứ nhất : tại Vương Xá

Khi những ngày "bối rối" đã trôi qua, trưởng lão Đại Ca-diếp nhớ lại câu nói của tỷ kheo Subhadda* thốt ra lúc Phật vừa nhập diệt :

— Thôi, các hiền giả, chớ có sầu não ! Chúng ta đã thoát khỏi vị sa môn ấy rồi ! Từ bấy lâu nay, chúng ta đã bị ông ấy quấy rầy với những lời tương tợ như : *"Các thầy không được làm như vậy, các thầy phải làm như vầy..."* Nay thì chúng ta có thể muốn làm gì thì làm.

Rất lo ngại trước tư tưởng vô kỷ luật đó, trưởng lão Đại Ca-diếp liền triệu tập các tỷ kheo lại, nói :

— Này các tôn giả, nay chúng ta cần đọc lại các KINH và LUẬT của Thế Tôn với mục đích *không để cho một tà giáo nào, hay một tà giới nào lọt vào Giáo hội ; và cũng không để một người tà kiến nào lớn mạnh, trong khi các bậc đa văn, thông tuệ lại suy yếu.*

Mọi người đồng ý và yêu cầu trưởng lão sớm triệu tập một *Hội đồng kết tập*. Hội đồng này làm việc như sau :

1. Trưởng lão Đại Ca-diếp lần lượt nêu ra những câu hỏi về *LUẬT của Giáo hội* để tỷ kheo Upali trả lời.

---

* Ông này chỉ trùng tên thôi, chớ không phải là ông Subhadda được Phật độ vào những giây phút cuối cùng trước lúc Ngài nhập diệt.

2. Còn những câu hỏi về *KINH* hoặc về *Pháp thoại của Phật* thì sẽ được trưởng lão A-nan giải đáp.

Sau khi trưởng lão Upali hoặc trưởng lão A-nan trả lời xong mà hội đồng giữ im lặng thì *những lời dạy của Phật (do Upali hoặc A-nan vừa truyền đạt) được coi là chính xác, được công nhận làm Thánh điển.*

Các thuyết trình của trưởng lão Upali chính là bộ LUẬT căn bản, còn các thuyết trình của ông A-nan là Thánh Điển Ngũ Bộ (Trường Bộ kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh, Tăng Chi Bộ kinh và Tiểu Bộ kinh).

Thánh điển được các tỷ kheo HỌC THUỘC LÒNG chớ không được viết thành văn. Từ lần kết tập thứ ba, Thánh điển mới được viết trên lá bối.

2. Kết tập lần thứ nhì : tại Tỳ-xá-ly

Sau ngày Phật nhập diệt 100 năm, một số tỷ kheo ở Tỳ-xá-ly đưa ra 10 điều luật mới, đòi được thi hành.

1. *Diêm tịnh :* Thức ăn ướp muối để cách đêm, *vẫn được ăn.*
2. *Nhị chỉ tịnh* :* Vào những lúc kim đồng hồ mặt trời vượt qua khỏi giờ ngọ một quãng chưa dài quá hai ngón tay thì vẫn được phép ăn.
3. *Tụ lạc gian tịnh :* Tuy trước giờ ngọ đã ăn một lần rồi, nhưng sau đó, vị tỷ kheo đi sang làng khác thì *vẫn được phép ăn thêm một lần nữa.*
4. *Trụ xứ tịnh :* Vị tỷ kheo đang ngụ tại đâu thì làm *lễ bố tát** tại đó* mà không bị kết tội là làm trái với giới luật.

---

* Khi bóng của cây gậy (được dùng làm đồng hồ mặt trời) chỉ vào *"giờ ngọ"* thì có nghĩa là *"hết giờ ăn rồi".* Nếu vì bận công việc mà trước đó không kịp ăn thì phải nhịn đói cho tới hôm sau.

Những vị đưa ra đề nghị *"nhị chỉ tịnh"* là muốn được như sau : "Nếu bóng cây kim đồng hồ mặt trời vượt qua khỏi giờ ngọ một quãng *chưa dài quá hai ngón tay* thì vẫn còn là *giờ ăn được.*

(Thời gian đề nghị *được gia thêm* này vào khoảng một tiếng đồng hồ).

** Cứ nửa tháng một lần (vào ngày rằm và ngày cuối tháng) tập họp các tỷ kheo lại, cùng nhau đọc tụng các giới-kinh.

5. *Tuỳ ý tịnh :* Mỗi khi một nghị quyết đã được đại hội thông qua thì nghị quyết đó phải được thi hành, (dù rằng nó được thông qua với số lượng người không nhiều).
6. *Cửu trú tịnh :* Những việc nào đã có tiền lệ rồi thì cứ theo đó mà làm.
7. *Sinh hoà hợp tịnh :* Sau giờ ngọ vẫn được phép uống sữa pha loãng.
8. *Thuỷ tịnh :* Được phép uống rượu mới lên men pha loãng.
9. *Toạ cụ tịnh :* Được phép dùng toạ cụ có kích thước lớn hơn mẫu đã qui định.
10. *Kim tiền tịnh :* Được phép cất giữ tiền bạc.

Thấy vậy, trưởng lão Revata liền cử sứ giả đi vận động với giáo đoàn khắp nơi trong toàn xứ Ấn-độ, triệu thỉnh được 700 vị trưởng lão Thánh Tăng về Tỳ-xá-ly tham dự cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhì.

Kết quả : Cả 10 điều "dự luật mới" đều không được hội đồng kết tập chấp thuận.

3. Kết tập lần thứ ba : tại Pataliputta

Sau ngày Phật nhập diệt 220 năm, trưởng lão Moggaliputta chủ trì cuộc kết tập kinh điển lần thứ 3 tại Pataliputta. Trong dịp này, TẠNG LUẬN đầu tiên được xuất hiện, tương truyền do ngài Moggaliputta biên soạn. Như thế là kể từ đó, Phật giáo có đủ TAM TẠNG*, tức là có đủ *"3 cái giỏ"* hoặc *"3 cái kho"*. Về ý nghĩa của Tam Tạng, người ta đã nêu ra một hình tượng rất sinh động này :

"Những lời dạy của Phật được các Đại đệ tử của Ngài sắp xếp cho gọn rồi đem cất kỹ vào trong 3 cái kho.

— Kho thứ nhất chứa tất cả các bài giảng hoặc các pháp thoại của Phật. Đó là TẠNG KINH.

---

* Nhà sư Huyền Trang trong truyện Tây-du-ký là người đi sang Ấn-độ để thỉnh đủ cả "ba cái kho kinh", nên được người đời khâm phục, gọi là "Ông Tam Tạng".

— Kho thứ nhì chứa tất cả các quy tắc do Phật đặt ra để các đệ tử của Ngài cứ y theo đó mà điều hành Giáo hội. Đó là TẠNG LUẬT.

— Kho thứ ba "sinh ra" từ hai kho trước – nhất là từ kho đầu tiên : người ta tìm hiểu các ý nghĩa thâm sâu nằm tiềm ẩn trong các lời Phật dạy, rồi đem cất vào kho thứ 3 này. Đó là TẠNG LUẬN.

4. Kết tập lần thứ 4 : tại Kasmira

Sau ngày Phật nhập diệt 400 năm, cuộc kết tập kinh điển lần thứ 4 được tổ chức tại thành Kasmira ở nước Kế Tân, vùng Tây Bắc Ấn Độ.

Thành quả của lần kết tập này là : ba bộ sách sau đây được ra đời :

— Bộ Kinh-sớ chứa *10 vạn bài tụng để giải thích tạng KINH.*

— Bộ Luật-sớ chứa *10 vạn bài tụng để giải thích tạng LUẬT.*

— Bộ Luận-sớ chứa *10 vạn bài tụng để giải thích tạng LUẬN.*

Cả 3 bộ chứa tất cả 30 vạn bài tụng với 9 600 000 từ .

Bảng tóm lược

CÁC HỘI NGHỊ KẾT TẬP KINH ĐIỂN TRONG LỊCH SỬ PHẬT GIÁO

	KẾT TẬP LẦN 1	KẾT TẬP LẦN 2	KẾT TẬP LẦN 3	KẾT TẬP LẦN 4
Năm mở hội nghị	544	444	324	144
Địa điểm	Vương Xá	Tỳ-xá-ly	Pataliputta	Kasmira
Số tỷ kheo tham dự (đã đắc quả A-la-hán)	500 *	700	1000	500
Thời gian làm việc	7 tháng	8 tháng	9 tháng	
Đứng đầu hội nghị	Trưởng lão Đại Ca-diếp	Trưởng lão Revata	Trưởng lão Moggaliputta	Trưởng lão Thế Hữu
MỤC ĐÍCH của HỘI NGHỊ	Chư tăng cùng đọc lại KINH và LUẬT của Phật với mục đích không để cho một tà giáo nào, một tà giới nào lọt vào Giáo hội, cũng không để cho một tà kiến nào lớn mạnh.	Kết duyệt lại **kinh điển nguyên thuỷ** vì trong 100 năm qua đã có nhiều ý-kiến khác nhau về giới luật. Cuối cùng **10 điều luật mới** không được hội đồng chấp thuận. Điều này đưa đến việc xuất hiện **Thượng toạ bộ** và **Đại chúng bộ.**	Tổng duyệt kinh điển của Thượng toạ bộ. Tạng LUẬN đầu tiên xuất hiện trong dịp này, tương truyền do ngài Moggaliputta biên soạn.	Vì chư tăng của các phái bộ có những kiến giải bất đồng về kinh điển nên lại phải mở đại hội kết tập. Kết quả : soạn ra ba bộ : *Kinh sớ, Luật sớ và Luận sớ,* với 30 vạn bài tụng dài 9.600.000 từ.

* Lúc được đề cử vào Hội đồng kết tập, ông A-nan chưa đắc quả A-la-hán. Vì vậy *một ngày trước khi hội nghị khai mạc,* ông rất tủi hổ. Hôm đó, ông ngồi thiền suốt đêm. Trời vừa hừng sáng, ông đắc quả và khoan thai bước vào phòng họp cùng với 499 vị A-la-hán.

Ghi chú

1. Lúc trưởng lão Đại Ca-diếp nêu ra ý kiến : *"Cần thành lập hội đồng kết tập kinh điển"* thì chư tăng đều đồng ý.

Cùng với lời uỷ nhiệm để trưởng lão thành lập Hội đồng, chư tăng có kèm theo một điều kiện : "Trong Hội đồng, PHẢI CÓ TÔN GIẢ A-NAN."

a. Sở dĩ như vậy là vì mọi người đều hiểu rằng trong 25 năm làm thị giả cho Phật, ông A-nan luôn luôn kề cận bên Phật, đã nghe Phật giảng nhiều hơn bất cứ một tỷ kheo nào khác. Mặt khác, ông A-nan còn có một trí nhớ lạ lùng : *"ông nhớ hết, không bỏ sót một bài thuyết pháp nào của Phật, cũng như của các đại đệ tử của Phật.* (Khi một người Bà-la-môn hỏi ông nhớ được bao nhiêu bài kinh, ông đáp : **"82.000 bài của Phật và 2.000 bài của các đại sư huynh."** Và đúng là Phật giáo có cả thảy 84.000 bài kinh).

b. Khi được đề cử vào Hội đồng kết tập, ông A-nan chưa đắc quả A-la-hán. Vì vậy *một ngày trước lúc hội nghị khai mạc,* ông rất tủi hổ. Hôm đó, ông ngồi thiền suốt đêm. Trời vừa hừng sáng, ông đắc quả và bước vào phòng họp cùng với 499 vị A-la-hán khác.

2. Lúc bấy giờ trong Hội đồng kết tập có 2 ý kiến khác nhau : Một số *chủ trương tuân thủ truyền thống của chư tăng,* tự xưng là **Thượng-toạ-bộ** (những người hộ trì giáo lý của các Thượng toạ), một số tỷ kheo khác *chủ trương canh tân,* tự xưng là **Đại-chúng-bộ** (những người của đại chúng). Về sau, Đại-chúng-bộ phát triển mạnh, biến thành phái Đại-thừa (cỗ xe lớn).

3. Trong lần kết tập thứ ba, Hội đồng không chấp thuận 10 điểm canh tân do Đại-chúng-bộ đưa ra.

Sau lần kết tập thứ ba, nội dung của hai bộ Kinh và Luật được phong phú hẳn lên (do có cả một tác phẩm thứ ba được thêm vào đó). Cùng với thời gian, "việc thêm" càng ngày càng nhiều và 200 năm sau, Phật giáo có thêm một quyển kinh thứ ba : quyển *Luận A-tỳ đàm.*

Ba bộ Kinh, Luật và Luận được gọi là Tam Tạng (ba "cái giỏ"). Nhà sư Huyền Trang trong truyện Tây-du-ký là người làu thông cả "ba cái giỏ kinh", nên được người đời khâm phục, gọi là "Ông Tam Tạng".

Dưới triều vua A-dục, cả đảo Tích Lan theo đạo Phật : tại các tịnh xá trên đảo ấy, ba bộ kinh được IN ĐẬM trong trí nhớ của các tỷ kheo.

Mãi đến thế kỷ thứ II trước Tây lịch, mới được viết bằng chữ trên các lá bối đa (hiện giờ vẫn còn lưu trữ tại Tích lan).

---

* Trong bảng này, ba lần kết tập đầu tiên được soạn từ quyển *Lịch Sử Đức Phật ;* lần kết tập thứ tư được trích từ bài báo *Lịch sử kết tập Pháp tạng lần thứ tư* của Thượng toạ Thích Phước Sơn đăng trong nguyệt san Giác Ngộ, số 12 tháng 3 PL 2540 – 1997.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

KINH

1. *Kinh Trường A-hàm* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1991
2. *Kinh Trung A-hàm* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1992
3. *Kinh Trường Bộ* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1991
4. *Kinh Trung Bộ* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1992
5. *Kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm* – Tỷ kheo ni Như Hải dịch. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1995
6. *Kinh Bổn Sanh* (Truyện Tiền Thân Đức Phật) – Hoà thượng Thích Minh Châu, Giáo sư Trần Tuấn Mẫn, Giáo sư *Nguyên Tâm* Trần Phương Lan dịch – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1993
7. *Kinh Phật Bổn Hạnh Tập* – Hoà thượng Thích Trung Quán dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1996
8. *Kinh Đại Bát Niết Bàn* – Thích Trí Tịnh dịch – Liên Hoa Tịnh Thất Mỹ Tho xuất bản. Phật lịch 2510
9. *Kinh Đại Bảo Tích* – Hoà thượng Thích Trí Tịnh dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1999
10. *Kinh Tập* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1991
11. *Kinh Pháp Cú* – Trưởng lão Thiền sư Pháp Minh dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1998.
12. *Kinh Đại Phước Đức* – Thượng toạ Thích Huyền Diệu – Việt Nam Phật Quốc tự xuất bản. 1997

SÁCH VÀ TẠP CHÍ

1. *Ánh Đạo Vàng* – Võ Đình Cường – Nhà xuất bản Thuận Hoá in lần thứ 14 – Năm 1999
2. *Đức Phật và Phật Pháp* – Narada Thera, Phạm Kim Khánh dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1998
3. *Đức Phật Lịch Sử* – H.W. Schumann, Giáo sư *Nguyên Tâm* Trần Phương Lan dịch – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1997
4. *Đường Về Xứ Phật* – Thích Minh Châu, Thích Thiện Châu, Thích Huyền Vi và Pasadika. – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1998
5. *Lịch Sử Đức Phật Thích Ca* – Thích Minh Châu – Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam, cơ sở II ấn hành năm 1989

6. *Văn Học Sử Phật giáo* – Cao Hữu Đính – Minh Đức in lần thứ nhất năm 1971, Saigon
7. *Tuần báo Giác Ngộ*
8. *Tranh lịch Xuân Canh Thìn,* tuần báo Giác Ngộ
9. *L' Art dans le Monde* – Albin Michel, Paris. 1962
10. *Beautés du Monde* – Larousse. 1979
11. *La Grande Encyclopédie* – Larousse. 1971
12. *Great World Atlas* – The Reader's Digest Association – New York
13. *La Lumière de L' Asie* – L. Sorg – Editions Adyer. 1931
14. *Les Merveilles du Monde* – Hachette. 1957
15. *Tibet* – Stein and Day – New York

TỪ ĐIỂN

1. *Phật Học Từ điển* – Đoàn Trung Còn – Phật Học Tòng Thơ, 1966
2. *Phật Quang Đại Từ điển* – Bản dịch của tu viện Huệ Quang, 1995
3. *Từ điển Pali* – Việt Nam – Bửu Chơn
4. *Từ điển Phật Học Hán Việt* – Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1998.

Truyện Tranh
LỊCH SỬ
PHẬT THÍCH CA

Lời: LÝ THÁI THUẬN
Tranh: TRƯƠNG QUÂN

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: (024) 3926 0024 Fax: (024) 3926 0031

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc BÙI VIỆT BẮC**

Chịu trách nhiệm nội dung: **TBT. Lý Bá Toàn**

Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **Lý Thái Thuận**
Bìa: **Đỗ Duy Ngọc**

Đối tác liên kết xuất bản:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO VIỆT NAM

789 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Quận 3, TP HCM

In 10.000 cuốn, khổ 13cm x 19cm tại:

Công ty CP In Người Lao Động,

195 Lê Quang Sung, Phường 6, Quận 6, TP HCM.

Số XNĐKXB: 338-2020/CXBIPH/24 - 06/HĐ

Số QĐXB của NXB: 131/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 25 tháng 02 năm 2020

In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-9908-46-0)